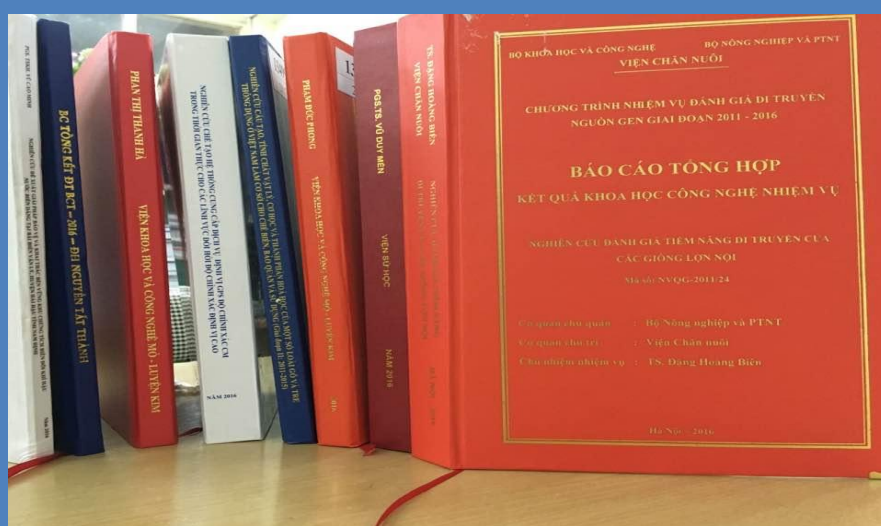


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 10 (2023)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 01 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban: THS. VŨ ANH TUẤN
Phó Trưởng ban: ThS. Võ Thị Thu Hà
Ủy viên thư ký: ThS. Nguyễn Thị Thưa
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu
CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	2
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	206

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"***.

Xuất bản phẩm ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 01 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 3934-9116- Fax: (024) 3934-9127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

①
②
③
④

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/ ThS. Lê Nguyên Bồng, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hường - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

⑤
⑥
⑦
⑧
⑨

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ———— ⑩

Số hồ sơ lưu: 19779

①	Mã biểu ghi trong CSDL
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	9
10101. Toán học cơ bản	16
10201. Khoa học máy tính	17
10202. Khoa học thông tin	19
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học.....	19
10308. Thiên văn học.....	20
10401. Hoá hữu cơ.....	20
10403. Hoá lý	20
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân).....	21
10501. Địa chất học	22
10508. Trắc địa học và bản đồ học.....	23
10509. Các khoa học môi trường	24
10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển	25
10511. Khí hậu học.....	26
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước.....	26
10599. Khoa học trái đất và môi trường liên quan.....	27
10614. Sinh thái học	27
10615. Đa dạng sinh học.....	28
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	28
20102. Kỹ thuật xây dựng.....	29
20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị.....	37
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải	39

20105. Kỹ thuật thuỷ lợi	42
20106. Kỹ thuật địa chất công trình	45
20201. Kỹ thuật điện và điện tử	45
20202. Người máy và điều khiển tự động	47
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),...	48
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông	51
20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác.....	53
20302. Chế tạo máy nói chung.....	54
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp	54
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng	55
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng	55
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)	56
20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung	57
20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim.....	58
20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen	58
20507. Vật liệu xây dựng	59
20510. Gốm	68
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...).....	68
20513. Gỗ, giấy, bột giấy	70
20515. Vật liệu tiên tiến.....	71
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	71
20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt).....	75
20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí.....	75

20704. Viễn thám.....	76
20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất	76
20707. Kỹ thuật đại dương.....	77
20799. Kỹ thuật môi trường khác.....	78
20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học)	81
3. Khoa học y, dược	81
30103. Miễn dịch học	83
30206. Huyết học và truyền máu.....	83
30217. Bệnh về khớp	84
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư.....	84
30224. Tâm thần học.....	85
30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)	85
30309. Dịch tễ học	85
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc	86
30404. Hoá dược học	87
30405. Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất học (bao gồm cả độc chất học lâm sàng)	88
30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen).....	89
4. Khoa học nông nghiệp.....	90
40101. Nông hoá.....	91
40102. Thổ nhưỡng học	92
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm	93

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	97
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc	101
40107. Bảo quản và chế biến nông sản.....	102
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....	103
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi.....	104
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi.....	106
40205. Bảo vệ động vật nuôi.....	107
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác	107
40306. Bệnh học thú y	108
40404. Sinh thái và môi trường rừng.....	108
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản.....	109
40503. Bệnh học thủy sản	109
40504. Nuôi trồng thủy sản.....	110
40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác.....	112
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;	113
40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp	115
5. Khoa học xã hội	116
50102. Tâm lý học chuyên ngành.....	117
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh	118
50202. Kinh doanh và quản lý.....	126
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác	140
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.....	152
50302. Giáo dục chuyên biệt.....	157
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác	158

50401. Xã hội học nói chung	159
50404. Dân tộc học	161
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội	164
50499. Xã hội học khác.....	170
50501. Luật học	170
50601. Khoa học chính trị.....	175
50602. Hành chính công và quản lý hành chính	179
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	188
50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội.....	189
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá	190
50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị	191
50801. Báo chí.....	195
50802. Thông tin học	196
599. Khoa học xã hội khác	197
6. Khoa học nhân văn.....	198
60101. Lịch sử Việt Nam	198
60103. Khảo cổ học và tiền sử	199
60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam.....	200
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ.....	201
60305. Nghiên cứu tôn giáo	205

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

88706.10-2023 **Điều khiển các tính chất điện tử và từ tính của vật liệu silicene nanoribbons bằng phương pháp thay thế nguyên tử./** PGS.TS. Võ Văn Ổn, - bình dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 06/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu các tính chất cấu trúc và điện tử đa dạng của các dải nano silicene 1D (SiNR) dưới ảnh hưởng của doping nguyên tử. Ngoài ra, các tính chất cấu trúc, điện tử và quang học thiết yếu của các vật liệu đơn lớp MgF₂ mới nổi dưới ảnh hưởng của biến dạng ngoài cũng được nghiên cứu thông các tính toán nguyên lý ban đầu.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-001

88708.10-2023 **Nghiên cứu các tính chất điện tử và từ tính của vật liệu Nano Ribbon Germanene khi hấp phụ nguyên tử Flo và của loại vật liệu 2 lớp Janus mới dạng MXY/** PGS.TS. Võ Văn Ổn, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 06/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu các tính chất cấu trúc, điện tử, từ tính và quang học của một số vật liệu đơn lớp Janus mới dạng TiXY (X=F và Cl; Y=S, Se và Te) thông qua các tính toán phiếm hàm mật độ (DFT) và Nghiên cứu các tính cấu trúc, điện tử và từ tính đa dạng của các dải germanene

1D dưới ảnh hưởng của chức hóa bề mặt và hấp phụ các nguyên tử halogen thông qua các tính toán DFT.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-002

88716.10-2023 **Nghiên cứu phương pháp áp dụng thực tế ảo tăng cường hỗ trợ mô hình, mô phỏng chi tiết máy./** ThS. Hồ Đắc Hưng, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu đã trình bày các ý niệm cơ bản về thực tế tăng cường và các xu hướng phát triển chính trong việc áp dụng thực tế tăng cường. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đã trình bày các công cụ hỗ trợ, hỗ trợ xây dựng ứng dụng thực tế tăng cường. Đồng thời, nghiên cứu cũng trình bày quy trình xây dựng ứng dụng thực tế ảo tăng cường mô phỏng chi tiết máy. Kết quả thực tế cho thấy tính khả thi của quy trình cũng như các công cụ trong quy trình. Nghiên cứu này cũng đã được áp dụng cho việc xây dựng sản phẩm mô phỏng các thành quả chuyển giao công nghệ của trường Đại học Thủ Dầu Một tại Techfest 2022. Ngoài ra, nghiên cứu cũng đã đóng góp một bài báo thuộc danh mục SCOPUS Q4

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-005

88718.10-2023 **Đánh giá rủi ro an toàn và sức khỏe người lao động ngành gỗ nghiên cứu tại công ty Lập Giai, huyện Bến Cát, tỉnh**

Bình Dương/ PGS.TS. Chế Đình Lý, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 09/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá rủi ro an toàn sức khỏe trong môi trường công nghiệp ngành gỗ nhằm đưa ra giải pháp giảm thiểu rủi ro đối với người lao động ngành chế biến gỗ tại tỉnh Bình Dương. Nghiên cứu tại công ty gỗ Lập Giai, Bến Cát Tỉnh Bình Dương.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-006

88720.10-2023 Tăng cường tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương./ ThS. Nguyễn Vương Thành Long, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Kết quả nghiên cứu đạt được của đề tài đã mang lại ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn: (1) Ý nghĩa khoa học: đề tài đã tổng hợp được các nhân tố và xác định mô hình tác động tính hữu hiệu của HTKSNB của các DNNVV trong điều kiện tại tỉnh Bình Dương; (2) Ý nghĩa thực tiễn: không những đóng góp về mặt lý luận trong lĩnh vực kế toán, quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa thực tiễn đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, các đối tượng sử dụng kết quả báo cáo tài chính cũng như các trường đại học, các Nhà nghiên cứu trong quá trình xây dựng chính sách, cơ chế quản lý, điều hành doanh nghiệp, ra quyết định trong kinh doanh cũng như mở ra các hướng tiếp theo nhằm không ngừng tăng cường tính hữu hiệu của

HTKSNB tại các DNNVV nói riêng và các doanh nghiệp nói chung tại tỉnh Bình Dương trong bối cảnh tái cấu trúc lại và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-008

88774.10-2023 Tác động của các nhân tố đến rủi ro thanh khoản tại các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam./ TS. Nguyễn Hoàng Chung, - 2022 - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 04/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thứ nhất, nghiên cứu hệ thống hóa khung khổ lý thuyết và lược khảo các nghiên cứu trong và ngoài nước về các nhân tố tác động đến rủi ro thanh khoản của hệ thống NHTMCP tại Việt Nam; Thứ hai, nghiên cứu đánh giá tác động của các nhân tố tác động đến rủi ro thanh khoản của hệ thống NHTMCP tại Việt Nam; Thứ ba, nghiên cứu đánh giá mối quan hệ phi tuyến giữa rủi ro thanh khoản và quy mô các NHTMCP tại Việt Nam; Thứ tư, nghiên cứu ứng dụng kết quả nghiên cứu phục vụ phân tích, dự báo và khuyến nghị về hoạt động ổn định hệ thống ngân hàng nói chung và ổn định thanh khoản nói riêng tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-010

88776.10-2023 Đánh giá tài nguyên phát triển du lịch đường sông tỉnh Bình Dương/ ThS. Lê Thị Ngọc Anh, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 12/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài thực hiện nhằm đánh giá tài nguyên phát triển du lịch đường sông Đồng Nai và Sài Gòn trên tỉnh Bình Dương qua đó đề xuất một số định hướng, giải pháp khai thác du lịch đường sông của tỉnh. Thông qua việc hoàn thành các chuyên đề, báo cáo tổng kết, báo cáo tổng thuật tài liệu, đề tài làm rõ các vấn đề: Tổng quan về cơ sở lý luận và các nghiên cứu liên quan đến đánh giá tài nguyên phát triển du lịch đường sông; Đánh giá tiềm năng khai thác các điểm tài nguyên phục vụ du lịch đường sông Sài Gòn – Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Làm rõ hiện trạng khai thác tài nguyên du lịch và hoạt động du lịch đường sông tỉnh Bình Dương; Đề xuất định hướng và các giải pháp khai thác hiệu quả các DTLS, VH phát triển du lịch tỉnh Bình Dương

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-011

88778.10-2023 **Sinh kế của người Khmer ở tỉnh Bình Phước trong bối cảnh phát triển bền vững.**/ ThS. Đinh Thị Yến, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 12/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thông qua việc hoàn thành các chuyên đề, báo cáo tổng kết, báo cáo tổng thuật tài liệu, đề tài làm rõ các vấn đề: Tổng quan về cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến sinh kế; Phân tích được thực trạng tiếp cận các nguồn vốn và thực trạng của các chiến lược sinh kế và những yếu tố ảnh hưởng đến các hành vi sinh kế của người Khmer; Đề xuất các giải pháp phát triển sinh kế bền vững cho người Khmer ở Bình Phước

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-012

88779.10-2023 **Các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị Quỹ tín dụng nhân dân.**/ ThS. Nguyễn Ngọc Tuyên, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Kết quả nghiên cứu từ phương trình hồi quy cho thấy có tổng cộng bốn nhân tố tác động đến tính hữu hiệu HTKSNB, cụ thể: nhân tố Chiến lược với trọng số B chưa chuẩn hóa = 0,110 (trong điều kiện các nhân tố khác không đổi thì tính hữu hiệu KSNB của QTDND sẽ tăng 0,110 điểm khi mức độ thực hiện chiến lược tăng 1 điểm); Quy mô của Quỹ tín dụng với trọng số B chưa chuẩn hóa = 0,168 (trong điều kiện các nhân tố khác không đổi, những QTDND được đánh giá mức độ tín nhiệm là A và B thì sẽ cao hơn các QTDND được đánh giá tín nhiệm ở mức C và D 0,168 điểm); Cơ cấu tổ chức với trọng số B chưa chuẩn hóa = 0,174 (trong điều kiện các nhân tố khác không đổi, nếu sự hoàn thiện của cơ cấu tổ chức tăng thêm 1 điểm thì hữu hiệu HTKSNB của QTDND sẽ tăng lên 0,174 điểm); Sự hỗ trợ của nhà quản trị với trọng số B chưa chuẩn hóa = 0,237 (trong điều kiện các nhân tố khác không đổi, nếu sự hỗ trợ của nhà quản trị tăng thêm 1 điểm thì tính hữu hiệu HTKSNB của đơn vị sẽ tăng lên 0,237 điểm). Trong bốn nhân tố này thì có nhân tố Sự hỗ trợ của nhà quản trị tác động mạnh nhất ($\beta = 0,420$) đến tính hữu hiệu của

HTKS NB, tiếp đến là nhân tố Cơ cấu tổ chức ($\beta = 0,278$), nhân tố Chiến lược ($\beta = 0,154$) và cuối cùng là nhân tố Quy mô của quỹ tín dụng ($\beta = 0,142$).

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-013

88782.10-2023 **Khảo sát một số bài toán ngược trong kỹ thuật/ TS.** Mai Quang Vinh, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 12/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tìm hiểu một số tính chất nghiệm của các bài toán ngược thường gian thông qua một số công cụ toán học về giải tích hàm, phương trình đạo hàm riêng; Cụ thể, trong đề tài này, tác giả nghiên cứu bài toán ngược theo thời gian cho phương trình parabol phi tuyến với các hệ số không phụ thuộc thời gian và không gian; Nghiên cứu vấn đề xác định điều kiện ban đầu của phương trình parabol phi tuyến từ các quan sát bị nhiễu ở điều kiện cuối cùng. Trong đó, dữ liệu cuối bị nhiễu bởi quá trình nhiễu trắng Gauss khi thu thập.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-014

88787.10-2023 **Sử dụng hệ quy chiếu 3 chiều để nâng cao chất lượng dịch vụ của hệ thống siêu thị Co.opmart tại thành phố Hồ Chí Minh./ TS.** Nguyễn Hán Khanh, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 11/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Doanh nghiệp, ngoài các yếu tố cơ bản như: giá cả, chất lượng sản phẩm, chi phí vận hành thì một

yếu tố không thể thiếu đó là chất lượng dịch vụ khách hàng. Kết quả nghiên cứu này còn giúp cho Lãnh đạo hệ thống siêu thị Co.opmart tại TP. Hồ Chí Minh xác định được các nhân tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng để có các giải pháp giữ chân khách hàng và thu hút khách hàng tiềm năng từ các siêu thị khác, các cửa hàng bách hoá, và từ các chợ truyền thống. Kết quả nghiên cứu này sẽ giúp ích cho Ban Lãnh đạo của hệ thống siêu thị Co.opmart xác định được các yếu tố then chốt giữa thực trạng dịch vụ tại hệ thống siêu thị của mình, nhận định được các tác nhân ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng và qua đó có các điều chỉnh kịp thời nhằm củng cố và phát huy lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Kết quả dự báo giúp cho Ban Lãnh đạo chủ động trong việc chuẩn bị nguồn lực để phục vụ nhu cầu của khách hàng tốt hơn

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-015

88790.10-2023 **Tác động của năng lực quản trị đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - Trường hợp vùng Đông Nam Bộ./ TS.** Nguyễn Văn Chiến, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 06/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Chỉ tiêu PCI3 phản ánh tính minh bạch, là chỉ tiêu quan trọng trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI, và chỉ tiêu này được đánh giá qua 2 khía cạnh, là việc tiếp cận thông tin doanh nghiệp và khả năng doanh nghiệp có được tham gia vào quá trình ban hành chính sách, phản biện và giám sát chính sách. Nghiên cứu

cũng khẳng định rằng, tăng thu ngân sách sẽ thúc đẩy tăng khả năng thu hút vốn FDI tại khu vực Đông Nam Bộ. Tỷ lệ đô thị hóa có tác động tích cực lên thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đông Nam Bộ. Nghiên cứu cũng cho rằng quy mô dân số có tác động tích cực lên thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đông Nam Bộ. Quy mô dân số lớn cũng tạo sự thuận lợi cho các doanh nghiệp có khả năng tìm kiếm nguồn nhân lực có chất lượng cao và có thể đáp ứng yêu cầu về nguồn lao động trong doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-016

88792.10-2023 **Khảo sát một số phương trình khuếch tán đa trị.**/ TS. Võ Viết Trí, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 10/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thiết lập sự tồn tại nghiệm tích phân (hay còn gọi là nghiệm yếu) cho phương trình khuếch tán đa trị với đạo hàm cấp không nguyên, các bao hàm thức vi phân tuyến tính cấp 1, bao hàm thức Biparabolic,..., chứa toán tử liên hợp với bậc không nguyên. Thiết lập tính compact khác rộng của tập nghiệm yếu của bài toán với kỹ thuật dùng định lý điểm bất động cho hàm đa trị với độ đo phi compact nhận giá trị trong không gian Banach. Thiết lập điều kiện đủ để có sự phụ thuộc liên tục của tập nghiệm yếu của bài toán vào ham số nhiều trong hàm đầu vào.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-017

88793.10-2023 **Phân lập, tuyển chọn và nghiên cứu tạo sinh khối**

vi khuẩn Lactic có khả năng kháng khuẩn tốt từ thực phẩm lên men truyền thống/ ThS. Nguyễn Anh Dũng, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 12/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tạo sinh khối vi khuẩn Lactic có khả năng kháng khuẩn tốt, hỗ trợ hệ vi sinh vật đường ruột của người và vật nuôi và có khả năng trong việc ứng dụng chế tạo chế phẩm probiotic dùng cả cho người và vật nuôi. Phân lập vi khuẩn Lactic; Kết quả 2: khảo sát và tuyển chọn khả năng đối kháng của vi khuẩn Lactic với vi sinh vật kiểm định; Kết quả 3: xác định tên loài bằng kỹ thuật sinh học phân tử; Kết quả 4: nuôi cấy thu nhận sinh khối vi khuẩn lactic chế phẩm Probiotic dạng dịch; Kết quả 5: Ảnh hưởng của nhiệt độ và thời gian bảo quản lên khả năng sinh trưởng; và kháng khuẩn của chế phẩm probiotic

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-018

88796.10-2023 **Khảo sát một số bài toán có đạo hàm cấp phân số/** ThS. Nguyễn Minh Điện, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 06/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng công thức nghiệm cho bài toán. Chứng minh bài toán có duy nhất nghiệm trong trường hợp hàm nguồn kỳ dị Lipschitz toàn cục và kỳ dị Lipschitz địa phương. Chứng minh nghiệm của bài toán phụ thuộc liên tục vào các yếu tố đầu vào (các điều kiện đầu và bậc đạo hàm). Tìm được một điều kiện thích hợp để nghiệm bài toán bùng nổ tại thời điểm hữu

hạn. Xây dựng công thức nghiệm cho bài toán. Thiết lập hàm Green cho bài toán, nghiên cứu một số tính chất quan trọng của hàm Green. Thiết lập bất đẳng thức kiểu Lyapunov cho bài toán. Đưa ra một số điều kiện thích hợp để bài toán không có nghiệm không tầm thường, có nghiệm không tầm thường hoặc có duy nhất nghiệm

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-019

89017.10-2023 **Tên nhiệm vụ: Xây dựng một số mã có khả năng tự sửa lỗi ứng dụng trong lý thuyết điều khiển/** TS. Lưu Thị Hiệp, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 09/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng một số loại mã mới, có khả năng tự sửa lỗi và bảo mật tốt dành cho các hệ thống điều khiển nói riêng và trong truyền thông tin liên lạc nói chung. Phương pháp nghiên cứu: Nội dung của đề tài thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản chuyên ngành toán học. Do đó, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp suy luận logic và sự giúp đỡ của hệ thống máy tính trên cơ sở các kết quả đã biết trước đó. Bước đầu, nghiên cứu các tài liệu, bài báo khoa học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu. Sau đó, sử dụng các phương pháp khái quát hóa, so sánh, phân loại để đề xuất những vấn đề nghiên cứu của đề tài.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-020

89020.10-2023 **Hệ thống quản lý năng lượng cho hộ gia đình ứng dụng IoT/** ThS. Nguyễn Bá Thành, - Bình Dương - Trường đại học Thủ

Dầu Một, 2023; - . (Đề tài cấp Cơ sở)

Thiết kế một hệ thống giám sát năng lượng hộ gia đình ứng dụng IoT; Hệ thống có thể điều khiển động bật/tắt tối đa 04 thiết bị điện gia dụng qua internet (WiFi); Hệ thống có thể tính tiền điện và gửi các cảnh báo mức tiêu dùng điện đến chủ hộ tiêu thụ. Khi lượng điện năng tiêu thụ lên mức tính giá điện mới (theo thang điện 6 bậc dành cho hộ gia đình) thì thiết bị sẽ gửi cảnh báo cho hộ tiêu thụ; Hệ thống lưu trữ các thông số điện năng của gia đình trên internet; Hệ thống hoạt động ổn định, có độ nhạy và độ chính xác cao, thân thiện với người dùng.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-021

89025.10-2023 **Nghiên cứu khả năng gắn kết với Mercaptopurine và Thioguanine của các hạt nanocluster vàng bằng phương pháp hóa tính toán/** TS. Nguyễn Thị Nhật Hằng, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 08/2021 - 01/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tìm hiểu bản chất của sự tương tác giữa các cluster vàng và các phân tử thuốc bao gồm các vị trí tương tác, năng lượng tương tác, các tính chất quang phổ và điện tử, cơ chế chuyển dịch điện tích và cấu trúc vùng năng lượng; Làm sáng tỏ cơ chế phóng thích thuốc do kích thích bên trong (trong phạm vi kiểm soát sinh học như pH và tương tác với các protein)

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-023

89194.10-2023 **Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp thông qua việc phát triển mô hình câu lạc bộ ở một số trường THPT tỉnh Cà Mau/** Ths. Trần Việt Nhân, Ths. Trần Việt Nhân; Cn. Lê Huỳnh Diễm Trang; Ths. Đỗ Công Phán; Ths. Lê Chí Nguyễn. - Trường THPT Chuyên Phan Ngọc Hiển - Trường THPT Chuyên Phan Ngọc Hiển, 2023; 01/2022 - 02/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá thực trạng quản lý HĐGDNGLL thông qua phát triển mô hình CLB ở một số trường THPT tỉnh Cà Mau và đề xuất các giải pháp tối ưu nhất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý HĐGDNGLL thông qua phát triển mô hình CLB, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo toàn diện học sinh. Nghiên cứu cơ sở lý luận của HĐGDNGLL, mô hình CLB ở trường THPT. Khảo sát và đánh giá thực trạng quản lý HĐGDNGLL thông qua phát triển mô hình CLB ở một số trường THPT tỉnh Cà Mau. Xây dựng, đề xuất và khảo nghiệm các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý HĐGDNGLL thông qua phát triển mô hình CLB ở một số trường THPT tỉnh Cà Mau

Số hồ sơ lưu: CMU-007-2023

89206.10-2023 **Thực trạng và giải pháp đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực thông qua môn sinh học ở một**

số trường trung học phổ thông tỉnh Cà Mau hiện nay/ Ths. Trang Thành Giá, Ths. Trang Thành Giá; Ths. Kiều Diễm; Cn. Trịnh Thị Ni; Cn. Trang Thị Kiệt - Trường THPT Trần Văn Thời - Trường THPT Trần Văn Thời, 2023; 12/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát việc sử dụng các phương pháp đánh giá học sinh trong hoạt động giảng dạy môn Sinh học ở một số trường THPT trong tỉnh Cà Mau. Qua đó xác định được thực trạng sử dụng các hình thức đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực trong giảng dạy môn sinh học ở một số trường THPT trong tỉnh Cà Mau. Trên cơ sở thực trạng, đề tài đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện các phương pháp kiểm tra đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong giảng dạy môn Sinh học phù hợp với thực tiễn các trường THPT trong tỉnh Cà Mau. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các phương pháp đánh giá phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Thực hiện khảo nghiệm tính hiệu quả tại đơn vị chủ trì để hoàn thiện giải pháp sử dụng các phương pháp đánh giá phát triển 3 phẩm chất và năng lực học sinh trong dạy học sinh học ở bậc THPT trong tỉnh Cà Mau.

Số hồ sơ lưu: CMU-2023-008

89209.10-2023 **Thực trạng và giải pháp vận dụng phương pháp dạy học ngữ văn theo hướng tích hợp liên môn ở một số trường trung học phổ thông trên địa bàn**

tỉnh Cà Mau/ Cn. Huỳnh Ngọc Giàu, Cn. Huỳnh Ngọc Giàu; Cn. Trần Châu Thành; Cn. Lê Mỹ Ngọc; Cn. Lê Thúy Diễm - Trường THPT Đầm Dơi - Trường THPT Đầm Dơi, 2023; 12/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát việc sử dụng PPDH theo hướng tích hợp liên môn đối với môn Ngữ văn ở một số trường THPT trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Qua đó, phân tích, đánh giá được thực trạng về việc triển khai, vận dụng PPDH Ngữ văn theo hướng tích hợp liên môn ở một số trường THPT trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Đồng thời xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của các trường THPT trên địa bàn tỉnh Cà Mau, đảm bảo triển khai thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Số hồ sơ lưu: CMU-009-2023

89222.10-2023 Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) và dữ liệu lớn (Big Data) xây dựng trợ lý ảo nuôi trồng thủy sản./ Ks. Trần Duy Phong, Ts. Triệu Thanh Tuấn Ks. Trần Duy Phong; Ts. Triệu Thanh Tuấn; Ths. Triệu Thanh Huy; Ks. Nguyễn Ngọc Hà; Ks. Nguyễn Tri Phương; Ks. Lê Hồng Hải; Ks. Trần Minh Thành - Công ty TNHH Tép Bạc - Công ty TNHH Tép Bạc, 2023; 09/2019 - 07/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng Farmext chạy trên 2 nền tảng hệ điều hành Android và iOS và website đảm bảo các yêu cầu

về mặt kỹ thuật, đáp ứng các yêu cầu về chức năng theo thuyết minh đề cương. Trình độ công nghệ đạt tương đương so với trình độ công nghệ của thế giới cũng như của Việt Nam. Hệ thống máy đo môi trường và hệ thống điều chỉnh các chỉ tiêu môi trường đảm bảo các yêu cầu về mặt kỹ thuật, vận hành, độ chính xác, tuổi thọ thiết bị theo thuyết minh đề cương. Trình độ công nghệ của sản phẩm này vượt trội hơn so với sản phẩm cùng loại trong và ngoài nước ở điểm hệ thống có thể tự động làm sạch đầu dò thiết bị

Số hồ sơ lưu: CMU-2023-011

10101. Toán học cơ bản

89210.10-2023 Nâng cao chất giảng dạy lịch sử địa phương thông qua hoạt động trải nghiệm các di tích lịch sử văn hóa ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Cà Mau./ Cn. Đặng Minh Hoàng; Cn. Ngô Bảo Trân; Cn. Phan Hồng Thiệu; Cn. Nguyễn Ngọc Mãi - Trường THPT Võ Thị Hồng - Trường THPT Võ Thị Hồng, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát thực trạng quản lý, giảng dạy và học tập Lịch sử địa phương ở một số trường trung học phổ thông (THPT) trong tỉnh Cà Mau. Qua đó đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của việc giảng dạy Lịch sử địa phương ở bậc THPT trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Qua đó, đề tài đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy Lịch sử địa phương phù hợp với thực tiễn các trường THPT trong tỉnh Cà Mau.

Số hồ sơ lưu: CMU-2023-010

10201. Khoa học máy tính

88030.10-2023 **Thiết kế chế tạo hệ thống thu thập và xử lý dữ liệu ứng dụng mạng cảm biến đa điểm (multi-point sensor network) kết hợp giải thuật học sâu (deep learning) nhằm kiểm soát các tiêu chí về tính đều đặn trên mặt phẳng của kết cấu công trình ngoài khơi/ PGS. TS. Nguyễn Xuân Phương, PGS.TS. Đặng Xuân Kiên; ThS. Thái Văn Nông; PGS.TS. Võ Công Phương; ThS. Lưu Hồng Quân; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Đỗ Việt Dũng; ThS. Phạm Thị Duyên Anh; CN. Trần Mai Hương; CN. Nguyễn Thị Lan Anh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)**

Thu thập và cập nhật nghiên cứu trong và ngoài nước về các vấn đề kỹ thuật liên quan đến hệ thống giám sát sức khỏe công trình xây dựng và công trình biển. Đặc biệt, các công nghệ mới nhất áp dụng trong lĩnh vực giám sát kết cấu công trình. Thu thập hồ sơ, khảo sát hiện trạng, phân tích đánh giá các hệ thống quan trắc kết cấu công trình đã lắp đặt tại Việt Nam và thế giới. Phân tích các yêu cầu đối với từng loại công trình và các công trình theo quy định của Việt Nam đã ban hành, các yêu cầu bảo trì công trình.

Số hồ sơ lưu: 22520

88032.10-2023 **Nghiên cứu thuật toán fast marching dựa trên**

trí tuệ nhân tạo AI trong việc phát hiện và định vị sự thay đổi của công trình biển trong dãy ảnh liên tiếp sử dụng mạng nơ ron tích - chập CNN/ TS. Lưu Hoàng Minh, KS. Trần Mai Hương; ThS. Hồ Lê Anh Hoàng; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Đỗ Việt Dũng; ThS. Lưu Hồng Quân; TS. Lê Thanh Lành; ThS. Phạm Minh Châu; ThS. Phan Thanh Minh; ThS. Mai Duy Phương - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích được tổng quan về công trình biển và giám sát sức khỏe công trình; Nguyên cứu thuật toán Fast Marching, Level Set, trí tuệ nhân tạo AI ứng dụng để xử lý và phân tích hình ảnh; Đề xuất các giải thuật xử lý ảnh liên tiếp dựa trên mạng nơ-ron tích chập CNN; Xây dựng được các giải thuật dự đoán tình trạng sức khỏe và cảnh báo sớm; Viết phần mềm tích hợp hệ thống, chương trình giao tiếp truyền dữ liệu.

Số hồ sơ lưu: 22519

88089.10-2023 **Ứng dụng kỹ thuật học máy để dự báo sản lượng khai thác dầu trong tầng Mioxen của các mỏ dầu bể Cửu Long/ TS. Nguyễn Xuân Huy, PGS. TS. Phạm Trần Vũ; PGS. TS. Nguyễn Xuân Hoài; TS. Cù Minh Hoàng ; TS. Phùng Đại Khánh; TS. Tạ Quốc Dũng; TS. Bùi Trọng Vinh; TS. Tô Việt Nam; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Trần Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Tuấn - Thành**

phổ Hồ Chí Minh - Phòng Thí nghiệm trọng điểm điều khiển số và kỹ thuật hệ thống, 2023; 11/2018 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về dữ liệu lớn, nghiên cứu ứng dụng về trí tuệ nhân tạo, học máy trong nước và thế giới, phương pháp thu thập và phân loại dữ liệu địa chất- địa vật lý (dữ liệu tĩnh) và dữ liệu lịch sử khai thác (dữ liệu động). Nghiên cứu các mô hình địa chất, mô hình thủy động lực vữa, và chạy thử nghiệm đánh giá mạng học sâu cho các dữ liệu tĩnh và động, các quy trình thực hiện dự báo bằng kỹ thuật học máy. Tiến hành khảo sát các công nghệ nền tảng để xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu lớn phù hợp bao gồm: Apache Hadoop, Apache Hbase, Apache Hive, và Apache Phoenix. Ứng dụng phần mềm quản lý dữ liệu lớn có chức năng quản lý tài nguyên, trích xuất và truy vấn dữ liệu lớn. Ngoài ra, trong phần mềm ứng dụng có tích hợp bộ công cụ xử lý dữ liệu lớn và các mô hình học máy để đánh giá và dự báo trạng thái khai thác của mỏ.

Số hồ sơ lưu: 21934

88959.10-2023 Nghiên cứu xây dựng hệ thống phân tích mã độc hỗ trợ công tác điều phối ứng cứu an toàn thông tin mạng tại Việt Nam/ KS. Lê Công Phú, KS. Lê Công Phú; TS. Nguyễn Thành Phúc; ThS. Dương Xuân Hiệp; KS. Hoàng Mạnh Công; KS. Đinh Thị Huế; KS. Nguyễn Hoàng Điệp; ThS. Bùi Thanh Hà; CN. Võ Hồng Phúc; CN. Phan Liên Hương; Ks. Phạm Tuấn Cường - Hà Nội - Cục An toàn thông

tin, 2023; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế việc hỗ trợ phân tích mã độc. Phân tích mã độc trong môi trường máy ảo và nghiên cứu các phương pháp phân tích mã độc. Xây dựng môi trường cô lập phân tích mã độc. Cài đặt các chương trình hỗ trợ theo dõi mã độc tự động và xây dựng hệ thống quản lý mã độc.

Số hồ sơ lưu: 22014

88964.10-2023 Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm nền tảng IoT dựa trên mạng LoRaWAN phục vụ cho đô thị thông minh/ ThS. Phạm Vũ Minh Tú, PGS. TS. Đặng Hoài Bắc; PGS. TS. Hoàng Hữu Hạnh; TS. Đỗ Trung Anh; TS. Phan Hải Phong; ThS. Võ Việt Dũng; KS. Vũ Minh Toàn - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2023; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và sản xuất các thiết bị IoT mode và gateway trên mạng LoRaWAN nhằm có thể ứng dụng vào trong mô hình dịch vụ đô thị thông minh như quản lý quy hoạch phát triển xây dựng, quan trắc môi trường. Xây dựng phần mềm hệ thống cho nền tảng IoT, quản lý thiết bị IoT và xử lý thu thập, chuyển đổi dữ liệu.

Số hồ sơ lưu: 22022

88975.10-2023 Sử dụng công nghệ học máy để phân tích, dự báo kết quả học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và cơ hội việc

làm cho sinh viên khối ngành kinh tế trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0/ Thạc sỹ.Đào Thế Sơn, ThS. Cù Nguyên Giáp; ThS. Đinh Thị Hà; ThS. Đỗ Thị Thu Hiền; ThS. Ninh Thị Hoàng Lan; ThS. Trần Kim Anh; ThS. Vũ Quang Huy; TS. Lê Mai Trang; ThS. Nguyễn Thị Hằng; CN. Nguyễn Hải Thành - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về sử dụng công nghệ học máy trong phân tích, dự báo kết quả học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và cơ hội việc làm cho sinh viên. Khảo sát, đánh giá khả năng sử dụng công nghệ học máy tại các trường đại học khối ngành kinh tế trong phân tích và dự báo kết quả học tập của sinh viên. Xây dựng mô hình phân tích và dự báo kết quả học tập của sinh viên đại học khối ngành kinh tế dựa trên công nghệ học máy. Sử dụng mô hình để phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả học tập, cơ hội việc làm và thu nhập của sinh viên đại học khối ngành kinh tế. Xây dựng hệ thống cảnh báo và tư vấn “thời gian thực” cho sinh viên về kết quả học tập dựa trên phân tích dữ liệu bằng công nghệ học máy để nâng cao kết quả đào tạo, cơ hội việc làm và thu nhập. Xây dựng bản đề xuất các giải pháp nâng cao kết quả học tập, cơ hội việc làm và thu nhập của sinh viên trong khối ngành kinh tế.

Số hồ sơ lưu: 22034

10202. Khoa học thông tin

88984.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để ứng dụng Mã định danh tài liệu số (Digital Object Identifier – DOI) đối với tài nguyên số của Việt Nam/** Thạc sỹ.Dương Thị Phương, KS. Nguyễn Minh Chiến; ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh; ThS. Lê Thị Hoa; CN. Nguyễn Minh Hiền; CN. Nguyễn Minh Hoàng; ThS. Nguyễn Tú Lan; KS. Cao Đức Minh; ThS. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thị Tú Quyên; ThS. Nguyễn Thị Thưa; ThS. Vũ Thùy Trang; ThS. Lưu Xuân Xa - Hà Nội - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2023; 07/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về ứng dụng mã định danh tài liệu số (DOI) đối với tài nguyên số của Việt Nam. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế triển khai ứng dụng mã định danh tài liệu số (DOI) và hiện trạng ở Việt Nam. Hiện trạng sử dụng và nhu cầu áp dụng mã định danh tài liệu số (DOI) tại Việt Nam. Đề xuất mô hình quản lý đăng ký và cấp mã định danh tài liệu số (DOI) ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22050

10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học

88318.10-2023 **Tán xạ điện tử năng lượng thấp trong vật liệu/** TS. Nguyễn Trương Thanh Hiếu, TS. Lê Minh Hưng; ThS. Lê Hồng Phúc; CN. Nguyễn Quan Hiền - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2023; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát cấu trúc vật liệu; Xác định hàm mật năng lượng cho vật liệu trong lý thuyết phiếm hàm mật độ phụ thuộc thời gian; Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc vật liệu lên hàm mật năng lượng; Xác định quãng đường tự do trung bình của điện tử trong hệ hình thức điện môi.

Số hồ sơ lưu: 22570

10308. Thiên văn học

88691.10-2023 **Thiết lập các trường chuẩn liều photon sử dụng hệ gamma đa nguồn và máy phát tia X/** ThS. Đặng Thị Mỹ Linh, ThS. Hồ Quang Tuấn; ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; ThS. Bùi Đức Kỳ; KS. Dương Văn Triệu; ThS. Dương Thị Nhung; ThS. Trần Thanh Hà; ThS. Bùi Thị Ánh Dương; ThS. Phạm Bảo Ngọc - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thiết lập trường chuẩn liều gamma của nguồn 137 và 60. Thiết lập trường chuẩn liều tia X. Xác định, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của trường bức xạ photon (kích thước trường xạ, độ đồng đều và tán xạ) theo ISO 4037. Xác định các giá trị thực quy ước của các đại lượng air kerma (K_a), tương đương liều photon môi trường $H_p(10)$, tương đương liều cá nhân $H(10)$ của môi trường bức xạ tại các khoảng cách và đối với các phẩm chất bức xạ khác nhau. Xác định độ không đảm bảo đo của các giá trị thực quy ước (K_a , $H_p(10)$, $H(10)$).

Số hồ sơ lưu: 22166

10401. Hoá hữu cơ

88230.10-2023 **Nghiên cứu cơ chế phản ứng của các gốc tự do CH₃, C₃H₃, C₆H₅ với một số tác nhân trong pha khí bằng phương pháp hoá học tính toán/** PGS. TS. Ngô Tuấn Cường, PGS. TS. Hoàng Văn Hùng; PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Huệ; PGS. TS. Phạm Thọ Hoàn; TS. Nguyễn Trọng Nghĩa; TS. Phạm Văn Tiến; ThS. Lê Khắc Phương Chi - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2023; 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các phản ứng của gốc tự do no, không no, thơm với các tác nhân trong pha khí. Tối ưu hóa các cấu trúc hình học của các chất phản ứng, cấu trúc trung gian, tình trạng chuyển tiếp và các sản phẩm. Tính tần số dao động và các loại năng lượng đặc trưng. Thiết lập bề mặt thế năng và xác định các năng lượng tương quan. Giải thích cơ chế và tính động học phản ứng.

Số hồ sơ lưu: 21932

10403. Hoá lý

88100.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng quy trình xác định hàm lượng Sb, Au, Ag, As, Cu, Pb, Bi, Se, Sn, Cd trong tinh quặng antimon và xác định hàm lượng Au, Ag, Sb trong xỉ antimon/** ThS. Lê Thị Như Thủy, ThS. Phan Thị Thanh Hà; CN. Bùi Ngọc Tuyên; CN. Bùi Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Huy Toàn; CN. Nguyễn Thị Việt; CN. Nguyễn Thị Hồng Phượng; CN. Kim Thị Vân Anh - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ

mỏ - luyện kim, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình xác định hàm lượng Sb trong tinh quặng antimon bằng phương pháp chuẩn độ. Xác định hàm lượng Pb, Cu, Cd trong tinh quặng antimon bằng phương pháp ICP-OES. Xác định hàm lượng Bi trong tinh quặng antimon bằng phương pháp ICP-OES. Xác định hàm lượng Se, Sn, As trong tinh quặng antimon bằng phương pháp ICP-OES. Xây dựng quy trình xác định hàm lượng Ag trong tinh quặng antimon bằng phương pháp F-AAS. Xây dựng quy trình xác định hàm lượng Au trong xỉ antimon bằng phương pháp chiết dung môi kết hợp F-AAS. Xây dựng quy trình xác định hàm lượng Ag trong xỉ antimon bằng phương pháp F-AAS. Xác định hàm lượng Sb trong xỉ antimon bằng phương pháp ICP-OES.

Số hồ sơ lưu: 21948

10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)

87850.10-2023 Nghiên cứu các tính chất cấu trúc và quang phổ của cluster germani pha tạp các nguyên tố cuối dãy kim loại chuyển tiếp (Mn, Fe, Co, Ni,...) bằng các phương pháp tính hóa học lượng tử đa cấu hình./ TS. Trần Văn Tân, PGS.TS. Trần Quốc Tri; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Trần Thị Xuân Mai; ThS. Nguyễn Minh Thảo - Hà Nội - Trường Đại học Đồng Tháp, 2023;

04/2020 - 01/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định cấu trúc hình học và cấu trúc electron của các cluster germani pha tạp các nguyên tố cuối dãy kim loại chuyển tiếp. Cụ thể, độ bền tương đối của tất cả các đồng phân cơ bản và kích thích thuộc các đồng phân khác nhau của các cluster nghiên cứu được xác định. Các cấu hình electron chính, độ dài liên kết, góc liên kết, tần số dao động điều hòa và kiểu dao động chuẩn của trạng thái cơ bản là trạng thái kích thích của cluster trung hòa điện được tính toán và so sánh với các giá trị thu được từ phổ quang electron của cluster anion đã được chọn lọc về khối lượng.

Số hồ sơ lưu: 22342

88217.10-2023 **Nghiên cứu quy định kỹ thuật và vận hành hệ thống pin lưu trữ năng lượng trong hệ thống điện Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thế Hữu, KS. Nguyễn Quang Thắng; ThS. Nguyễn Quang Minh; KS. Nguyễn Hồng Minh; KS. Từ Văn Hùng; ThS. Hồ Đức Linh; ThS. Ma Thị Thư; ThS. Vũ Ngọc Dương; PGS.TS. Nguyễn Đức Huy; ThS. Đinh Xuân Đức; ThS. Mai Sơn Tùng; ThS. Trịnh Văn Đoàn; CN. Nguyễn Phạm Ngọc Ánh; ThS. Nguyễn Xuân Thành; KS. Đỗ Hồng Thanh; KS. Nguyễn Đức Luân; KS. Ngô Nhật Linh; ThS. Phan Thị Thu Thủy; CN. Nguyễn Thị Kiều Hương; ThS. Nguyễn Minh Quang - Hà Nội - Cục Điều tiết điện lực, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp các quy định theo thông lệ quốc tế đối với hệ thống pin lưu trữ năng lượng trong hệ thống điện. Xác định nhu cầu và kế hoạch ứng dụng hệ thống pin lưu trữ năng lượng trong hệ thống điện tại Việt Nam. Hoàn thành danh mục đề xuất các quy định kỹ thuật và thẩm quyền ban hành đối với hệ thống pin lưu trữ năng lượng trong hệ thống điện tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22367

10501. Địa chất học

88045.10-2023 Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng bộ tiêu chí và xác định các khu vực nhạy cảm về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam/ TS. Nguyễn Quốc Khánh, KS. Trần Văn Trọng; ThS. Nguyễn Thị Hải Vân; ThS. Phạm Văn Sơn; ThS. Nguyễn Thị Liên; ThS. Nguyễn Tâm; TS. Lương Hữu Dũng; TS. Ngô Thị Thủy; ThS. Nguyễn Hải Yên; ThS. Nguyễn Hoàng Ninh - Hà Nội - Viện khoa học địa chất và khoáng sản, 2023; 09/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập và chuẩn hóa bộ dữ liệu trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam. Thu thập tài liệu và đánh giá tổng quan các phương pháp nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và khoanh định các khu vực có nguy cơ cao, rất cao về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét ở Việt Nam và trên thế giới. Xây dựng bộ tiêu chí, chỉ số đánh giá và khoanh định các khu vực có nguy cơ cao, rất cao về trượt, sạt lở đất đá, lũ

bùn đá, lũ ống, lũ quét các vùng miền núi, trung du Việt Nam. Áp dụng bộ tiêu chí để khoanh định các khu vực có nguy cơ cao, rất cao về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét các vùng miền núi, trung du Việt Nam. Xây dựng bản đồ phân bố các khu vực nhạy cảm và bản danh sách các khu vực nhạy cảm về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét các vùng miền núi, trung du Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22037

88088.10-2023 Nghiên cứu đặc điểm các thành tạo magma khu vực Đồng Văn và dự báo tiềm năng khoáng sản nội sinh liên quan/ ThS. Hoàng Văn Dũng, ThS. Lê Tuấn Viên; KS. Bùi Bảo Long; KS. Nguyễn Văn Nguyên; TS. Nguyễn Khắc Du; ThS. Nguyễn Văn Tuyên; TS. Ngô Thị Kim Chi; KS. Nguyễn Văn Hiền; ThS. Hoàng Thị Thoa; ThS. Đặng Ngọc Điệp - Hà Nội - Liên đoàn Địa chất Xạ - Hiếm, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu địa chất, khoáng sản và các thành tạo magma mới phát hiện trong khu vực Đồng Văn. Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc địa chất vùng, đặc điểm thạch học, thạch địa hóa các nguyên tố chính, phụ, các nguyên tố vết bao gồm nhóm đất hiếm các thành tạo xâm nhập, á xâm nhập thành phần granite trong vùng nghiên cứu. Nghiên cứu đặc điểm quặng hóa có liên quan, quy luật phân bố quặng, và mối quan hệ nguồn gốc của các thể granit với

quặng hóa trong vùng, với trọng tâm là Sn-W. Xác lập được mối quan hệ giữa hoạt động magma và tạo khoáng, bối cảnh kiến tạo khu vực không chế hoạt động magma-sinh khoáng. Xác lập các lập tiền đề, dấu hiệu tìm kiếm quặng Sn-W, Fe, khoan định những khu vực có triển vọng phục vụ công tác điều tra địa chất về khoáng sản trong khu vực. Thành lập sơ đồ, mô hình để đưa ra được khu vực phân bố các thành tạo magma cho vùng nghiên cứu, làm cơ sở cho việc đánh giá triển vọng khoáng sản và vạch ra được những diện tích cần nghiên cứu tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: 21928

10508. Trắc địa học và bản đồ học

87971.10-2023 Nghiên cứu thiết kế và xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát để cảnh báo sớm theo thời gian thực về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam/ KS. Nguyễn Trọng Hiền, TS. Nguyễn Thành Long; KS. Phạm Đức Trọng; TS. Nguyễn Quốc Định; CN. Nguyễn Thị Lợi; KS. Phạm Chế Linh; KS. Trần Hồng Hạnh; ThS. Lương Việt Hưng; PGS.TS. Nguyễn Hữu Lâm; KS. Lê Thị Thanh Nga - Hà Nội - Viện khoa học địa chất và khoáng sản, 2022; 09/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế, chế tạo và lắp đặt hệ thống quan trắc, giám sát tại các khu vực nhạy cảm phục vụ công tác cảnh báo sớm theo thời gian thực. Áp dụng thử nghiệm hệ thống tại một số khu vực nhạy cảm thuộc tỉnh Lào Cai. Nghiên cứu tổng quan lý thuyết

về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét (TLĐĐ-LQ); Tổng quan về các yếu tố gây ra TLĐĐ-LQ và đánh giá tai biến TLĐĐ-LQ; Tổng quan về hệ thống các trạm cảnh báo sớm về TLĐĐ-LQ tại Việt Nam và trên thế giới và các thiết bị/cảm biến chính trong các hệ thống giám sát/cảnh báo TLĐĐ-LQ; Thiết kế, chế tạo thiết bị căng kè, thiết bị sử dụng cảm biến đo độ ẩm, thiết bị sử dụng cảm biến đo độ cao mực nước phục vụ công tác cảnh báo sớm về trượt lở dạng dòng bùn đất, đá, lũ ống, lũ quét. theo thời gian thực;

Số hồ sơ lưu: 22137

88687.10-2023 Nghiên cứu mâu thuẫn sử dụng đất theo tiếp cận cảnh quan và hệ thông tin địa lý tại lưu vực sông Trà Khúc / ThS. Dur Vũ Việt Quân, TS. Đỗ Thị Tài Thu; ThS. Phạm Minh Tâm ; TS. Nguyễn Hữu Duy ; ThS. Lương Đức Anh; TS. Phạm Văn Hiếu ; TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng ; TS. Hoàng Thị Thu Hương - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 04/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hướng tới làm rõ được cơ sở lý luận và thực tiễn về tiếp cận cảnh quan và hệ thông tin địa lý trong phân tích mâu thuẫn sử dụng đất theo lưu vực sông Trà Khúc. Tiến hành phân tích, phân vùng cảnh quan lưu vực sông Trà Khúc (tỷ lệ 1:100.000) nhằm xác lập cơ sở địa lý của sự phân hóa không gian trong quá trình phát sinh mâu thuẫn sử dụng đất. Phân tích hiện trạng và xu thế biến đổi của hoạt động sử dụng đất trong lưu vực giai đoạn 2010-2030. Dự báo ảnh hưởng của các yếu

tổ giới hạn (xói mòn thực tế và nguy cơ ngập lụt) tới hoạt động sử dụng đất năm 2030. Xác định các khu vực có nguy cơ phát sinh mâu thuẫn sử dụng đất tại các tiểu vùng cảnh quan tại khu vực . Từ đó, đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm giảm thiểu và giải quyết tình trạng trên .

Số hồ sơ lưu: 22110

10509. Các khoa học môi trường

88250.10-2023 **Nghiên cứu các giải pháp quản lý nguồn thải thuộc diện không phải cấp phép xả vào công trình thủy lợi vùng Đồng bằng sông Hồng.**/ PGS. TS. Vũ Thị Thanh Hương, ThS. Phạm Thị Phương Thảo; ThS. Vũ Quốc Chính; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Ngô Thị Phương Nhung; ThS. Phạm Văn Đông; ThS. Phạm Ngọc Lưu; ThS. Lê Văn Cư; ThS. Nguyễn Thị Phương Liên; ThS. Trần Trung Dũng - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2022; 01/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng nguồn thải, hiện trạng quản lý và tác động của nguồn thải thuộc diện không phải cấp phép đến chất lượng nước trong công trình thủy lợi; Đề xuất các quy định quản lý các nguồn thải thuộc diện không phải cấp phép khi xả vào công trình thủy lợi; Đề xuất được giải pháp quản lý nguồn thải thuộc diện không phải cấp phép, nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm nước trong công trình và phát triển nông nghiệp bền vững.

Số hồ sơ lưu: 22536

88264.10-2023 **Đánh giá, xác định một số loài cây bản địa có khả năng hấp thụ, giảm thiểu bụi mịn và ô nhiễm không khí ở Việt Nam.**/ PGS. TS. Phùng Văn Khoa, ThS. Bùi Văn Năng; ThS. Nguyễn Thị Bích Hảo; PGS.TS. Bùi Văn Thắng; TS. Vương Duy Hưng; TS. Kiều Thị Dương; PGS.TS. Đỗ Quang Huy; PGS.TS. Bùi Xuân Dũng; PGS.TS. Nghiêm Trung Dũng; GS.TS. Nguyễn Thế Nhã - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Lựa chọn danh mục 20 loài cây bản địa có khả năng cao về hấp thụ, giảm thiểu bụi mịn và ô nhiễm không khí ở Việt Nam; Phân tích và tổng hợp được các đặc điểm sinh vật học, sinh thái học, khu vực gây trồng thích hợp cho từng loài cây trong 20 loài cây được lựa chọn; Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật gây trồng, chăm sóc, cách phối trí 20 loài cây có khả năng cao trong hấp thụ (và hấp phụ), giảm thiểu bụi mịn và ô nhiễm không khí ở Việt Nam. Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực tiễn của quá trình giảm thiểu bụi mịn và ô nhiễm không khí bằng các loài cây bản địa ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22544

88280.10-2023 **Ảnh hưởng của rác thải biển đến nghề khai thác thủy sản Việt Nam – xem xét từ thực tiễn để đề xuất các chính sách quản lý trong tương lai.**/ PGS. TS. Quách Thị Khánh Ngọc, TS. Bùi Bích Xuân; TS. Nguyễn Ngọc Duy;

ThS. Trần Văn Hào; ThS. Tăng Thị Hiền; ThS. Trần Thị Nga - Khánh Hoà - Trường Đại học Nha Trang, 2023; 03/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá các tác động kinh tế của rác thải biển đến nghề khai thác thủy sản ở Việt Nam và đề xuất các công cụ quản lý thích hợp để giải quyết rác thải biển trong ngành khai thác thủy sản. Tác động của rác thải biển đến rủi ro sản xuất và hiệu quả kỹ thuật của tàu khai thác thủy sản; Nghiên cứu sở thích của ngư dân đối với các công cụ quản lý nhằm ngăn chặn, giảm thiểu và thu dọn rác thải biển; Đề xuất các hàm ý chính sách cho việc quản lý và giải quyết rác thải trên biển.

Số hồ sơ lưu: 22549

88979.10-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện cơ sở dữ liệu các tác động tự nhiên của Việt Nam phục vụ xây dựng công trình/** TS. Nguyễn Đại Minh, TS. Cao Duy Khôi; TS. Lê Minh Long; TS. Vũ Thành Trung; TS. Đỗ Tiến Thịnh; TS. Nguyễn Hồng Hà; PGS. TS. Cao Duy Tiến; TS. Vũ Văn Đại; ThS. Nguyễn Trung Thành; TS. Phạm Đức Hạnh - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2017 - 02/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu số liệu về khí hậu, số liệu về thời tiết và hiện tượng tự nhiên bất lợi. số liệu về mật độ sét đánh, số liệu về gió và số liệu về động đất dùng trong thiết kế. Nghiên cứu diễn biến khí hậu cực đoan tại Việt Nam trong 10 năm qua. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tác động tự

nhiên của Việt Nam nhằm phục vụ việc xây dựng công trình.

Số hồ sơ lưu: 22041

10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển

87819.10-2023 **Nghiên cứu hoạt động của tín phong (trade wind) và ảnh hưởng đến thời tiết, khí hậu ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Đăng Mậu, ThS. Trịnh Hoàng Dương; PGS.TS. Dương Văn Khảm; TS. Thái Thị Thanh Minh; ThS. Bùi Minh Tuân; TS. Lê Như Quân; ThS. Nguyễn Văn Hưởng; CN. Lê Anh Hải; ThS. Nguyễn Hồng Sơn; ThS. Võ Đình Súc - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Căn cứ vào các nguồn số liệu sẵn có, xác định được chỉ số mô tả hoạt động của tín phong ở khu vực Tây Bắc TBD. Trên cơ sở đó, tính toán và làm rõ được một số đặc trưng cơ bản của tín phong ở khu vực Tây Bắc TBD. Trên cơ sở nhận diện tín phong theo chỉ số TWI, phân tích và làm rõ được mối quan hệ giữa tín phong Tây Bắc TBD với thời tiết, khí hậu ở Việt Nam, đặc biệt là các hiện tượng cực đoan. Phân tích và làm rõ tương tác giữa tín phong với các hình thế/nhân tố thời tiết có liên quan đến thời tiết và khí hậu Việt Nam. Các kết quả nghiên cứu góp phần vào thành quả nghiên cứu về hoàn lưu quy mô lớn, tín phong và có thể được ứng dụng trong thực tiễn nghiệp vụ dự báo và cảnh báo ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22335

10511. Khí hậu học

87956.10-2023 **Nghiên cứu ứng dụng các chỉ số dao động khí hậu quy mô lớn vào dự báo khí hậu cho Việt Nam/** TS. Tạ Hữu Chinh, ThS. Hoàng Thị Mai; ThS. Bùi Minh Tuấn; CN. Nguyễn Đức Hòa; ThS. Phạm Thị Châm; ThS. Nguyễn Văn Hưởng; ThS. Trương Bá Kiên; ThS. Lê Thị Hồng Vân; ThS. Phạm Thị Minh; ThS. Nguyễn Thị Diễm Hương - Hà Nội - Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá mối quan hệ giữa các dao động khí hậu quy mô lớn với các yếu tố khí hậu và khí hậu cực đoan khu vực Việt Nam; Xác định bộ chỉ số dao động khí hậu quy mô lớn có tiềm năng phục vụ dự báo khí hậu; Xây dựng mô hình thống kê dự báo khí hậu ở Việt Nam trên cơ sở mối quan hệ với các dao động quy mô lớn;

Số hồ sơ lưu: 22140

10513. Thủy văn; Tài nguyên nước

87953.10-2023 **Nghiên cứu xác lập bộ tiêu chí lựa chọn và quy trình điều tra các khu vực có khả năng áp dụng công nghệ bơm PAT cho vùng núi cao khan hiếm nước./** ThS. Đoàn Thế Anh, ThS. Trịnh Thị Thúy; ThS. Hồ Tiến Chung; PGS.TS. Trần Tân Văn; ThS. Đỗ Văn Thắng; ThS. Nguyễn Văn Đông; ThS. Vũ Hồng Đăng; ThS. Hoàng Xuân Đức; ThS. Phạm Thị Thúy; CN. Nguyễn Đức Toàn - Hà Nội - Viện khoa học địa chất và

khoáng sản, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập bộ tiêu chí lựa chọn các khu vực/vị trí có thể áp dụng công nghệ bơm PAT cho các vùng núi cao khan hiếm nước. Xây dựng quy trình điều tra các khu vực có khả năng áp dụng công nghệ bơm PAT cho các vùng núi cao khan hiếm nước. Thử nghiệm xác định các vị trí có khả năng ứng dụng công nghệ PAT ở Mèo Vạc (Hà Giang) và Hà Quảng (Cao Bằng). Đã đề xuất bộ tiêu chí lựa chọn các khu vực/vị trí có thể áp dụng công nghệ bơm PAT và bơm Va.

Số hồ sơ lưu: 22143

87960.10-2023 **Nghiên cứu phát triển mô hình thủy văn thông số phân bố trong dự báo lũ cho các lưu vực sông ở Việt Nam/** ThS. Bùi Đình Lập, ThS. Nguyễn Thị Xuyên; TS. Đoàn Quang Trí; TS. Nguyễn Hoàng Minh; ThS. Nguyễn Duy Hoàn; CN. Nguyễn Thùy Anh; ThS. Phạm Trường Giang; ThS. Nguyễn Thị Như Quỳnh; ThS. Trần Tuyết Mai; ThS. Đoàn Thị Vân - Hà Nội - Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng phương pháp số giải bài toán ước tính thông số tối ưu cho mô hình thủy văn thông số phân bố; Xây dựng công nghệ dự báo lũ bằng mô hình thủy văn thông số phân bố phục vụ vận hành tổ hợp các công trình hồ chứa lớn phù hợp với các lưu vực sông ở Việt Nam. Xây dựng công nghệ hiện đại, có khả năng vận hành kiểm soát lũ cận thời gian thực

thông qua các công trình hồ chứa lớn trên các lưu vực và phù hợp với điều kiện số liệu và các lưu vực sông thuộc lãnh thổ Việt Nam; Đề xuất giải thuật ước tính tối ưu tham số đa mục tiêu mới, dựa trên nền tảng tích hợp các ưu điểm vượt trội của các giải thuật đang được các nhà khoa học trên thế giới đánh giá cao về tính ứng dụng trong thực tiễn. Nghiên cứu phát triển mô hình thủy văn thông số phân bố trong dự báo lũ cho các lưu vực sông ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22126

10599. Khoa học trái đất và môi trường liên quan

88907.10-2023 Đánh giá nguyên nhân gây ngập lụt và đề xuất các giải pháp xử lý cho thành phố Đồng Hới/ TS. Đặng Tiến Dũng, Đặng Tiến Dũng; Phạm Xuân Tiến; Trần Xuân Tiến; Đỗ Anh Đức; Đinh Khánh Hậu; Mai Việt Hưng ; Lê Anh Tuấn - Chi cục Thủy lợi Quảng Bình - Chi cục Thủy lợi Quảng Bình, 2023; 08/2021 - 07/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, xác định nguyên nhân gây ngập lụt và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ngập lụt cho thành phố Đồng Hới nhằm làm cơ sở tài liệu quan trọng phục vụ công tác phòng, chống thiên tai; cung cấp thông tin phục vụ các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đồng Hới; góp phần ổn định đời sống bà con nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà. Các nội dung chính cần đạt được bao gồm: Đánh giá thực trạng

ngập lụt và các nguyên nhân gây ngập lụt cho thành phố Đồng Hới; Xây dựng bản đồ mô phỏng tình trạng ngập lụt khu vực nghiên cứu ứng với các kịch bản; Nghiên cứu định hướng các giải pháp nhằm giảm thiểu ngập lụt cho thành phố Đồng Hới

Số hồ sơ lưu: 12/2023-QLKHCN

10614. Sinh thái học

89081.10-2023 Nghiên cứu đánh giá dịch vụ hệ sinh thái phục vụ phát triển bền vững tại khu bảo tồn thiên nhiên Cham Chu, tỉnh Tuyên Quang/ TS. Võ Thanh Sơn, TS. Đỗ Quang Trung; PGS. TS. Lưu Thế Anh; TS. Hoàng Văn Thắng; TS. Đào Minh Trường; TS. Hà Thị Thu Huệ; TS. Lê Thị Vân Huệ; PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn; TS. Nguyễn Văn Hiếu - Hà Nội - Viện Tài nguyên và Môi trường, 2023; 04/2020 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở khoa học và thực tiễn trong việc đánh giá dịch vụ hệ sinh thái khu bảo tồn thiên nhiên. Đề xuất một số phương pháp đánh giá dịch vụ hệ sinh thái (cung cấp, điều tiết và duy trì, văn hóa) phù hợp với điều kiện thực tiễn. Đánh giá các dịch vụ hệ sinh thái (cung cấp, điều tiết và duy trì, văn hóa) khu bảo tồn thiên nhiên Cham Chu, tỉnh Tuyên Quang. Xây dựng bản đồ dịch vụ hệ sinh thái khu bảo tồn thiên nhiên Cham Chu, tỉnh Tuyên Quang. Đề xuất khung chính sách với nội dung có liên quan tới công tác bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững cho địa bàn nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 21983

10615. Đa dạng sinh học

87831.10-2023 **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài thuộc chi hành (Allium) ở Việt Nam/** PGS.TS. Nguyễn Thị Mai, PGS.TS. Hoàng Thị Tuyết Lan; TS. Trần Thúy Nga; TS. Bùi Thị Mai Anh; ThS. Vũ Thị Xuân - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được tiềm năng hoạt chất sinh học chi Allium, phát hiện ra được thành phần hoạt chất chính của một số loài có tiềm năng của chi này và tìm ra được một số phân tử có hoạt tính sinh học để tạo cơ sở khoa học cho những nghiên cứu ứng dụng tiếp theo. Đánh giá hoạt tính sinh học các phân đoạn cận chiết: Hoạt tính chống khối u, hoạt tính kháng sinh của dịch chiết; Nghiên cứu hóa học theo định hướng HTSH để chiết xuất các hoạt chất, xác định cấu trúc hoá học các hoạt chất; Đánh giá hoạt tính hoạt tính sinh học của các chất tinh khiết

Số hồ sơ lưu: 22330

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

87657.10-2023 **Nghiên cứu sản xuất một số sản phẩm từ hoa đậu biếc (Clitoria Ternatea)/** ThS. Nguyễn Thị Kiều Tiên, ThS. Nguyễn Thị Kiều Tiên; ThS. Hồ Thị Thu Thảo; ThS. Nguyễn Thị Oanh Kiều - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Vĩnh Long, 2023; 10/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Với đề tài “Nghiên cứu sản xuất một số sản phẩm từ hoa đậu biếc (Clitoria ternatea)” mục tiêu đặt ra là tạo ra một vài sản phẩm từ hoa đậu biếc vì lợi ích sức khỏe và sự tiện lợi khi sử dụng cho người tiêu dùng.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS001.2023-0000367

89079.10-2023 **Đề tài: Nghiên cứu xây dựng Hệ thống thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang/** TS. Đoàn Thanh Hải, KS. Vũ Hồng Quân; KS. Trần Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Sơn Hải; KS. Lương Hữu Mạnh; KS. Nguyễn Trần Quang; KS. Hoàng Nguyễn Trung; ThS. Đinh Thị Thanh Uyên; KS. Nguyễn Hà Phú; ThS. Nguyễn Khánh Phượng; KS. Ronnie Faith Paralejas; KS. Nguyễn Đức Hoàng; ThS. Dương Văn Huy; ThS. Đỗ Hồng Anh; ThS. Khuất Thị Thanh Huyền; KS. Đỗ Văn Trung. - Thái Nguyên - Trung tâm Nghiên cứu Địa tin học, 2022; 10/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng được hệ thống CSDL và hệ thống phần mềm đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý Nhà nước và cung cấp thông tin KH&CN, nhằm phục vụ phát triển KT-XH tỉnh Hà Giang. Xây dựng được hệ thống CSDL khoa học công nghệ đáp ứng công tác quản lý và cung cấp thông tin lĩnh vực chuyên ngành KH&CN như: Hệ thống văn bản; các nhiệm vụ KH&CN; an toàn bức xạ hạt nhân; sở hữu trí tuệ; công nghệ đổi mới sáng tạo; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; quản lý khoa học công

nghe cấp huyện; tiềm lực khoa học công nghệ; Xây dựng được Công thông tin và hệ thống các module chức năng phần mềm đáp ứng tối đa yêu cầu cập nhật, hiệu chỉnh, xóa, thống kê, chia sẻ thông tin từ các CSDL KH&CN; Nâng cao được khả năng tiếp cận và ứng dụng KH&CN của các cơ quan quản lý, tổ chức doanh nghiệp và cộng đồng người dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2023

20102. Kỹ thuật xây dựng

88257.10-2023 **Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia "Kết cấu cột đường dây truyền tải điện dạng tháp thép rỗng - Tiêu chuẩn thiết kế"/** TS. Nguyễn Hồng Hà, TS. Vũ Thành Trung; ThS. Đỗ Văn Mạnh; ThS. Hồ Hữu Thắng; ThS. Phạm Trung Thành; KS. Tống Sĩ Biền; KS. Nguyễn Ngọc Huy - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc thiết kế kết cấu cột đường dây tải điện dạng tháp thép rỗng tổ hợp từ các cấu kiện thép hình cán nóng và tạo hình nguội. Ở nước ta hiện nay có nhiều tuyến đường dây tải điện cao thế. Đây là các công trình có tầm quan trọng cao, để đảm bảo an toàn năng lượng và an ninh quốc gia. Trong những năm gần đây, bão và lốc xoáy đã gây đổ và hư hại một số cột điện trong đó có những cột thuộc đường dây 500 KV. Tuy nhiên, tiêu chuẩn riêng để thiết kế kết cấu dạng này chưa có, mà vẫn sử dụng tiêu

chuẩn thiết kế cho kết cấu thép nói chung TCVN 5575:2012 để thiết kế. Ngoài ra, trong nước không có phần mềm chuyên dụng phục vụ việc thiết kế, thi công cho dạng kết cấu này. Trong những năm gần đây, một số đơn vị tư vấn thiết kế cột điện có thiên hướng sử dụng các phần mềm của nước ngoài để thiết kế. Tuy nhiên, tiêu chuẩn riêng để thiết kế, chế tạo và lắp dựng cũng như bảo trì các loại kết cấu dạng này chưa có. Hiện chỉ có tiêu chuẩn TCVN 5575:2012 "Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế" có đề cập một phần đến kết cấu tháp thép nhưng vẫn chưa đầy đủ. Để đáp ứng nhu cầu thực tế, việc biên soạn tiêu chuẩn "Kết cấu cột đường dây truyền tải điện dạng tháp thép rỗng - Tiêu chuẩn thiết kế" với các yêu cầu về thiết kế kết cấu, chế tạo mới các cột điện dạng tháp thép rỗng là phù hợp và cần thiết.

Số hồ sơ lưu: 22540

88265.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn thiết kế kết cấu bê tông cốt composite sợi aramid/** GS.TS. Nguyễn Thái Chung, ThS. Lê Phạm Bình; GS.TS. Hoàng Xuân Lượng; PGS.TS. Phạm Tiến Đạt; TS. Phạm Văn Thìn; TS. Trương Thị Hương Huyền; ThS. Lê Xuân Thuý; TS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung; TS. Lê Trường Sơn; TS. Nguyễn Văn Chinh - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ phương pháp mô phỏng số và thí nghiệm trực tiếp trên mô hình để xác định khả năng chịu

lực của các kết cấu bê tông cốt thanh composite aramid. Nghiên cứu cơ sở lý thuyết tính toán kết cấu bê tông cốt thanh composite aramid dạng dầm và tấm sàn.

Số hồ sơ lưu: 22543

88428.10-2023 **Nghiên cứu biên soạn TCVN: Đất xây dựng - Phân loại/** ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy, TS. Trần Danh Sơn; ThS. Nguyễn Thị Ngân - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2016 - 06/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc sử dụng phân loại đất cũng như nghiên cứu các tiêu chuẩn trong và ngoài nước, từ đó xây dựng dự thảo tiêu chuẩn về phân loại đất; Nghiên cứu việc áp dụng tiêu chuẩn phân loại của nước ta theo tiêu chuẩn Việt Nam; Tiêu chuẩn phân loại theo tiêu chuẩn nước ngoài thường được sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 22463

88430.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở Khoa học xây dựng tiêu chuẩn thiết kế Địa kỹ thuật - Khảo sát và thí nghiệm đất nền/** ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy, PGS.TS. Đoàn Thế Tường; TS. Nguyễn Giang Nam; TS. Đinh Quốc Dân; TS. Trần Huy Tấn; TS. Trần Toàn Thắng; ThS. Đồng Minh Tâm; ThS. Mai Bích Thủy; ThS. Nguyễn Công Kiên; ThS. Nguyễn Chí Quyết; ThS. Nguyễn Thị Ngân; KS. Bùi Thị Ánh; KS. Nguyễn Văn Ngọc; KS. Nguyễn Thị Bé - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra và đánh giá hiện trạng khai thác sử dụng các TCVN trong lĩnh vực khảo sát và thí nghiệm Địa kỹ thuật; Nghiên cứu nội dung và đánh giá khả năng áp dụng tiêu chuẩn Eurocode 7- Part 2 trong điều kiện kỹ thuật và kiến trúc trong lĩnh vực Địa kỹ thuật Việt Nam; Nghiên cứu đề xuất danh mục các Phụ lục quốc gia về Khảo sát và thí nghiệm đất nền trong TCVN liên quan và xây dựng tiến trình thực hiện chúng; Biên soạn văn bản dự thảo hệ thống tiêu chuẩn Khảo sát và thí nghiệm đất nền và tiến trình xây dựng (xoát xét, bổ sung hoặc xây dựng mới) hệ thống này.

Số hồ sơ lưu: 22458

88432.10-2023 **Soát xét TC :'' TCVN 9346:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển''/** TS. Nguyễn Đăng Khoa, ThS. Phan Văn Chương; ThS. Vũ Thế Phương; ThS. Mai Bích Thủy; KS. Nguyễn Văn Chiến - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cụm từ “niên hạn sử dụng” điều chỉnh lại thành “thời hạn sử dụng theo thiết kế” theo định nghĩa trong TCVN 5574:2018; Cụm từ: bê tông cốt thép (thông thường và ứng suất trước) điều chỉnh lại thành: bê tông cốt thép (không ứng suất trước và ứng suất trước). Các Tiêu chuẩn cột TCVN 9346: 20xx được cập nhật theo tiêu chuẩn đã được soát xét bổ sung mới nhất. Ngoài ra còn bổ sung thêm 08 tiêu chuẩn viện dẫn. Đồng

bộ theo các tiêu chuẩn về ăn mòn TCVN 12251: 2020, TCVN 12041: 2017 về ký hiệu phân vùng xâm thực trong môi trường biển.

Số hồ sơ lưu: 22455

88458.10-2023 **Soát xét TCVN 3119:1993, Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ kéo khi uốn/** ThS. Chu Mạnh Hà, KS. Nguyễn Hữu Mỹ; KS. Đồng Quang Thái - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Bộ tiêu chuẩn đóng góp không nhỏ cho công tác thí nghiệm, kiểm tra, đánh giá chất lượng bê tông dùng thi công các công trình xây dựng ở Việt Nam. Qua hơn 25 năm kể từ khi đưa vào áp dụng bộ tiêu chuẩn, ngành công nghiệp xây dựng Việt Nam đã đi những bước dài từ xây dựng những công trình nhỏ, xây dựng Việt Nam đã đi những bước dài từ xây dựng những công trình nhỏ, xây dựng lâu sang những công trình lớn với tốc độ và công nghệ phát triển nhanh, từ quản lý hành chính tập trung sang cơ chế thị trường, từ áp dụng thành tựu kỹ thuật của một hệ thống sang đa dạng hóa trong hợp tác quốc tế. Hệ thống quản lý và phương thức áp dụng tiêu chuẩn hiện nay cũng đã thay đổi cả về nội dung và cách trình bày.

Số hồ sơ lưu: 22376

88461.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chuẩn "Kết cấu thép - Thi công và nghiệm thu" theo định hướng mới/** TS. Nguyễn Hồng Hải, ThS. Nguyễn

Mạnh Cường; TS. Cao Duy Bách; PGS.TS. Nguyễn Xuân Chính; ThS. Phùng Ngọc Phan; TS. Nguyễn Hồng Hà; ThS. Nguyễn Đình Đình; ThS. Vũ Văn Chủ; ThS. Nguyễn Ngọc Huy; ThS. Phạm Trung Thành - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thực hiện Đề án 198 của TTCP, Bộ Xây dựng đã hoàn thành định hướng biên soạn hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đến năm 2030 của ngành xây dựng, đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Theo đó, các tiêu chuẩn cốt lõi về thiết kế kết cấu đang được biên soạn, theo hướng dựa theo các tiêu chuẩn thiết kế Eurocodes. Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu thép đang được thực hiện dựa theo EN 1993. Để đồng bộ, tiêu chuẩn thi công kết cấu thép cũng cần thiết được biên soạn. Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng dự thảo tiêu chuẩn "Kết cấu thép – Thi công và nghiệm thu" theo định hướng mới là cần thiết, phù hợp với chương trình tổng thể Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật ngành xây dựng

Số hồ sơ lưu: 22355

88521.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn và chỉ dẫn kỹ thuật phế thải phá dỡ công trình và phế thải xây dựng (PTPDCT&XD) làm vật liệu san lấp/** ThS. Nguyễn Văn Hoan, ThS. Lê Việt Hùng; Tạ Văn Luân; Vũ Văn Linh; Phan Văn Quỳnh; Vũ Hải Quang; Nguyễn Thị Mai; Phạm Phương Nam - Hà Nội - Viện Vật

Liệu Xây Dựng, 2021; 05/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá tính chất các loại vật liệu tái chế từ phế thải phá dỡ công trình (vật liệu vô cơ) dùng làm vật liệu san lấp cho công trình xây dựng. Xây dựng tiêu chuẩn TCVN đối với vật liệu tái chế từ phế thải phá dỡ công trình (vật liệu vô cơ) làm vật liệu san lấp và xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật quy trình chế tạo vật liệu tái chế từ phế thải phá dỡ công trình (vật liệu vô cơ) làm vật liệu san lấp cho công trình xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22121

88665.10-2023 **Soát xét TCVN 5726:1993, Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh/** ThS. Đỗ Thị Lan Hoa, ThS. Trần Quốc Toán; ThS. Chu Mạnh Hà - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Lựa chọn thang lực khi xác định cường độ lăng trụ theo TCVN 3118:2022. Lựa chọn thang lực khi xác định mô đun đàn hồi hoặc hệ số Poisson sao cho tải trọng phá hủy dự kiến nằm trong khoảng từ 70% đến 80% tải trọng tối đa của thang lực. Lựa chọn giá trị tải trọng phá hủy dự kiến (P_e) dùng thí nghiệm mô đun đàn hồi hoặc hệ số Poisson. Xác định mô đun đàn hồi. Tiến hành định tâm mẫu.

Số hồ sơ lưu: 22069

88704.10-2023 **Nghiên cứu biên soạn TCVN Công tác trắc địa trong xây dựng/** ThS. Diêm Công

Huy, KS. Trần Mạnh Nhất; TS. Ngô Văn Hợi; ThS. Trần Ngọc Đông; ThS. Trần Mạnh Hùng - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 07/2014 - 07/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng lưới trắc địa cơ sở phục vụ thi công trên mặt bằng dự án trong đó có lưới thi công để triển khai ra thực địa các trục bố trí chính của tòa nhà và công trình hoặc công trình dạng tuyến cũng như để lắp đặt các thiết bị kỹ thuật; Thực hiện công tác bố trí công trình bên trong mặt bằng công trình, bố trí các nhà tạm; Xây dựng lưới bố trí bên trong các tòa nhà trên mặt bằng cơ sở (tầng trệt) và trên các tầng thi công, lưới đồng thời xây dựng đề bố trí hệ thống thiết bị và kỹ thuật đối với các công trình phức tạp, sau đó thực hiện công tác bố trí chi tiết; Kiểm tra độ chính xác các yếu tố hình học của nhà và công trình và đo vẽ hoàn công, lập bản vẽ hoàn công; Đo đạc các giá trị chuyển dịch của nền móng, kết cấu của tòa nhà, công trình và các hạng mục khác nhau của chúng nếu điều này có qui định trong các hồ sơ thiết kế hoặc qui định trong thẩm quyền giám sát tác giả hoặc các cơ quan giám định của nhà nước;

Số hồ sơ lưu: 22175

88711.10-2023 **Nghiên cứu giải pháp thiết kế, thi công hệ kết cấu bao che cho nhà cao tầng/** TS. Vũ Thành Trung, ThS. Đỗ Văn Mạnh; Nguyễn Hồng Hà; Hồ Hữu Thắng; Phan Đăng Dũng; Đặng Tuấn Anh; Nguyễn Ngọc Huy; Phạm Trung Thành; Tống Sĩ Biển; Đặng Thị

Minh Phương - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2021; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Dựa trên cơ sở các tài liệu của Việt Nam và thế giới (chủ yếu của Anh, Canada, Pháp...) có liên quan đến thiết kế, thi công hệ bao che để biên soạn các hướng dẫn thiết kế và thi công cho hệ bao che, áp dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam. Khảo sát hiện trạng sử dụng hệ bao che ở Việt Nam, về công tác thiết kế và thi công thông qua các hồ sơ tài liệu có sẵn, qua các thông tin thu thập được từ nhiều nguồn và cả thực tế; Nghiên cứu các tài liệu đã và đang áp dụng trong và ngoài nước để biên soạn các hướng dẫn thiết kế và thi công cho hệ bao che cấu tạo từ các vật liệu khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 22178

88859.10-2023 "Soát xét TCVN 9400:2012 Nhà và công trình xây dựng dạng tháp – Xác định độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa"/ TS. Trần Ngọc Đông, ThS. Diêm Công Huy; TS. Ngô Văn Hợi; ThS. Trần Mạnh Tuấn; ThS. Nguyễn Hoài Nam - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2016 - 06/2017. (Đề tài cấp Bộ)

TCVN 9400:xxxx được soát xét từ TCVN 9400:2012 theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Tiêu

chuẩn này áp dụng để đo và xác định độ nghiêng của các nhà cao tầng, các hạng mục và các kết cấu trên các công trình công nghiệp như các silô chứa vật liệu rời, các bồn chứa nhiên liệu, ống khói nhà máy, tháp truyền hình, ăng ten vô tuyến viễn thông, cột điện cao thế đường dây trên không và các công trình khác trong giai đoạn thi công xây dựng cũng như trong giai đoạn khai thác sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 21898

88860.10-2023 "Soát xét TCVN 9360:2012 Quy trình kỹ thuật xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học"/ TS. Trần Ngọc Đông, TS. Lê Văn Hùng; KS. Trần Mạnh Nhất; ThS. Nguyễn Hoài Nam; KS. Diêm Công Tính - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2016 - 06/2017. (Đề tài cấp Bộ)

TCVN 9360:xxxx được soát xét từ TCVN 9360:2012 theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Tiêu chuẩn này áp dụng để đo và xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học. Các công trình xây dựng (không phân biệt từ nguồn vốn nào) thuộc những đối tượng sau đây đều phải tiến hành đo và xác định độ lún.

Số hồ sơ lưu: 21899

88883.10-2023 **Nghiên cứu rà soát, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật các công tác xây dựng sử dụng vật liệu xây và cấu kiện không nung cho công trình xây dựng/** ThS. Nguyễn Thanh Bình, ThS. Nguyễn Tấn Vinh; ThS. Phạm Đăng Cao; ThS. Nguyễn Văn Đoàn; ThS. Thân Văn Hoàng; ThS. Phan Thị Thu Thủy; CN. Nguyễn Thị Nga; ThS. Lê Tiến Trung; CN. Nguyễn Ngọc Trung - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về vật liệu không nung và thực trạng áp dụng định mức dự toán công tác xây dựng sử dụng vật liệu và cấu kiện không nung. Xây dựng cơ sở lý luận có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung định mức dự toán công tác xây dựng sử dụng vật liệu và cấu kiện không nung. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số định mức dự toán công tác xây dựng sử dụng vật liệu và cấu kiện không nung.

Số hồ sơ lưu: 21944

88919.10-2023 **Nghiên cứu xác định chỉ tiêu suất chi phí xây dựng phù hợp đặc thù công nghệ thi công và lắp đặt công trình xây dựng trên biển và đảo/** ThS. Nguyễn Thị Hạnh, CN. Nguyễn Thị Hồng Thanh; TS. Nguyễn Tấn Vinh; Phạm Đại Hải ; Trần Ngọc Hải; ThS. Nguyễn Ngọc Thanh; TS. Tạ Ngọc Bình; ThS. Nguyễn Quốc Huy; CN. Trần Ngọc Hiến; CN. Trần Thị Ánh Tuyết; ThS. Hoàng Trọng Nghĩa; Nguyễn Đắc Thịnh; Nguyễn Thị Thanh Thủy; Trần Mạnh Hà; Phạm

Tuấn Mạnh; Lê Đình Sửu; Trịnh Thị Thùy Trang - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 06/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập thông tin, số liệu liên quan đến chi phí đầu tư xây dựng công trình được xây dựng phổ biến ở ven biển, trên đảo. Xử lý số liệu, dữ liệu thu thập và xác định suất chi phí xây dựng công trình theo mô hình tính toán kết hợp với thông tin, số liệu thu thập đã qua xử lý. Nghiên cứu một số đặc thù về vật liệu, cấu kiện, công nghệ thi công và lắp đặt cho công trình ven biển, trên đảo ảnh hưởng đến chi phí xây dựng công trình ven biển, trên đảo. Kết quả nghiên cứu sẽ bổ sung hệ thống công cụ phục vụ việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng; hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí nguồn lực của quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 21954

88934.10-2023 **Nghiên cứu ứng dụng Mô hình thông tin công trình trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (giao thông đô thị và cấp thoát nước) tại Việt Nam/** TS. Tạ Ngọc Bình, CN. Nguyễn Thị Hồng Thanh; TS. Nguyễn Phạm Quang Tú; Tạ Quang Vinh; ThS. Nguyễn Ngọc Thanh; ThS. Phạm Thành; ThS. Tường Thế Biên; ThS. Hoàng Trọng Nghĩa; ThS. Trần Quang Hiếu; ThS. Trần Ngọc Hải - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận ứng dụng mô hình thông tin công trình trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (giao thông đô thị

và cấp thoát nước) tại Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật. Hướng dẫn ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM) cho công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông đô thị: cầu, đường bộ và cấp thoát nước) tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21971

88948.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng định mức dự toán xây dựng công trình trên biển và hải đảo phù hợp với điều kiện, tính chất, biện pháp thi công và công nghệ xây dựng đặc thù trên biển và hải đảo/** Tiến sỹ. Nguyễn Phạm Quang Tú, ThS. Thân Văn Hoàng; TS. Trần Hồng Mai; ThS. Nguyễn Tấn Vinh; ThS. Nguyễn Thanh Bình ; ThS. Nguyễn Văn Đoàn; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Phan Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Ngọc Thanh; TS. Tạ Ngọc Bình; ThS. Nguyễn Quốc Huy; ThS. Phạm Thu Vân; ThS. Phạm Đăng Cao; CN. Nguyễn Thị Nga; KS. Hà Tấn Trường - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 04/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa những vấn đề liên quan đến công trình trên biển và hải đảo, biện pháp và công nghệ thi công công trình trên biển và hải đảo. Thực trạng việc xây dựng và áp dụng hệ thống định mức xây dựng công trình trên biển và hải đảo phục vụ việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Xây dựng định mức dự toán cho một số công tác thi công xây dựng công trình trên biển và hải đảo phù hợp với điều kiện,

tính chất, biện pháp thi công và công nghệ xây dựng đặc thù, các định mức dự toán cho các công tác thi công thí điểm phục vụ phát triển kinh tế xã hội, phòng tránh thiên tai...và ứng dụng các vật liệu mới phục vụ thi công các công trình trên biển và hải đảo ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21990

88957.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn ứng dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) chi tiết cho các bộ môn (Kiến trúc, kết cấu, cơ điện nước)/** TS. Tạ Ngọc Bình, TS. Nguyễn Phạm Quang Tú; TS. Lê Văn Cư; ThS. Trịnh Đức Lương; ThS. Nguyễn Quốc Huy; Nguyễn Việt Anh; ThS. Phạm Tuấn Mạnh; Ths. Phạm Xuân Trường; ThS. Nguyễn Đình Hiếu; ThS. Hoàng Trọng Nghĩa; Lê Xuân Nghĩa; Ths. Phạm Thành; Đinh Nho Cảng - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận ứng dụng mô hình thông tin công trình trong lĩnh vực xây dựng dân dụng. Thực trạng ứng dụng mô hình thông tin công trình BIM đối với công trình xây dựng dân dụng tại Việt Nam. Đề xuất nội dung hướng dẫn ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM) cho công trình dân dụng tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22007

88968.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng của một số công trình dân dụng (công trình trụ sở làm việc, trung tâm thương mại) được đầu**

tu xây dựng theo tiêu chí công trình xanh/ ThS. Nguyễn Ngọc Thanh, ThS. Hoàng Trọng Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Tạ Ngọc Bình; CN. Nguyễn Thị Hồng Thanh; ThS. Nguyễn Tiến Bùi; CN. Trần Ngọc Hiến; PGS. TS. Hoàng Vĩnh Hưng; Nguyễn Hồng Châu; Đặng Thành Long - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về suất vốn đầu tư xây dựng công trình xanh và phương pháp xác định suất vốn đầu tư. Thực trạng chi phí đầu tư xây dựng công trình xanh đối với công trình trụ sở làm việc, trung tâm thương mại thời gian qua. Xây dựng chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng công trình theo tiêu chuẩn LOTUS đối với công trình trụ sở làm việc, trung tâm thương mại.

Số hồ sơ lưu: 22027

88972.10-2023 Nghiên cứu xây dựng tài liệu áp dụng BIM trong các dự án đầu tư xây dựng/ Tiến sỹ. Lê Văn Cư, TS. Tạ Ngọc Bình; TS. Nguyễn Phạm Quang Tú; ThS. Hoàng Trọng Nghĩa; ThS. Phạm Xuân Trường; ThS. Thân Văn Hoàng; ThS. Hoàng Kim Ngọc; ThS. Nguyễn Đình Hiều; CN. Nguyễn Văn Minh; ThS. Trần Ngọc Hải; TS. Lê Thành Nam; ThS. Ngô Quang Tuấn; TS. Nguyễn Thế Quân - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các chương trình đào tạo và áp dụng mô hình thông tin công trình tại một số nước trên thế giới. Một số bài học rút ra từ việc

nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về tổ chức đào tạo áp dụng mô hình thông tin công trình và nội dung tài liệu đào tạo áp dụng mô hình thông tin công trình. Thực trạng đào tạo áp dụng mô hình thông tin công trình tại Việt Nam. Đề xuất chương trình đào tạo mô hình thông tin công trình cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22031

88982.10-2023 Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chuẩn "Kết cấu xây - Thi công và nghiệm thu" theo định hướng mới/ ThS. Ngô Mạnh Toàn, ThS. Đỗ Trần Hùng; ThS. Đặng Trọng Thăng; ThS. Vũ Ngọc Luyến; TS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Nguyễn Văn Thà; ThS. Nguyễn Hồng Sơn; TS. Đỗ Tiến Thịnh; TS. Hoàng Mạnh - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan một số tiêu chuẩn thi công kết cấu xây trên thế giới. Thực trạng tiêu chuẩn thi công kết cấu xây tại Việt Nam. Nghiên cứu về các quy định cho hồ sơ và các quy định cho quản lý chất lượng thi công. Nghiên cứu về các quy định và chỉ dẫn cho công tác giàn giáo và cốp pha, vữa xây dựng, khối xây đá hộc và bê tông đá hộc, khối xây gạch. Nghiên cứu về các quy định cho dung sai kích thước hình học, khối xây gạch cốt thép, mặt bằng và nền móng, cát dùng cho vữa và xi măng dùng cho vữa. Nghiên cứu về các quy định khả năng chịu nén uốn cho khối xây, khả

năng chịu cắt cho khối xây, chuyển dịch khối xây, khả năng cách âm, cách nhiệt của khối xây Nghiên cứu tổng hợp cơ sở dữ liệu phục vụ biên soạn dự thảo, thuyết minh Tiêu chuẩn Việt Nam theo định hướng mới.

Số hồ sơ lưu: 22045

89131.10-2023 **Nghiên cứu và đề xuất mô hình quản lý vận hành hệ thống cơ - điện (M&E - Mechanical & Electrical) sử dụng công nghệ BIM (Building Information Modelling) kết hợp AR (Augmented Reality)/ PGS. TS. Trần Anh Bình, ThS. Nguyễn Thanh Bản; ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn; ThS. Đỗ Quốc Hoàng; ThS. Phạm Văn Hoàn; KS. Trần Tiến Đạt; ThS. Nguyễn Đình Anh; ThS. Nguyễn Xuân Linh; ThS. Nguyễn Thị Lệ Hải; ThS. Dương Diệp Thúy - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2022; 07/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Tập trung nghiên cứu những hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ BIM trong lĩnh vực xây dựng; những đặc điểm nổi bật của công nghệ thực tế tăng cường (AR); công nghệ nhận diện hình ảnh của Vuforia. Từ đó, đề xuất quy trình kết hợp công nghệ BIM và AR nhằm xây dựng ứng dụng quản lý thông tin công trình trên thiết bị di động. Ứng dụng cho phép người dùng theo dõi, quản lý hệ thống cơ điện sử dụng camera của thiết bị chiếu vào bức tường/trần giả để nhìn thấy toàn bộ mô hình thiết kế của hệ thống cơ điện ẩn trong bức tường, trần giả

hiển thị dạng 3D thông tin công trình. Nhóm tác giả dựng thí điểm mô hình 3D tòa nhà A1 trường Đại học xây dựng, phòng 410A1 khoa Công nghệ thông tin, tường và trần hành lang tòa nhà trên phần mềm Revit; mô hình 3D tòa nhà A2 trên phần mềm Tekla Structures.

Số hồ sơ lưu: 21893

20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị

87846.10-2023 **Nghiên cứu đề xuất công nghệ xử lý đảm bảo chất lượng nước tại Trạm nước Bách Thảo đáp ứng nhu cầu sử dụng tại Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh/ TS. Phạm Xuân Thắng, ThS. Nguyễn Mạnh Tuyên : ThS. Nguyễn Phương Thúy; ThS. Đoàn Thị Anh Tú; KS. Khổng Việt Cường; ThS. Nguyễn Hữu Sinh; KS. Nguyễn Tiến Nghĩa; KS. Nguyễn Việt Hưng; TS. Phạm Ngọc Minh; ThS. Phạm Văn Ánh; KTV. Bùi Việt Dũng; KTV. Nguyễn Văn Thắng; KTV. Đỗ Văn Thuận; ThS. Vương Huy Hoàng; ThS. Vũ Thị Quyên; ThS. Dương Đức Hùng; ThS. Vũ Tiên Sinh; ThS. Đặng Mạnh Chính - Hà Nội - Trung tâm Khoa học công nghệ và môi trường, 2022; 05/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Khảo sát hiện trạng công nghệ, lưu lượng, chất lượng, hiệu quả xử lý nước hiện nay tại Trạm nước Bách Thảo . Xây dựng 01 mô hình thử nghiệm để xử lý nước đạt được các chỉ tiêu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT . Tính toán, đề xuất phương án cải tạo dây chuyền công nghệ hiện có tại Trạm nước Bách Thảo để khai thác,

xử lý nước đảm bảo chất lượng theo yêu cầu sử dụng tại Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: 22359

88086.10-2023 **Nghiên cứu mô hình phân bố mật độ dân cư và hình thái đô thị tại các đô thị lớn ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Hoàng Minh, Trần Ngọc Chính; TS. Phạm Trần Hải; TS. Lê Xuân Hùng; Lê Thị Thu Hà; ThS. Nghiêm Quốc Cường; ThS. Vũ Hoàng Yên; ThS. Đỗ Ngọc Quỳnh; Nguyễn Trọng Hiệp; Trần Quang Huy; Đỗ Công Thắng; PGS. TS. Phạm Trọng Thuật; TS. Thân Đình Vinh; TS. Nguyễn Thị Lan Phương; ThS. Vũ Hoài Nam; TS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Vũ Hoàng Điệp; Nguyễn Dur Minh; ThS. Nguyễn Công Hưng; ThS. Trần Thị Thanh Ý - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Quy hoạch và Thiết kế đô thị nông thôn, 2023; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích lý thuyết về mô hình đơn vị đô thị, nhận diện về phân bố mật độ dân cư, hình thái cấu trúc đơn vị đô thị tại các đô thị lớn ở Việt Nam. Sự phân bố mật độ dân cư và hình thái đô thị tại các đô thị lớn trên thế giới. Phân tích về thực trạng, chính sách phát triển đô thị, đất đai, nhà ở và mối quan hệ giữa mật độ cư trú và sự thay đổi hình thái đô thị tại đô thị lớn ở Việt Nam. Nhận diện mô hình phân bố mật độ dân cư khu vực nội đô tại các đô thị lớn ở Việt Nam. Nhận diện hình thái cấu trúc đơn vị đô thị, đánh giá, phân tích và đề xuất mô hình phân bố mật độ dân cư dựa trên cấu trúc đơn vị đô thị

khu vực nội đô 03 đô thị lớn Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh. Đề xuất ngưỡng kiểm soát mật độ cư trú phù hợp gắn với mô hình hình thái đô thị dựa trên cấu trúc đơn vị ở - đô thị khu vực nội đô các đô thị lớn. Đề xuất áp dụng kiểm soát chỉ tiêu mật độ cư trú tại đơn vị ở tại Quy chuẩn về quy hoạch xây dựng dựa trên nhận diện hình thái phát triển. Áp dụng thí điểm mô hình phân bố mật độ dân cư và hình thái đô thị tại khu đô thị tại khu vực nội đô thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 21942

88553.10-2023 **Soát xét TCVN 3115:1993, Bê tông nặng - Phương pháp xác định khối lượng thể tích/** ThS. Chu Mạnh Hà, KS. Nguyễn Huy Bình; KS. Đào Công Quý - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Bộ tiêu chuẩn các phương pháp lấy mẫu và thí nghiệm xác định các tính chất công nghệ, cơ và lý của hỗn hợp bê tông và bê tông nặng được biên soạn và đưa áp dụng từ năm 1993. Bộ tiêu chuẩn đã đóng góp không nhỏ cho công tác thí nghiệm, kiểm tra, đánh giá chất lượng bê tông dùng thi công các công trình xây dựng ở Việt Nam. Hệ thống quản lý và phương thức áp dụng tiêu chuẩn hiện nay cũng đã thay đổi cả về nội dung và cách trình bày

Số hồ sơ lưu: 22352

88698.10-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp quy hoạch xây**

dựng và quản lý xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/ ThS. Lê Hoàng Phương, ThS. Hoàng Đình Giáp; ThS. Đoàn Trọng Tuấn; ThS. Phạm Hữu Hiếu; ThS. Phan Thị Vân Anh; ThS. Trương Quỳnh Phương; ThS. Võ Thanh Tùng; KTS. Nguyễn Thị Minh; ThS. Vũ Nguyệt Minh - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2021; 06/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng lập quy hoạch và quản lý hoạt động xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC) hiện nay ở Việt Nam. Đề xuất mô hình quy hoạch cho khu NNUDCNC. Đề xuất hướng dẫn lập quy hoạch và quản lý hoạt động xây dựng các khu NNUDCNC. Xây dựng cơ sở khoa học phục vụ cho quy hoạch xây dựng và quản lý khai thác đất đai thuộc lĩnh vực đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm hỗ trợ nền nông nghiệp công nghệ cao đạt được thành quả như mục tiêu đặt ra.

Số hồ sơ lưu: 22173

88927.10-2023 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bê tông asphalt ấm cho hỗn hợp Stone Matrix Asphalt (SMA) để làm lớp mặt cho kết cấu mặt đường chịu tải trọng xe nặng ở Việt Nam/ ThS. Lê Thanh Hải, PGS. TS. Nguyễn Hoàng Long; GS. TS. Trần Hoài Nam; PGS. TS. Nguyễn Quang Phúc; TS. Nguyễn Mai Lân; TS. Nguyễn Ngọc Lân; TS. Trần Ngọc Hưng; ThS. Vũ Thế Thuận; KS. Khuất Duy Dũng;

KS. Nguyễn Văn Hợi - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2023; 03/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về stone matrix asphalt (SMA) và công nghệ SMA thi công theo công nghệ btn trộn ấm (warm mix asphalt – WMA). Nghiên cứu tổng quan và thực nghiệm thiết kế thành phần hỗn hợp SMA theo công nghệ trộn ấm. Đánh giá các tính năng của hỗn hợp SMA theo công nghệ ấm. Đánh giá hiệu quả môi trường, kinh tế và xây dựng dự thảo quy trình thiết kế thành phần, thi công, nghiệm thu hỗn hợp SMA theo công nghệ trộn ấm.

Số hồ sơ lưu: 21963

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

88029.10-2023 Biên soạn TCVN Cống và Tuy nen thoát nước thi công đào ngầm - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu/ TS. Nguyễn Giang Nam, ThS. Đồng Thị Minh Tâm; ThS. Trần Đức Hiếu; ThS. Nguyễn Ngọc Thuyết - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 07/2014 - 07/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về khảo sát xây dựng, thiết kế, thi công và nghiệm thu đối với cống thoát nước thải và nước mưa khu vực đô thị và nông thôn thi công bằng phương pháp đào ngầm có đường kính trong từ 1000 mm đến 3000 mm. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho cống luồn (Điu-ke) và cống có áp. Tiêu chuẩn này không dùng để thiết kế và xây dựng hệ

thông công thoát nước trong vùng băng giá và đất lún sụt hoặc các khu vực có sự hiện diện của các quá trình địa chất nguy hiểm (karst, sụt lở...). Khi thiết kế và xây dựng hệ thống đường ống trong các khu vực này phải theo các tiêu chuẩn riêng. Khi thiết kế và xây dựng hệ thống công thoát nước trong khu vực có động đất cấp 7 đến 9 theo thang cấp độ trong TCVN 9386:2012 phải xem xét các ảnh hưởng, tác động của động đất đến công trình.

Số hồ sơ lưu: 22521

88125.10-2023 Nghiên cứu ứng dụng chỉ số kháng trượt quốc tế mặt đường (IFI) trong quản lý khai thác đường cấp cao ở Việt Nam/ TS. Trần Ngọc Huy, ThS. Nguyễn Như Hạnh; PGS.TS. Vũ Đức Chính; ThS. Trần Việt Hà; ThS. Nguyễn Trí Dũng; ThS. Nguyễn Thành Bắc; ThS. Nguyễn Đình Cừ; ThS. Nguyễn Thanh Tuấn; ThS. Lê Quốc Hiệp; ThS. Nguyễn Quốc Bảo - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2022; 01/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Ở Việt Nam, hệ thống đường cao tốc ngày càng phát triển, nhiều tuyến đã cho khai thác với tốc độ đến 120 km/h, điều này cho thấy cần phải quan tâm hơn nữa chỉ số kháng trượt của mặt đường, đặc biệt là đối với các tuyến đường cao tốc. Các chỉ số đánh giá đang được sử dụng như độ nhám vi mô và vĩ mô một cách đơn lẻ chưa phản ánh hết các điều kiện bất lợi trong quá trình khai thác ở tốc độ cao và các điều kiện bất lợi khác. Trong khi đó, với điều kiện

trang thiết bị hiện nay, chúng ta hoàn toàn có thể đưa chỉ số IFI vào để đánh giá sức kháng trượt mặt đường. Trong điều kiện chưa có các thiết bị hiện đại chuyên dùng cũng có thể kết hợp sử dụng các thiết bị như con lăn anh và thiết bị Laser định chuẩn theo ASTM E1960. Ngoài ra, nếu sử dụng chỉ số IFI để đánh giá có thể sử dụng các thiết bị hiện đại khác trong tương lai cần phải có, như các thiết bị đo độ nhám động (DFT), thiết bị theo kiểu trượt cố định (Fixed slip), kiểu lực ngang ... Vì vậy, với những phân tích ở trên cho thấy, việc nghiên cứu ứng dụng chỉ số kháng trượt quốc tế mặt đường (IFI) trong quản lý khai thác đường cấp cao ở Việt Nam là rất cần thiết và mang nhiều giá trị thực tiễn.

Số hồ sơ lưu: 21865

88256.10-2023 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mô phỏng thực tế ảo (VR) trong huấn luyện kỹ năng thông tin liên lạc đối với máy VHF cầm tay cho thuyền viên Việt Nam/ PGS. TS. Nguyễn Mạnh Cường, PGS.TS. Nguyễn Kim Phương; TS. Đỗ Văn Cường; TS. Nguyễn Trung Đức; TS. Mai Xuân Hương; TS. Phan Văn Hưng; ThS. Phạm Văn Luân - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng một hệ thống mô phỏng thực tế ảo (VR) cho máy VHF cầm tay – VHF Sailor 3520 với các chức năng sử dụng giống như máy thật của nhà sản xuất, phục vụ huấn luyện kỹ năng liên lạc cho thuyền

viên Việt Nam. Việc đưa công nghệ thực tế ảo để mô phỏng các trang thiết bị hàng hải nói chung và thiết bị VHF nói riêng là một lĩnh vực mới trong công nghệ hàng hải, mặc dù công nghệ thực tế ảo không hề xa lạ trong các lĩnh vực khoa học và đời sống hiện nay. Sau khi hoàn thiện, hệ thống VR máy VHF cầm tay có thể được đưa vào không gian buồng lái mô phỏng thực tế ảo trên một tàu thật để tạo nên sự sống động và cảm giác như đang thực hành, huấn luyện đối với tàu thật..

Số hồ sơ lưu: 22532

88260.10-2023 **Tính toán, thiết kế và xây dựng hệ thống tự động điều khiển hệ thống đa chân vịt cho giàn khoan bán tiềm thủy dựa trên giải thuật tối ưu di truyền (Genetic Algorithm) có xét đến ảnh hưởng của các yếu tố môi trường/** PGS. TS. Đặng Xuân Kiên, ThS. Trần Tiến Đạt; ThS. Thái Văn Nông; TS. Lê Thanh Lành; ThS. Đỗ Việt Dũng; ThS. Phạm Minh Châu; TS. Đỗ Khánh Hùng; ThS. Trần Ngọc Nhân; ThS. Phạm Thị Duyên Anh; CN. Nguyễn Ngọc Anh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu cấu trúc và phương trình động lực học của giàn khoan bán tiềm thủy, xây dựng mô hình vật lý trên máy tính. Xây dựng mô hình kiểm nghiệm bằng mô phỏng. Đề xuất giải thuật điều khiển tối ưu dựa trên giải thuật di truyền (Genetic Algorithm-GA) dưới ảnh hưởng của

nhiều môi trường. Xây dựng các giải thuật điều khiển cho hệ thống trên nền MATLAB, lập trình điều khiển, viết phần mềm tích hợp hệ thống và thử nghiệm trên phần cứng.

Số hồ sơ lưu: 22530

88926.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng khung tiêu chí đánh giá tác động của các công trình hạ tầng xã hội đến giao thông vận tải tại các thành phố trực thuộc Trung ương/** ThS. Nguyễn Tiến Thành, KS. Trần Thị Thùy Linh; ThS. Lê Quang Huy; ThS. Lê Xuân Trọng; ThS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Lê Thị Mai; ThS. Nguyễn Trung Anh; KS. Hoàng Huyền Thương; KS. Nguyễn Đăng Dũng; ThS. Nguyễn Minh Ngọc - Hà Nội - Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông vận tải, 2023; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nghiên cứu đánh giá tác động giao thông tại Việt Nam. Hiện trạng hệ thống giao thông đô thị tại các thành phố trực thuộc trung ương. Cơ sở khoa học và phương pháp luận xây dựng khung tiêu chí phân cấp đánh giá mức độ ảnh hưởng. Xây dựng khung tiêu chí phân cấp đánh giá mức độ ảnh hưởng và bảng tra cứu chấm điểm đánh giá mức độ ảnh hưởng. Áp dụng bảng tra cứu chấm điểm đánh giá mức độ ảnh hưởng để đánh giá một số công trình hạ tầng xã hội tiêu biểu.

Số hồ sơ lưu: 21962

88946.10-2023 **Nghiên cứu giải pháp giảm năng lượng dòng chảy bằng mố nhám gia cường bên**

trong công đốc/ TS. Nguyễn Đăng Phóng, TS. Hoàng Nam Bình; TS. Tống Anh Tuấn; TS. Mai Quang Huy; TS. Lê Thị Việt Hà; TS. Doãn Thị Nội; ThS. Đặng Thu Thủy; ThS. Hoàng Thị Minh Hải; ThS. Trần Huy Thiệp; ThS. Nguyễn Ngọc Huy - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải, 2023; 01/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về nước nhảy và nhám gia cường. Đề xuất một số mô hình giảm năng lượng dòng chảy bằng mô nhám gia cường bên trong cống hộp. Thí nghiệm mô hình dòng chảy trong cống hộp có độ dốc tương đối lớn. Phân tích và xử lý kết quả thí nghiệm xác định phạm vi bố trí và chiều cao mô nhám gia cường. Xác định mối quan hệ giữa độ giảm lưu tốc và độ giảm năng lượng với độ dốc đáy cống. Nghiên cứu đề xuất mô hình giảm năng lượng dòng chảy bằng mô nhám gia cường bên trong cống hộp.

Số hồ sơ lưu: 21988

20105. Kỹ thuật thủy lợi

87822.10-2023 **Nghiên cứu phát triển công cụ đánh giá, dự báo chuyển dịch công trình đập thủy điện áp dụng các mô hình trí thông minh nhân tạo phục vụ quản lý an toàn đập tại Việt Nam/** TS. Bùi Thị Kiên Trinh, TS. Đoàn Văn Chinh; TS. Trần Thế Việt; TS. Đỗ Xuân Khánh; TS. Mai Đình Sinh - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2022; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển các mô hình mới cho đánh giá và dự báo chuyển dịch ngang công trình đập thủy điện tại Việt Nam với độ chính xác cao đảm bảo cho công tác đánh giá nhanh an toàn đập và cảnh báo sự cố đập. Xây dựng công cụ phần mềm đánh giá và dự báo chuyển dịch đập, kết nối với dữ liệu quan trắc tại các đập thủy điện nhằm cung cấp kết quả đánh giá trong thời gian thực cũng như kết quả sau xử lý.

Số hồ sơ lưu: 22347

87974.10-2023 **Thực hiện quy hoạch không gian biển Việt Nam: Nhân tố tác động và một số đề xuất/** PGS. TS. Vũ Tuấn Hưng, TS. Bùi Quang Bình; TS. Hoàng Hồng Hiệp; TS. Hoa Hữu Cường; TS. Lê Văn Hà; TS. Lê Thị Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thị Hòa; ThS. Vũ Thị Chanh; ThS. Đào Thị Thu Hồng; ThS. Trịnh Thị Tuyết Dung; CN. Trần Thị Hải Yến; CN. Nguyễn Thị Ánh Vân; ThS. Bùi Thị Kim Hương - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2022; 06/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở đánh giá thực hiện các quy hoạch liên quan đến không gian biển hiện nay cũng như qua việc nhận diện và đánh giá các nhân tố tác động đến việc thực thực quy hoạch không gian biển, đề xuất các giải pháp và kiến nghị đối với thực hiện quy hoạch không gian biển đối với hoạt động phát triển Vùng ven biển Việt Nam. Xác định khái niệm, mục tiêu, cơ sở, nguyên tắc trong thực hiện quy hoạch không gian

biển. Các phương pháp, công cụ xây dựng thực hiện quy hoạch không gian biển. Tiêu chí đánh giá quy hoạch và thực hiện quy hoạch không gian biển. Các nội dung cần thực hiện trong lập và thực hiện quy hoạch không gian biển. Xác định các yếu tố tác động tới việc thực hiện quy hoạch không gian biển. Phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia trong thực hiện quy hoạch không gian biển. Đánh giá thực trạng các quy hoạch biển hiện nay của Việt Nam để chỉ những ưu điểm và hạn chế. Nhận diện và đánh giá những nhân tố tác động đến việc thực hiện quy hoạch không gian biển. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị để nâng cao hiệu quả việc thực hiện quy hoạch không gian biển đối với hoạt động phát triển tại Vùng ven biển của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22117

88092.10-2023 Nghiên cứu ứng dụng thiết bị bay chụp không người lái đo vẽ và xây dựng bản đồ bề mặt phục vụ hoạt động thủy lợi vùng lũ Đồng bằng sông Cửu Long/ KS. Nguyễn Trung Nam, ThS. Vũ Đình Nguyễn; KS. Lê Văn Quyền; ThS. Nguyễn Thị Phượng; ThS. Nguyễn Quốc Minh; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; KS. Hoàng Văn Lịch; KS. Nguyễn Công Huy; ThS. Trần Mạnh Thứ - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam, 2023; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình bay chụp hiện trường thiết bị không người lái kết hợp đo đạc điểm kiểm định mặt đất. Xây dựng và áp dụng quy trình

xử lý số liệu để xây dựng bản đồ bề mặt tỷ lệ 1/2000 cho khu vực thí điểm. Kết quả cụ thể trong mục tiêu này, bên cạnh đưa ra được quy trình xử lý ảnh chụp UAV xây dựng mô hình số bề mặt, đề tài sẽ đi tìm mô hình phân bố điểm không chế mặt đất tối ưu trong xây dựng mô hình số bề mặt, và xác định tổ hợp thông số bay chụp tối ưu gồm độ cao bay chụp và tỷ lệ phần trăm chồng lấn của ảnh chụp.

Số hồ sơ lưu: 21922

88131.10-2023 Nghiên cứu xây dựng công nghệ cảnh báo sớm nguồn nước mùa cạn và nguy cơ hạn hán cho đồng bằng sông Cửu Long/ ThS. Trần Đức Thiện, ThS. Lưu Thị Hồng Linh; PGS.TS. Hoàng Minh Tuyên; ThS. Phạm Tường; PGS.TS. Nguyễn Cao Đơn; ThS. Đinh Hải Dương; ThS. Thái Quỳnh Như; KS. Phạm Thị Thu Huyền; TS. Phạm Hải Bằng; ThS. Nguyễn Xuân Đạo - Hà Nội - Viện Khoa học tài nguyên nước, 2023; 06/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan phương pháp tính toán, xác định, công nghệ cảnh báo sớm, dự báo nguồn nước trên thế giới và Việt Nam. Từ đó kết hợp với các đặc thù về đặc điểm tự nhiên, khí tượng thủy văn của dòng chảy vào vùng ĐBSCL để lựa chọn phương pháp tính toán, công nghệ áp dụng phục vụ cảnh báo sớm dòng chảy vào vùng ĐBSCL. Từ việc tổng quan lại các nghiên cứu, phương pháp, công nghệ cảnh báo sớm dòng chảy mùa cạn trên thế giới và Việt Nam. Đề tài tiến hành nghiên cứu,

phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến dòng chảy mùa cạn và nguy cơ hạn hán vùng ĐBSCL. Từ đó đưa ra được cơ sở khoa học cảnh báo sớm nhận định nguồn nước mặt vào ĐBSCL và nguy cơ hạn hán trong mùa cạn. Xây dựng được hệ thống cảnh báo sớm với thời đoạn 03 đến 06 tháng nguồn nước mùa cạn và nguy cơ thiên tai hạn hán, thiếu nước cho Đồng bằng sông Cửu Long; Cảnh báo sớm được nguồn nước mùa cạn và nguy cơ thiên tai hạn hán, thiếu nước cho Đồng bằng sông Cửu Long trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: 21827

88431.10-2023 **Nghiên cứu hiệu quả giảm sóng của tường mềm chống xói lở bờ biển tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long/** TS. Mai Cao Trí, TS. Mai Hồng Quân; ThS. Nguyễn Quang Tạo; ThS. Dương Thanh Quỳnh; ThS. Hồ Đức Đạt; ThS. Nguyễn Trung Dũng; ThS. Lương Cao Linh; ThS. Nguyễn Văn Báu; PGS.TS. Nguyễn Quốc Hòa; Nguyễn Thị Thùy Dương - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan vấn đề bồi xói khu vực bờ biển thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp bảo vệ bờ biển và tình hình nghiên cứu giải pháp bảo vệ bờ biển khu vực này. Tìm hiểu các mô hình toán (SWASH, SWAN,...) đã được áp dụng để mô phỏng sóng truyền qua các loại tường chắn sóng có độ rộng cao. Lựa chọn và áp dụng mô hình

toán để mô phỏng sóng truyền qua các dạng tường mềm khác nhau. Mô hình toán mô phỏng cho các trường hợp khác nhau về chiều cao sóng và chu kỳ sóng. Mô phỏng cho các trường hợp khác nhau về chiều cao tường (cao trình đỉnh tường thay đổi). Mô phỏng cho các trường hợp khác nhau về chiều rộng đỉnh tường. Mô phỏng cho các trường hợp khác nhau về độ rộng của tường. Phân tích và tổng kết cơ sở khoa học phục vụ việc thiết kế hệ thống tường mềm giảm sóng dựa trên kết quả nghiên cứu của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 22457

88942.10-2023 **Thủy lợi miền Bắc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975/** TS. Phạm Thị Hồng Hà, ThS. Phạm Thị Vượng; TS. Nguyễn Thúy Quỳnh; TS. Lương Thị Hồng; TS. Ngô Hoàng Nam; ThS. Nguyễn Thị Dung Huyền; ThS. Lê Văn Phong; CN. Nguyễn Thị Hằng Lý - Hà Nội - Viện Sử học, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Những công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam trong đó có đề cập đến thủy lợi miền Bắc Việt Nam thời kỳ 1954-1975. Khái quát về thủy lợi Việt Nam trước năm 1954 và chủ trương khôi phục, xây dựng thủy lợi sau khi hoà bình lập lại. Hệ thống tổ chức, quản lý xây dựng và vận hành ngành thủy lợi. Nghiên cứu quan hệ quốc tế trong lĩnh vực thủy lợi. Nghiên cứu về thủy lợi miền Bắc Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975. Nhận xét về thủy lợi và vai trò của ngành thủy lợi ở miền Bắc từ năm 1954 đến năm 1975. Kiến nghị

giải pháp phát triển ngành thủy lợi hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21980

20106. Kỹ thuật địa chất công trình

88834.10-2023 **Nghiên cứu công nghệ cứng hóa đất bùn nạo vét để sử dụng trong san lấp mặt bằng thay thế cát/** TS. Ngô Anh Quân, ThS. Đỗ Viết Thắng; GS.TS. Nguyễn Quốc Dũng; ThS. Trần Quốc Công; ThS. Ngô Cảnh Tùng; TS. Trần Văn Quân; TS. Vũ Bá Thao; ThS. Nguyễn Tiến Trung; ThS. Trần Văn Mạnh; ThS. Nguyễn Quang Minh - Hà Nội - Viện Thủy công, 2022; 02/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ về vật liệu, thiết bị cứng hóa đất bùn nạo vét kênh mương và ao hồ để san lấp mặt bằng, đắp đê bao, bờ bao thay thế cát xây dựng và được áp dụng vào sản xuất tại tối thiểu một doanh nghiệp. Triển khai thí điểm ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế cho đê bao và san lấp mặt bằng ở Cà Mau hoặc vùng Đồng bằng sông Cửu Long với giá thành sản phẩm cạnh tranh được với cát san nền tại cùng một thời điểm.

Số hồ sơ lưu: 21857

88857.10-2023 **Soát xét TCVN 9401:2012 "Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình"/** TS. Trần Ngọc Đông, ThS. Ngô Xuân Thê; ThS. Trần Mạnh Tuấn; ThS. Nguyễn Hoài Nam - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây

dựng, 2022; 06/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

TCVN 9401:2012 “Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình” là tiêu chuẩn được chuyển ngành từ TCXDVN 364:2006 với nội dung bên trong được giữ nguyên . Trong khi TCXDVN 364:2006 được xây dựng trên cơ sở chủ yếu tham khảo Tiêu chuẩn CJJ 73-97 “Technical Specification for Urban Surveying Using Global Positioning System”. Nghĩa là chúng ta đang sử dụng tiêu chuẩn quá cũ so với sự thay đổi khoa học và công nghệ trên thế giới. Nội dung của tiêu chuẩn này còn nhiều chỉ tiêu, quy định chưa đầy đủ và chưa phù hợp với trình độ khoa học công nghệ cũng như tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực trắc địa công trình cũng như chưa cập nhật các ứng dụng mới của công nghệ định vị vệ tinh đã được ứng dụng trong trắc địa công trình (công nghệ GNSS động thời gian thực).

Số hồ sơ lưu: 21894

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

87863.10-2023 **Nghiên cứu giải pháp công nghệ và thiết kế, chế tạo hệ thống đánh giá độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện phân phối/** TS. Phạm Duy Phong, ThS. Đặng Trung Hiếu; ThS. Nguyễn Huy Hoàng; ThS. Đàm Xuân Định; TS. Nguyễn Nam Quân; ThS. Đỗ Quốc Đáng; ThS. Vũ Ngọc Châm; TS. Thẩm Đức Phương; ThS. Đinh Văn Tuấn; ThS. Trần Trọng Thắng - Hà Nội - Trường Đại học Điện lực,

2023; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu phương pháp đánh giá độ tin cậy cung cấp điện (ĐTC CCD) của lưới phân phối (LPP) tại Việt Nam. Nghiên cứu đánh giá, lựa chọn giải pháp công nghệ để đánh giá các chỉ số ĐTC CCD của LPP. Nghiên cứu giải pháp, giao thức truyền thông giữa Trung tâm và Thiết bị đo. Nghiên cứu thiết kế thiết bị đo các thông số để đánh giá ĐTC CCD của LPP. Nghiên cứu chế tạo, hiệu chỉnh thiết bị đo các thông số để đánh giá ĐTC CCD của LPP. Nghiên cứu xây dựng chương trình điều khiển của thiết bị đo các thông số để đánh giá ĐTC CCD của LPP.

Số hồ sơ lưu: 22368

88044.10-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất trực sứ và tráng sứ cách điện sử dụng trong thiết bị lọc bụi tĩnh điện/** ThS. Mai Văn Dương, ThS. Nguyễn Thị Luyên; KS. Cao Thọ Tùng; KS. Trần Đoàn Trường; KS. Nguyễn Thu Dị - Hà Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2023; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về trực sứ cách điện và tráng sứ cách điện trong thiết bị lọc bụi tĩnh điện. Khảo sát các tính chất kỹ thuật của mẫu trực sứ và tráng sứ cách điện đối chứng. Thiết lập bài phối liệu, lựa chọn phối liệu và nghiên cứu thiết lập bài phối liệu xương, men của trực sứ và tráng sứ cách điện. Nghiên cứu công nghệ sản xuất trực sứ và tráng sứ cách điện, phương pháp tạo hình, quy trình gia công

niệt trực sứ và tráng sứ cách điện. Chế tạo tử sản phẩm trực sứ và tráng sứ cách điện quy mô phòng thí nghiệm và quy mô bán công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 22052

88747.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm hệ thống kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các thiết bị IoT dân dụng/** ThS. Vũ Hoài Nam, TS. Nguyễn Huy Trung; KS. Trần Thanh Tùng; ThS. Trịnh Bảo Khánh; NCV. Đào Đức Dương; KS. Ngô Thị Mỹ Hà; KS. Đoàn Hữu Phước; KS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; KS. Nguyễn Trung Nghĩa - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2023; 05/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết bị IoT dân dụng là thiết bị kết nối mạng (hoặc có thể kết nối mạng) có mối quan hệ với các dịch vụ liên kết và được người tiêu dùng sử dụng trong gia đình hoặc làm thiết bị đeo điện tử. Có nhiều cách phân loại thiết bị IoT như dựa trên hãng sản xuất, dựa trên giao thức sử dụng, dựa trên mục đích kết nối, ... Nhưng để phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài thì đề tài sẽ tập trung vào các thiết bị IoT hạn chế về tài nguyên như năng lượng tiêu thụ thấp, bộ nhớ lưu trữ hạn chế, khả năng tính toán hạn chế như IP camera, thiết bị định tuyến. Từ việc phân tích tính cấp thiết của thiết bị IoT dân dụng, đề tài xác định mục tiêu nghiên cứu nhằm đưa ra một hệ thống thông tin hỗ trợ đánh giá an toàn thông tin đối với các thiết bị IoT dân dụng theo các quy định hiện hành (tiêu chuẩn Châu Âu ETSI EN

303 645 V2.1.1 - Bảo mật vạn vật kết nối Internet: những yêu cầu cơ bản).

Số hồ sơ lưu: 21808

20202. Người máy và điều khiển tự động

88090.10-2023 Nghiên cứu thiết kế chế tạo Rôbot AGV có kết nối IoT trong các nhà máy thông minh của thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0/ TS. Trịnh Thị Khánh Ly, ThS. Lê Quốc Dũng; TS. Mai Hoàng Công Minh; TS. Nguyễn Hồng Thái; TS. Nguyễn Thùy Dương; PGS.TS. Lê Thị Lan; PGS.TS. Ngô Văn Hiền; ThS. Nguyễn Thành Trung - Hà Nội - Trường Đại học Điện lực, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu về rô bot tự hành AGV. Động học và động lực học rô bot tự hành AGV. Thiết kế và chế tạo rô bot AGV có kết nối internet vạn vật trong các nhà máy thông minh của thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Xây dựng phần mềm điều khiển và quản lý rô bot AGV (gồm nhiều rôbot) có tương tác với môi trường làm việc. Cung cấp giải pháp điều khiển thông minh phục vụ cho kết nối internet vạn vật cho các dây chuyền sản xuất tự động với quy mô sản xuất hàng hóa lớn.

Số hồ sơ lưu: 22010

88744.10-2023 Nghiên cứu định hướng chuẩn hóa về Trí tuệ nhân tạo ở Việt Nam/ TS. Nguyễn Đức Thủy, ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Vũ Minh Hiền - Hà Nội - Viện công nghiệp phần mềm và nội

dung số Việt Nam, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được kiến trúc cho hệ thống tiêu chuẩn về AI. Các tiêu chuẩn cần đáp ứng cung cấp thông tin, thông hiểu một cách nhất quán về các định nghĩa, khái niệm; thiết lập khung khuôn khổ cho các quá trình thực thi về thiết kế, phát triển, triển khai và vận hành các hệ thống, sản phẩm, dịch vụ AI. Xác định các lĩnh vực trọng tâm trong chuẩn hóa AI để từ đó xây dựng lộ trình cụ thể nghiên cứu xây dựng ban hành các tiêu chuẩn AI trong nước. Đảm bảo sự hài hòa giữa tiêu chuẩn trong nước và tiêu chuẩn quốc tế, thúc đẩy quá trình hội nhập toàn cầu về thị trường sản phẩm dịch vụ AI.

Số hồ sơ lưu: 21804

88746.10-2023 Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm hệ thống kiểm tra, đánh giá hiệu năng và độ tin cậy của các sản phẩm, mô hình trí tuệ nhân tạo/ TS. Nguyễn Văn Tiến, TS. Đỗ Trung Anh; ThS. Trần Huy Long; KS. Nguyễn Thị Phương Nam; KS. Nguyễn Trần Việt Anh; KS. Lê Văn Quang; CV. Nguyễn Thị Phương Lan; ThS. Lê Hải Việt; KS. Nguyễn Trung Nghĩa; KS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Nguyễn Doãn Hiếu - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2023; 05/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá xu thế và nhu cầu kiểm tra, đánh giá hiệu năng và độ tin cậy của các sản phẩm, mô hình trí tuệ nhân tạo. Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước, giải pháp của các đơn vị, tổ chức đánh giá

quốc tế trong việc đánh giá hiệu năng và độ tin cậy của các sản phẩm, mô hình trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực nhận diện ảnh và video. Thiết kế, xây dựng thử nghiệm hệ thống kiểm tra, đánh giá hiệu năng và độ tin cậy của các sản phẩm, mô hình trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực nhận diện ảnh và video. Thử nghiệm và đánh giá kết quả hệ thống phần mềm kiểm tra, đánh giá hiệu năng và độ tin cậy của các sản phẩm, mô hình trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực nhận diện ảnh và video. Đề xuất hướng triển khai, phát triển hệ thống phục vụ chuyển đổi số ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21807

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

88066.10-2023 **Nghiên cứu giải pháp thiết kế tích hợp trên phần mềm CAD và gia công biên dạng Cycloid trên máy CNC 5 trục/** PGS. TS. Phạm Văn Bông, ThS. Nguyễn Văn Quê; PGS. TS. Hoàng Tiến Dũng; TS. Nguyễn Văn Thiện; PGS. TS. Phạm Văn Đông; ThS. Nguyễn Huy Kiên; PGS. TS. Hoàng Long; ThS. Phạm Thị Thiều Thoa; TS. Đỗ Đức Trung; CN. Đỗ Đức Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2023; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thiết kế bề mặt cycloid của trục vít theo phương pháp kỹ thuật thiết kế ngược và tích hợp với lập trình thiết kế biên dạng đối ứng của bề mặt cycloid. Thiết kế quy trình công nghệ gia công cặp

trục vít cycloid ứng dụng công nghệ gia công trên máy CNC 5 trục. Khai thác khả năng công nghệ của thiết bị scan và trung tâm CNC 5 trục tại Khoa Cơ khí – Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 21965

88094.10-2023 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống giám sát, điều khiển, vận hành thông minh cho các hệ thống tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo/** PGS.TS. Nguyễn Hữu Đức, ThS. Trần Văn Tuấn; ThS. Đặng Văn Bính; TS. Trịnh Ngọc Tuấn; TS. Nguyễn Hưng Nguyên; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang; TS. Phí Thị Hằng; ThS. Ngô Thị Nhip; ThS. Phùng Anh Xuân; ThS. Nguyễn Ngọc Văn - Hà Nội - Trường Đại học Điện lực, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về công nghệ một số nguồn năng lượng tái tạo như tuabin gió trục ngang công suất nhỏ, điện mặt trời áp mái quy mô nhỏ và vừa. Đánh giá tính khả thi về kinh tế, kỹ thuật khi kết nối điện mặt trời áp mái và điện gió vào lưới điện hạ thế. Đề xuất xây dựng một hệ thống năng lượng tích hợp các nguồn điện mặt trời áp mái, điện gió và xe điện. Đề xuất xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu, điều khiển cho hệ thống tích hợp năng lượng tái tạo. Xây dựng giải thuật điều khiển, vận hành cho hệ thống tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo. Xây dựng chương trình giám sát, điều khiển và vận hành thông minh cho hệ thống tích hợp năng lượng tái tạo. Thiết kế và chế tạo một bộ hệ thống giám sát,

điều khiển, vận hành cho hệ thống tích hợp năng lượng tái tạo. Thử nghiệm, đo đạc, hiệu chỉnh và phân tích toàn bộ hệ thống giám sát, điều khiển, vận hành vào hệ thống tích hợp năng lượng đã xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22017

88234.10-2023 Nghiên cứu, chế tạo, thử nghiệm hệ thống điều khiển chạy tàu ga điện khí tập trung ứng dụng công nghệ vi điều khiển/ ThS. Đặng Quang Thạch, GS.TS. Lê Hùng Lân; PGS.TS. Nguyễn Thanh Hải; TS. Nguyễn Quang Tuấn; ThS. Nguyễn Văn Sinh; ThS. Cồ Như Văn; KS. Nguyễn Bá Thi; ThS. Nguyễn Quang Hải; ThS. Lê Hồng Minh; ThS. Đỗ Trọng Tấn - Hà Nội - Viện Ứng dụng công nghệ, 2022; 06/2017 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ điều khiển chạy tàu ga điện khí tập trung ứng dụng công nghệ vi điều khiển; Chế tạo và thử nghiệm hệ thống điều khiển chạy tàu ga điện khí tập trung ứng dụng công nghệ vi điều khiển cho ga 03 đường; Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ thiết kế, chế tạo và khai thác hệ thống; Xây dựng bộ tài liệu thiết kế, chế tạo hệ thống điều khiển chạy tàu ga điện khí tập trung ứng dụng công nghệ vi điều khiển phù hợp với điều kiện Việt Nam; Xây dựng hệ thống điều khiển chạy tàu ga điện khí tập trung ứng dụng công nghệ vi điều khiển có chất lượng sản phẩm đạt mức độ tiên tiến về công nghệ, hiệu quả về kinh tế và phù hợp với việc xây dựng mới các

ga điện khí tập trung có quy mô vừa và nhỏ như ở đường sắt Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22527

88524.10-2023 Nghiên cứu xây dựng dữ liệu báo cáo tổng hợp về tình hình kinh tế xã hội và quản lý nhà nước của ngành xây dựng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/ TS. Lê Văn Cư, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan; TS. Nguyễn Phạm Quang Tú; ThS. Nguyễn Phương Anh; ThS. Trần Thu Hoài; CN. Nguyễn Thị Chung; KS. Trần Thị Thanh Huyền; CN. Đỗ Khắc Quý; CN. Nguyễn Trọng Khánh; ThS. Nguyễn Chiến Thắng; CN. Tạ Phương Bình; ThS. Nguyễn Thị Hoài Thu; KS. Nguyễn Hoài Nam; ThS. Nguyễn Việt Cường; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm nâng cao chất lượng báo cáo và tạo lập hệ thống công cụ giúp cho việc lập các báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội và công tác quản lý ngành xây dựng tại địa phương được thuận lợi, có số liệu tin cậy phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ. Đề xuất biểu mẫu báo cáo tình hình KTXH và công tác quản lý ngành xây dựng tại địa phương, trên cơ sở đó dự thảo Báo cáo công tác quản lý ngành xây dựng cho các tỉnh thành phố và xây dựng phần mềm hỗ trợ cho công tác lập các báo cáo này.

Số hồ sơ lưu: 22112

88692.10-2023 Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị định vị chính xác sử dụng trong giám sát

máy công trình/ ThS. Nguyễn Hoàng Long, ThS. Trịnh Thị Thương; ThS. Nguyễn Văn Đưa; ThS. Lê Quốc Tuấn; ThS. Đỗ Trọng Tấn; ThS. Vũ Xuân Mạnh; ThS. Đoàn Hồng Quang; ThS. Lê Duy Tùng; KS. Nguyễn Bá Đạt - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và Tin học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu trữ, hiển thị lại vị trí hoạt động. Cập nhật, lưu trữ thông tin thiết bị (tên, mã thiết bị, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, tình trạng hoạt động, bảo trì, bảo dưỡng...). Cập nhật, lưu trữ thông tin dự án (Thông tin cơ bản dự án, thiết bị hiện tại sử dụng ở dự án...). Nghiên cứu đã kết nối được mạng lưới chuyên gia trong nhiều lĩnh vực bao gồm: Cơ khí, Điện tử, xây dựng... qua đó có thể phát triển sâu rộng hơn nữa các sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ. Tập trung hoàn thiện và phát triển các tính năng của phần mềm theo hướng thân thiện, dễ sử dụng với người dùng. Tìm kiếm và khai thác thêm khách hàng, lĩnh vực có tiềm năng ứng dụng sản phẩm của đề tài như: Định vị, quản lý container hàng hóa tại các cảng biển; ứng dụng trong điều khiển máy móc chính xác sử dụng trong nông nghiệp công nghệ cao; các bài toán trong trắc địa...

Số hồ sơ lưu: 22167

88840.10-2023 Nghiên cứu xây dựng thí điểm hệ thống ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ hoạt động đánh giá, khảo thí trực tuyến/ TS. Trần Tiến Công, TS. Đỗ Trung Anh ThS. Nguyễn Thị Bích Liên; KS. Nguyễn Thị Kim Ngân;

ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh; KS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; PGS.TS. Trần Quang Anh; TS. Nguyễn Huy Trung - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá nhu cầu về các hệ thống phục vụ đánh giá, khảo thí trực tuyến. Nghiên cứu, xây dựng các yêu cầu và thiết kế hệ thống phục vụ đánh giá, khảo thí trực tuyến. Nghiên cứu, xây dựng các mô hình học máy để xác định bất thường từ hình ảnh. Nghiên cứu tích hợp mô hình học máy vào phần mềm thi online hoàn chỉnh đáp ứng ngay nhu cầu thi online Xây dựng và thử nghiệm công cụ thi online tích hợp mô đun cảnh báo hành vi bất thường của người thi tại Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông.

Số hồ sơ lưu: 21868

88872.10-2023 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong đăng ký, điều phối và quản lý bệnh nhân khám và điều trị ngoại trú tại cơ sở khám chữa bệnh của Việt Nam/ ThS. Vũ Xuân Mạnh, CN. Nguyễn Huy Hưng; TS. Nguyễn Duy Tài; CN. Nguyễn Minh Thắng; KS. Nguyễn Văn Hương; KS. Nguyễn Bá Chương; KS. Nguyễn Huy Khản; ThS. Nguyễn Chí Long; ThS. Nguyễn Huy Công; ThS. Nguyễn Tuấn Hùng - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc, 2023; 07/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng phần mềm đăng ký khám bệnh và theo dõi thứ tự phục

vụ từ xa trên nền tảng webserver. Phát triển phần mềm và thiết bị lấy số và đăng ký khám bệnh tại cơ sở khám chữa bệnh. Xây dựng hệ thống xếp hàng tự động bao gồm: (1) các thiết bị phần cứng gọi bệnh nhân, hiển thị thông tin và gọi làm thủ tục đăng ký khám bằng giọng nói tại khu vực đón tiếp; (2) mô đun phần mềm quản lý xếp hàng tại khu vực đón tiếp; (3) phân luồng phòng khám. Phát triển Engine tự động phân loại bệnh nhân theo triệu chứng lập sàng để tích hợp với mô đun phần mềm hỗ trợ phân luồng khám tự động. Xây dựng hệ thống server quản lý cơ sở dữ liệu khám bệnh: (1) quản lý nhật ký khám bệnh và dữ liệu bệnh nhân; (2) theo dõi và nhắc lịch khám tự động cho bệnh nhân qua điện thoại (gọi điện hoặc nhắn tin SMS). Thử nghiệm hệ thống trên 03 bệnh viện đa khoa.

Số hồ sơ lưu: 21924

88955.10-2023 **Thiết kế, chế tạo hệ vi lưu có tích hợp vi bơm và van điều khiển định hướng ứng dụng trong phân tích điện hóa, y sinh và môi trường.**/ ThS. Lê Bình Dương, ThS. Lê Văn Tâm; ThS. Trần Quang Thịnh; ThS. Triệu Văn Vũ Quân; ThS. Quách Công Hoàng; KS. Trịnh Thị Hậu; KS. Dương Thị Thanh Trà; PGS. TS. Mai Anh Tuấn; Ths. Trịnh Thị Thương - Hà Nội - Trung tâm Ươm tạo Công nghệ và Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ, 2023; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tính toán, thiết kế, mô phỏng và đề xuất cấu hình hệ vi

lưu. Thiết kế, chế tạo bộ khuôn cho hệ vi lưu sử dụng công nghệ quang khắc. Thiết kế, chế tạo bộ khuôn cho hệ vi lưu bằng công nghệ cơ khí chính xác CNC. Thiết kế, chế tạo bộ khuôn cho hệ vi lưu bằng công nghệ in 3D, sử dụng máy in 3D độ chính xác cao. Chế tạo hệ vi lưu, tích hợp vi bơm và van điều khiển. Đo lường, đánh giá khả năng ứng dụng hệ vi lưu trong lĩnh vực phân tích điện hóa, y sinh và môi trường.

Số hồ sơ lưu: 22005

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

88696.10-2023 **Nghiên cứu rà soát và cập nhật quy chuẩn kỹ thuật về thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 9 kHz - 25 MHz/ ThS. Nguyễn Hữu Khánh, Lỗ Quốc Việt; Trần Công Khanh; Phạm Minh Sơn; Bùi Phan Trương Trọng Trí; Phạm Minh Trang; Nguyễn Kiều Diễm; Võ Ngọc Tuấn - Hà Nội - Cục Viễn thông, 2022; 02/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Xuất phát từ thực tế nhu cầu quản lý đối với thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 9 kHz – 25 MHz, tình hình tiêu chuẩn hóa trên thế giới, tình hình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam đối với nhóm thiết bị vô tuyến cự ly ngắn. Nhóm thực hiện xây dựng dự thảo Quy chuẩn đã nghiên cứu, xây dựng Dự thảo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 9 kHz - 25 MHz”. Việc nghiên cứu rà soát và cập nhật quy chuẩn kỹ thuật đối với thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 9 kHz – 25 MHz được

dùng làm sở cứ để đánh giá chất lượng thiết bị này và các vấn đề sử dụng tần số vô tuyến điện tại Việt Nam từ khi được nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh là rất cần thiết.

Số hồ sơ lưu: 22171

88812.10-2023 Nghiên cứu xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm an toàn thông tin/ TS. Trần Mạnh Thắng, ThS. Trần Đăng Khoa; ThS. Nguyễn Đức Tuấn; ThS. Dương Thị Minh; ThS. Đinh Thị Như Hoa; KS. Đặng Thị Ngọc Trang; ThS. Đỗ Văn Tráng ; KS. Lê Đình Chiến; CN. Nguyễn Thị Ánh Hồng; ThS. Đặng Huy Hoàng; CN. Hoàng Thanh vân; ThS. Vũ Việt Hùng; KS. Ngô Lê Hoàng; CN. Hoàng Hồng Anh; CN. Bùi Thị Minh Hà - Hà Nội - Cục An toàn thông tin, 2022; 02/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng dự thảo các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin cho các sản phẩm bao gồm: + Tường lửa cho các hệ thống ứng dụng trên nền tảng web (WAF); + Sản phẩm phòng chống mã độc trên thiết bị đầu cuối. Phân tích, tổng hợp, tham chiếu các tài liệu đã được công bố có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu. Lựa chọn, đánh giá các yếu tố phù hợp và không phù hợp để đưa vào áp dụng tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21836

88837.10-2023 Nghiên cứu xu hướng quốc tế trong quy hoạch và sử dụng băng tần 6 GHz và khuyến nghị cho Việt Nam/ ThS. Nguyễn Phương Đông, KS. Bùi Hà Long; TS. Hoàng Lê Trung; TS.

Lương Xuân Trường; ThS. Vũ Sơn Tùng; Lương Thúy Oanh - Hà Nội - Cục Tần số vô tuyến điện, 2022; 02/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tổng quan về tình hình nghiên cứu trong nước và nước ngoài liên quan đến chính sách và quy hoạch băng tần 5925 – 7125 MHz cho thông tin di động IMT-2020. Ngành viễn thông thế giới đang chứng kiến cuộc đua tiếp theo về công nghệ và dịch vụ thông tin di động để định hình thị trường thông tin di động 5G trong một vài năm tới. Băng tần 6 GHz có thể cung cấp băng thông khá lớn, tối đa lên đến 1200 MHz, và khả năng phủ sóng tốt hơn các băng tần cao đã được quy hoạch tại Hội nghị Thông tin vô tuyến thế giới năm 2019, thường gọi là các băng tần millimeter Wave (gồm các băng tần 26 GHz, 40 GHz, 50 GHz, 70 GHz). Các tổ chức quan trọng liên quan đến thông tin vô tuyến điện, thông tin di động băng rộng như Cơ quan Thông tin vô tuyến của Liên minh Viễn thông quốc tế (bao gồm cả các Ban công tác chuyên môn của ITU-R về thông tin di động thông tin vệ tinh, các hệ thống thông tin mặt đất, ...) và Dự án hợp tác thế hệ thứ 3 (3GPP) đang đồng loạt triển khai nghiên cứu về khả năng sử dụng băng tần 6 GHz. Như vậy, việc triển khai nghiên cứu về khả năng quy hoạch băng tần 6 GHz tại Việt Nam là có cơ sở thực tiễn và phù hợp với xu thế chung của thế giới.

Số hồ sơ lưu: 21861

88950.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng nền tảng AIOT dựa trên mã nguồn mở tích hợp các bài toán ứng dụng IOT trong hoạt động kinh doanh, vận hành của doanh nghiệp/** ThS. Dư Thái Hùng, ThS. Hà Viễn Dương; ThS. Nguyễn Đức Quỳnh; ThS. Nguyễn Thúc Cương; ThS. Nguyễn Tất Hậu; KS. Nguyễn Duy Hùng; KS. Trần Chí Quang; KS. Hoàng Thị Như Quỳnh - Hà Nội - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone, 2023; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, tìm hiểu, đánh giá hiện trạng và nhu cầu cấp thiết trong việc xây dựng nền tảng AIoT. Tìm hiểu và đề xuất các giải pháp công nghệ trong việc xây dựng nền tảng AIoT phục vụ sản xuất kinh doanh tại Tổng công ty MobiFone. Xây dựng và triển khai nền tảng AIoT ứng dụng các công nghệ xử lý dữ liệu lớn, mã nguồn mở. Đề xuất lộ trình triển khai nền tảng AIoT tại Tổng công ty MobiFone.

Số hồ sơ lưu: 21992

20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác

88122.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện cho thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin/** TS. Hà Thị Kim Thoa, CN. Nguyễn Văn Khanh; ThS. Nguyễn Đình Tuấn; ThS. Nguyễn Ngọc Nam; KS. Lữ Văn Thắng; ThS. Lê Hồng Linh; ThS. Nguyễn Hoàng Sơn; CN. Đặng Thị Thanh Tâm - Hà Nội - Cục Tần số vô tuyến

điện, 2022; 02/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tình hình chuẩn hóa về an toàn điện cho thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin trên thế giới. Nghiên cứu tình hình chuẩn hóa về an toàn điện cho thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin trong nước. Đánh giá nhu cầu chuẩn hóa về an toàn điện đối với thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin. Nghiên cứu đề xuất lựa chọn tài liệu tham chiếu và hình thức áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện cho thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin. Xây dựng thuyết minh và dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện cho thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin.

Số hồ sơ lưu: 21887

88763.10-2023 **Nghiên cứu đề xuất các quy định về dữ liệu số liên quan đến giao dịch điện tử/** TS. Trần Minh Tân, Nguyễn Quỳnh Anh; Mai Thị Thanh Bình - Hà Nội - Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích về vai trò, tầm quan trọng của dữ liệu số, vai trò của dữ liệu số trong các hoạt động chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội; những 11 thách thức đối với dữ liệu trong việc phát triển thị trường dữ liệu và trong các hoạt động giao dịch điện tử. Nghiên cứu, tìm hiểu các quy định mang tính pháp lý của các quốc gia, tổ chức quốc tế được lựa chọn về cách thức quản lý và thúc đẩy phát triển dữ liệu số, các quy định về dữ liệu số trong giao dịch

điện tử, các dịch vụ dữ liệu. Tập trung chủ yếu vào việc rà soát các văn bản pháp lý quy định hiện hành của Việt Nam về dữ liệu số và việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu; phân tích những thách thức, những điểm còn thiếu trong các văn bản pháp luật hiện nay về dữ liệu số trước nhu cầu đẩy mạnh các hoạt động giao dịch điện tử của Việt Nam. Đề xuất hoàn thiện quy định pháp lý về dữ liệu số để làm nền tảng thúc đẩy phát triển giao dịch điện tử và các dịch vụ giao dịch, chia sẻ dữ liệu tại Việt Nam trên cơ sở sự kết hợp giữa việc tạo dựng niềm tin của toàn xã hội với lợi ích của đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số.

Số hồ sơ lưu: 21819

20302. Chế tạo máy nói chung

88924.10-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo lò nung nóng chảy Bridgman ứng dụng trong nuôi tinh thể nhập nháy dùng trong ghi đo bức xạ/** KS. Võ Tài Đại, KS. Lâm Tấn Trúc; KS. Trần Văn Huy; CN. Huỳnh Thế Phi; TS. Phan Việt Cương; ThS. Lê Tuấn Anh - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ Bức xạ, 2023; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan trong nước và quốc tế về lĩnh vực nuôi tinh thể. Nghiên cứu nguyên lý làm việc và cơ chế cơ học tạo tinh thể của phương pháp Bridgman từ đó thiết kế sơ đồ chi tiết lò nung. Chế tạo lò nung với các tham số vật lý được lập trình điều khiển tự động hoá. Kiểm tra tính

chất của tinh thể nuôi được và xử lý số liệu.

Số hồ sơ lưu: 21958

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

88053.10-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo chuyển giao máy xay trộn thức ăn chăn nuôi phục vụ sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi, hợp tác xã nông nghiệp/** TS. Nguyễn Việt Cường, ThS. Vũ Quyết Thắng; ThS. Nguyễn Quốc Việt; ThS. Trần Thị Thu Hồng; KS. Nguyễn Công Luận; ThS. Lã Mai Anh; ThS. Nguyễn Chí Công; CN. Nguyễn Thị Huyền Trang - Hải Phòng - Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Bộ, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn hoạt động của các hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi. Thực trạng xay trộn thức ăn chăn nuôi. Thiết kế máy xay trộn thức ăn chăn nuôi có tích hợp hệ thống tự động ứng dụng HMI, PLC điều khiển và giám sát các thông số quá trình xay trộn. qua đó có thể mở rộng lắp đặt các băng tải truyền chuyển nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi phục vụ hợp tác xã chăn nuôi, các hợp tác xã sản xuất thức ăn chăn nuôi. Chuyển giao kỹ thuật sử dụng máy xay trộn thức ăn chăn nuôi cho hợp tác xã.

Số hồ sơ lưu: 22047

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng

87955.10-2023 **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo bộ bể ghi thủy lực tự động sử dụng trong mỏ hầm lò/** ThS. Nguyễn Thế Hoàng, TS. Kiều Đức Thịnh; ThS. Phạm Tuấn Long; ThS. Phạm Thị Thủy; ThS. Bùi Minh Hoàng; TS. Phạm Đức Thiên; ThS. Lê Thị Hồng Diệp; TS. Phạm Ngọc Chung; KS. Đoàn Trọng Tuấn; KS. Lê Bá Biên - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mỏ, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ thiết kế, công nghệ chế tạo bộ bể ghi thủy lực tự động phòng nổ phục vụ công tác vận tải mỏ. Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo bộ bể ghi thủy lực tự động phòng nổ cho tuyến đường sắt khổ đường 900. Chế tạo 01 bộ bể ghi thủy lực tự động phòng nổ gồm: kết cấu cơ khí, hệ thống điều khiển thủy lực – điện. Lắp đặt và ứng dụng 01 bộ bể ghi thủy lực tự động phòng nổ vào thực tế.

Số hồ sơ lưu: 22122

88059.10-2023 **Xây dựng kế hoạch, lộ trình đến năm 2025 về nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công nghệ ngành khai thác, chế biến khoáng sản Việt Nam/** TS. Nguyễn Huy Hoàn, TS. Lê Việt Dũng; TS. Nguyễn Văn Hạnh; TS. Nguyễn Thị Minh; PGS. TS. Phùng Mạnh Đắc; TS. Nguyễn Chí Công; TS. Lê Đức Nguyên; TS. Hoàng Linh Lan; ThS. Phan Cẩm Tú; ThS. Cao Xuân Hùng - Hà Nội - Trung tâm KHCN Chế biến và Sử dụng

khoáng sản, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về công nghệ và thiết bị tiên tiến sử dụng trong khai thác, tuyển và chế biến khoáng sản trên thế giới. Đánh giá thực trạng sản xuất và nghiên cứu đổi mới, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị khai thác, tuyển và chế biến khoáng sản ở Việt Nam. Đánh giá nhu cầu và xây dựng dự thảo kế hoạch nhiệm vụ, lộ trình cụ thể đến năm 2025 và định hướng nhiệm vụ đến năm 2035 về nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị khai thác, tuyển và chế biến khoáng sản.

Số hồ sơ lưu: 21979

20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng

88681.10-2023 **Nghiên cứu đánh giá khả năng sử dụng chất thải bùn đỏ làm phụ gia tăng hiệu quả đốt than của Nhà máy nhiệt điện trong liên hợp Alumin-Tân Rai/** ThS. Nguyễn Thị Thục Phương, CN. Vũ Thị Phước; TS. Hoàng Nhuận; ThS. Hoàng Hữu Hiệp; PGS.TS. Lê Thị Mai Hương; TS. Hoàng Văn Đức; TS. Trần Ngọc Hà; TS. Lê Đức Dũng; KS. Nguyễn Văn Tiến; CN. Hoàng Thị Tuyền - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2022; 01/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu ảnh hưởng của các phụ gia chứa các nguyên tố riêng rẽ Na, Ca, Al và Fe đến hiệu quả đốt than (trên mẫu than cám 4 và thử nghiệm trên mẫu than cám 6) đánh giá trên 2 tiêu chí: Giảm nhiệt độ bắt cháy và

tăng độ cháy kiệt của than. Nghiên cứu ảnh hưởng của hệ phụ gia đa nguyên tố chứa Na-Ca-Al-Fe đến hiệu quả đốt than (trên mẫu than cám 4 và thử nghiệm trên mẫu than cám 6) đánh giá trên 2 tiêu chí: Giảm nhiệt độ bắt cháy và tăng độ cháy kiệt của than. Đánh giá đặc trưng của bùn đỏ. Nghiên cứu ảnh hưởng của bùn đỏ và giải pháp biến tính bùn đỏ đến hiệu quả đốt than than (trên mẫu than cám 4 và thử nghiệm trên mẫu than cám 6) đánh giá trên 2 tiêu chí: Giảm nhiệt độ bắt cháy và tăng độ cháy kiệt của than.

Số hồ sơ lưu: 22088

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

88061.10-2023 Nghiên cứu công nghệ tinh chế oxit nhôm tinh khiết từ hydroxit nhôm công nghiệp vùng Tây Nguyên và ứng dụng vào sản xuất bi cao nhôm chất lượng cao/ TS. Nguyễn Thị Hồng Phượng, TS. Vũ Thị Tàn; TS. Vũ Minh Khôi; TS. Nguyễn Quang Bắc; TS. Vũ Thị Ngọc Minh; TS. Bùi Thị Vân Anh; PGS. TS. La Thế Vinh; TS. Huỳnh Thu Sương; ThS. Quách Thị Phượng; KS. Nguyễn Thế Dương; ThS. Mai Văn Võ; PGS. TS. Huỳnh Đăng Chính; KS. La Xuân Quang; TS. Phạm Ngọc Chức; CN. Nguyễn Thương Hoài - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về công nghệ sản xuất gốm cao nhôm và bi nghiền cao

nhôm. Đánh giá chất lượng nguyên liệu nhôm hydroxit vùng Tây Nguyên. Tách và làm sạch các tạp chất khỏi nhôm hydroxit. Hòa tách nhôm hydroxit và sản xuất một số tiền chất. Nghiên cứu tổng hợp α -Al₂O₃ và quá trình sấy, nung sản phẩm. Sản xuất thử nghiệm 2000 kg bột α -Al₂O₃ và 2000 kg bi nghiền cao nhôm. Đánh giá các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật và xây dựng quy trình công nghệ sản xuất bi nghiền cao nhôm. Đánh giá hiệu quả kinh tế và tác động môi trường.

Số hồ sơ lưu: 21968

88062.10-2023 nghiên cứu tạo lớp cacbit titan trên bề mặt khuôn dập nóng bằng phương pháp gia công tia lửa điện để nâng cao khả năng làm việc của khuôn/ PGS.TS. Phạm Văn Đông, ThS. Nguyễn Huy Kiên; TS. Nguyễn Hữu Phấn; TS. Trần Quốc Hùng; ThS. Hoàng Xuân Thịnh; ThS. Nguyễn Mai Anh; TS. Nguyễn Văn Thiện; ThS. Hoàng Văn Nam; CN. Phạm Thị Minh Hoa; TS. Ngô Cường - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về công nghiệp khuôn mẫu và công nghệ dập nóng. Xây dựng công nghệ chế tạo khuôn dập nóng và chất lượng lớp phủ bề mặt vật liệu làm khuôn bằng tia lửa điện. Nghiên cứu mô phỏng và phân tích quá trình khuôn dập nóng bằng phần mềm Qform. Nghiên cứu tạo lớp TiC trên bề mặt khuôn nóng bằng gia công tia lửa điện.

Số hồ sơ lưu: 22024

88072.10-2023 **Nghiên cứu công nghệ chế tạo màng nhựa phân hủy sinh học hoàn toàn trên cơ sở hỗn hợp tinh bột sắn Việt Nam/ GS.TS. Đặng Thị Kim Chi, TS. Vũ Minh Đức; TS. Nguyễn Châu Giang; PGS. TS. Nguyễn Thanh Liêm; PGS.TS. Bạch Trọng Phúc; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; TS. Phạm Đức Thi; PGS.TS. Nguyễn Huy Tùng ; TS. Nguyễn Thanh Hương ; TS. Phan Thị Tuyết Mai - Hà Nội - Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam, 2023; 10/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng quan về tình hình sản xuất và tiêu thụ nhựa tự phân hủy trên thế giới và hiện trạng các công nghệ chế tạo nhựa tự phân hủy hoàn toàn hiện có ở Việt Nam. Nghiên cứu chế tạo nhựa tự phân hủy từ tinh bột và PBAT/PLA. Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo hạt tinh bột sắn nhiệt dẻo biến tính và quy trình công nghệ chế tạo hạt nhựa tự phân hủy, túi đựng rác phân hủy sinh học hoàn toàn. Xác định khả năng phân rã của màng nhựa tự phân hủy Tinh bột /PBAT/PLA. Xác định khả năng phân hủy sinh học hiếu khí hoàn toàn của màng nhựa tự phân hủy Tinh bột / PBAT/PLA trong các điều kiện của quá trình tạo compost được kiểm soát theo phương pháp phân tích cacbon dioxit sinh ra.

Số hồ sơ lưu: 22012

88106.10-2023 **Hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm đồng kim loại từ dung dịch ăn mòn bằng mạch thải chứa đồng/**

ThS. Kiều Quang Phúc, ThS. Nguyễn Hồng Quân; KS. Nguyễn Hòa An; ThS. Quán Văn Dũng; KS. Đỗ Đức Hiếu; ThS. Nguyễn Minh Đạt; ThS. Hoàng Văn Quân; ThS. Lê Việt Dũng; ThS. Đinh Sơn Dương; ThS. Trần Ngọc Anh - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mở - luyện kim, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ công đoạn chiết đồng từ dung dịch. Xây dựng quy trình công nghệ chiết – điện phân thu hồi đồng kim loại từ dung dịch đồng clorua thải. Xây dựng dây chuyền thiết bị thu hồi đồng năng suất 200kg/ngày đêm đảm bảo vận hành liên tục, ổn định. Sản xuất và tiêu thụ 55 tấn đồng kim loại đạt độ sạch tối thiểu 99,9% Cu, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước.

Số hồ sơ lưu: 22035

20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung

88960.10-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý bề mặt tiên tiến (thấm nito và mạ PVD) chế tạo chốt trong khuôn đúc áp lực cao hợp kim nhôm/ TS. Nguyễn Văn Thành, TS. Phạm Hồng Tuấn; ThS. Nguyễn Thành Hợp; ThS. Nguyễn Thị Thanh Lan; KS. Nguyễn Tuấn Vũ; KS. Bùi Tố Trinh; CN. Phạm Kim Thu - Hà Nội - Trung tâm Quang điện tử, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu công nghệ xử lý bề mặt kép chế tạo chi tiết chốt tạo lỗ cho khuôn đúc nhôm áp lực cao.

Quy trình công nghệ chế tạo chốt tạo lỗ từ thép SKD61. Nghiên cứu đặc tính của vật liệu thông qua mẫu phẳng, cùng chế độ xử lý nhiệt và bề mặt với chốt. Chế tạo chốt theo quy trình công nghệ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và thử nghiệm đúc chốt thực tế tại công ty CP Thành Công-Khu công nghiệp Đông Thọ - Bắc Ninh.

Số hồ sơ lưu: 22015

20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim

87824.10-2023 Nghiên cứu xây dựng mô hình phát tán các kim loại nặng vào môi trường khu vực có khoáng sản sulfur/ ThS. Phạm Văn Chung, ThS. Nguyễn Khắc Hoàng Giang; TS. Nguyễn Thị Thục Anh; ThS. Vũ Thị Hồng Cẩm; ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh; ThS. Lê Trung Kiên; ThS. Đỗ Mạnh Tuân; TS. Trần Thị Hồng Minh; TS. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Xuân Quả - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Các mỏ khoáng sản sunfur là những mỏ có thể sinh ra dòng thải axit mỏ và phát tán ra môi trường nhiều kim loại nặng vào môi trường, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người tại những khu vực xung quanh của mỏ. Các quá trình phân tán các kim loại nặng vào môi trường xảy ra rất phức tạp, chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau. Tuy nhiên, quá trình chung là do các khoáng vật sunfur tồn tại ở quặng gốc, đá thải, quặng đuôi, ... sẽ bị phong hóa, các hoạt động khoáng sản và khí hậu sẽ

làm tăng tốc độ của các phản ứng hóa học. Mô hình phát tán các kim loại nặng vào môi trường tại các mỏ sunfur là sự mô phỏng cơ chế phát tán dựa trên cơ sở dữ liệu, sử dụng những thuật toán và phần mềm để biểu diễn. Mô hình phát tán các kim loại nặng vào môi trường có thể dự báo và đề xuất những giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Xây dựng được mô hình phát tán các nguyên tố kim loại nặng trong môi trường đất và môi trường nước tại 03 khu vực có khoáng sản sulfur ở miền Bắc Việt Nam. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường tại 03 khu vực có khoáng sản sulfur ở miền Bắc Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22350

20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen

87870.10-2023 Chế tạo một số vật liệu kim loại chuyển tiếp chalcogen (MoS_2 , WSe_2) ứng dụng cho điện cực pin Li-ion và cảm biến khí/ TS. Lê Viết Thông, TS. Trần Năm Trung; TS. Lê Mạnh Tú; ThS. Lê Thị Thanh Liễu; CN. Nguyễn Thị Hồng - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2023; 09/2019 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các phương pháp chế tạo một số vật liệu kim loại chuyển tiếp chalcogen (TMD) hai chiều cấu trúc nano và lai hóa với các oxit kim loại bán dẫn nhằm mục tiêu tăng cường độ nhạy, giảm nhiệt độ làm việc của cảm biến khí và tăng khả năng lưu trữ điện tích của các thiết bị lưu trữ điện năng (pin lithium-ion hoặc/và siêu tụ điện).

Số hồ sơ lưu: 22366

20507. Vật liệu xây dựng

88034.10-2023 **Nghiên cứu sử dụng và xây dựng tiêu chuẩn xi phốt pho lò điện cho sản xuất xi măng và bê tông/** ThS. Nguyễn Văn Đoàn, Phạm Hữu Thiên; Vũ Hải Quang; Tạ Văn Luân; Phan Văn Quỳnh; Vũ Văn Linh; Phạm Văn Tuấn; Nguyễn Thị Mai; Đỗ Đình Đức; Nguyễn Hữu Hoàng; Phạm Phương Nam; Lê Duy Văn - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về sử dụng xi phốt pho GEFPS cho sản xuất xi măng và bê tông trên thế giới và Việt Nam; Khảo sát, đánh giá công nghệ sản xuất và tính chất của xi phốt pho lò điện GEFPS; Nghiên cứu đánh giá khả năng sử dụng GEFPS làm phụ gia khoáng cho sản xuất xi măng; Nghiên cứu đánh giá khả năng sử dụng xi phốt pho GEFPS làm phụ gia khoáng cho sản xuất bê tông; Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật khi sử dụng xi phốt pho GEFPS làm phụ gia khoáng cho sản xuất xi măng và bê tông; Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia xi phốt pho GEFPS cho sản xuất xi măng và bê tông; Xây dựng hướng dẫn sử dụng xi phốt pho GEFPS làm phụ gia khoáng cho sản xuất xi măng và bê tông.

Số hồ sơ lưu: 22518

88095.10-2023 **Nghiên cứu công nghệ sử dụng chất thải rắn sinh hoạt chứa năng lượng trong sản xuất clanhke xi măng/** ThS.

Trịnh Thị Châm, KS. Trần Thanh Bình; TS. Lưu Thị Hồng; ThS. Tạ Văn Luân; KS. Nguyễn Thị Mai; KTV. Lê Duy Văn; KS. Đặng Thị Minh Hoa; ThS. Lê Đức Thịnh; TS. Phùng Thị Mai Phương; ThS. Tạ Đắc Quý - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2023; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra, khảo sát, lấy mẫu, đánh giá và phân loại chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH); Nghiên cứu khả năng đồng xử lý CTRSH làm nhiên liệu thay thế trong sản xuất clanhke xi măng; Xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật tiên xử lý và đồng xử lý CTRSH có chứa năng lượng làm nhiên liệu thay thế trong sản xuất clanhke xi măng; Đề xuất các giải pháp, cơ chế và chính sách cho việc sử dụng CTRSH có chứa năng lượng làm nhiên liệu thay thế trong sản xuất clanhke xi măng.

Số hồ sơ lưu: 21915

88226.10-2023 **Nghiên cứu, xây dựng bộ công cụ đánh giá cấp chứng nhận sản phẩm Vật liệu xây dựng xanh. Áp dụng mô hình thử nghiệm cho xi măng và sứ vệ sinh/** KS. Lê Cao Chiến, ThS. Trần Thị Phương Thúy; KS. Nguyễn Hồng Quang; KS. Cao Thị Tú Mai; KS. Khổng Thị Giang; ThS. Nguyễn Thị Tâm; KS. Ngô Thị Bích; KS. Đỗ Tiến Trung; KS. Đinh Quang Hưng - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2021; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hình thành thị trường vật liệu thân thiện môi trường thông qua các cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp sản

xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và tiêu dùng; Cung cấp thông tin, hướng dẫn, chỉ dẫn rõ ràng, tin cậy và kịp thời cho các doanh nghiệp muốn tìm kiếm các phương thức, giải pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cung cấp thông tin, hướng dẫn, chỉ dẫn rõ ràng, tin cậy và độc lập cho người tiêu dùng về mức độ thân thiện môi trường của vật liệu, giúp người tiêu dùng có cơ sở trong việc quyết định mua sắm; Nâng cao nhận thức xã hội về tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường; Làm cơ sở căn cứ đánh giá tiêu chí sử dụng vật liệu xanh trong đánh giá công trình xanh. Xây dựng bộ công cụ đánh giá phù hợp với tiêu chí đánh giá sản phẩm vật liệu xây dựng xanh ứng dụng cho sản phẩm xi măng và sứ vệ sinh. Đề xuất thông tư hướng dẫn đánh giá chứng nhận sản phẩm, vật liệu xây dựng Xanh.

Số hồ sơ lưu: 22109

88270.10-2023 Nghiên cứu sử dụng xỉ luyện gang và xỉ luyện thép làm cốt liệu cho bê tông xi măng/ ThS. Nguyễn Văn Đoàn, Phùng Thị Mai Phương; Vũ Hải Quang; Nguyễn Đức Thành; Phan Tuấn Anh; Trần Thanh Bình; Hà Như Thành; Thái Duy Hoàng; Nguyễn Văn Hoan; Nguyễn Dương Định - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 07/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu và sử dụng xỉ lò cao và xỉ thép trên thế giới và Việt Nam; Khảo sát, đánh giá các tính

chất của xỉ lò cao, xỉ thép; Nghiên cứu phương pháp xử lý xỉ lò cao, xỉ thép làm cốt liệu bê tông; Nghiên cứu đánh giá các tính chất của bê tông sử dụng cốt liệu xỉ lò cao, xỉ thép; Xử lý, gia công sản xuất cốt liệu xỉ lò cao, xỉ thép cho bê tông; Ứng dụng sản xuất thử nghiệm bê tông cốt liệu xỉ thép; Xây dựng quy trình gia công, xử lý xỉ lò cao, xỉ thép làm cốt liệu bê tông; Nghiên cứu xây dựng dự thảo TCVN cốt liệu xỉ lò cao, xỉ thép dùng cho bê tông; Đánh giá hiệu quả kinh tế, tác động môi trường khi sử dụng xỉ lò cao, xỉ thép làm cốt liệu bê tông.

Số hồ sơ lưu: 22548

88289.10-2023 Nghiên cứu, xây dựng quy trình đánh giá khả năng chịu lực của cấu kiện kính xây dựng/ PGS. TS. Phạm Tiến Đạt, KS. Lê Phạm Bình; PGS.TS. Nguyễn Thái Chung; ThS. Lê Xuân Thủy; ThS. Hoàng Hải; TS. Đoàn Trác Luật; TS. Lê Trường Sơn - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2019; 08/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý thuyết đánh giá khả năng chịu lực của cấu kiện kính xây dựng; Nghiên cứu thực nghiệm đánh giá khả năng chịu lực của cấu kiện kính và mô hình hệ thống mặt dựng nhôm kính; Đề xuất quy trình các bước thử nghiệm đánh giá khả năng chịu lực của một số cấu kiện kính xây dựng phục vụ cho việc kiểm định các loại kính sử dụng trong các công trình xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22551

88429.10-2023 **Nghiên cứu phương án tái chế, sử dụng bùn thải nạo vét lòng sông, cửa biển, hồ thủy điện, hồ thủy lợi thay thế nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp/** ThS. Đỗ Tiến Trung, KS. Nguyễn Thị Hoàn; PGS.TS. Lê Trung Thành; TS. Lê Việt Hùng; TS. Lê Thị Song; ThS. Hà Văn Thới; ThS. Hà Văn Lâm; ThS. Trần Tuấn Nhạc; ThS. Đào Thái Dũng; ThS. Trịnh Thị Châm - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2023; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về bùn thải nạo vét tại Việt Nam; Tổng quan về tình hình tái chế, tái sử dụng bùn thải nạo vét tại nước ngoài; Khảo sát và thu thập mẫu các nguồn bùn nạo vét đại diện cho nghiên cứu; Nghiên cứu công nghệ tối ưu tái sử dụng bùn nạo vét làm nguyên liệu thay thế đất/cát san lấp; Công nghệ tối ưu tái sử dụng bùn nạo vét làm nguyên liệu thay thế một phần nguyên liệu sản xuất clanhke xi măng; Công nghệ tối ưu tái sử dụng bùn nạo vét làm nguyên liệu sản xuất gạch nung; Đánh giá các ảnh hưởng tới môi trường khi sử dụng bùn nạo vét làm VLXD và san lấp; Xây dựng các tài liệu ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: 22462

88465.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chuẩn Bê tông cốt sợi tính năng siêu cao (UHPC) – Thi công và nghiệm thu/** TS. Trần Bá Việt, ThS. Nguyễn Văn Đoàn; PGS.TS. Lương Đức Long; ThS. Trương Thị Kim Xuân; KS.

Nguyễn Thị Mai; KS. Lê Thị Hào; KS. Lê Doãn Khôi; ThS. Vũ Hải Quang; KS. Phạm Văn Tuấn; KS. Phạm Hữu Thiên - Hà Nội - Hội Bê tông Việt Nam, 2023; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp cho cộng đồng kỹ thuật cầu một bộ tài liệu về đặc tính toàn diện hơn cho loại vật liệu này, do đó có thể tạo điều kiện sử dụng rộng rãi hơn trong lĩnh vực này. Tiểu ban “Thiết kế kết cấu bê tông tính năng siêu cao (UHPC)” - ACI 239C được thành lập vào năm 2015 với mục tiêu trung hạn là phát triển một hướng dẫn thiết kế kết cấu mới bằng UHPC. Bằng cách sử dụng sự kết hợp độc đáo vật liệu UHPC với các đặc tính cơ học được cải thiện bao gồm cường độ chịu nén, độ bền lâu, độ dẻo và khả năng làm việc, việc xây dựng cơ sở hạ tầng và hiệu quả được tăng cao, cải thiện và nâng cao. Tuy nhiên, việc thiếu các chỉ dẫn và tiêu chuẩn đã tạo ra một sự cản trở, cả chủ sở hữu và nhà thiết kế đều không muốn chịu trách nhiệm trong việc sử dụng UHPC mà không có tiêu chuẩn thiết kế.

Số hồ sơ lưu: 22343

88509.10-2023 **Soát xét TCVN 3106:1993 Hỗn hợp bê tông nặng – Phương pháp thử độ sụt/** TS. Lê Phụng Ly, ThS. Lê Thuận An; ThS. Nguyễn Tuấn Nam - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân loại bê tông theo TCVN 9340:2012, hỗn hợp bê tông dẻo được phân loại theo tính công tác

gồm có mác D1 (có độ cứng bằng 4 hoặc nhỏ hơn hoặc có độ sụt từ 10 mm đến 40 mm); mác D2 (có độ sụt từ 45 mm đến 95 mm), D3 (có độ sụt từ 100 mm đến 150 mm), D4 (có độ sụt từ 160 mm đến 220 mm). Dự thảo tiêu chuẩn sử dụng phân loại bê tông theo TCVN 9340:2012 để đảm bảo tính đồng bộ với hệ thống tiêu chuẩn hiện có. Với các loại bê tông khác, có khối lượng thể tích vượt ngoài phạm vi từ 2.000 kg/m³ đến 2.500 kg/m³, có thể áp dụng phương pháp thử nghiệm này theo thỏa thuận giữa các bên.

Số hồ sơ lưu: 22147

88510.10-2023 Soát xét TCVN 9357:2012 Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm/ TS. Hoàng Minh Đức, TS. Ngô Văn Toàn; ThS. Nguyễn Tuấn Nam - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành soát xét tiêu chuẩn TCVN 9357:2012 theo hướng hài hòa với hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam, có tính đến sự tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế. "Xác định các khuyết tật" được gộp chung lại trong một điều và trình bày theo trình tự tiến hành; "Xác định sự thay đổi tính chất của bê tông" được loại bỏ do tính ứng dụng thực tế không cao; Sử dụng xung siêu âm để đánh giá các khuyết tật của bê tông trên kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn này áp dụng cho bê tông có cường độ không lớn hơn 60 MPa.

Số hồ sơ lưu: 22144

88511.10-2023 Nghiên cứu chế tạo và ứng dụng gạch không nung từ bùn đỏ theo công nghệ chung áp/ TS. Hoàng Minh Đức, TS. Lê Văn Quang; TS. Lê Phương Ly; TS. Ngô Văn Toàn; ThS. Lê Thuận An; ThS. Đỗ Văn Công; ThS. Đoàn Thị Thu Lương; KS. Trần Văn Tiệp; KS. Phan Công Hậu; KS. Nguyễn Văn Huân; KS. Nguyễn Văn Chiến - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2021; 05/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm gạch không nung từ bùn đỏ theo công nghệ chung áp với các chỉ tiêu kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sử dụng trong công trình và đảm bảo yêu cầu về vệ sinh, an toàn. Xác định cấp phối hợp lý cho sản xuất gạch không nung từ bùn đỏ theo công nghệ chung áp bao gồm 75% bùn đỏ, 25% tro bay với chất kích hoạt là dung dịch kiềm 1M hoặc 2M. Sản phẩm thu được đáp ứng được yêu cầu đề ra là có cường độ chịu nén lớn hơn 5,0 MPa, hệ số hóa mềm lớn hơn 0,8 và độ pH nhỏ hơn 10. Sản xuất thử nghiệm gạch không nung geopolyme từ bùn đỏ theo công nghệ chung áp. Các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm đáp ứng yêu cầu đặt ra. Nghiên cứu thực nghiệm này cho thấy sản xuất công nghiệp sản phẩm gạch như định hướng của nghiên cứu hoàn toàn khả thi trong điều kiện công nghệ hiện nay tại Việt Nam. Đề xuất dự án xây dựng nhà máy sản xuất gạch không nung geopolyme từ bùn đỏ theo công nghệ chung áp. Giá thành sản phẩm gạch xây không nung geopolyme từ bùn

đỏ và tro bay, dưỡng hộ chung áp trong thiết bị autcolave thấp hơn so với gạch đất sét nung và xi măng cốt liệu.

Số hồ sơ lưu: 22142

88512.10-2023 Sử dụng tro bay (Vĩnh Tân) và bùn đỏ (Tân Rai - Nhân Cơ) làm chất kết dính Geopolyme để chế tạo các loại gạch không nung và cấu kiện xây dựng dùng trong xây dựng công trình vùng TP. Hồ Chí Minh/ TS. Nguyễn Hồng Hải, TS. Nguyễn Nam Thắng; TS. Trần Bá Việt; TS. Nguyễn Hồng Hà; ThS. Phan Văn Chương; TS. Cao Duy Bách; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; PGS.TS. Ngô Tuấn; TS. Trần Phương; TS. Nguyễn Thúy Quỳnh - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2020 - 06/2016 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tính chất cơ lý của gạch geopolime và bê tông geopolime như cường độ, độ hút nước...được chế tạo từ các nguồn nguyên vật liệu ở Việt Nam. Phối hợp với trường Đại học tổng hợp Melbourne - Australia chế tạo chất kết dính Geopolime từ tro bay và bùn đỏ; Nghiên cứu chế tạo gạch không nung loại nhẹ cường độ > 7,5MPa, và cấu kiện bê tông cường độ đến 40MPa. Nghiên cứu chế tạo CKD Geopolime sử dụng tro bay Vĩnh Tân và bùn đỏ Lâm Đồng; Ứng dụng CKD Geopolime để chế tạo gạch không nung và cấu kiện bê tông cốt thép.

Số hồ sơ lưu: 22141

88518.10-2023 Nghiên cứu đánh giá thực trạng áp dụng tiêu chuẩn quốc gia trong các hoạt động xây dựng lĩnh vực thiết kế, xây dựng công trình, công nghệ xây dựng, địa kỹ thuật, vật liệu và an toàn xây dựng/ TS. Đinh Quốc Dân, TS. Nguyễn Công Nghĩa; TS. Lê Minh Long; TS. Nguyễn Giang Nam; TS. Đỗ Tiến Thịnh; TS. Trần Toàn Thắng; ThS. Đồng Thị Minh Tâm; TS. Vũ Thành Trung; TS. Hoàng Minh Đức - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng , đề xuất giải pháp khắc phục các bất cập , tồn tại khi áp dụng các tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) lĩnh vực xây dựng; Đề xuất danh mục các TCVN lĩnh vực xây dựng cần thiết; Đề xuất danh mục các TCVN không còn được áp dụng nhiều , đề xuất hủy một số tiêu chuẩn lĩnh vực Thiết kế , xây dựng công trình , công nghệ xây dựng , địa kỹ thuật và an toàn xây dựng ; Đề xuất danh mục các TCVN lĩnh vực xây dựng cần được soát xét.

Số hồ sơ lưu: 22129

88523.10-2023 Nghiên cứu xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật sử dụng xỉ hạt lò cao nghiền mịn (GGBFS) cho sản xuất bê tông/ ThS. Lê Việt Hùng, ThS. Phan Văn Quỳnh; PGS.TS. Lê Trung Thành; TS. Phùng Thị Mai Phương; ThS. Nguyễn Văn Hoan; KS. Phạm Hữu Thiên; ThS. Tạ Văn Luân; KS. Vũ Văn Linh; KS. Nguyễn Thị Mai; Phạm Phương Nam - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2021; 06/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thành việc nghiên cứu tổng hợp các kết quả nghiên cứu điển hình về cơ chế và ảnh hưởng của việc sử dụng GGBFS làm phụ gia khoáng đến tính chất của xi măng, bê tông và tổng quan về các tiêu chuẩn, hướng dẫn về sử dụng GGBFS cho sản xuất xi măng, bê tông; nghiên cứu bổ sung các tính chất của xi măng xỉ với tỷ lệ GGBFS trong xi măng là 20-70% và 20-60% tương ứng với xi măng nền là PC40 và PCB40; nghiên cứu bổ sung các tính chất của hỗn hợp bê tông, bê tông sử dụng GGBFS làm phụ gia khoáng với tỷ lệ GGBFS 20-70% và 20-40% tương ứng với xi măng nền là PC40 và PCB40. Đề tài đã hoàn thành các mục tiêu đặt ra, trong đó đã xây dựng được tài liệu Hướng dẫn sử dụng xỉ hạt lò cao nghiền mịn (GGBFS) cho chế tạo bê tông.

Số hồ sơ lưu: 22118

88528.10-2023 Nghiên cứu chế tạo cấu kiện bê tông sử dụng tro xỉ nhiệt điện và vật liệu tại chỗ (cát biển, cát nhân tạo)/ ThS. Lê Việt Hùng, Nguyễn Văn Hoan; Vũ Văn Linh; Nguyễn Dương Định; Phạm Văn Tuấn; Nguyễn Thị Mai; Trần Thanh Bình; Dư Mạnh Khang; Nguyễn Nam Anh; Ngô Văn Thắng - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2021; 07/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ công nghệ chế tạo bê tông sử dụng tro bay nhiệt điện và các vật liệu tại chỗ gồm cát cát biển, cát nghiền cho chế tạo cấu kiện bê tông sử dụng trong môi trường biển đảm bảo hiệu quả kinh tế, kỹ thuật và môi trường so với công nghệ bê tông

thông thường hiện đang áp dụng. Góp phần tăng cường giải pháp sử dụng tro bay nhà máy nhiệt điện làm nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng cho công trình xây dựng theo chủ trương đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro xỉ nhà máy nhiệt điện trong Quyết định 452/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Nghiên cứu sử dụng tro bay nhiệt điện kết hợp với cát nghiền/cát biển/cát trộn cho chế tạo bê tông, bê tông cốt thép. Thử nghiệm độ bền lâu của bê tông và cấu kiện bê tông/bê tông cốt thép trong phòng thí nghiệm và trong thực tế. Chế tạo thử nghiệm cấu kiện bê tông cốt thép và cấu kiện kê đỡ biển sử dụng tro bay và cát nghiền/cát biển; Đánh giá hiệu quả kinh tế việc sử dụng tro bay và vật liệu tại chỗ cho chế tạo bê tông. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật sử dụng tro bay nhiệt điện với cát nghiền/cát biển cho chế tạo bê tông.

Số hồ sơ lưu: 22113

88532.10-2023 Soát xét TCVN 3118:1993 Bê tông nặng – Phương pháp xác định cường độ nén/ TS. Hoàng Minh Đức, ThS. Lê Thuận An; KS. Nguyễn Văn Chiến - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Dự thảo tiêu chuẩn này không quy định việc chuẩn bị mẫu cho mẫu được khoan từ kết cấu. Việc chuẩn bị mẫu cho mẫu khoan đã được quy định chi tiết trong tiêu chuẩn khác. Thay đổi về cách thức đánh giá kết quả cường độ của tổ mẫu bê tông. Phần này không hoàn toàn bám theo tiêu chuẩn gốc mà được đề xuất cho

phù hợp với điều kiện nước ta hiện nay. Thực hiện soát xét tiêu chuẩn TCVN 3118:1993 "Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ nén" dựa trên tiêu chuẩn LB Nga, có tính đến các điều kiện thực tế của nước ta. Dự thảo tiêu chuẩn TCVN 3118:202x "Bê tông - Phương pháp xác định cường độ chịu nén" được biên soạn phù hợp với các quy định trong TCVN 1- 2:2008. Kiến nghị ban hành dự thảo tiêu chuẩn này để phục vụ cho công tác kiểm tra xác định cường độ chịu nén của bê tông.

Số hồ sơ lưu: 22145

88533.10-2023 **Soát xét TCVN 3116:1993 Bê tông nặng – Phương pháp xác định độ chống thấm nước/ TS. Lê Phượng Ly, ThS. Đoàn Thị Thu Lương; KS. Nguyễn Tuấn Linh - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Tiến hành các thí nghiệm kiểm chứng để đánh giá tương quan giữa hai phương pháp nâng áp và duy trì áp lực nêu trên nhưng số liệu thí nghiệm chưa đủ để đánh giá do đó dự thảo tiêu chuẩn này soát xét theo hướng tuân thủ theo GOCT 10181-2014 và TCVN 3116:1993, với chiều cao mẫu không đổi là 150 mm. Vận hành máy, bơm nước tạo áp lực lên bề mặt mẫu thử cho đến khi xuất hiện dấu hiệu nước thấm qua mẫu dưới dạng giọt hoặc vết ẩm ở mặt đối diện. 5.3 Áp lực nước được tăng dần theo từng cấp trong vòng từ 1 min đến 5 min. Mỗi cấp tăng 0,2 MPa. Thời gian giữ mẫu ở một cấp áp lực là 16 giờ.

Số hồ sơ lưu: 22146

88554.10-2023 **Soát xét TCVN 3113:1993, Bê tông nặng - Phương pháp xác định độ hút nước/ ThS. Chu Mạnh Hà, KS. Chu Văn Phú; KS. Đỗ Ngọc Khoa - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Bộ tiêu chuẩn đã đóng góp không nhỏ cho công tác thí nghiệm, kiểm tra, đánh giá chất lượng bê tông dùng thi công các công trình xây dựng ở Việt Nam. Qua hơn 25 năm kể từ khi đưa vào áp dụng bộ tiêu chuẩn, ngành công nghiệp xây dựng Việt Nam đã đi những bước dài từ xây dựng những công trình nhỏ, xây dựng lâu sang những công trình lớn với tốc độ và công nghệ phát triển nhanh, từ quản lý hành chính tập trung sang cơ chế thị trường, từ áp dụng thành tựu kỹ thuật của bê tông sang đa dạng hóa trong hợp tác quốc tế; Hệ thống quản lý và phương thức áp dụng tiêu chuẩn hiện nay cũng đã thay đổi cả về nội dung và cách trình bày.

Số hồ sơ lưu: 22353

88555.10-2023 **Soát xét TCVN 3110:1993, Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng - Phương pháp phân tích thành phần/ ThS. Trần Quốc Toán, ThS. Trần Quốc Hoàn; ThS. Đoàn Anh Thái - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Bộ tiêu chuẩn các phương pháp lấy mẫu và thí nghiệm xác định các tính chất công nghệ, cơ và lý của hỗn hợp bê tông và bê tông nặng được biên soạn và đưa vào áp dụng từ năm 1993. Qua gần 20 năm sử dụng,

ngành công nghiệp xây dựng Việt Nam đã đi những bước dài từ xây dựng những công trình nhỏ, thời gian thi công dài sang những công trình lớn và thời gian thi công yêu cầu rút ngắn, từ quản lý hành chính tập trung sang cơ chế thị trường, từ áp dụng thành tựu kỹ thuật của một hệ thống sang đa dạng hóa trong hợp tác quốc tế. Hệ thống quản lý và phương pháp thử xác định các tính chất công nghệ của hỗn hợp bê tông và tính chất cơ, lý của bê tông là cần thiết.

Số hồ sơ lưu: 22354

88668.10-2023 Nghiên cứu chế tạo gạch chịu lửa nhiều lớp, tiết kiệm năng lượng xây lò quay nung clanhke xi măng/ ThS. Nguyễn Đức Thành, ThS. Nguyễn Thị Kim; TS. Vũ Văn Dũng; ThS. Hoàng Lê Anh; KS. Lê Xuân Hoàng; ThS. Cao Tiến Phú; KS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Trần Thị Minh Hải; KS. Trương Đức Tiếp - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2023; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chế tạo thành công sản phẩm gạch chịu lửa nhiều lớp, tiết kiệm năng lượng xây lò quay nung clanhke xi măng, có mức chất lượng tương đương với sản phẩm gạch chịu lửa 3 lớp phức hợp của Công ty RuiTai Technology – Trung Quốc. Tìm hiểu các loại nguyên liệu, phụ gia và dải hạt nguyên liệu; Lựa chọn nguyên liệu cho lớp làm việc và lớp ngăn nhiệt; Nghiên cứu và lựa chọn giải pháp chế tạo sản phẩm: phối trộn nguyên liệu, chế tạo khuôn ép, chế tạo tấm ngăn 2 lớp liệu, lựa

chọn thiết bị ép tạo hình; Nghiên cứu, thiết kế chiều dày từng lớp vật liệu trong sản phẩm; 5- Nghiên cứu cấp phối vật liệu cho lớp làm việc và lớp ngăn nhiệt; Lựa chọn mối liên kết, gắn kết giữa các lớp vật liệu: mối liên kết giữa lớp làm việc và lớp ngăn nhiệt; keo gắn kết lớp ngăn nhiệt và lớp cách nhiệt; Nghiên cứu chế độ sấy nung sản phẩm; Thiết lập quy trình công nghệ sản xuất thử nghiệm; Lập phương án và tiến hành sản xuất thử nghiệm 50 viên gạch chịu lửa; Thí nghiệm các chỉ tiêu sản phẩm sau sản xuất thử nghiệm; Đánh giá hiệu quả kinh tế, hiệu quả tiết kiệm năng lượng.

Số hồ sơ lưu: 22073

88680.10-2023 Sử dụng tro xỉ nhiệt điện trong san lấp cho công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật/ TS. Đinh Quốc Dân, TS. Nguyễn Giang Nam; PGS.TS. Đoàn Thế Tường; ThS. Đồng Thị Minh Tâm; TS. Trần Toàn Thắng; TS. Trần Huy Tấn; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; TS. Nguyễn Hùng Minh; TS. Nguyễn Việt Tuấn; ThS. Nguyễn Sơn Lâm - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2019; 05/2016 - 05/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học đánh giá tác động môi trường và tính chất địa kỹ thuật của vật liệu tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện với mục đích khẳng định khả năng sử dụng chúng làm vật liệu san lấp cho công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật. Đánh giá tác động môi trường khi sử dụng tro xỉ của các trung tâm nhiệt điện lớn vào làm vật liệu san

lắp nền; Xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật sử dụng tro nhiệt điện trong san lấp cho công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng dự thảo TCVN “Yêu cầu kỹ thuật của tro xỉ nhiệt điện làm vật liệu san lấp cho công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật”; -Đánh giá hiệu quả kinh tế-kỹ thuật đối với tro xỉ nhiệt điện làm vật liệu san lấp.

Số hồ sơ lưu: 22087

88703.10-2023 **Nghiên cứu, tổ chức thực hiện thử nghiệm thành thạo hỗ trợ quản lý phòng thí nghiệm LAS XD, lĩnh vực: Xi măng, vữa xây và gạch gốm ốp lát/** ThS. Nguyễn Minh Quỳnh, ThS. Nguyễn Thị Luận; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; KS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Tạ Đắc Quý; KS. Nguyễn Thị Sen; ThS. Tống Thị Hải Liên; CN. Nguyễn Thị Xuân Thu; CN. Lê Thị Thảo; CN. Lê Thị Tường Vi - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hỗ trợ công tác quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Tạo cơ hội để các phòng thí nghiệm tự đánh giá năng lực, độ chính xác, độ tin cậy của các kết quả thử nghiệm, đồng thời giúp đánh giá kỹ năng và tay nghề của thí nghiệm viên, kiểm soát chất lượng cũng như chứng minh năng lực kỹ thuật đối với các bên liên quan. Đánh giá tổng thể, độc lập về năng lực thử nghiệm của phòng thí nghiệm, hỗ trợ công tác đánh giá giám sát và đánh giá công nhận, cấp chứng chỉ hoạt động

phòng thí nghiệm, đồng thời cũng nâng cao năng lực thử nghiệm thuộc lĩnh vực vật liệu xây dựng cho các phòng thí nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 22174

88887.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật sử dụng vật liệu xây dựng được sản xuất từ tro, xỉ và thạch cao phế thải của nhà máy nhiệt điện và hóa chất phân bón/** TS. Nguyễn Tấn Vinh, ThS. Phan Thị Thu Thủy; TS. Trần Hồng Mai; ThS. Nguyễn Văn Đoàn; TS. Tạ Ngọc Bình; ThS. Nguyễn Thanh Bình; KS. Hà Tấn Trường; ThS. Thân Văn Hoàng; ThS. Phạm Thu Vân; ThS. Phạm Đăng Cao - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 06/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan thực trạng việc sử dụng vật liệu xây dựng được sản xuất từ tro, xỉ và thạch cao của nhà máy nhiệt điện và hóa chất phân bón. Thực trạng định mức dự toán đối với công tác xây dựng sử dụng vật liệu xây dựng được sản xuất từ tro, xỉ và thạch cao của nhà máy nhiệt điện và hóa chất phân bón. Kết quả xây dựng định mức dự toán sử dụng vật liệu xây dựng được sản xuất từ tro, xỉ và thạch cao của nhà máy nhiệt điện và hóa chất phân bón.

Số hồ sơ lưu: 21949

88941.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng định mức sản xuất cát nghiên trong xây dựng/** ThS. Nguyễn Thanh Bình, ThS. Phan Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Văn Đoàn;

ThS. Thân Văn Hoàng; ThS. Phạm Đăng Cao; CN. Nguyễn Thị Nga; ThS. Lê Tiến Trung; KS. Phạm Thế Huỳnh; ThS. Phạm Thu Vân; KS. Phạm Mạnh Tùng - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về cát nghiền trong xây dựng và định mức sản xuất cát nghiền. Thực trạng sản xuất, sử dụng cát nghiền trong xây dựng và định mức sản xuất cát nghiền. Lựa chọn dây chuyền công nghệ sản xuất cát nghiền có tính phổ biến để xây dựng định mức. Tổ chức thu thập và xử lý số liệu phục vụ tính toán định mức sản xuất cát nghiền. Tính toán xây dựng định mức sản xuất và đề xuất giải pháp sử dụng định mức sản xuất cát nghiền.

Số hồ sơ lưu: 21977

89231.10-2023 **Soát xét TCVN 3105:1993, Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng - Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử/** ThS. Trần Quốc Toán, ThS. Trần Quốc Hoàn; ThS. Đoàn Anh Thái - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tham khảo các tài liệu và các kết quả nghiên cứu có liên quan, tổng hợp các kết quả thí nghiệm đã thực hiện trong những năm qua tại phòng thí nghiệm và công trường để tiến hành soát xét lại tiêu chuẩn TCVN 3105)1993 hỗn hợp bê tông nặng - lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử. Kiến nghị ban hành dự thảo tiêu chuẩn này để phục vụ cho công tác lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu

thử đối với hỗn hợp bê tông và bê tông.

Số hồ sơ lưu: 22169

20510. Gốm

88103.10-2023 **Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu gốm để ứng dụng sản xuất cánh bơm ly tâm/** KS. Nguyễn Văn Duy, KS. Nguyễn Thu Hà; KS. Bùi Trường Chinh; KS. Nguyễn Văn Tú; ThS. Trần Hoàng Ánh Ngọc; KS. Nguyễn Thị Hồng; ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Hoàng Bá Thịnh - Hà Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quy trình công nghệ chế tạo vật liệu gốm sản xuất cánh bơm ly tâm. Nghiên cứu quy trình công nghệ chế tạo cánh bơm ly tâm bằng vật liệu gốm. Chỉ tiêu chất lượng kỹ thuật của cánh bơm ly tâm bằng gốm gồm có: Độ cứng: ≥ 8 (theo thang Mohs); Độ bền uốn: ≥ 30 Mpa; Độ bền nén: ≥ 350 Mpa; Độ hút nước: $\leq 0,5$ %; Độ mài mòn sâu vật liệu: ≤ 205 mm.

Số hồ sơ lưu: 22000

20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)

87803.10-2023 **Tổng hợp xúc tác nano vàng trên các chất mang khác nhau dùng để chuyển hóa các alkynes thành 1,3-diynes theo cơ chế ghép cặp oxy hóa/** TS. Vũ Bảo Khánh, TS. Giang Ngọc Hà; TS. Bùi Thị Phương Quỳnh; TS. Bạch Long Giang; ThS. Trần Văn Thuận; ThS.

Nguyễn Thị Thương - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2023; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp vật liệu nano nhân - vỏ Au@SiO₂ có cấu trúc xốp của vỏ SiO₂ và kích thước nano Au khác nhau. Tổng hợp vật liệu nano Au trên các chất mang bazo khác nhau để có mô hình tương tác chặt và yếu giữa chất mang và hạt nano Au. Đánh giá hoạt tính xúc tác thông qua phản ứng oxy hóa và khử. Tổng hợp vật liệu silica rỗng sử dụng khuôn mẫu polystyrene. Tổng hợp vật liệu silica rỗng bằng khuôn mềm.

Số hồ sơ lưu: 22361

87806.10-2023 Chế tạo và tính chất của lớp phủ đa chức năng trên cơ sở hệ nhựa khâu mạch quang và các hạt nano lai/ TS. Nguyễn Thiên Vương, ThS. Đào Phi Hùng; TS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Ngô Thanh Dung; ThS. Nguyễn Anh Hiệp; PGS.TS. Vũ Quốc Trung - Hà Nội - Viện kỹ thuật nhiệt đới, 2022; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề tài làm rõ quy luật của phản ứng trình hợp khâu mạch quang và sự suy giảm quang của các lớp phủ trên cơ sở nhựa acrylat với sự có mặt của các hạt nano lai ZnO-Ag cũng như ảnh hưởng của các hạt nano lai đến hoạt tính tự làm sạch và kháng khuẩn của các loại phủ mới này

Số hồ sơ lưu: 22360

87813.10-2023 Chế tạo các tổ hợp nano nền cấu trúc Bi₂S₃ phân cấp cho các ứng dụng trong cảm

biến nhạy khí và quang xúc tác/ TS. Đỗ Thị Anh Thư, GS.TS. Trần Đại Lâm; TS. Hồ Trường Giang; TS. Vũ Thị Thái Hà; ThS. Giang Hồng Thái; ThS. Phạm Quang Ngân - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Có hiểu biết sâu sắc về những tính chất vật lý và hóa học của các vật liệu cấu trúc Bi₂S₃ phân cấp, cấu trúc dị thể kim loại quý (Au hoặc Pd)-Si₂S₃ phân cấp nhằm hiểu rõ hơn vai trò ảnh hưởng của các yếu tố này lên các tính chất quang, quang xúc tác và nhạy khí của vật liệu; Cải thiện, tăng cường phẩm chất quang xúc tác của các vật liệu cấu trúc nano Bi₂S₃ phân cấp cho các ứng dụng cảm biến khí, quang xúc tác phân hủy chất màu hữu cơ và tăng cường hiệu suất hấp phụ kim loại nặng trong nước; Phổ biến những kiến thức khoa học về ứng dụng vật liệu cấu trúc Bi₂S₃ phân cấp trong công nghệ cảm biến khí và quang xúc tác. Góp phần đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực vật liệu và linh kiện có cấu trúc nano

Số hồ sơ lưu: 22332

87835.10-2023 Tăng cường phẩm chất quang xúc tác/quang khử CO₂ của một số vật liệu oxit phức hợp chế tạo bằng phương pháp hóa học trong dung dịch/ TS. Nguyễn Đức Văn, TS. Ngô Thị Hồng Lê; TS. Hoàng Thị Khuyên; TS. Nguyễn Trọng Thành; TS. Nguyễn Thanh Hường; ThS. Mẫn Hoài Nam; ThS. Đoàn Tuấn Anh -

Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2023; 04/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đưa ra được các quy trình mới, chưa công bố để chế tạo có điều khiển vật liệu dạng bột có mặt ngoài định hướng theo một phương tinh thể xác định bằng phương pháp hóa học trong dung dịch mà không dùng tác nhân bên ngoài. Đưa ra các giải pháp tăng cường hoạt tính quang xúc tác/ quang khử thông qua biến hóa pha tinh thể hay dạng thù hình có hoạt tính quang xúc tác/ quang khử cao nhất trong điều kiện mà các nghiên cứu trước đây kết luận là không bền về nhiệt động học như BiVO_4 cấu trúc đơn tà với nhóm không gian $P2_1/n$, BiVO_4 cấu trúc đơn tà kiểu scheelite hay BiVO_4 pha tạp/ đồng pha tạp các nguyên tố đất hiếm. Đưa ra các giải pháp phối hợp được các giải pháp riêng rẽ trên đây để tăng cường phẩm chất quang xúc tác/ quang khử của vật liệu nghiên cứu. Đề xuất cơ chế phản ứng hóa học cho các quy trình chế tạo được tìm ra. Xây dựng mối quan hệ giữa phẩm chất quang xúc tác / quang khử - định hướng mặt ngoài và rộng hơn là mối quan hệ phương pháp chế tạo - cấu trúc/ vi cấu trúc/ mặt ngoài định hướng tinh thể - phẩm chất quang xúc tác/ quang khử từ số liệu thực nghiệm

Số hồ sơ lưu: 22358

88460.10-2023 **Hoàn thiện công nghệ sản xuất vật liệu nano Fe_3O_4 và tạo ra hạt lọc để xử lý Asen trên nền nano Fe_3O_4 công suất 20kg/ngày/** PGS. TS. Lê Thị

Mai Hương, Ông.Nguyễn Văn Tiến; Ông.Lương Mạnh Hùng; Ông.Bùi Công Trình; Ông.Lê Quang Thái; Bà.Lê Thị Hồng Hà; Bà.Phạm Thị Thủy Ngân; Ông.Trần Thế Định; Ông.Dương Văn Sự; Ông.Bùi Ba Duy; Bà.Trương Thị Ái; Ông.Nguyễn Văn Hòa; Bà.Nguyễn Hồng Hà; Ông.Đoàn Đắc Ban - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2023; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lựa chọn và tính toán thiết bị phù hợp sản xuất nano Fe_3O_4 công suất 20 kg/ngày; Nghiên cứu chế tạo chất mang xốp và điều kiện thấm nano Fe_3O_4 tạo hạt hấp phụ và đánh giá thông số, chất lượng sản phẩm; Đánh giá hiệu quả xử lý và xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm hạt hấp phụ xử lý Asen; Thử nghiệm ứng dụng lõi lọc chứa hạt hấp phụ xử lý Asen trên hệ thực và đánh giá hiệu quả xử lý, hiệu quả kinh tế của sản phẩm

Số hồ sơ lưu: 22369

20513. Gỗ, giấy, bột giấy

87795.10-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất giấy và gia công ống hút giấy/** KS. Lương Thị Hồng, KS. Phùng Văn Muôn; KS. Đinh Ngọc Ninh; KS. Bùi Xuân Dương; KS. Nguyễn Thế Sáng; KS. Đỗ Thị Thu Nguyệt ; KS. Hoàng Văn Trình; ThS. Đỗ Thanh Tú; TS. Phạm Văn Quang; KS. Đào Thị Tố Liên - Hà Nội - Công ty cổ phần công nghệ Xen_lu_lo, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, điều tra khảo sát chất lượng ống hút giấy đang lưu

thông tại thị trường Việt Nam; Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất giấy làm ống hút; Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị tráng/gia keo bề mặt chất chống thấm, màu bề mặt; Sản xuất thử 5 tấn giấy làm ống hút; Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất ống hút giấy dùng cho đồ uống; Sản xuất thử 100 kg ống hút giấy dùng cho đồ uống; Đánh giá hiệu quả kinh tế và kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 22378

20515. Vật liệu tiên tiến

88118.10-2023 **Nghiên cứu, chế tạo lõi lọc từ phế phẩm nông nghiệp kết hợp với vật liệu ZIF-8 để lọc nước nhiễm mặn/** TS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh, ThS. Trương Văn Xạ; TS. Trần Bá Luân; TS. Nguyễn Trí Yên Chi; TS. Quách Văn Cao Thi; KS. Nguyễn Trường Lãm - Vĩnh Long - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, 2023; 01/2022 - 04/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chế tạo lõi lọc từ lõi dừa, bã cà phê kết hợp ZIF-8 để tăng cường khả năng lọc nước nhiễm mặn. Xây dựng mô hình lọc nước nhiễm mặn quy mô 200l/ngày quy mô hộ gia đình tại khu vực có nguồn nước bị nhiễm mặn trên 4‰ tại tỉnh Bến Tre. Đánh giá cơ sở khoa học về khả năng lọc nước mặn của vật liệu và đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội của đề tài nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 22021

88120.10-2023 **Nghiên cứu công nghệ tách lignin từ dịch đen trong sản xuất bột giấy và sử dụng**

để tạo keo dán gỗ./ ThS. Hoàng Văn Phong, ThS. Đoàn Thị Bích Ngọc; KS. Tạ Thị Thanh Hương; TS. Nguyễn Văn Định; ThS. Hoàng Thị Tám; TS. Vũ Đình Thịnh; TS. Bùi Thị Thủy; ThS. Nguyễn Thị Trinh - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xác định thông số công nghệ tách lignin từ dịch đen bằng tác nhân axit H₂SO₄ quy mô phòng thí nghiệm. Nghiên cứu xác định chế độ tổng hợp keo dán gỗ lignin - phenol - formaldehyde (LPF) tạo ván dán quy mô phòng thí nghiệm (1,5kg/m²). Nghiên cứu thử nghiệm tạo ván dán sử dụng keo lignin-phenolformaldehyde (LPF) đến chất lượng ván dán. Xác định thông số công nghệ tách lignin từ dịch đen trong sản xuất bột giấy quy mô phòng thí nghiệm; Đề xuất quy trình công nghệ tổng hợp keo dán gỗ lignin – phenol – formaldehyde chịu ẩm quy mô phòng thí nghiệm

Số hồ sơ lưu: 21879

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

87801.10-2023 **Nghiên cứu khả năng xử lý ô nhiễm của các kim loại Cd, Cu, Pb, Cr, As, Zn trong đất và khả năng cải thiện dinh dưỡng của đất ô nhiễm ở khu vực xung quanh các mỏ khai thác quặng ở khu vực miền Bắc Việt Nam của than sinh học được làm từ phụ phẩm nông nghiệp/** TS. Vương Trường Xuân, TS. Nguyễn Ngọc Tùng; TS. Văn Hữu Tập; TS. Dương Tuấn Hưng; TS. Lưu Thị

Nguyệt Minh; TS. Hoàng Thị Hương Thảo; TS. Phạm Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân - Thái Nguyên - Trường Đại học khoa học, 2022; 12/2018 - 11/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều chế than sinh học từ phụ phẩm nông nghiệp rẻ tiền như vỏ lạc. Đánh giá mức độ ô nhiễm các kim loại nặng trong đất ở một số khu vực khai thác mỏ tại Thái Nguyên. Nghiên cứu và đánh giá khả năng cố định các kim loại Cd, Cu, Pb, Zn, As và Cr trong đất ô nhiễm Than sinh học. Đánh giá khả năng cải thiện chất lượng đất của than sinh học như cung cấp chất dinh dưỡng cho đất và cải thiện các tính chất lý hóa cho đất ô nhiễm của các khu vực khai thác quặng

Số hồ sơ lưu: 22364

87828.10-2023 **Phân tích và đánh giá nguồn phát tán và mối quan hệ giữa PAHs, kim loại nặng trong bụi khí thải và tro thải từ một số loại lò đốt (công nghiệp, chất thải) khu vực miền Bắc và miền Trung Việt Nam/** GS. TS. Nguyễn Thị Huệ, TS. Lê Phương Thu; TS. Nguyễn Thị Thanh Hải; TS. Nguyễn Thị Phương Mai; ThS. Phạm Hải Long; ThS. Vũ Văn Tú; ThS. Hoàng Nam; ThS. Chu Việt Hải; ThS. Trần Văn Cường; ThS. Nguyễn Thị Ánh; ThS. Đỗ Thị Hiền - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Trong nghiên cứu này, hàm lượng các kim loại Pb, As, Cd trong 15 mẫu tro bay và tro đáy thu thập

tại 5 lò đốt rác thải rắn thuộc các tỉnh tại miền Bắc Việt Nam được xác định bằng phương pháp ICP-MS. Nghiên cứu đã đánh giá liều lượng hấp thụ hàng ngày đối với các công nhân làm việc trực tiếp tại lò đốt thông qua ba đường tiếp xúc: đường miệng, đường hô hấp và tiếp xúc qua da. Giá trị liều lượng hấp thụ hàng ngày đối với cả Pb, Cd và As theo thứ tự là: qua đường miệng (99,6 %) > tiếp xúc qua da (0,39%) > đường hô hấp (0,01%). Nguy cơ rủi ro không gây ung thư cũng được đánh giá qua chỉ số rủi ro HI, cho thấy đối với Pb, As trong các lò đốt có nguy cơ rủi ro không đáng kể. Tuy nhiên, đối với Cd trong một số mẫu của lò đốt, giá trị HI là gấp 1,5 lần giá trị cho phép (1), cho thấy nguy cơ rủi ro khá cao. Nghiên cứu cũng đánh giá nguy cơ rủi ro gây ung thư suốt đời đối với các công nhân, kết quả cho thấy theo thứ tự: As > Cd > Pb và CR(inh) > CR(ing) ~ CR(dermal). Nhìn chung, không có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe đối với các công nhân làm việc trong các lò đốt rác nghiên cứu

Số hồ sơ lưu: 22356

87830.10-2023 **Nghiên cứu hiện trạng ô nhiễm của thuốc trừ sâu, dược phẩm và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe và chất chống cháy trong môi trường không khí xung quanh tại khu vực đô thị của Việt Nam/** TS. Dương Thị Hạnh, GS.TS. Lê Trường Giang; TS. Phan Quang Thăng; TS. Nguyễn Thị Phương Mai; TS. Trịnh Thu Hà; TS. Nguyễn Trần Điện; ThS. Vũ Lê Minh; CN. Nguyễn Thị Hương - Hà

Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khắc họa bức tranh toàn cảnh về ô nhiễm OMPs trong môi trường không khí và bụi đô thị tại Việt Nam, đặc biệt là ô nhiễm thuốc trừ sâu, PPCPs và FRs. Làm rõ đặc tính ô nhiễm và tìm ra nguồn phát thải của chúng của các nhóm chất phân tích được phát hiện. Đánh giá xu hướng của OMPs trong môi trường và tác động của chúng tới sức khỏe con người.

Số hồ sơ lưu: 22341

87947.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học để lựa chọn hệ phương pháp, mô hình phân vùng cảnh báo chi tiết và xác định ngưỡng mưa kích hoạt tại các khu vực nhạy cảm về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam/** TS. Đỗ Minh Hiền, TS. Nguyễn Quốc Định; ThS. Nguyễn Văn Hoàng; KS. Đinh Văn Huy; KS. Phạm Đức Trọng; KS. Nguyễn Thị Lợi; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thảo; TS. Ngô Thị Thủy; ThS. Văn Thị Hằng; TS. Lương Hữu Dũng - Hà Nội - Viện khoa học địa chất và khoáng sản, 2022; 09/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Lựa chọn được hệ phương pháp và mô hình phân vùng cảnh báo, ổn định mái dốc chi tiết (tỷ lệ 1:10.000, 1:5.000, 1:2.000 và 1:1000) về nguy cơ trượt, trượt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khả thi áp dụng tại các khu vực nhạy cảm thuộc các vùng miền núi, trung du Việt Nam. Xác

định ngưỡng mưa kích hoạt gây trượt, trượt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét tại các khu vực miền núi, trung du Việt Nam. Áp dụng thử nghiệm mô hình tại một số khu vực nhạy cảm thuộc tỉnh Lào Cai.

Số hồ sơ lưu: 22373

88514.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng kịch bản phát thải thông thường (BAU) và hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (MRV) cho chung cư, trụ sở hành chính, bệnh viện, tòa nhà thương mại và khách sạn sử dụng năng lượng trọng điểm/** ThS. Tăng Thị Hồng Loan, CN. Nguyễn Thị Thu Hoài; KS. Trịnh Thu Hằng; KS. Trần Đắc Chí; CN. Trần Võ Thị Trang; CN. Hà Thị Thanh Nga; CN. Phạm An Bình; CN. Nguyễn Hải Anh; ThS. Hoàng Thanh Hà; ThS. Lê Hà Thanh; KS. Nguyễn Tiến Dũng; Trần Hà Ninh; KTS. Nghiêm Hồng Hạnh; Nguyễn Văn Vy; CN. Nguyễn Đỗ Trung; CN. Võ Thế Công; CN. Lê Thùy Linh; CN. Nguyễn Thị Mai; CN. Vũ Thanh Tâm - Hà Nội - Công ty Cổ phần Tư vấn EPRO, 2022; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được kịch bản phát thải thông thường (BAU) và hệ thống hướng dẫn đo đạc, báo cáo, thẩm định MRV cho các công trình xây dựng (CTXD) theo thông lệ quốc tế và quy định của Việt Nam, áp dụng đối với 5 loại công trình sử dụng năng lượng trọng điểm (NLTĐ) là chung cư, trụ sở hành chính, bệnh viện, tòa nhà thương mại và khách sạn. Rà soát, cập nhật khung pháp lý

quốc gia, các yêu cầu về KKKNK theo thông lệ quốc tế, xác định phương pháp tính toán phát thải KNK các CTXD. Các nghiên cứu liên quan về kiểm kê khí nhà kính (KNK) và MRV đối với CTXD. Khảo sát được thực hiện bằng bảng hỏi, phỏng vấn, làm việc trực tiếp tại cơ sở. Các hướng dẫn khảo sát được chia sẻ tại trang ghg - moc.vn để hỗ trợ việc thu thập thông tin.

Số hồ sơ lưu: 22139

88520.10-2023 Nghiên cứu, xây dựng định mức cho công tác xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng phù hợp với loại hình công nghệ/ TS. Lê Văn Cư, ThS. Vũ Hồng Hoa; ThS. Nguyễn Việt Cường; CN. Đồng Quốc Bảo; ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; ThS. Đoàn Thị Vân Anh; CN. Phan Thị Hồng Liên; CN. Nguyễn Văn Minh; CN. Nguyễn Hoài Nam; KS. Nguyễn Việt Anh - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Lựa chọn công nghệ thu gom, xử lý chất thải rắn xây dựng (CTRXD) đang áp dụng ở một số tỉnh/thành phố đại diện. Nghiên cứu sử dụng các tài liệu, số liệu có liên quan đến hoạt động xử lý CTRXD hiện đại, phổ biến hiện nay. Đề xuất các công cụ (định mức dự toán các hao phí xử lý chất thải rắn xây dựng) phù hợp với các công nghệ xử lý CTRXD đang được sử dụng hiện nay phục vụ công tác quản lý dịch vụ xử lý CTRXD.

Số hồ sơ lưu: 22123

88682.10-2023 Nghiên cứu nâng cao hiệu quả quá trình xử lý nước thải của Vinacomin bằng sữa vôi hoạt tính/ TS. Hoàng Văn Đức, CN. Hoàng Thị Tuyền; TS. Hoàng Nhuận; TS. Chu Mạnh Nhung; TS. Trần Ngọc Hà; TS. Nguyễn Hữu Đức; ThS. Nguyễn Thành Chung; KS. Ngô Văn Tuyền; CN. Phạm Tuấn Anh; CN. Vũ Thị Phước - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2022; 01/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá sự bền vững và khả năng thay thế xút của sữa vôi hoạt tính trong xử lý môi trường; Xác định điều kiện tối ưu và đánh giá hiệu quả kinh tế quá trình loại Mn và Fe khỏi nước thải của Vinacomin bằng sữa vôi hoạt tính. Tạo ra được sản phẩm sữa vôi hoạt tính thay thế các dạng vôi thông thường trong xử lý nước thải của quá trình khai thác mỏ. Sản phẩm sữa vôi hoạt tính có khả năng làm tăng được pH của khối dung dịch lên trong thời gian ngắn, do đó có thể áp dụng để loại bỏ Fe và Mn mà không cần hệ thống cát lọc mangan.

Số hồ sơ lưu: 22089

88963.10-2023 Nghiên cứu đánh giá hiện trạng và thử nghiệm công nghệ xử lý chất thải rắn và chất thải lỏng tại cơ sở nghiên cứu, ứng dụng và triển khai công nghệ xử lý quặng xạ hiếm/ KS. Nguyễn Huy Cường, TS. Nguyễn Bá Tiến; ThS. Nguyễn Hoàng Lâm; CN. Lê Xuân Hữu; PGS. TS. Thân Văn Liên; ThS. Trần Ngọc Vượng; PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Dung; ThS. Đoàn Thanh Sơn; PGS. TS. Lê Thị Mai Hương; KS. Dương Đình Thơ -

Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2023; 01/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về chất thải độc hại sinh ra từ các cơ sở nghiên cứu chế biến quặng xạ hiếm và phương pháp cô lập chất thải độc hại dạng rắn. Đánh giá hiện trạng môi trường tại xã Đồng Tháp – Đan Phượng – Hà Nội. Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống bảo vệ môi trường tại xã Đồng Tháp – Đan Phượng – Hà Nội. Đề xuất quy chế quản lý và quản lý môi trường tại xã Đồng Tháp – Đan Phượng – Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 22020

20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt)

88395.10-2023 **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp tại các mỏ hầm lò/** ThS. Trần Việt Linh, TS. Nguyễn Khắc Lĩnh; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Trần Thị Trâm; TS. Nguyễn Văn Tuệ; ThS. Phạm Văn Tiến; ThS. Chu Mạnh Cường; TS. Trần Đức Huân; KS. Vũ Thanh Tuyên; KS. Mai Văn Chiu - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mỏ, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ thiết kế, công nghệ chế tạo thiết bị vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp tại các mỏ hầm lò; Chế tạo 01 toa xe vận chuyển vật liệu nổ trong mỏ hầm lò đảm bảo tuân thủ theo QCVN 01: 2019/BCT. Khảo sát, đánh giá tổng quan hiện trạng thiết bị vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) đang sử dụng hiện

nay. Tính toán thiết kế toa xe chở VLNCN. Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo và lắp ráp toa xe chở VLNCN. Xây dựng tài liệu hướng dẫn vận hành toa xe chở VLNCN đảm bảo an toàn trong thực tế mỏ hầm lò.

Số hồ sơ lưu: 22124-cl2

20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí

88827.10-2023 **Phát triển năng lượng tái tạo ở UAE và Morocco - Gợi ý chính sách cho Việt Nam/** TS. Kiều Thanh Nga, ThS. Lê Bích Ngọc; NCS. Vũ Thị Thanh; ThS. Phạm Thị Kim Huế; ThS. Nguyễn Danh Cường; ThS. Trần Anh Đức; TS. Lê Quang Thắng; ThS. Trần Hữu Đồng; ThS. Vũ Li Na - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số vấn đề chung về cơ chế, chính sách phát triển NLTT, xu hướng phát triển NLTT trên thế giới và thực tiễn ở một số quốc gia. Phân tích và đánh giá chính sách và thực tiễn phát triển NLTT của UAE và Morocco qua các dự án điển hình trong thập kỷ qua; các yếu tố ảnh hưởng, những thành công, thất bại, triển vọng và làm rõ kinh nghiệm trong phát triển NLTT của UAE và Morocco. Khái quát về phát triển NLTT của Việt Nam (chính sách, kết quả, hạn chế, cơ hội, thách thức), từ đó gợi ý chính sách cho Việt Nam trong phát triển NLTT, đặc biệt là từ kinh nghiệm của UAE và Morocco cũng như cơ hội cho hợp tác phát

triển NLTT giữa Việt Nam với hai quốc gia này.

Số hồ sơ lưu: 21851

20704. Viễn thám

88058.10-2023 Nghiên cứu ứng dụng Big data – viễn thám trong giám sát ô nhiễm không khí từ các khu xử lý rác thải/ ThS. Nghiêm Văn Ngo, ThS. Vũ Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Hải Đông; Nguyễn Thị Thanh Bình; ThS. Hồ Văn Thanh; ThS. Trần Tuấn Đạt; ThS. Hà Minh Chúc; TS. Nguyễn Quốc Long; ThS. Nguyễn Thị Trần An; ThS. Phạm Hà Trang - Hà Nội - Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm và Phát triển ứng dụng viễn thám, 2023; 07/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở khoa học và phương pháp luận cho ứng dụng Big data - viễn thám trong giám sát ô nhiễm không khí từ các khu xử lý rác thải, ứng dụng kết hợp dữ liệu viễn thám chuyên dụng Sentinel-5P, dữ liệu bay UAV chuyên dụng và dữ liệu quan trắc mặt đất để giám sát thường xuyên theo diện với độ chi tiết cao về chất lượng không khí quanh khu vực xử lý rác thải. Xây dựng quy trình công nghệ ứng dụng Big data - viễn thám giám sát tình trạng ô nhiễm không khí từ các khu xử lý rác thải, đề xuất các bước từ xử lý dữ liệu viễn thám, tích hợp dữ liệu viễn thám và quan trắc, mô hình hóa lan truyền chất lượng không khí, xây dựng bản đồ chất lượng không khí của từng thành phần và bản đồ chất lượng không khí AQI24h. Xác định sự phát tán một số thành phần hóa chất độc hại gây ô nhiễm không khí

từ các khu vực xử lý rác thải tập trung, cụ thể đó là SO_2 , NO_2 và CH_4 .

Số hồ sơ lưu: 21984

88123.10-2023 Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng quy định về công tác kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong lĩnh vực đo đặc bản đồ/ TS. Bùi Đăng Quang, ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Nghiêm Quốc Dũng; KS. Thái Việt Dũng; ThS. Trần Anh Tuấn; TS. Nguyễn Đình Thuận; PGS.TS. Nguyễn Văn Sáng; ThS. Vũ Tiến Quang; ThS. Tống Công Dũng; ThS. Nguyễn Văn Tuấn - Hà Nội - Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ, 2023; 01/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện Danh mục phương tiện đo trong lĩnh vực đo đặc bản đồ cần kiểm định và hiệu chuẩn; Xây dựng dự thảo các quy định kỹ thuật về công tác kiểm định, hiệu chuẩn cho các máy toàn đạc điện tử, thủy chuẩn, định vị bằng vệ tinh (GNSS); Xây dựng hệ thống kiểm định một số phương tiện đo đạc thông dụng.

Số hồ sơ lưu: 21858

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất

87940.10-2023 Nghiên cứu áp dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ nhằm chống giữ duy trì ổn định đường lò trong quá trình khai thác ở các mỏ than hầm lò vùng Quảng Ninh/ TS. Đinh Văn Cường, TS. Nhữ Việt Tuấn; ThS. Phí Văn Long; ThS. Phạm Chân Chính; TS. Trịnh Đăng Hưng; TS. Phạm Quang Nam; ThS. Nghiêm

Xuân La; KS. Hoàng Phương Thảo; TS. Phan Văn Việt; TS. Ngô Quốc Trung; ThS. Vương Minh Thu; KS. Trần Văn Thức; ThS. Ngô Văn Cừ - Hà Nội - Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu gia cường bằng bơm ép vữa xi măng; gia cường bằng bơm ép hóa chất; Nhóm giải pháp về sử dụng kết cấu và vật liệu chống giữ phù hợp cho các đường lò, sử dụng kết cấu chống hai lớp; sử dụng kết cấu chống kín bằng vì thép linh hoạt; sử dụng kết cấu chống bằng thép SVP với thiết kế tăng bền; sử dụng kết cấu chống bằng thép chữ hình chữ H; sử dụng kết cấu chống giữ bằng bê tông lưu vì sử dụng thép hình I làm cốt cứng; sử dụng cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn cường độ cao làm dầm nền tại các đường lò có áp lực bùng nền lớn; Nhóm các giải pháp hỗn hợp gia cường khối đá và kết cấu chống, sử dụng kết cấu chống hỗn hợp bằng vì thép kết hợp vì neo; sử dụng giải pháp gia cường khối đá kết hợp kết cấu chống; Nhóm các giải pháp điều khiển, xử lý ảnh hưởng của áp lực tựa lò chợ lên các đường lò chuẩn bị, giải pháp đào lò men theo khu vực đã khai thác kết hợp với kết cấu chống đội lò chuẩn bị; giải pháp sử dụng trụ nhân tạo thay thế trụ than bảo vệ đường lò; giải pháp khai thác không để lại trụ than bảo vệ đường lò; Nhóm giải pháp về kỹ thuật thi công đường lò, áp dụng phương pháp nổ mìn tạo biên khi thi công lò đá; áp dụng phương pháp tách phá gương bằng

máy combai khi đào lò than.

Số hồ sơ lưu: 22164

88397.10-2023 **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo quạt gió cục bộ dẫn động bằng khí nén phục vụ công tác thông gió trong mỏ hầm lò/** TS. Nguyễn Đăng Tấn, ThS. Đoàn Văn Giáp; KS. Lê Thị Hồng Thắng; ThS. Đinh Công Đạt; ThS. Đoàn Kim Bình; TS. Hồ Việt Bun; ThS. Đặng Vũ Đình; ThS. Nguyễn Văn Lại; KS. Đoàn Trọng Tuấn; KS. Vũ Quang Hiền - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mỏ, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ thiết kế, công nghệ chế tạo quạt hướng trục dẫn động bằng khí nén dùng thông gió cục bộ trong mỏ hầm lò. Nghiên cứu, thiết kế quạt hướng trục dẫn động bằng khí nén dùng thông gió cục bộ trong mỏ hầm lò. Chế tạo 01 quạt hướng trục dẫn động bằng khí nén dùng thông gió cục bộ trong mỏ hầm lò. Lắp đặt và ứng dụng 01 quạt hướng trục dẫn động bằng khí nén dùng thông gió cục bộ trong mỏ hầm lò.

Số hồ sơ lưu: 22107

20707. Kỹ thuật đại dương

88121.10-2023 **Nghiên cứu bổ sung số hạng nguồn do Cs-137 rơi lắng từ khí quyển dọc theo quỹ đạo đám mây phóng xạ trong mô hình Delft-3D/** ThS. Trần Quang Thiện, ThS. Võ Thị Mộng Thắm; CN. Nguyễn Minh Đạo; ThS. Lê Xuân Thắng; TS. Trần Tuấn Anh; TS. Vũ Duy Vĩnh; TS. Phạm Kim Long - Lâm Đồng - Viện Nghiên

cứu Hạt Nhân, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài kết hợp hai mô hình mô phỏng phát tán phóng xạ, FLEXPART trong khí quyển và DELFT3D trong môi trường biển để mô phỏng lan truyền phóng xạ trong biển đối với sự cố Fukushima. Điểm mới của đề tài trong việc mô phỏng lan truyền phóng xạ trong môi trường biển là sử dụng số hạng nguồn mới theo không gian rơi lắng Cs-137 xuống môi trường biển. Trong đó FLEXPART được sử dụng để mô phỏng sự rơi lắng phóng xạ Cs-137 từ không khí vào môi trường biển trong sự cố Fukushima và DELFT3D sau đó sử dụng kết quả rơi lắng này kết hợp với nguồn thải trực tiếp để làm số hạng nguồn. Kết quả mô phỏng của chúng tôi tương quan tốt với dữ liệu quan trắc từ JAEA với hệ số tương quan $r = 0,74$. Điều này cho thấy mô hình DELFT3D có thể sử dụng mô phỏng phát tán phóng xạ trong môi trường biển.

Số hồ sơ lưu: 21864

20799. Kỹ thuật môi trường khác

88112.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học, đề xuất giải pháp giảm thiểu, loại bỏ việc sử dụng, phát thải túi nilon khó phân hủy, sản phẩm nhựa sử dụng một lần tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại/** ThS. Nguyễn Hoàng Khiêm, ThS. Nguyễn Quang Huy; TS. Đỗ Trọng Hiếu; ThS. Phan Hữu Việt Đức; CN. Trần Văn Huân; CN. Lê Hồng Thịnh; CN. Phạm Quốc Việt; ThS. Nguyễn Thị Lan Phương;

CN. Nguyễn Thị Trà Giang; CN. Trần Thị Ngọc Ánh; CN. Phạm Vũ Quang Huy; CN. Nguyễn Minh Thắng; CN. Nguyễn Diệu Thúy; CN. Nguyễn Thúc; ThS. Nguyễn Thị Kim Chi; CN. Hoàng Thị Hải Yến; CN. Tô Ngọc Phan; ThS. Hoàng Văn Cương; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Lê Hoàng Diễm Hương; CN. Nguyễn Thanh Huyền - Hà Nội - Vụ Thị trường trong nước, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế trong việc giảm thiểu, loại bỏ sử dụng, phát thải túi ni-lông khó phân hủy, sản phẩm nhựa sử dụng một lần; Đánh giá thực trạng chính sách về giảm thiểu, loại bỏ sử dụng, phát thải túi ni-lông khó phân hủy, sản phẩm nhựa sử dụng một lần ở nước ta; Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng sử dụng, phát thải túi ni-lông khó phân hủy, sản phẩm nhựa sử dụng một lần tại các chợ, siêu thị và trung tâm thương mại ở nước ta; Quan điểm, định hướng và đề xuất giải pháp giảm thiểu, loại bỏ việc sử dụng, phát thải túi ni-lông khó phân hủy, sản phẩm nhựa sử dụng một lần tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại ở nước ta trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 21882

88119.10-2023 **Đánh giá mức độ ảnh hưởng ô nhiễm môi trường gần mặt đất bằng tổ hợp các phương pháp địa vật lý đối với các bãi chôn lấp rác thải/** TS. Cao Đình Trọng, TS. Văn Đức Tùng; ThS. Nguyễn Bá Duân; TS. Lê Văn Dũng; ThS. Lưu Thị Ánh Thu; KS. Phùng

Thị Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Thanh Hải; ThS. Nguyễn Duy Liêm; KS. Nguyễn Mạnh Lực - Hà Nội - Viện Địa Vật lý Ứng dụng, 2022; 08/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Mặc dù bãi rác Xuân Sơn được coi là bãi rác đốt hợp vệ sinh, sử dụng công nghệ xử lý nước rác hiện đại tiên tiến trên thế giới nhưng các công nghệ của nước ngoài áp dụng tại Việt Nam phần lớn đều không hiệu quả vì không phù hợp với đặc thù rác thải phức tạp, chưa phân loại đầu nguồn. Vì vậy khả năng gây ô nhiễm từ bãi rác là không thể tránh khỏi. Nước rỉ rác có thể bị rò rỉ qua các đường ống gom, thấm lọc qua các lớp lót khi thiết kế không tốt hoặc khi bị quá tải tại các ô chứa. Ngoài ra, nước rỉ rác còn có thể thoát ra ngoài môi trường qua nước mưa, nhất là qua cống thoát số 2 và số 3. “Đánh giá mức độ ảnh hưởng ô nhiễm môi trường gần mặt đất bằng tổ hợp các phương pháp Địa vật lý đối với các bãi chôn lấp rác thải” là một việc làm cần thiết và cấp bách góp phần giúp địa phương và người dân sinh sống gần khu vực bãi rác có biện pháp phòng tránh, di dời hợp lý. Ngoài ra nêu những kiến nghị với ban quản lý bãi rác để có các biện pháp khắc phục.

Số hồ sơ lưu: 21910

88807.10-2023 **Khảo sát hiện trạng và đề xuất giải pháp thực hiện xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn tại khu vực nông thôn/** TS. Nguyễn Song Tùng, TS. Nguyễn Đình Đáp; ThS. Nguyễn Thị Hòa; ThS. Nguyễn

Thị Huyền Thu; TS. Nguyễn Thị Bích Nguyệt; TS. Đoàn Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Cao Thị Thanh Nga; TS. Phạm Thị Trâm; ThS. Đặng Thành Trung; CN. Nguyễn Thị Hằng - Hà Nội - Viện Địa lý nhân văn, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về xã hội hóa công tác quản lý CTR nông thôn; Đánh giá hiện trạng xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTR nông thôn; Phân tích những yếu tố ảnh hưởng, làm rõ những hạn chế, bất cập về chính sách hỗ trợ, thúc đẩy và nhân rộng các mô hình xã hội hóa thu gom, vận chuyển, xử lý CTR nông thôn từ đó đề xuất các giải pháp xây dựng mô hình hóa phù hợp tại vùng nông thôn. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị chính sách thực hiện xã hội hóa thu gom, vận chuyển, xử lý CTR nông thôn Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21829

88849.10-2023 **Tập huấn phổ biến và hướng dẫn phòng chống thiên tai, lụt bão/** TS. Vũ Thành Trung, ThS. Đỗ Văn Mạnh; Đặng Thị Minh Phương; Trương Thị Hồng Thúy; Nguyễn Xuân Hiền; Đậu Thị Linh; Tông Sĩ Biển; Hồ Hữu Thắng; Nguyễn Hồng Hà; Nguyễn Ngọc Huy; Phan Đăng Dũng - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 07/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thực hiện Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn 2050, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện Khoa học công nghệ xây dựng phối hợp với các địa phương xây dựng, triển khai nhiệm vụ “Tập huấn phổ biến và hướng dẫn phòng chống thiên tai, lụt bão xây dựng năm 2021” theo Hợp đồng số 52/HĐKH-CN, mã số RD2621, nhằm giúp các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong cộng đồng hiểu rõ hơn về cách phòng, chống thiên tai gió bão, đóng góp vào sự an toàn, khả năng phục hồi cộng đồng và phát triển bền vững lâu dài. Chương trình tập huấn đã tổng hợp và cập nhật các kiến thức mới nhất về các quản lý rủi ro thiên tai, đặc biệt là về phòng, chống gió bão cho các công trình xây dựng, đồng thời tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức cho 10 tỉnh thành đại diện cho 3 miền là Hà Nội, Hải Dương, Ninh Bình, Thái Bình, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Bình Thuận, Đắk Lắk, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

Số hồ sơ lưu: 21880

88851.10-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình Công nghệ siêu hấp thụ (CDI) ứng dụng trong xử lý nước sinh hoạt.**/ PGS. TS. Lưu Thế Anh, TS. Đỗ Quang Trung; TS. Võ Thanh Sơn; TS. Hoàng Trung Kiên; KTV. Đỗ Thanh Sang; ThS. Phạm Việt Hùng; ThS. Lê Bá Biên; TS. Lý Trọng Đại - Hà Nội - Viện Tài nguyên và Môi trường, 2022; 04/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Mặc dù nhiều nghiên cứu trước đây đã được đóng góp về khử muối của các ion đơn hóa trị, nhưng rất ít nhà nghiên cứu tập trung vào việc làm mềm nước bằng công nghệ CDI (Oren, 2008). Gabelich và cộng sự cho thấy các ion hóa trị một được ưu tiên loại bỏ cao hơn là các ion hóa trị hai trong trường hợp của điện cực carbon aerogel (Gabelich và cộng sự, 2002). Tuy nhiên, trong một số nghiên cứu khác cho thấy xu hướng ngược lại (Xu và cộng sự, 2008). Ngoài việc loại bỏ các kim loại nặng và các chất gây ô nhiễm vô cơ, các công nghệ dựa trên CDI cũng đã được sử dụng để loại bỏ các chất ô nhiễm hữu cơ như thuốc nhuộm và kháng sinh có thể ion hóa cũng như các hợp chất hữu cơ carboxylate, sulfonate và phosphonate (Suss và cộng sự, 2015). Do đó, các nghiên cứu tối ưu hóa và hoàn thiện hệ thống lọc nước ứng dụng công nghệ CDI nhằm nâng cao hiệu suất lọc là cần thiết để mở rộng đối tượng và phạm vi ứng dụng. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phát triển và hoàn thiện thiết bị lọc nước sử dụng công nghệ hấp thụ (CDI) trong xử lý nước sinh hoạt tại Việt Nam nhằm mở rộng đối tượng áp dụng, nâng cao hiệu suất lọc nước mặn ở mức dưới 40‰, nâng cao hiệu quả xử lý (lượng nước thải xuống dưới 8%).

Số hồ sơ lưu: 21885

88864.10-2023 **Xây dựng hệ sinh thái công nghiệp 4.0 tại Israel: Thực trạng và gợi ý chính sách cho Việt Nam**/ TS. Đinh Công Hoàng, CN Lê Vân; TS Trần Mai Trang; Th.S Bùi Ngọc Tú; Th.S

Phạm Minh Hiền; TS Phan Minh Đức; ThS Trần Hữu Đồng; ThS Vũ Li Na - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng hệ sinh thái công nghiệp 4.0 Xác định những nhân tố ảnh hưởng tới xây dựng hệ sinh thái công nghiệp 4.0 tại Israel. Nghiên cứu thực trạng xây dựng hệ sinh thái công nghiệp 4.0 của Israel. Đánh giá thành tựu, hạn chế và nguyên nhân hạn chế của Israel và bài học cho Việt Nam. Đánh giá khả năng hợp tác với Việt Nam trong xây dựng hệ sinh thái công nghiệp 4.0 Đề xuất giải pháp và kiến nghị chính sách xây dựng hệ sinh thái công nghiệp 4.0 tại Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 21904

20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học)

87802.10-2023 Nghiên cứu sự phân bố, nguồn phát tán và đánh giá rủi ro đến sức khỏe con người của một số hợp chất gây rối loạn nội tiết (benzophenone, bisphenol A và các dẫn xuất, nhóm paraben, phthalate và siloxane) trong môi trường tại Hà Nội và các thành phố lân cận, Việt Nam/ PGS. TS. Trần Mạnh Trí, PGS.TS. Chu Ngọc Châu, ThS. Đặng Minh Hương Giang, ThS. Phùng Đức Hòa; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hóa chất trong đó có các hợp chất có khả năng gây rối loạn nội tiết mới nổi (Emerging Endocrine Disruptors: EEDs) đã được tổng hợp ra nhằm phục vụ các mục đích khác nhau của con người như phụ gia vật liệu bằng nhựa, phụ gia dược phẩm, vật dụng gia đình, sửa dụng trong các sản phẩm chăm sóc cá nhân. Tuy nhiên, cho đến nay những thông tin về các hợp chất EEDs trong môi trường tại Việt Nam vẫn còn rất hạn chế. Tiếp nối những thành công từ nghiên cứu vừa qua của nhóm chúng tôi, mục tiêu của đề tài này là tiếp tục nghiên cứu khảo sát các điều kiện tối ưu nhằm xác định nồng độ và sự phân bố của một số lớp hợp chất EEDs (bao gồm benzophenone, bisphenol A và các dẫn xuất, nhóm paraben, phthalate và siloxane) trong môi trường bao gồm bụi và không khí tại Hà Nội và một số thành phố lân cận, Việt Nam. Từ đó đánh giá nguồn gốc gây ô nhiễm các hóa chất này và đề xuất phương pháp ước lượng mức độ phơi nhiễm chúng đối với cư dân sống trong khu vực có ô nhiễm các chất này

Số hồ sơ lưu: 22375

3. Khoa học y, dược

88391.10-2023 Đánh giá nguy cơ sức khỏe con người đối với ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp/ BS. CKII. Nguyễn Công Cừu, BS. CKII. Nguyễn Công Cừu; PGS.TS. Lê Thanh Hương; TS. Lưu Quốc Toàn; PGS.TS. Trần Thị Tuyết Hạnh; ThS. Phan Thanh Hòa; ThS. Lê Quang Trí; ThS. Nguyễn Huỳnh

Nhân; ThS. Châu Thị Thúy Hằng; ThS. Trần Văn Lươm; ThS. Trần Thanh Tâm; ThS. Nguyễn Trần Nguyễn - Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp - Trường cao đẳng y tế Đồng Tháp, 2019; 10/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đồng Tháp là một tỉnh nông nghiệp trọng điểm của khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Nhằm phục vụ hoạt động thâm canh nông nghiệp và đảm bảo năng suất nông nghiệp nhu cầu sử dụng thuốc BVTV tại tỉnh là rất lớn. Trong đó 70 – 90% dịch hại yêu cầu người dân phải dùng thuốc BVTV để phòng ngừa. Nhằm cung cấp các bằng chứng về thực trạng sử dụng, tồn dư, kiến thức, thực hành và nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe của thuốc BVTV tại tỉnh Đồng Tháp trong những năm qua chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài khoa học cấp tỉnh Đánh giá nguy cơ sức khỏe con người đối với ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được thực hiện từ tháng 10/2019 đến tháng 10/2021

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-007

88713.10-2023 **Xây dựng quy trình lâm sàng thở oxy dòng cao qua mũi (HFNC) và đánh giá hiệu quả lọc máu thay huyết tương cho bệnh nhân covid -19 nặng và nguy kịch tại một số bệnh viện tỉnh Bình Dương ./ GS.TS. Dương Quý Sỹ, - Bình Dương - Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, 2023; 07/2022 - 05/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Phân tích một số yếu tố liên quan đến hiệu quả và an toàn của liệu pháp thở oxy dòng cao qua mũi (HFNC) cho người bệnh mắc covid-19 thể nặng và nguy kịch tại một số bệnh viện trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2021 – 2022; Đề xuất quy trình lâm sàng hiệu quả và an toàn sử dụng liệu pháp oxy dòng cao qua mũi cho người bệnh mắc covid-19; Đề xuất quy trình chăm sóc người bệnh sử dụng liệu pháp oxy dòng cao qua mũi cho người bệnh mắc covid-19; Đánh giá hiệu quả và tính an toàn trong lọc máu thay huyết tương trên người bệnh covid-19 thể nặng và nguy kịch tại khu vực hồi sức tích cực một số bệnh viện trên địa bàn tỉnh Bình Dương, năm 2021 – 2022; Đề xuất quy trình lâm sàng lọc máu thay huyết tương chi tiết áp dụng cho người bệnh Covid-19 thể nặng và nguy kịch; Đề xuất quy trình chi tiết theo dõi, chăm sóc người bệnh lọc máu thay huyết tương cho người bệnh covid-19 thể nặng và nguy kịch.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-004

89125.10-2023 **Đánh giá thực trạng tồn lưu kháng thể kháng độc tố bạch hầu ở độ tuổi từ 5 - 40 trong cộng đồng dân cư tỉnh Khánh Hòa./ Đỗ Thái Hùng, - ThS. BS. Đào Thế Anh - ThS. BS. Hoàng Tiến Thanh - ThS. Nguyễn Bảo Triệu - GS. TS. Lay Myint Yoshida - BSCKII. Tôn Thất Toàn - ThS. BS. Lê Xuân Huy - ThS. BS. Nguyễn Đình Lượng - ThS. Lê Thùy Liên - BSCKII. Lê Hồng Quân - Nha Trang, Khánh Hòa - Viện Pasteur Nha Trang, 2023; 09/2022 -**

02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Báo cáo khoa học, phân tích và đánh giá toàn diện, khách quan về thực trạng tồn lưu kháng thể kháng độc tố bạch hầu ở độ tuổi từ 5 - 40 trong cộng đồng dân cư tỉnh Khánh Hòa. Thực trạng tồn lưu kháng thể kháng độc tố bạch hầu ở độ tuổi từ 5 - 40 trong cộng đồng dân cư tỉnh Khánh Hòa. Mô tả các yếu tố dịch tễ học liên quan đến sự tồn lưu kháng thể kháng độc tố bạch hầu ở độ tuổi từ 5 - 40 trong cộng đồng dân cư tỉnh Khánh Hòa. Đưa ra mô hình dự báo ngưỡng bảo vệ với xác suất ngưỡng bảo vệ đầy đủ và lâu dài của quần thể nghiên cứu là 26,7%; nghiên cứu khẳng định sự suy giảm miễn dịch đối với bệnh bạch hầu theo tuổi, xác suất ngưỡng bảo vệ đầy đủ và lâu dài sẽ giảm đi 0,53% ngưỡng bảo vệ khi tăng lên 1 năm tuổi. Ngoài ra, nghiên cứu cũng đưa ra mô hình đa biến về sự tương tác của chỉ số BMI, nhóm tuổi, khu vực địa lý với ngưỡng miễn dịch đối với bệnh bạch hầu

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/346

30103. Miễn dịch học

88951.10-2023 **Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học và vi rút học bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng vi rút corona mới 2019 (Covid-19) tại Việt Nam/** GS. TS. Phan Trọng Lân, TS. Phạm Duy Quang; GS. TS. Đặng Đức Anh; TS. Nguyễn Vũ Thượng; TS. Hoàng Quốc Cường; ThS. Lương Chấn Quang; ThS. Cao Minh Thắng; TS. Đào Huy Mạnh; ThS. Huỳnh Thị

Kim Loan; TS. Đỗ Thái Hùng; PGS. TS. Trần Như Dương; GS. TS. Lê Thị Quỳnh Mai; TS. Hoàng Vũ Mai Phương; PGS. TS. Nguyễn Lê Khánh Hằng; TS. Lê Anh Tuấn; Ts. Ngũ Duy Nghĩa; TS. Phạm Quang Thái; GS. TS. Nguyễn Trần Hiền; ThS. Nguyễn Công Khanh; Nguyễn Trí Dũng; TS. Phạm Ngọc Thạch; ThS. Trương Thị Thùy Dung; Nguyễn Việt Thịnh; Lê Ngọc Tú - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh, 2023; 02/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định đặc điểm dịch tễ học và vi rút học bệnh viêm đường hô hấp cấp do Covid-19 tại Việt Nam. Nuôi cấy, phân lập vi rút và đánh giá tính ổ định và cảm nhiễm của chủng SARS-CoV-2 trên các dòng tế bào. Đánh giá sau đáp ứng dịch và đề xuất giải pháp dự phòng bệnh viêm đường hô hấp cấp do Covid-19 tại Việt Nam. Tổng hợp giải pháp đáp ứng các làn sóng dịch Covid-19 trong năm 2020. Dự báo tác động can thiệp trong dịch do biến thể Delta tại TPHCM. Nguy cơ bùng phát dịch khi mở cửa biên giới và đánh giá tác động của các chính sách can thiệp lên đợt bùng phát dịch lần thứ 4 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: 21994

30206. Huyết học và truyền máu

87798.10-2023 **Xây dựng phương pháp mới trong chẩn đoán nhiễm khuẩn huyết/** PGS. TS. Lê Hữu Song, PGS.TS. Phan Quốc Hoàn; TS. Ngô Tất Trung; TS. Trần Thị Huyền Trang; TS. Vũ Viết Sáng;

TS. Trịnh Văn Sơn; TS. Trần Thị Liên; ThS. Trần Thị Thanh Huyền; ThS. Đào Thanh Quyên; CN. Đào Phương Giang - Hà Nội - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, 2023; 12/2017 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng phương pháp mới phát hiện mầm bệnh gây nhiễm khuẩn huyết bằng công nghệ Crispr/cas. Xác định giá trị của một số miR lưu hành tự do trong chẩn đoán nhiễm khuẩn huyết. Đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu của miR hoặc bộ miR trong chẩn đoán NKH, phân biệt NKH với đáp ứng viêm hệ thống trong giai đoạn xây dựng quy trình. Đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu của miR trong chẩn đoán NKH, phân biệt NKH với đáp ứng viêm hệ thống trong giai đoạn xây dựng quy trình xét nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 22379

30217. Bệnh về khớp

87810.10-2023 **Phân tích và hiểu tự động tương tác giữa tay và đồ vật dựa trên biểu diễn nhóm Lie/** TS. Lê Văn Hùng, PGS.TS. Lê Thị Lan; TS. Vũ Hải; PGS.TS. Trần Thị Thanh Hải; TS. Vũ Việt Vũ; TS. Đoàn Thị Hương Giang; ThS. Hoàng Văn Nam; ThS. Lê Anh Nhật; ThS. Nguyễn Thị Hà Phương - Tuyên Quang - Trường Đại học Tân Trào, 2022; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cải tiến và đề xuất xây dựng một cách biểu diễn mới các khớp xương của bàn tay sử dụng nhóm Lie trong không gian đa tạp để ước lượng

nhau và chính xác các khớp xương, sự di chuyển, theo vết tay trong môi trường; Phát triển các phương pháp tính toán ước lượng và trích chọn thuộc tính của đồ vật trên cơ sở khai phá mối quan hệ giữa kiểu cầm nắm và thuộc tính của đồ vật có sử dụng các thông tin về ngữ cảnh; Về mặt ứng dụng, dựa trên cơ sở lý thuyết đã nghiên cứu, đề tài sẽ xây dựng ứng dụng tự động đánh giá các kiểu cầm nắm của bàn tay bệnh nhân hồi phục chức năng. Xác định mức độ cầm nắm đồ vật, tự động nhận dạng hoạt động trong sinh hoạt của người bệnh đánh giá khả năng phục hồi.

Số hồ sơ lưu: 22333

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

87834.10-2023 **Nghiên cứu hoạt tính kháng ung thư và kháng viêm của các hợp chất steroid glycoside phân lập từ một số loài thuộc chi Solanum ở Việt Nam/** TS. Lê Cảnh Việt Cường, ThS. Lê Tuấn Anh; PGS.TS. Hoàng Lê Tuấn Anh; ThS. Trần Phương Hà; ThS. Lê Thị Liên; TS. Trần Thị Phương Anh; PGS.TS. Đỗ Thị Thảo - Thừa Thiên Huế - Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được tác dụng gây độc tế bào ung thư và kháng viêm chỉ Solanum ở Việt Nam. Phân lập và xác định được thành phần hoạt chất chính của một số loài Solanum tiềm năng. Cung cấp được các bằng chứng khoa học phục vụ cho các nghiên cứu ứng dụng tiếp theo. Đánh giá hoạt tính sinh học của các chất

sạch theo hướng kháng ung thư và kháng viêm.

Số hồ sơ lưu: 22340

30224. Tâm thần học

88824.10-2023 **Sức khỏe tâm thần của học sinh trung học phổ thông và những yếu tố tác động (Nghiên cứu trường hợp ở một tỉnh Bắc Bộ)/** ThS. Lồ Việt Phương, TS. Đặng Bích Thủy; CN. Trần Thị Phương Ngọc; ThS. Vũ Thị Cúc; TS. Trương Thị Thu Thủy; TS. Trần Quý Long; ThS. Hà Thị Minh Khương; TS. Bùi Thị Hương Trâm - Hà Nội - Viện Nghiên cứu gia đình và giới, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu thực trạng sức khỏe tâm thần của học sinh THPT hiện nay. Xác định các yếu tố tác động đến sức khỏe tâm thần của học sinh THPT, bao gồm cả yếu tố bảo vệ và yếu tố nguy cơ. Tìm hiểu về SKTT trong học sinh THPT và các yếu tố tác động, nhằm cung cấp những cơ sở khoa học và thông tin cập nhật về sức khỏe tâm thần của học sinh THPT hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21847

30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)

88266.10-2023 **Thực trạng bệnh tật, nhu cầu bác sĩ chuyên khoa một số chuyên ngành và năng lực đáp ứng của các cơ sở đào tạo ở Việt Nam/** GS. TS. Đoàn Quốc Hưng, PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Toàn; PGS.TS. Lê Minh Giang;

ThS. Trần Thị Hào; PGS.TS. Đỗ Gia Tuyền; PGS.TS. Dương Đại Hà; PGS.TS. Nguyễn Thị Diệu Thúy; PGS.TS. Trần Danh Cường; TS. Đỗ Nam Khánh; ThS. Lưu Ngọc Minh; TS. Nguyễn Kim Thư - Hà Nội - Trường Đại học Y Hà Nội, 2023; 12/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Thực trạng các bệnh nội khoa, ngoại khoa, nhi khoa, sản phụ khoa và truyền nhiễm thường gặp tại một số bệnh viện tỉnh và huyện tại các vùng sinh thái ở Việt Nam; Thực trạng, nhu cầu, năng lực cơ bản của BSCK nội, ngoại, sản, nhi, truyền nhiễm làm việc tại bệnh viện tuyến tỉnh, huyện ở các vùng sinh thái đại diện; Năng lực đào tạo BSCK nội, ngoại, sản, nhi, truyền nhiễm của các cơ sở đào tạo ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22525

30309. Dịch tế học

88684.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng mức giới hạn an toàn và yêu cầu quản lý đối với bánh, mứt, kẹo, bột và tinh bột/** ThS. Phạm Trường Sơn, TS. Dương Xuân Diêu; ThS. Dương Hương Quỳnh; TS. Đặng Tất Thành; Nguyễn Mạnh Thắng; ThS. Nguyễn Thị Diễm Hằng; TS. Trương Hương Lan; ThS. Nguyễn Thị Việt Hà; ThS. Vũ Phương Nam; Nguyễn Thị Hiền - Hà Nội - Vụ Khoa học và Công nghệ, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mức giới hạn an toàn thực phẩm và yêu cầu quản lý đối với bánh, mứt, kẹo, bột và tinh bột trong quá trình sản xuất, kinh doanh đề

làm cơ sở xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bánh, mứt, kẹo, bột và tinh bột. Phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm bánh, mứt, kẹo, bột và tinh bột; Xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với bánh, mứt, kẹo, bột và tinh bột.

Số hồ sơ lưu: 22091

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

87525.10-2023 **Xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển dược liệu tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng 2035/** PGS.TS Phạm Thanh Huyền, ThS. Lại Việt Hưng; PGS.TSKH. Nguyễn Minh Khởi; ThS. Nguyễn Quỳnh Nga; ThS. Phan Văn Trường; ThS. Nguyễn Văn Hiếu; DSCKI. Nguyễn Duy Văn; ThS. Huỳnh Tú Anh; TS. Lê Văn Minh; CN. Nguyễn Hoàng - Hà Nội - Viện Dược liệu - Bộ Y tế, 2022; 04/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển dược liệu của tỉnh Đồng Nai, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên dược liệu trên địa bàn tỉnh. Điều tra khảo sát các loài cây thuốc có tiềm năng khai thác và phát triển, từ đó đánh giá được tiềm năng, thực trạng khai thác, trồng trọt cây thuốc và nhu cầu sử dụng dược liệu ở tỉnh Đồng Nai, Xây dựng được kế hoạch bảo tồn và phát triển dược liệu của tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035. Đề xuất các giải pháp nhằm

khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên dược liệu của tỉnh Đồng Nai.

Số hồ sơ lưu: DNI_2023-01-CT

87811.10-2023 **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của chi Tam thụ hùng (*Trigonostemon*) ở Việt Nam/** PGS. TS. Ninh Khắc Bản, PGS.TS. Phan Văn Kiệm; TS. Trần Mỹ Linh; TS. Vũ Hương Giang; TS. Lê Quỳnh Liên - Hà Nội - Viện Hoá sinh biển, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích thành phần hóa học của một số loài trong chi Tam thụ hùng (*Trigonostemon*) thu thập ở Việt Nam, cụ thể là *T. longiflis*, *T.honbaensis* và *Trigonostemon sp.*; Phân tích hoạt tính sinh học của một số hợp chất tách từ các loài *T.longifoluis*, *T.longifolius*, *T.honbaensis* và *Trigonostemon sp.* thu thập ở Việt Nam. Kiến nghị về sử dụng bền vững các loài trong chi Tam thụ hùng (*Trigonostemon*) tại Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22337

88060.10-2023 **Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen cây thuốc đặc hữu, quý, hiếm của vùng Đông Nam Bộ tại Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai/** ThS. Phan Văn Trường, PGS. TS. Phạm Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Quỳnh Nga; PGS. TSKH. Nguyễn Minh Khởi; ThS. Nguyễn Văn Hiếu; ThS. Phạm Thị Ngọc; ThS. Lại Việt Hưng; CN. Đặng Minh Tú; ThS. Võ Quang Trung; TS. Nguyễn Hoàng Hào - Hà

Nội - Viện Dược Liệu, 2023; 10/2017 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, đánh giá hiện trạng và thu thập các nguồn gen cây thuốc đặc hữu, quý, hiếm và có giá trị kinh tế tại vùng Đông Nam Bộ và Khu Bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai. Nghiên cứu bảo tồn các nguồn gen và nhân giống phục vụ công tác bảo tồn tại Khu Bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai. Đánh giá, tư liệu hóa nguồn gen và đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển bền vững nguồn gen đặc hữu quý, hiếm, có giá trị kinh tế của vùng Đông Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 21966

88836.10-2023 **Nghiên cứu nâng cao hiệu suất qui trình chiết curcuminoid từ nghệ (*Curcuma longa*) qui mô pilot và xây dựng phương pháp xác định nguồn gốc curcuminoid tự nhiên/ TS. Vũ Văn Hà, PGS.TS. Phương Thiện Thương; TS. Nguyễn Đức Hùng; Ngô Minh Khoa; Lương Đức Bằng; Hoàng Thục Oanh; Lê Hồng Oanh; Nguyễn Thị Linh; Hoàng Hương Diễm - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc, 2023; 07/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Nhằm mục đích khắc phục các nhược điểm của công nghệ hiện tại đang được sử dụng trong chiết xuất curcuminoid và xây dựng được phương pháp phân biệt nguồn gốc tự nhiên – tổng hợp của các mẫu curcumin, đề tài tập trung nghiên cứu với 2 mục tiêu: - Xây dựng quy trình chiết xuất và tinh chế sản phẩm

curcuminoid ở quy mô pilot (50kg/m²) có hiệu suất $\geq 65\%$ và chất lượng curcuminoid $\geq 93\%$. - Xây dựng phương pháp phân tích nhằm phân biệt sản phẩm curcuminoid tự nhiên và tổng hợp (phù hợp với điều kiện của trong nước).

Số hồ sơ lưu: 21860

30404. Hoá dược học

87857.10-2023 **Tổng hợp hợp chất ba thành phần để phát triển hệ thống vận chuyển thuốc tới gan/ TS. Nguyễn Thành Dương, TS. Lưu Đức Phương; ThS. Hà Thị Hải Yến; CN. Đoàn Hà Phương; ThS. Nguyễn Thị Kim Liên; CN. Bùi Thị Hồng Mơ - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2022; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tổng hợp và khảo sát tính chất của Chol-PEG-GA. Cả quá trình có thể phân chia thành 4 giai đoạn: tổng hợp Glycyrretinic acid ethyl ester, tổng hợp GA-PEG, tổng hợp Chol-suc và tổng hợp Chol-PEG-GA. Các sản phẩm ở mỗi giai đoạn được xác định cấu trúc dựa trên phổ IR và ¹H NMR được đo ở nhiệt độ phòng. Tối ưu hoá các phản ứng tổng hợp. Tổng hợp liposome bằng phương pháp hydrat hoá màng film, sau đó được nén qua polycarbonate có kích thước xác định bằng máy đùn. Sản phẩm được kiểm tra sự phân bố kích thước, điện thế zeta và kiểm tra cấu trúc bằng kính hiển vi điện tử truyền qua (TEM). Tối ưu hoá thành phần của các liposome. Việc đóng gói và giải phóng thuốc sẽ được kiểm tra dựa trên ảnh hưởng của các thành

phần tạo nên liposome cũng như tỷ lệ giữa các thành phần này. Nghiên cứu độc tính và sự hấp thụ của tế bào với các liposome. Khối u dạng 3D của tế bào HepG2 được sử dụng để thử khả năng và hiệu quả của thuốc được vận chuyển bởi liposome.

Số hồ sơ lưu: 22346

30405. Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất học (bao gồm cả độc chất học lâm sàng)

87805.10-2023 Nghiên cứu các chất có hoạt tính kháng viêm và hạ đường huyết từ một số loài chọn lọc thuộc họ Bóng nước (Balsaminaceae) và họ Thiên lý (Asclepiadaceae)/ PGS. TS. Nguyễn Thị Hoàng Anh, TS. Nguyễn Thanh Tâm; TS. Trần Đức Quân; ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; TS. Khiếu Thị Tâm; ThS. Đào Đức Thiện - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2023; 04/2019 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xử lý mẫu và chiết mẫu với dung môi methanol:nước (9:1) để thu được cặn chiết methanol tổng từ các mẫu đã thu hái được. Thử hoạt tính kháng viêm, hạ đường huyết của các cặn chiết thu được. - Phân lập các chất sạch từ các cặn chiết có hoạt tính bằng phương pháp sắc ký cột với các chất hấp phụ khác nhau như silica gel, RP-18, sephadex LH-20, trao đổi ion; phương pháp kết tinh phân đoạn,... Xác định cấu trúc hóa học của các chất sạch phân lập được bằng các phương pháp phổ hiện đại như phổ hồng ngoại (IR), khối khối (MS), phổ cộng hưởng từ hạt nhân 1D (1H, 13C-NMR) và 2D (1H-1H-COSY, HMQC, HMBC,

NOESY). Thử hoạt tính kháng viêm, và hạ đường huyết của các chất sạch phân lập được. Các hợp chất có hoạt tính kháng viêm tốt được tiếp tục thử nghiệm hoạt tính kháng viêm khớp dạng thấp và nghiên cứu sâu cơ chế tác dụng ở mức độ phân tử. Đề xuất khả năng ứng dụng và khai thác các loài đã nghiên cứu phục vụ ngành y, dược, thực phẩm chức năng

Số hồ sơ lưu: 22372

87845.10-2023 Nghiên cứu thành phần hóa học và tác dụng hạ đường huyết của 3 loài thuộc chi *Camellia* (*C. assamica*, *C. hakodate* và *C. sinensis*)/ TS. Nguyễn Thị Cúc, TS. Nguyễn Xuân Nhiệm; TS. Trần Hồng Quang; ThS. Dương Thị Dung; ThS. Dương Thị Hải Yến; ThS. Đỗ Thị Trang; ThS. Đan thị Thúy Hằng - Hà Nội - Viện Hoá sinh biển, 2023; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá sàng lọc hoạt tính sinh học theo ức chế enzyme α -glucosidase và α -amylase; Nghiên cứu phân lập các chất có hoạt tính sinh học từ những phân đoạn có hoạt tính học dựa trên cơ sở sàng lọc ở trên bằng các phương pháp sắc ký ; Xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất phân lập được bằng các phương pháp phổ hiện đại ; Đánh giá hoạt tính ức chế enzyme α -glucosidase và α -amylase của các hợp chất phân lập được.

Số hồ sơ lưu: 22362

88829.10-2023 Sàng lọc thuốc/hợp chất kháng sốt rét: giai đoạn HIT TO LEAD/ TS. Nguyễn

Thuy Việt Phương, ThS. Trương Văn Đạt (Thư ký khoa học); PGS.TS. Nguyễn Tiến Huy; PGS.TS. Võ Phùng Nguyên; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; DS. Nguyễn Trí Hoà; ThS. Nguyễn Đắc Chí - Hà Nội - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2022; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Từ kết quả 224 hợp chất có hoạt tính kháng hemozoin đã được công bố, tiến hành chọn lọc tất cả các hợp chất có hoạt tính kháng P. falciparum 3D7 và Dd2 với $IC_{50} < 5 \mu M$ và $SI > 20$. Thực hiện nghiên cứu "Systematic Review" về các công trình nghiên cứu liên quan đến các nhóm hợp chất Hit để chọn lọc khoảng 4-6 nhóm hợp chất Hit chưa từng được công bố hay ít nghiên cứu và có $IC_{50} < 5 \mu M$ và $SI > 20$. Tìm kiếm và chọn lọc từ thư viện hoá học của Đại học Tokyo - Nhật Bản khoảng 1500 dẫn xuất của 4-6 nhóm hợp chất Hit. Tiến hành thử hoạt tính kháng sốt rét và độc tính in vitro của 1500 dẫn xuất. Xây dựng mô hình QSAR, đánh giá thông số lý hóa, dược động học và điều chỉnh cấu trúc để chọn các hợp chất Lead có tiềm năng kháng sốt rét tốt hơn và an toàn hơn ($IC_{50} < 1 \mu M$ và $SI > 20$)

Số hồ sơ lưu: 21853

30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen

87899.10-2023 Nghiên cứu phát triển cảm biến sinh học dùng hiệu ứng plasmonic để xác định cấu trúc các G-quadruplex DNA aptamer ứng dụng trong phát hiện sớm và đặc hiệu tế bào ung thư vú/ TS. Đào Nguyên Thuận, TS. Ứng Thị Diệu Thúy; PGS.TS. Đồng Văn Quyền; PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng; TS. Nguyễn Ngọc Lan; ThS. Nguyễn Nhật Linh; ThS. Trần Thị Thu Hương; CN. Lê Thị Quỳnh Xuân; GS.TS. Phan Anh Tuấn; GS.TS. Michel-Beyerle Maria Elisabeth - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2022; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát ảnh hưởng của kích cỡ và khoảng cách mạng của mảng sắp xếp 2 chiều các hạt nano bạc và đĩa nano vàng tới tín hiệu SERS để tìm hàm phụ thuộc. Kết hợp tính toán lý thuyết để tối ưu các thông số (kích cỡ, khoảng cách mạng, hình dạng cấu trúc nano và bước sóng laser kích thích) nhằm tăng cường tối đa tín hiệu SERS cho các cấu trúc G-quadruplex. Cố định chuỗi AGRO100 và AT11 trên mảng 2 chiều của các hạt nano bạc và đĩa nano vàng. Nghiên cứu đặt trung cấu trúc G-quadruplex tạo bởi chuỗi AT11 (song song) và AGRO100 (đa dạng cấu trúc) bằng phổ Raman tăng cường nhờ hiệu ứng bề mặt

SERS. Phát hiện và nghiên cứu quá trình liên kết của nucleolin với cấu trúc G-quadruplex tạo bởi chuỗi AGRO100 và AT11 bằng cách phân tích các phổ SERS. Phát triển một cảm biến sinh học để cảm nhận và phân tích các aptamers có chứa cấu trúc G-quadruplex làm tác nhân chẩn đoán và bệnh ung thư vú với độ nhạy và tính đặc hiệu cao.

Số hồ sơ lưu: 22338

4. Khoa học nông nghiệp

87465.10-2023 **Xây dựng và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới ở tỉnh Vĩnh Long/** PGS, TS. Võ Hồng Tú, TS. Văn Hữu Huệ PGS, TS. Võ Hồng Tú; TS. Văn Hữu Huệ; PGS.TS. Nguyễn Duy Càn; PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn; TS. Nguyễn Thùy Trang; ThS. Đỗ Văn Hoàng; TS. Vũ Anh Pháp; TS. Lê Văn Dẽ; ThS. Phạm Việt Truyền; ThS. Phạm Văn Trọng Tính - Vĩnh Long - Đại học Cần Thơ, 2022; 11/2018 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mục tiêu chung của dự án là nhằm xây dựng mô hình HTX nông nghiệp điển hình gắn sản xuất và tiêu thụ tập trung, qua đó giúp HTX nâng cao năng lực cạnh tranh, tiêu thụ đầu ra nông sản ổn định và quản lý tốt chất lượng vật tư đầu vào. Ngoài ra, dự án còn góp phần tăng cường năng lực quản lý kinh doanh nông nghiệp cho các mô hình HTX hiện nay.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI003.2023-0000279

89016.10-2023 **Đánh giá khả năng thích ứng, xây dựng mô hình**

trình diễn cây sachi inchi (*Plukenetia Volubilis* L.) tại tỉnh Thái Nguyên/ Vũ Thị Thu Hiền, PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Bích Hồng; ThS. Nguyễn Bằng Tuyên; TS. Vũ Thanh Hải; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; TS. Phạm Thị Ngọc; TS. Đoàn Thu Thủy - Thái Nguyên - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2023; 11/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá đặc điểm nông sinh học, năng suất và chất lượng của cây sacha inchi trồng tại Thái Nguyên. Xây dựng quy trình trồng, thu hái, bảo quản và chế biến một số sản phẩm từ cây sacha inchi tại Thái Nguyên. Xây dựng mô hình trình diễn cây sacha inchi tại Thái Nguyên với quy mô 02 ha cho năng suất đạt 2 tấn quả/ha có chất lượng tốt. Phân tích, đánh giá chất lượng một số sản phẩm từ cây sachi được trồng tại Thái Nguyên.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-14

89101.10-2023 **Chọn tạo đàn lợn giống hạt nhân Yorkshire, Landrace và Duroc bằng công nghệ đánh giá di truyền và phân tích gen tại Khánh Hòa./** Ngô Xuân Đông, Phạm Ngọc Trung - TS. Nguyễn Hữu Tinh - ThS. Nguyễn Văn Hợp - CN. Nguyễn Huy Cường - BSTY. Nguyễn Văn Thới - BSTY. Đặng Văn Đông - ThS. Nguyễn Thị Lan Anh - CN. Nguyễn Anh Dũng - Nha Trang, Khánh Hòa - Công ty TNHH chăn nuôi Nhật Minh, 2023; 12/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả thực hiện chọn lọc đàn lợn hạt nhân đã đầy đủ về số lượng cũng như ổn định về ngoại hình và năng suất. Xây dựng 01 quy trình chọn tạo đàn lợn giống bằng công nghệ đánh giá di truyền và phân tích gen. Hoàn thiện 02 phần mềm quản lý đàn giống là HEOPRO_C và HEOPRO+Xây dựng thành công mô hình nuôi lợn sinh sản bố mẹ ở 03 trang trại tại Khánh Hòa. Đào tạo, tập huấn cho 22 cán bộ, kỹ thuật viên về quy trình chọn giống kết hợp phương pháp BLUP với phân tích gen, thực hành sử dụng phần mềm quản lý heo giống.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/345

89167.10-2023 **Nghiên cứu mô hình trồng thử nghiệm nấm Linh chi dưới tán rừng trồng Keo lai/** ThS Ngô Văn Vinh, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Vẹn; ThS. Bùi Hoàng Thiêm; ThS. Nguyễn Ngọc Phượng; TS. Nguyễn Văn Thành; ThS. Ninh Văn Tứ; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; KS. Trần Đại Năng; KS. Phạm Văn Chương; KS. Ngô Trường Bảo; GS.TS. Nguyễn Anh Dũng - Đồng Nai - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đồng Nai, 2023; 11/2020 - 08/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phát triển nghề trồng nấm dược liệu trên địa bàn, góp phần tạo một nghề mới, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân trồng rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Phát triển kỹ thuật nhân giống và sản xuất phiôi Nấm Linh chi trên gỗ khúc Keo lai. Xây dựng qui trình kỹ thuật trồng và nuôi dưỡng Nấm Linh chi dưới tán rừng Keo lai. Xây

dựng qui trình thu hái, sơ chế và bảo quản Nấm Linh chi dưới tán rừng Keo lai. Đánh giá những hoạt chất chính trong Nấm Linh chi trồng trên gỗ khúc Keo lai dưới tán rừng làm cơ sở cho nghiên cứu chế biến sâu được liệu

Số hồ sơ lưu: DNI-2023-05

40101. Nông hoá

88311.10-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất phân bón hỗn hợp NPK nhả chậm bọc lưu huỳnh theo lớp cho lúa, rau màu./** ThS. Lê Thị Minh Lương, Dương Văn Vinh; Hoàng Ngọc Thuận; Nguyễn Duy Phương; Hoàng Văn Quyết; Nguyễn Thị Nga; Đinh Thị Trang; Nguyễn Song Hà - Hà Nội - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quy trình sản xuất phân bón hỗn hợp NPK nhả chậm bọc lưu huỳnh theo lớp dinh dưỡng cho từng giai đoạn phát triển của cây lúa và rau màu; Thử nghiệm quá trình hòa tan và giải phóng dinh dưỡng của phân bón; Đánh giá năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất sử dụng phân nhả chậm NPK bọc lưu huỳnh theo lớp.

Số hồ sơ lưu: 22569

88835.10-2023 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp bổ cấp nguồn nước ngọt vào nước dưới đất (tầng nông) và đánh giá chất lượng nguồn nước phục vụ phát triển nông nghiệp thích ứng với nguy cơ hạn mặn/** PGS. TS Nguyễn Văn Lập, PGS. TS. Nguyễn Văn Lập; TS. Liêu Kim Phượng; PGS. TS. Tạ Thị

Kim Oanh; TS. Trương Minh Hoàng; TS. Nguyễn Thọ; ThS. Nguyễn Thị Mộng Lan; ThS. Võ Thị Hồng Quyên; ThS. Dương Bá Mẫn; ThS. Lưu Hải Tùng; CN. La Tấn Tài; ThS. Phan Song Toàn; ThS. Hình Phương Uyên - TP Hồ Chí Minh - Viện Địa lý tài nguyên Thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nhằm xây dựng các giải pháp bổ cấp nguồn nước ngọt vào nước dưới đất (tầng nông) phục vụ phát triển nông nghiệp thích ứng với nguy cơ hạn mặn trong mùa khô.

Số hồ sơ lưu: BTE-195-2023

40102. Thổ nhưỡng học

88101.10-2023 **Nghiên cứu công nghệ chế biến khoáng Diatomit mỏ An Xuân, Tuy An, Phú Yên thành chất cải tạo đất sử dụng trong nông nghiệp/** ThS. Trần Ngọc Anh, ThS. Trần Thị Hiến; ThS. Đinh Sơn Dương; ThS. Phạm Đức Phong; ThS. Nguyễn Bảo Linh; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang ; KS. Vũ Thùy Linh; TS. Nguyễn Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Hiến; CN. Phạm - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Giới thiệu sơ lược về Diatomit, một số kết quả nghiên cứu ứng dụng Diatomit làm chất cải tạo đất trong ngành nông nghiệp trên thế giới, các nghiên cứu ứng dụng Diatomit tại Việt Nam, trữ lượng, sản lượng khai thác khoáng Diatomit trên thế giới và Việt Nam, thông số kỹ thuật chất cải tạo đất một số công ty trên thế

giới, giá bán chất cải tạo đất Diatomit. Khảo sát và đánh giá thực trạng khai thác, chế biến khoáng Diatomit tại mỏ An Xuân, Tuy An, Phú Yên. Xây dựng quy trình công nghệ chế biến khoáng Diatomit thành chất cải tạo đất phục vụ trong nông nghiệp. Đề xuất định hướng sử dụng chất cải tạo đất phù hợp với loại cây trồng, loại đất và vùng đất khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 21895

88241.10-2023 **Nghiên cứu hiện trạng ô nhiễm kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và đề xuất giải pháp canh tác bền vững phục vụ cho tái canh cam ở một số tỉnh miền núi phía Bắc/** TS. Phạm Thị Mỹ Phương , ThS. Đoàn Văn Tú ; TS. Nguyễn Đắc Bình Minh; ThS. Nguyễn Ngọc Quý; TS. Trần Thị Tuyết Thu ; ThS. Nguyễn Văn Kỳ ; ThS. Tô Mai Dung ; ThS. Phan Lệ Nga ; ThS. Trương Công Đức; ThS. Nguyễn Đắc Hoan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng, 2023; 05/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được thực trạng tình hình sản xuất cam , diện tích , năng suất, tiêu thụ, sử dụng phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật trong quá trình canh tác tại vùng nghiên cứu; Tính chất lý hóa đất, hiện trạng và nguyên nhân ô nhiễm kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong đất trồng cam tại Hòa Bình và Tuyên Quang; Xây dựng bộ số liệu phân tích và bản đồ hiện trạng ô nhiễm , khoanh vùng diện tích cần được quản lý và xử lý ô nhiễm ; Đề xuất

giải pháp canh tác hợp lý nhằm phát triển bền vững, hạn chế thoái hóa đất, phục vụ ứng dụng vào trồng tái canh cây cam ở tỉnh Hòa Bình và Tuyên Quang. Giải pháp được hội đồng cơ sở đánh giá nghiệm thu ; Xây dựng mô hình tái canh cam ứng dụng tổ hợp các biện pháp kiểm soát ô nhiễm kim loại nặng và thuốc bảo vệ thực vật trong đất trồng cam (quy mô 2 ha/tỉnh).

Số hồ sơ lưu: 22531

88828.10-2023 **Đánh giá khả năng phân hủy nhóm hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Triazole của một số chủng vi khuẩn hiếu khí phân lập được trong đất canh tác nông nghiệp tại Đà Lạt/** ThS. Lương Thị Thắm, ThS. Nguyễn Thị Hồng Thắm; ThS. Nguyễn Tiến Đạt; ThS. Nguyễn Việt Đức; CN. Nguyễn Lê Hoài Bảo; CN. Nguyễn Thùy Hương Trang - Đà Lạt - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân lập, tuyển chọn và đánh giá khả năng phân hủy nhóm thuốc trừ nấm Triazole của các chủng vi khuẩn hiếu khí phân lập được từ đất canh tác nông nghiệp tại Đà Lạt. Kết quả khảo sát khả năng phân hủy thuốc trừ nấm cho thấy, 3 chủng này có khả năng phân hủy trên 50% hàm lượng các hoạt chất thuốc trừ nấm Triazole bổ sung vào môi trường nuôi cấy ở nồng độ 100 mg/L sau 15 ngày. Ngoài ra, 3 chủng vi khuẩn này còn thể hiện các đặc điểm thúc đẩy tăng trưởng thực vật như: khả

năng cố định đạm, sản xuất axit axetic indole, phân giải lân và phân giải xenlulose. Từ đó cho thấy tiềm năng của chúng trong việc ứng dụng để sản xuất chế phẩm vi sinh giúp làm giảm các hoạt chất gây ô nhiễm có trong đất, làm cải thiện sức khỏe của đất và kích thích cây trồng phát triển. Kết quả phân tích các đặc tính sinh lý sinh hóa và kết quả giải trình tự đoạn gen 16S rRNA cho thấy 3 chủng vi khuẩn Đ5-2-L1, Đ9-1-L1 và Đ10-3-L2 được định danh lần lượt là loài *Klebsiella* sp., *Citrobacter* sp. và *Pseudomonas* sp.

Số hồ sơ lưu: 21852

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

85899.10-2023 **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để phát triển hồ tiêu đạt tiêu chuẩn GLOBALG.A.P tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai/** ThS. Lê Văn Cửa, ThS. Lê Thành Hưng; ThS. Trần Văn Lâm; ThS. Nguyễn Thị Loan; Ths. Nguyễn Thanh Hiền; ThS. Hoàng Đắc Hiệt; CN. Đoàn Thị Hiếu; CN. Đặng Quốc Đạt; ThS. Dương Thị Mỹ Thu; KS. Hồ Thị Ngọc Hiếu; KS. Trần Văn Bình; KS. Đặng Hữu Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Nguyên Trinh; ThS. Nguyễn Thị Huệ; ThS. Vũ Thị Quỳnh; CN. Mai Huỳnh Châu. - Đồng Nai - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao, 2022; 07/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phát triển hồ tiêu theo hướng bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo an toàn thực phẩm

góp phần xây dựng thương hiệu hồ tiêu Xuân Lộc. Đánh giá tình hình sản xuất hồ tiêu tại huyện Xuân Lộc có đối chiếu với các tiêu chí GLOBAL.G.A.P.10 ha hồ tiêu được cấp giấy chứng nhận GLOBAL.G.A.P, sản phẩm đảm bảo an toàn, năng suất tăng hơn 15%, hiệu quả kinh tế tăng hơn 10% so với đối chứng (vườn không áp dụng GLOBAL.G.A.P.). Nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất hồ tiêu theo GLOBAL.G.A.P cho cán bộ kỹ thuật và hộ nông dân trồng tiêu trên địa bàn huyện Xuân Lộc.

Số hồ sơ lưu: DNI-2022-02/DNI-002-2022

88051.10-2023 Nghiên cứu chọn lọc dòng thuần ngô có hàm lượng protein cao phục vụ chọn giống ngô lai cho các tỉnh phía Bắc/ ThS. Lương Thái Hà, ThS. Phạm Duy Đức; ThS. Đỗ Thị Vân; ThS. Trần Quang Diệu; TS. Nguyễn Xuân Thắng; TS. Đoàn Thị Bích Thảo; KS. Nguyễn Thị Kim Chung - Hà Nội - Viện Nghiên cứu ngô, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá đặc điểm nông sinh học của các nguồn dòng QPM và lai tạo các tổ hợp lai định của các nguồn dòng QPM. Đặc điểm nông sinh học và khả năng kết hợp về năng suất hạt. Khảo sát so sánh các tổ hợp lai triển vọng. Phân tích hàm lượng protein của các nguồn dòng triển vọng. Xác định dòng ngô mang gen Opaque - 2 bằng chỉ thị phân tử.

Số hồ sơ lưu: 22011

88055.10-2023 Nghiên cứu sàng lọc nguồn vật liệu ngô nếp bản địa chất lượng ngon, chống chịu tốt phục vụ công tác tạo giống ngô nếp lai/ ThS. Nguyễn Văn Trường, ThS. Tạ Thị Thùy Dung; ThS. Nguyễn Phúc Quyết; TS. Ngô Thị Minh Tâm; KS. Nguyễn Thị Ánh Thu; ThS. Đỗ Thị Vân; KS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; ThS. Bùi Đức Hải; KS. Nguyễn Thị Mỹ Duyên; TS. Ngô Thị Hồng Tươi - Hà Nội - Viện Nghiên cứu ngô, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

So sánh, đánh giá đặc điểm nông sinh học, đa dạng di truyền và chọn lọc giống ngô nếp bản địa có chất lượng ăn ngon, chống chịu tốt. Đánh giá đa dạng di truyền của các nguồn ngô nếp bản địa bằng chỉ thị phân tử SSR. Tạo dòng ngô nếp bằng phương pháp truyền thống và bằng phương pháp nuôi cấy bao phấn. Lai tạo và đánh giá đặc điểm nông sinh học, chất lượng và khả năng kết hợp của các dòng ngô nếp.

Số hồ sơ lưu: 22003

88107.10-2023 Sản xuất thử giống ngô lai đơn Max7379 cho các vùng trồng ngô chính trong nước/ KS. Phạm Văn Ngọc, ThS. Nguyễn Thị Bích Chi, ThS. Võ Như Cẩm, ThS. Phạm Thị Ngọc, ThS. Võ Văn Quang, KS. Trần Hữu Yết, ThS. Nguyễn Văn Chương, TS. Lê Quý Kha; TS. Châu Ngọc Lý, TS. Hoàng Tuyên Phương, ThS. Trần Quang Tùng, ThS. Nguyễn Thị Thu Trang - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông

ngiệp miền Nam, 2023; 01/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt lai (F1) giống ngô lai đơn Max7379 (0,6 ha). Hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh giống ngô lai Max7379 (2,0 ha). Nhân dòng bố, mẹ và sản xuất 40 tấn hạt lai F1 giống ngô lai Max7379. Xây dựng mô hình sản xuất ngô thương phẩm giống ngô lai đơn Max 7379 với quy mô 50 ha mô hình. Tập huấn kỹ thuật sản xuất hạt lai (F1) giống ngô Max7379 với quy mô 40 người. Tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật thâm canh giống ngô lai đơn Max7379 với quy mô 5 lớp học, mỗi lớp 42 người, tổng cộng 210 người.

Số hồ sơ lưu: 21987

88263.10-2023 **Sản xuất thử giống ngô nếp lai VNUA69 tại các tỉnh phía Bắc/** ThS. Nguyễn Văn Hà, ThS. Dương Thị Loan; GS.TS. Vũ Văn Liết; ThS. Vũ Thị Bích Hạnh; ThS. Trần Thị Thanh Hà; ThS. Hoàng Thị Thùy; TS. Vũ Thị Hoàn; KTV. Đàm Ngọc Hiên; ThS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Nguyễn Thanh Tùng - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 01/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nhân hạt dòng bố (D4) và dòng mẹ (D6) của giống ngô nếp lai VNUA69; Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt lai F1 giống ngô nếp lai VNUA69; Hoàn thiện quy trình canh tác thương phẩm giống ngô nếp lai VNUA69 cho vùng Đồng bằng Sông Hồng và Bắc Trung Bộ; Sản xuất hạt lai F1; Xây dựng mô hình thâm canh

giống ngô nếp lai thương phẩm VNUA69.

Số hồ sơ lưu: 22547

88267.10-2023 **Hoàn thiện quy trình và phát triển sản xuất giống lúa DCG66 giống ngô lai VNUA36 tại phía Bắc, Duyên hải Nam Trung bộ/** ThS. Vũ Thị Bích Hạnh, KS. Đinh Mai Thùy Linh; GS.TS. Phạm Văn Cường; PGS.TS. Tăng Thị Hạnh; TS. Nguyễn Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; GS.TS. Vũ Văn Liết; ThS. Nguyễn Văn Hà; ThS. Dương Thị Loan; ThS. Trần Thị Thanh Hà; Đoàn Văn Sáu; Tô Đình Chiến - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đối với giống lúa DCG66: Hoàn thiện quy trình công nghệ; Khảo nghiệm có kiểm soát đối với giống lúa DCG66; Sản xuất giống xác nhận giống lúa DCG66; Xây dựng điểm trình diễn cho giống lúa DCG66 thương phẩm. Đối với giống ngô lai VNUA36: Khảo nghiệm có kiểm soát đối với giống ngô lai VNUA36; Xây dựng điểm trình diễn sản xuất hạt lai F1 giống ngô lai VNUA36; Xây dựng điểm trình diễn cho giống ngô lai VNUA36 thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 22546

88853.10-2023 **Xây dựng mô hình sản xuất lúa. gạo an toàn, bền vững theo chuỗi giá trị tại một số huyện nông thôn miền núi tỉnh Thanh Hóa/** ThS. Lê Khắc Chiến, ThS. Lê Thị Khánh; ThS. Đỗ Thị Chinh; KS. Nguyễn Trọng Hải; ThS.

Dương Đình Dũng - Thanh Hóa - Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, 2022; 10/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và làm chủ các quy trình kỹ thuật: Quy trình hướng dẫn kỹ thuật sản xuất thương phẩm giống lúa Hương Côm 4 theo VietGAP; Quy trình hướng dẫn kỹ thuật sản xuất thương phẩm giống lúa Bắc Thịnh theo VietGAP; Quy trình thu hoạch lúa và chế biến gạo chất lượng cao; Quy trình xử lý rơm rạ bằng chế phẩm vi sinh vật và tái chế thành phân hữu cơ. Xây dựng được mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP các giống lúa chất lượng cao Hương côm 4 và Bắc Thịnh tại các huyện Ngọc Lặc, Thọ Xuân và Đông Sơn, quy mô 300 ha, năng suất trung bình đạt trên 6 tấn/ha. Tổng sản lượng lúa 1.800 tấn/dự án đạt tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 118921:2017 (1300 tấn/dự án được sử dụng phục vụ nhu cầu tại chỗ của bà con tham gia dự án; 500 tấn/dự án thu mua để phục vụ mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ lúa, gạo an toàn).

Số hồ sơ lưu: 21888

88916.10-2023 **Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” dùng cho sản phẩm dứa uống nước xiêm xanh của tỉnh Bến Tre/** TS Lương Minh Châu, TS. Lương Minh Châu; LS. Dương Thành Long; TS. Cao Văn Phụng; CN. Tăng Quốc Bằng; CN. Lê Thị Thu Giang; ThS. Phạm Minh Tuấn; CN. Đào Phương Hạnh; CN. Đỗ Việt Dũng; CN. Trần Truyền Tiến; CN.

Nguyễn Huỳnh Mỹ Hạnh; ThS. Hoàng Hương Giang; CN. Hà Thị Lễ Thịnh; CN. Nguyễn Thị Linh; ThS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Võ Hoài Chân - TP Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK, 2020 - 08/2016 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xác định các đặc tính sinh học và phi sinh học thuộc điều kiện địa lý của tỉnh Bến Tre quyết định đến chất lượng đặc thù của sản phẩm Dừa uống nước Xiêm xanh; Xác định các yếu tố thuộc về kỹ thuật chăm sóc, bao gồm các kỹ thuật chọn cây giống và vật liệu nhân giống, kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, vệ sinh an toàn thực phẩm mà quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý đặt ra; Xây dựng hoàn chỉnh quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” cho sản phẩm Dừa uống nước Xiêm xanh; Chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” cho sản phẩm Dừa uống nước Xiêm xanh được đăng ký bảo hộ, được sử dụng, quản lý và khai thác hiệu quả trên thực tế.

Số hồ sơ lưu: BTE-197-2023

89055.10-2023 **Xây dựng mô hình trồng thâm canh giống Lạc đen CNC1 tại tỉnh Phú Thọ/** ThS. Nguyễn Đức Duy, ThS. Nguyễn Văn Huân; TS. Nguyễn Thị Kim Thúy; ThS. Ninh Khắc Bẩy; ThS. Nguyễn Quang Huy; CN. Nguyễn Hồng Ngọc; KS. Mai Thị Như Trang; TS. Quản Cẩm Thúy - Phú Thọ - Trung tâm Phát triển công nghệ cao, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Điều tra, đánh giá hiện trạng sản xuất và lựa chọn địa điểm triển khai mô hình. Tập huấn phổ biến kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật và người dân. Xây dựng mô hình trồng thâm canh giống Lạc đen CNC1 tại tỉnh Phú Thọ. Kiểm nghiệm đánh giá chất lượng Lạc đen trồng tại mô hình thông qua các chỉ tiêu sinh hóa. Hoàn thiện bản hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo quản Lạc đen CNC1 phù hợp điều kiện tự nhiên tỉnh Phú Thọ. Tổ chức các hội nghị hội thảo và tuyên truyền kết quả và sản phẩm của dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO-2022-023

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

85900.10-2023 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình ghép chuyển đổi nhanh giống xoài bưởi sang một số giống xoài chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xuất khẩu ở huyện Xuân Lộc/ KS. Lê Thị Vân, KS. Lê Thị Hiệp ThS. Trần Thị Thảo Như; ThS. Đỗ Văn Quý; KS. Hoàng Văn Hiệu; KS. Trần Thị Liên; ThS. Vũ Mạnh Hà; KS. Lê Thị Chung; KS. Lê Thị Ánh; KS. Phạm Thị Xuân Diệu; ThS. Nguyễn Thanh Thịnh; ThS. Âu Thị Ngọc Ánh; KS. Trần Minh Thịnh; KS. Võ Thúy Huỳnh; KTV. Lê Văn Thành; KTV. Phan Lâm Lý. - Đồng Nai - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp bền vững, 2022; 07/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Báo cáo điều tra khảo sát hiện trạng canh tác, hiệu quả kinh tế của các loại xoài, nhu cầu chuyển đổi giống, xác định diện tích cần chuyển

đổi giống và so sánh với tiêu chuẩn VietGAP ở huyện Xuân Lộc. Xây dựng 10 ha mô hình ghép chuyển đổi nhanh xoài bưởi sang một số giống xoài chất lượng cao (Xoài cát Hòa Lộc, xoài Đài Loan) được cấp giấy chứng nhận VietGAP, cây xoài sau ghép sinh trưởng và phát triển tốt, nhanh cho trái, chất lượng ngon và hiệu quả kinh tế cao hơn 30% so với vườn xoài Bưởi chuyển đổi giống bằng biện pháp cưa bỏ, trồng mới ở năm thứ 3. Hoàn thiện “Quy trình kỹ thuật ghép chuyển đổi nhanh giống xoài Bưởi sang giống xoài chất lượng cao ở huyện Xuân Lộc” Chuyển giao kỹ thuật thông qua đào tạo kỹ thuật viên, tập huấn và hội thảo đầu bờ

Số hồ sơ lưu: DNI-2022-03/
DNI-003-2022

87704.10-2023 **Dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất bưởi da xanh và sầu riêng theo tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai”/ ThS. Vũ Thị Hà, KS. Nguyễn Quang Đoàn ThS. Đào Thanh Nghị; KS. Đỗ Văn Thịnh; ThS. Phạm Thị Mười; ThS. Nguyễn Tuấn Vũ; KS. Võ Thành Sâm; KS. Huỳnh Thị Bích Tuyền; KS. Phạm Thế Kha; KS. Chu Thị An - Đồng Nai - Trung tâm Nghiên cứu cây ăn quả Miền Đông Nam bộ, 2022; 04/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất bưởi Da Xanh và sầu riêng tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Điều tra

hiện trạng sản xuất vườn bưởi và sầu riêng có đối chiếu với các yêu cầu theo tiêu chuẩn VietGAP, đánh giá thuận lợi, khó khăn và đề xuất biện pháp khắc phục tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; Cải thiện năng suất và chất lượng bưởi Da Xanh thông qua mô hình thâm canh cây bưởi Da Xanh giai đoạn kinh doanh (2,0 ha); Tạo ra sản phẩm bưởi Da Xanh đạt tiêu chuẩn VietGAP thông qua mô hình sản xuất bưởi Da Xanh giai đoạn kinh doanh đạt chứng nhận VietGAP (4,0 ha); Tạo ra sản phẩm sầu riêng đạt tiêu chuẩn VietGAP thông qua mô hình hình sản xuất sầu riêng giai đoạn kinh doanh đạt chứng nhận VietGAP (4,0 ha); Biên soạn và phát hành sổ tay “*Quy trình sản xuất bưởi Da Xanh và sầu riêng theo tiêu chuẩn VietGAP ở huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai*” có chú trọng đến điều kiện cụ thể của huyện Tân Phú; Nâng cao năng lực sản xuất bưởi Da Xanh và sầu riêng theo tiêu chuẩn VietGAP cho nông dân địa phương thông qua tập huấn, hội thảo, tham quan mô hình và đào tạo.

Số hồ sơ lưu: DNI-2023-02-CS

88052.10-2023 **Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật điều khiển ra hoa đối với giống hoa địa lan Trần Mộng Xuân (*Cymbidium lowianum*)**/ ThS. Hà Thị Thanh Nga, TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung; TS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Bùi Thị Hồng Nhụy; ThS. Bùi Thị Hồng; TS. Nguyễn Văn Tỉnh; ThS. Dương Văn Minh - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tác động của các yếu tố ngoại sinh đến sự ra hoa giống địa lan Trần Mộng Xuân. Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố ngoại sinh đến quá trình phân hóa mầm hoa của giống địa lan Trần Mộng Xuân. Ảnh hưởng của một số yếu tố ngoại sinh đến quá trình sinh trưởng, phát triển của cành hoa giai đoạn sau phân hóa mầm hoa của giống địa lan Trần Mộng Xuân.

Số hồ sơ lưu: 22018

88109.10-2023 **Nghiên cứu tuyển chọn gốc ghép chống chịu hạn và bệnh héo xanh vi khuẩn cho cà chua tại Ninh Thuận/ ThS. Đỗ Thị Huệ, ThS. Đào Thị Hằng; ThS. Trịnh Thị Vân Anh; ThS. Võ Minh Thư; KS. Trần Thị Thảo; KS. Vũ Thị Dung - Ninh Thuận - Viện nghiên cứu bông và phát triển nông nghiệp Nha Hồ, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Đánh giá khả năng chịu hạn và chống chịu bệnh héo xanh vi khuẩn (*Ralstonia solanaceum* Smith) của các giống làm gốc ghép cho cà chua tại Ninh Thuận. Xác định dòng giống triển vọng làm gốc ghép cho cây cà chua phục vụ sản xuất cây giống ghép. Đánh giá, chọn lọc giống làm gốc ghép cho cà chua có khả năng chịu hạn và chống chịu bệnh héo xanh vi khuẩn góp phần phát triển sản xuất cà chua tại Ninh Thuận.

Số hồ sơ lưu: 21878

88111.10-2023 **Nghiên cứu khả năng chống chịu bệnh thán thư của một số giống nho nhập nội/**

ThS. Nguyễn Văn Chính, ThS. Phạm Trung Hiếu; ThS. Võ Minh Thư; KS. Nguyễn Thị Liễu; ThS. Trịnh Thị Vân Anh; KS. Đỗ Ty; KS. Võ Thị Xuân Trang; KS. Trần Thị Hồng; KS. Vũ Thị Dung; KS. Trần Thị Thảo - Ninh Thuận - Viện nghiên cứu bông và phát triển nông nghiệp Nha Hồ, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Báo cáo đánh giá khả năng chống chịu bệnh thán thư của các dòng/giống nho nhập nội và trong nước. Đề xuất và giới thiệu 01 - 03 dòng/giống nho có khả năng kháng bệnh dưới cấp 5 (trong thang điểm 9 cấp) có tiềm năng năng suất và chất lượng cao hơn giống đối chứng Cardinal. Đề xuất chọn ra những giống nho có khả năng kháng bệnh thán thư và có những đặc điểm sinh trưởng phát triển tốt, có năng suất và chất lượng ổn định để làm thực liệu cho chọn tạo giống nho kháng bệnh thán thư.

Số hồ sơ lưu: 21877

88128.10-2023 **Nghiên cứu tuyển chọn giống và hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh chuối, sầu riêng, cam, bơ phục vụ nội tiêu và xuất khẩu cho các tỉnh Tây Nguyên/** TS. Hoàng Mạnh Cường, TS. Phan Thanh Bình; ThS. Đặng Đình Đức Phong; ThS. Huỳnh Thị Thanh Thủy; ThS. Lâm Minh Văn; KS. Đặng Thị Thùy Thảo; ThS. Trần Tú Trân; ThS. Bùi Thị Phong Lan; ThS. Hoàng Trường Sinh; KS. Trần Văn Phúc; ThS. Võ Thị Thùy Dung; ThS. Nguyễn Thị Tiên Sỹ; ThS. Trần Thị Thương; ThS. Phan

Lý Thùy Mai; ThS. Đặng Thị Vân; KS. Nguyễn Thị Vân; KS. Dương Danh Thành - Đắc Lắc - Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên, 2022; 04/2017 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định vùng trồng trọng điểm và vùng mới tiềm năng thích hợp cho sản xuất hàng hóa chuối, sầu riêng, cam và bơ ở các tỉnh Tây Nguyên. Xác định và đề xuất được bộ giống (02 - 03 giống phù hợp/ loại cây trồng/ vùng trồng có năng suất ≥ 25 tấn/ha đối với chuối; ≥ 13 tấn/ha đối với sầu riêng trên 10 năm tuổi; ≥ 30 tấn/ha đối với cam Sành, ≥ 25 tấn/ha với các giống cam có đặc tính ít hạt, không hạt; ≥ 16 tấn/ha đối với bơ trồng trên 10 tuổi có chất lượng tốt đáp ứng yêu cầu nội tiêu và xuất khẩu. Hoàn thiện 04 quy trình kỹ thuật thâm canh tổng hợp cho 04 loại cây trồng chuối, sầu riêng, cam, bơ bảo đảm năng suất tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà, chất lượng tốt đạt an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu nội tiêu và xuất khẩu được Cục Trồng trọt ban hành. Xác định vùng trồng, bộ giống và các biện pháp kỹ thuật thích hợp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, ATTP, giảm giá thành sản xuất chuối, sầu riêng, cam, bơ tại các tỉnh Tây Nguyên phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: 21825

88841.10-2023 **Nghiên cứu thiết kế hệ thống chiếu sáng kết hợp năng lượng mặt trời và đèn LED ứng dụng trong nhân giống một số loài cây có giá trị kinh tế**

cao./ Tiến sỹ.Vũ Thị Nghiêm, Phó giáo sư. Tiến sỹ.Trần Quốc Tiến; Phó giáo sư. Tiến sỹ.Phạm Bích Ngọc; Tiến sỹ.Tổng Quang Công ; Tiến sỹ.Nguyễn Vũ; Tiến sỹ.Vũ Huyền Trang; Phó giáo sư. Tiến sỹ.Nguyễn Thanh Phương; Thạc sỹ.Lê Anh Tú; Tiến sỹ. Dương Thị Giang; Tiến sỹ.Lương Hữu Bắc; Tiến sỹ.Vũ Ngọc Hải; Tiến sỹ.Đỗ Tiến Phát; Tiến sỹ.Phạm Thị Liên - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2023; 11/2018 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tập trung nghiên cứu phát triển chế tạo hệ thống thu nhận, hội tụ và truyền dẫn ánh sáng mặt trời bằng bó sợi quang (OFDS) cho nhân giống Lan hồ điệp và Lan kim tuyến. Hệ thống có khoảng cách vận chuyển ánh sáng ngắn hơn nhiều so với các ứng dụng chiếu sáng cho tòa nhà văn phòng. Việc truyền ánh sáng ngắn hơn cho phép sử dụng ít sợi quang hơn, tỷ lệ tập trung thấp hơn, cơ chế tản nhiệt đơn giản hơn... Đáp ứng yêu cầu của các mục đích chiếu sáng trong nhà quy mô hệ thống lớn, chi phí hợp lý, cung cấp độ dài ánh sáng mặt trời với đầy đủ vùng phổ vùng nhìn thấy và chiếu sáng đồng đều ở trên diện tích các ô nhân giống. Nghiên cứu cũng tối ưu hóa bằng cách cân bằng giữa tỷ lệ nồng độ và khoảng cách truyền để đơn giản hóa việc tản nhiệt.

Số hồ sơ lưu: 21869

88846.10-2023 **Nghiên cứu bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen cam Bó hạ, Bắc giang/** ThS. Lưu Hồng Sơn, Nguyễn Văn Duy

TS. Nguyễn Văn Duy ; ThS. Nguyễn Thị Tinh; TS. Nguyễn Văn Hồng; ThS. Tống Hoàng Huyền; PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng; TS. Bùi Tri Thức; TS. Nguyễn Xuân Vũ; ThS. Bùi Đình Lâm; ThS. Vi Đại Lâm; ThS. Nông Thị Hải Yến - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2022; 10/2017 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra xác định nguồn gen cam sành và cam chanh Bó Hạ còn lại ở khu vực huyện Yên Thế và huyện Lạng Giang tỉnh Bắc Giang, thu thập, lưu giữ làm vật liệu phục tráng. Mô tả đặc điểm nông sinh học của nguồn gen cam sành và cam chanh Bó Hạ, Bắc Giang. Xây dựng quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc cam sành và cam chanh Bó Hạ. Tuyển chọn ít nhất 4 cây cam (cam sành và cam chanh) Bó Hạ ưu tú để bảo tồn phục vụ khai thác và phát triển. Xây dựng vườn giống gốc lưu giữ 20-25 cây cam sành và 20-25 cây cam chanh Bó Hạ trong nhà lưới phục vụ nghiên cứu và sản xuất, diện tích nhà lưới 500m². Đề xuất bảo tồn và khai thác phát triển được nguồn gen cam Bó Hạ nhằm khai thác và phát triển nguồn gen sạch bệnh phục vụ sản xuất cam Bó Hạ tại Bắc Giang và khu vực miền núi phía Bắc.

Số hồ sơ lưu: 21874

88913.10-2023 **Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý "Bến Tre" dùng cho sản phẩm bưởi da xanh của tỉnh Bến Tre/** TS. Cao Văn Phụng, Tiến sĩ Cao Văn Phụng; Luật sư Dương Thành Long; CN. Nguyễn

Thị Kim Duyên; Tiến sĩ Trịnh Ngọc Nam; Phó GS. Ts Dương Phúc Tý; Tiến sĩ Đàm Sao Mai; CN. Đỗ Việt Dũng; CN. Trần Thị Thanh Hồng; CN. Phạm Thiên Vũ; CN. Đào Phương Hạnh; CN. Trần Truyền Tiến; CN. Nguyễn Huỳnh Mỹ Hạnh - TP Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu Trí tuệ (CIPTEK), 2020 - 01/2016 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đăng ký xác lập quyền đôi với chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” cho sản phẩm bưởi da xanh của tỉnh Bến Tre; Xây dựng thành công mô hình quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” cho sản phẩm bưởi da xanh của tỉnh Bến Tre; Góp phần duy trì danh tiếng sản phẩm bưởi da xanh Bến Tre và nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm bưởi da xanh nói riêng và đời sống của người dân tỉnh Bến Tre nói chung theo chủ trương chính sách của địa phương.

Số hồ sơ lưu: BTE-196-2023

88965.10-2023 **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất thanh long TL5 tại tỉnh Phú Thọ**/ KS. Hoàng Trung Dũng, ThS. Dương Xuân Thương; ThS. Đoàn Đức Hoàng; KS. Ngô Xuân Phong; KS. Võ Văn Thắng; KS. Hoàng Nhật Tân; CN. Nguyễn Thị Lành; KS. Nguyễn Văn Vũ - Phú Thọ - Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và phát triển công nghệ, 2023; 03/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận các quy trình kỹ thuật : nhân giống ,

trồng, chăm sóc, bảo quản, phòng trừ dịch hại cho thanh long (giống TL5). Xây dựng mô hình vườn giống thanh long TL5 quy mô 500 cây. Xây dựng mô hình 70 ha cây thanh long TL5 sinh trưởng phát triển tốt, sạch sâu bệnh, năng suất năm thứ 2 đạt 5-7 tấn/ha, sản lượng đạt 350 tấn. Đào tạo 10 kỹ thuật viên cơ sở; tập huấn cho 200 lượt người dân.

Số hồ sơ lưu: 22023

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

87961.10-2023 **Nghiên cứu và phát triển một số giống bông xơ màu và xơ chất lượng cao**/ ThS. Nguyễn Văn Sơn, ThS. Trịnh Thị Vân Anh; TS. Phan Công Kiên; KS. Trần Thị Thảo; ThS. Võ Minh Thư; KS. Võ Thị Xuân Trang; KS. Vũ Thị Dung; ThS. Phạm Văn Phước; ThS. Phan Văn Tiêu; ThS. Phạm Trung Hiếu - Ninh Thuận - Viện nghiên cứu bông và phát triển nông nghiệp Nha Hồ, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định 1 - 2 giống bông xơ màu năng suất đạt từ 1,5 tấn/ha trở lên, chất lượng xơ đạt tiêu chuẩn cấp I Việt Nam, phù hợp cho sản xuất nhằm cải thiện nhanh sức cạnh tranh về hiệu quả kinh tế của cây bông. Xác định 1 - 2 giống bông xơ chất lượng cao năng suất đạt từ 2,0 tấn/ha trở lên, chất lượng xơ đạt tiêu chuẩn cấp I Việt Nam, phù hợp cho sản xuất nhằm cải thiện nhanh sức cạnh tranh về hiệu quả kinh tế của cây bông. Xây dựng được quy trình kỹ thuật canh tác cho giống bông xơ màu và xơ chất lượng cao. Xây dựng

được 5 ha mô hình/giống trồng giống bông xơ màu và xơ chất lượng cao (hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với mô hình đối chứng).

Số hồ sơ lưu: 22132

88083.10-2023 **Nghiên cứu phát triển trồng chè hoa vàng (*Camellia sp*) tại tỉnh Cao Bằng/** ThS. Trần Đức Mạnh, TS. Nguyễn Toàn Thắng; TS. Trần Văn Đô; TS. Lưu Cảnh Trung; ThS. Đào Trung Đức; ThS. Hoàng Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Phùng Đình Trung; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Vũ Tiến Lâm; ThS. Nguyễn Quang Hưng; ThS. Nguyễn Hữu Thịnh; ThS. Dương Quang Trung; ThS. Trịnh Ngọc Bon; ThS. Hồ Trung Lương; TS. Trần Hoàng Quý; KS. Mai Thị Linh; ThS. Vũ Văn Thuận; ThS. Hoàng Thị Nhung; TS. Nguyễn Thị Thùy; ThS. Lý Thị Thanh Huyền; ThS. Lê Thị Hạnh; ThS. Bùi Thanh Tân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Lâm sinh, 2023; 03/2018 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, đánh giá thực trạng tài nguyên và tình hình khai thác Chè hoa vàng tại Cao Bằng. Chọn giống, nhân giống, khảo nghiệm giống và xây dựng mô hình vườn nhân giống. Xây dựng các mô hình trồng thâm canh Chè hoa vàng và nghiên cứu kỹ thuật thu hoạch, sơ chế Chè hoa vàng.

Số hồ sơ lưu: 21978

89054.10-2023 **Xây dựng mô hình trồng và chế biến sản phẩm trà từ cây Đàn hương (*Santalum album L.*) trên đất vùng đồi thấp/**

ThS. Hoàng Thị Lệ Thu, ThS. Hoàng Thị Lệ Thu; TS. Phạm Thanh Loan; TS. Đào Hà Vĩnh; ThS. Nguyễn Thị Xuân Viên; ThS. Hà Thị Tâm Tiên; TS. Phan Chí Nghĩa; ThS. Lê Quang Nhân; ThS. Nguyễn Tài Luyện; TS. Nguyễn Chí Thắng; TS. Vũ Văn Thoại - Phú Thọ - Trường Đại học Hùng Vương, 2022; 01/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình. Đào tạo, tập huấn và chuyển giao quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc Đàn Hương. Xây dựng mô hình 02ha trồng cây Đàn Hương trên đất vùng đồi thấp tỉnh Phú Thọ. Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Đàn Hương phù hợp điều kiện sinh thái tỉnh PHÚ THỌ. Xây dựng quy trình kỹ thuật thiết kế bao bì nhãn mác sản phẩm trà từ lá cây đàn hương trồng tại tỉnh Phú Thọ. Nghiên cứu xây dựng quy trình chế biến trà Búp Đàn Hương và trà túi lọc Đàn Hương. Tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá sản phẩm và phương án kết nối doanh nghiệp tiêu thụ trà từ lá cây Đàn Hương.

Số hồ sơ lưu: PTO-2022-005

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

87965.10-2023 **Nghiên cứu ảnh hưởng của một số giải pháp kỹ thuật canh tác và sau thu hoạch đến thời gian bảo quản quả xoài GL4/** ThS. Nguyễn Thị Thu Hương, ThS. Nguyễn Đức Hạnh; ThS. Kiều Văn Quang; ThS. Hoàng Thị Tuyết Mai; TS. Vũ Việt Hưng; TS. Nguyễn Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Ngô Liêm;

ThS. Đoàn Đức Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Thuỳ Linh - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xác định ảnh hưởng của các yếu tố chính ở giai đoạn trước và sau thu hoạch trong điều kiện sản xuất giống xoài GL4 tại Sơn La và một số tỉnh phía Bắc, làm cơ sở áp dụng cải thiện chất lượng và khả năng bảo quản sau thu hoạch của giống xoài này với mục đích nội tiêu và xuất khẩu. Đánh giá ảnh hưởng của một số giải pháp kỹ thuật canh tác đến chất lượng và khả năng bảo quản quả xoài giống GL4. Đánh giá ảnh hưởng của một số giải pháp kỹ thuật sau thu hoạch đến khả năng bảo quản quả xoài giống GL4. Đề xuất giải pháp kỹ thuật canh tác và bảo quản sau thu hoạch kéo dài thời gian bảo quản quả xoài giống GL4 tại Sơn La.

Số hồ sơ lưu: 22130

88861.10-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chế biến một số sản phẩm từ quả hồi Lạng Sơn/** TS. Nguyễn Phương, ThS. Mã Thị Bích Thảo; ThS. Trần Hà; ThS. Nguyễn Trịnh Hoàng Anh; KS. Mai Văn Dương; ThS. Phạm Tuấn Đạt; CN. Vũ Thị Xen; CN. Nguyễn Thị Hồng; ThS. Vũ Văn Liệu; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích - Hà Nội - Trung tâm Ươm tạo Công nghệ và Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình công nghệ sơ chế quả hồi sau thu hoạch. Hoàn thiện quy trình công nghệ sấy quả hồi bằng kỹ thuật sấy nhiệt độ thấp kết hợp vi sóng phục vụ nội tiêu và xuất khẩu. Hoàn thiện được công nghệ chế biến một số sản phẩm từ quả hồi Lạng Sơn (quả hồi khô, bột hồi và gia vị hồi) phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: 21900

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

87967.10-2023 **Nghiên cứu chọn tạo hai dòng ngỗng xám tại Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên/** TS. Vương Thị Lan Anh, ThS. Tạ Phan Anh; ThS. Văn Thị Chiêu; TS. Nguyễn Văn Duy; KS. Nguyễn Ngọc Giáp; ThS. Lê Thị Mai Hoa; KS. Đỗ Thị Liên; KS. Hoàng Thị Bích Ngọc; KS. Đào Anh Tiến; BSTY. Nguyễn Thị Thu Phương - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu vịt đại xuyên, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Bước đầu chọn tạo 2 dòng ngỗng xám. Dòng có khối lượng cơ thể cao, dòng mái có năng suất trứng cao. Áp dụng phương pháp chọn lọc theo quần thể gia đình, dựa theo giá trị trung bình của quần thể và gia đình. Áp dụng phương pháp giao phối nội dòng để củng cố các tính trạng của mỗi dòng qua các thế hệ. Trên cơ sở đó chọn lọc theo định hướng dòng trống và dòng mái. Sau khi chọn tạo hai dòng ngỗng trống, mái. Bước đầu đánh giá năng suất thịt của ngỗng xám thương phẩm được tạo ra từ 2 dòng ngỗng trống và mái.

Số hồ sơ lưu: 22127

88291.10-2023 **Nghiên cứu chọn tạo lợn bản địa ít bản sao hoặc không mang gen vi rút nội sinh/** TS. Nguyễn Văn Ba, TS. Tạ Văn Cần; ThS. Trần Thị Thu Thủy; ThS. Lê Quang Nam; ThS. Giang Thị Thanh Nhân; TS. Nguyễn Văn Đại; ThS. Nguyễn Thành Luân; KS. Hoàng Thị Thanh Thanh - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Công nghệ tế bào Động vật, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn lọc ghép đôi giao phối tạo quần thể lợn có số lượng bản sao vi rút nội sinh (Porcine Endogenous Retrovirus - PERV) thấp; Phân tích định lượng số bản sao gen PERV trong thể hệ lợn con sinh ra để sàng lọc những cá thể lợn mang ít bản sao PERV; Nuôi dưỡng và đánh giá khả năng sản xuất của quần thể lợn có bản sao PERV thấp hơn 6,4 bản sao và xây dựng quy trình chăn nuôi.

Số hồ sơ lưu: 22550

88822.10-2023 **Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi bò lai hướng thịt tại các huyện trung du, miền núi của tỉnh Thanh Hóa/** ThS. Lê Trần Thái, ThS. Đỗ Thị Mai Trinh; ThS. Lê Thanh Bình; CN. Hồ Thị Nguyệt; ThS. Nguyễn Đào Thanh Hương; ThS. Nguyễn Bá Thọ - Hà Nội - Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, 2022; 11/2019 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận thành công các quy trình: Kỹ thuật thụ tinh nhân tạo bò; Quy trình kỹ thuật chăm sóc bò mẹ

mang thai và chăm sóc bò lai F1; Quy trình kỹ thuật 6 nuôi thương phẩm bò lai hướng thịt ở các giai đoạn khác nhau; Quy trình kỹ thuật phối trộn và sản xuất thức ăn hỗn hợp; Quy trình chế biến dự trữ một số phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn; được chuyển giao phù hợp với điều kiện của địa phương. Xây dựng thành công mô hình ứng dụng khoa học công nghệ trong sinh sản và nuôi thương phẩm bò lai hướng thịt an toàn theo chuỗi tại các huyện trung du, miền núi tỉnh Thanh Hóa, góp phần tái cơ cấu và nâng cao giá trị gia tăng ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn các huyện trung du và miền núi tỉnh Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: 21845

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

88035.10-2023 **Nghiên cứu giảm hàm lượng protein thô trên cơ sở cân đối axit amin trong khẩu phần thức ăn cho gà đẻ trứng thương phẩm và gà thịt/** TS. Trần Thị Bích Ngọc, ThS. Ninh Thị Huyền; ThS. Bùi Thị Hồng; ThS. Bùi Thị Thu Hiền; ThS. Đào Thị Phương; KS. Lại Thị Nhài; ThS. Đào Thị Bình An; PGS.TS. Phạm Kim Đăng; TS. Đoàn Vĩnh; TS. Lê Đức Thọ - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định mức giảm protein thô trên cơ sở cân đối axit amin trong khẩu phần ăn cho gà đẻ trứng thương phẩm và gà thịt thương phẩm mà vẫn duy trì năng suất, chất lượng sản

phẩm, hạ giá thành thức ăn, tăng hiệu quả chăn nuôi. Khẩu phần ăn cho gà thịt thương phẩm, gà đẻ trứng thương phẩm có mức protein thô giảm từ 2-3% và cân đối các axit amin mà năng suất sinh trưởng, năng suất và chất lượng trứng không thay đổi; giảm giá thành thức ăn tối thiểu 5-7% và tăng hiệu quả kinh tế trên 5-7% (được công nhận TBKT) và giảm ô nhiễm môi trường.

Số hồ sơ lưu: 22116

88694.10-2023 **Nghiên cứu tổng hợp chế phẩm citrat đất hiếm và ứng dụng làm chất bổ sung cho thức ăn nuôi gà thịt/** TS. Cao Đình Thanh, CN. Vương Hữu Anh; TS. Nguyễn Bá Tiến; CN. Nguyễn Huy Cường; KS. Dương Đình Thọ; ThS. Bùi Thị Hồng; ThS. Nguyễn Thị Tươi; ThS. Nguyễn Văn Chính; TS. Trần Thị Bích Ngọc; KS. Ngô Văn Tuyển - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2022; 01/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đề ra và xác định các thông số của quy trình tổng hợp phức chất xitrat đất hiếm (La, Ce) ở quy mô phòng thí nghiệm (PTN) từ nguyên liệu đầu là cacbonat đất hiếm thu được sau khi xử lý quặng đất hiếm Đông Pao. Nghiên cứu, xác định các thông số công nghệ của quy trình chế tạo phức chất xitrat đất hiếm (La, Ce) ở quy mô thiết bị 200L tạo ra 10 kg sản phẩm. Nghiên cứu thử nghiệm trên gà đã xác định được lượng bổ sung vào thức ăn nuôi gà là 200g/tấn thức ăn. Đề tài đã tạo ra sản phẩm mới từ đất hiếm

là chế phẩm xitrat đất hiếm sẽ được ứng dụng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi có tác dụng làm tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, giúp tăng trưởng trọng lượng và tăng khả năng kháng bệnh, dần thay thế thuốc kháng sinh, làm tăng chỉ số sản xuất và chỉ số kinh tế và vẫn đảm bảo tính an toàn thực phẩm. Kết quả cho thấy việc bổ sung xitrat đất hiếm vào thức ăn nuôi gà thịt là có triển vọng kinh tế.

Số hồ sơ lưu: 22168

88817.10-2023 **Nghiên cứu xử lý bã thải sản làm thức ăn chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường/** TS. Vũ Thị Hạnh Nguyễn, TS. Quách Ngọc Tùng; PGS.TS. Phí Quyết Tiến; ThS. Đặng Thị Thùy Dương; CN. Phạm Quỳnh Anh; ThS. Nguyễn Văn Thê; ThS. Lê Thị Thanh Xuân; ThS. Bùi Thị Liên; KS. Lê Phương Chi; TS. Nguyễn Hải Vân - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan các vấn đề về bã sản. Đánh giá hiện trạng môi trường bã thải tại một số cơ sở chế biến tinh bột sản và đánh giá nguyên liệu bã thải sử dụng trong chế biến thức ăn chăn nuôi. Nghiên cứu thu hồi và quy trình Công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học lên men bã thải từ cơ sở chế biến tinh bột sản quy mô 05 kg/mẻ nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Nghiên cứu sử dụng chế phẩm sinh học xử lý bã sản làm thức ăn chăn nuôi lợn và thử nghiệm sử dụng thức ăn lên men dạng lỏng từ bã sản cho chăn nuôi lợn thịt. Đánh giá hiệu quả kinh tế-

xã hội và môi trường của việc sử dụng thức ăn lỏng lên men 1 tấn bã sản sử dụng cho chăn nuôi lợn thịt so với 1 tấn bã sản thải ra môi trường

Số hồ sơ lưu: 21842

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

87868.10-2023 **Nghiên cứu một số yếu tố môi trường trong nhà yến ảnh hưởng đến năng suất yến sào tại các tỉnh vùng Nam Bộ/** ThS. Đậu Văn Hải, ThS. Nguyễn Thị Hồng Trinh; ThS. Lê Bá Chung; ThS. Phạm Minh Quân; CN. Nguyễn Thị Anh - Bình Dương - Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được hiện trạng nghề chăn nuôi chim yến ở mười chín tỉnh Nam Bộ. Xác định được các thông số kỹ thuật về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, tiếng ồn tối ưu trong nhà nuôi yến để đạt được năng suất tổ yến cao nhất/m² chuồng nuôi. Xác định được các thông số kỹ thuật về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, tiếng ồn tối ưu trong nhà nuôi yến để đạt được năng suất tổ yến cao nhất/m² chuồng nuôi.

Số hồ sơ lưu: 22357

88130.10-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nhà nuôi chim yến và quy hoạch vùng, làng nghề nuôi chim yến nhà tại tỉnh Bình Định/** TS. Hoàng Đức An, CN. Đặng Thị Thu Hằng; PGS.TS. Võ Viễn; TS. Võ Văn Chí; ThS. Nguyễn Đức Tôn; CN. Đặng Đình Khuê; KS. Đặng Đình Khôi; CN. Đặng Đình Vỹ; Nguyễn Văn Cử; ThS. Vũ Thị Khắc - Bình Định - Công ty TNHH Thiên

Minh Nano, 2022; 03/2019 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổ chức chủ trì triển khai dự án làm chủ được các công nghệ nuôi chim yến trong nhà. Đề xuất quy hoạch vùng nuôi chim yến phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Định, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (đề xuất quản lý và phát triển nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2023, tầm nhìn 2030). Xây dựng được 04 mô hình nhà nuôi chim yến cho các loại kích thước khác nhau. Xây dựng đội ngũ các kỹ thuật viên của Tổ chức chủ trì để phục vụ phát triển nghề nuôi chim yến nhà trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Số hồ sơ lưu: 21828

88847.10-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình phát triển chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi vịt lai theo hướng an toàn sinh học tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh/** ThS. Nguyễn Đăng Cường, PGS.TS. Phạm Kim Đăng; PGS.TS. Bùi Hữu Đoàn; TS. Nguyễn Hoàng Thịnh; KS. Nghiêm Hồng Ninh; KS. Cao Phan Mùi; KTV. Nguyễn Đăng Mạnh; KTV. Nguyễn Đăng Dũng; KTV. Nguyễn Đăng Quang - Bắc Ninh - Công ty TNHH Lucavi, 2022; 01/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và ứng dụng thành công các quy trình công nghệ nhân giống, nuôi thương phẩm, phòng trừ dịch bệnh cho vịt lai, xử lý ô nhiễm môi trường chăn nuôi vịt; - Xây dựng được các mô hình liên kết theo

chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ thịt vịt; Xây dựng 01 mô hình trang trại chăn nuôi vịt sinh sản số lượng 6.000 vịt mái, 1.200 vịt đực; - Xây dựng được 01 mô hình chăn nuôi tập trung vịt thương phẩm thịt, số lượng 18.000con/năm, khối lượng xuất chuồng sau 70 ngày đạt 2,5 kg đến 2,7kg/con; Xây dựng 03 mô hình vệ tinh chăn nuôi vịt thương phẩm, quy mô 10.000 vịt thương phẩm/mô hình/năm; khối lượng xuất chuồng sau 70 ngày đạt 2,5kg đến 2,7kg/con; - Xây dựng được 01 mô hình giết mổ, chế biến và tiêu thụ vịt, công suất 5.000 con/ ngày. Ứng dụng thành công tiến bộ kỹ thuật: Công thức lai vịt đực Sín chéng với vịt cái super M3 xây dựng mô hình chăn nuôi vịt sinh sản và nuôi thương phẩm tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Phát triển nghề nuôi gia cầm mới có hiệu quả kinh tế tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Số hồ sơ lưu: 21875

40205. Bảo vệ động vật nuôi

88084.10-2023 Nghiên cứu đề xuất phương pháp phát hiện sớm và xác định tỷ lệ nhiễm vi rút Leuko trên đàn gà giống tại một số tỉnh miền Bắc Việt Nam/ TS. Nguyễn Thị Thúy Mận, TS. Nguyễn Thị Kim Oanh; Trần Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Nguyễn Hoàng Đăng; ThS. Đàm Thị Vui; Doãn Thị Gắng - Hà Nội - Trung tâm Chẩn đoán thú y Trung ương, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

So sánh các phương pháp xét nghiệm vi rút Leuko, khuyến cáo phương pháp phát hiện sớm vi rút Leuko trên đàn gà giống. Xác định tỷ lệ nhiễm vi rút Leuko, chủng vi rút nhiễm trên đàn gà giống ở một số tỉnh miền Bắc Việt Nam. Đề xuất biện pháp phòng chống, quản lý đàn giống nhằm giảm nguy cơ truyền lây vi rút Leuko.

Số hồ sơ lưu: 21960

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác

89170.10-2023 Ứng dụng khoa học và công nghệ tuyển chọn, nhân giống và phát triển chăn nuôi gà thả đồi an toàn tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi./ TS. Dương Thanh Hải, ThS. Phùng Tô Long KS. Đinh Văn Trung; TS. Lê Đức Thọ; ThS. Phan Thị Hằng; TS. Nguyễn Hải Quân; CN. Nguyễn Thị Thúy; CN. Trương Thị Minh Đạo; CN. Nguyễn Trung Trực; CN. Lâm Xuân Thương - Quảng Ngãi - UBND huyện Sơn Hà, 2023; 09/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đã khảo sát về các giống gà, phương thức chăn nuôi, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi ở các hộ trên địa bàn của huyện Sơn Hà; Xây dựng tiêu chuẩn/bộ tiêu chí đàn gà bố mẹ và Tuyển chọn gà giống và xây dựng đàn bố mẹ qui mô 400 con; Tuyển chọn và xây dựng 07 hộ mô hình chăn nuôi gà thịt với qui mô 1.000 con/lứa và 3 lứa/năm; Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật giết mổ gà đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại huyện Sơn Hà; Xây dựng chuỗi liên kết bền vững trong chăn nuôi gà tại

Sơn Hà... Đã thiết lập mô hình chăn nuôi gà sinh sản để cung ứng giống cho người dân địa phương; chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi gà thịt cho các hộ dân từ đó nâng cao năng suất trong chăn nuôi gà, cải thiện thu nhập cho hộ nuôi và góp phần thúc đẩy phát triển chăn nuôi gà ở địa phương, chuyển dần tập quán chăn nuôi từ quảng canh sang chăn nuôi gà bán thâm canh qui mô hàng hóa; thay đổi nhận thức của người dân, từng bước áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào chăn nuôi, đặc biệt phương pháp chăn nuôi an toàn để tạo ra sản phẩm an toàn trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: QNI-2023-010

40306. Bệnh học thú y

87829.10-2023 Nghiên cứu mối quan hệ tiến hóa phân tử, đặc điểm sinh học và khả năng gây bệnh cho người của loài sán lá máu gia cầm thuộc giống *Trichobilharzia* ở Việt Nam/ TS. Bùi Thị Dung, TS. Hoàng Văn Hiền; TS. Phạm Ngọc Doanh; ThS. Nguyễn Ngọc Chính; TS. Hồ Thị Loan - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2022; 12/2017 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra tình hình nhiễm bệnh viêm da dị ứng do ấu trùng sán lá máu gia cầm cercaria gây ra ở vùng nghiên cứu. Điều tra tình hình nhiễm sán lá máu gia cầm ở vật chủ cuối cùng (vịt và chim di cư). Định loại mẫu sán lá máu gia cầm thu được bằng hình thái và sinh học phân tử. Điều tra tình hình nhiễm sán lá máu gia cầm ở vật chủ trung gian (ốc

nước ngọt). Định loại mẫu ấu trùng (cercariae) của sán lá máu gia cầm thu được bằng hình thái và sinh học phân tử. Phân tích mối quan hệ di truyền của một số loài sán lá máu gia cầm quan trọng. Định loại loài gia cầm đóng vai trò vật chủ cuối cùng. Định loại loài ốc đóng vai trò vật chủ trung gian. Phân tích đặc điểm phân bố, sinh thái của loài ốc đóng vai trò vật chủ trung gian, xác định vùng lây nhiễm bệnh viêm da do cercaria. Lên tiêu bản mẫu sán lá máu gia cầm ở các giai đoạn phát triển khác nhau, lưu trữ mẫu vật chủ trung gian phục vụ nghiên cứu, giảng dạy.

Số hồ sơ lưu: 22339

40404. Sinh thái và môi trường rừng

88104.10-2023 Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng Lát hoa (*Chukrasia tabularis* A. Juss) có năng suất cao, chống chịu sâu đục ngọn, phục vụ trồng rừng gỗ lớn tại vùng Tây Bắc và Bắc Trung Bộ/ TS. Nguyễn Minh Chí, ThS. Nguyễn Văn Nam; GS.TS. Phạm Quang Thu; TS. Đào Ngọc Quang; ThS. Võ Minh Sơn; TS. Nguyễn Thị Thúy Nga; TS. Trần Thanh Trắng; ThS. Dương Xuân Tuấn; ThS. Trần Xuân Hinh; ThS. Đào Văn Tường; ThS. Trần Thị Lê Trà; TS. Nông Phương Nhung; TS. Lê Thành Công; ThS. Phạm Thị Thu Thủy; TS. Phạm Duy Long; KS. Vũ Văn Lợi; ThS. Bùi Đức Hiên; TS. Nguyễn Đức Hải; ThS. Trần Đức Long; KS. Nguyễn Hữu Duy - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp

Việt nam, 2023; 01/2018 - 12/2022.
(Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến khả năng bị sâu đục ngọn của cây Lát hoa. Nghiên cứu chọn cây trội và khảo nghiệm giống Lát hoa. Nghiên cứu cơ chế kháng sâu đục ngọn của Lát hoa Nội. Nghiên cứu các biện pháp phòng trừ sâu đục ngọn Lát hoa. Nghiên cứu kỹ thuật trồng rừng thâm canh Lát hoa cung cấp gỗ lớn. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật phòng trừ tổng hợp sâu đục ngọn; hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh; tập huấn và chuyển giao kỹ thuật. Chọn được giống (xuất xứ, gia đình) triển vọng, năng suất cao, chống chịu sâu đục ngọn và bổ sung, hoàn thiện được hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh, kỹ thuật phòng trừ tổng hợp sâu đục ngọn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng Lát hoa cung cấp gỗ lớn.

Số hồ sơ lưu: 21890

40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản

88976.10-2023 **Ứng dụng công nghệ sinh học chọn giống cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) kháng bệnh gan thận mũ/** ThS. Trần Hữu Phúc, TS. Nguyễn Văn Sáng; TS. Kim Thị Phương Oanh; ThS. Nguyễn Thanh Vũ; TS. Lê Hồng Phước; KS. Huỳnh Thị Bích Liên; KS. Nguyễn Huỳnh Duy; TS. Nguyễn Đăng Tôn; KS. Phạm Đăng Khoa; KS. Nguyễn Trung Ký - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 2,

2023; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng di truyền số lượng chọn lọc đàn bố mẹ chọn giống kháng bệnh gan thận mũ và tăng trưởng dương thể thứ nhất (G1) từ đàn bố mẹ G0. Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ thị phân tử liên kết với tính trạng kháng bệnh gan thận mũ ở cá tra sử dụng công nghệ Restriction site Associated DNA Sequencing (RAD-Seq). Sản xuất cá hậu bị chọn giống kháng bệnh gan thận mũ. Đánh giá năng lực cơ sở tiếp nhận và cung cấp cá hậu bị chọn giống kháng bệnh gan thận mũ.

Số hồ sơ lưu: 22036

40503. Bệnh học thủy sản

88105.10-2023 **Phát triển và thử nghiệm chế phẩm thực khuẩn thể để thay thế kháng sinh trong phòng bệnh xuất huyết ở cá tra/** PGS. TS. Hoàng Anh Hoàng, TS. Hoàng Mỹ Dung; PGS. TS. Lê Phi Nga; PGS. TS. Đặng Thị Hoàng Oanh; TS. Phan Thị Huyền; ThS. Trần Thị Thanh Xuân - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2023; 09/2019 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát sự ổn định hoạt tính của bộ sưu tập thực khuẩn thể *Aeromonas hydrophila*. Giải trình tự và phân tích genome của thực khuẩn thể. Nghiên cứu tạo chế phẩm thực khuẩn thể *Aeromonas hydrophila* và điều kiện bảo quản phù hợp. Thử nghiệm chế phẩm thực khuẩn thể in vivo quy mô phòng thí nghiệm và quy mô pilot. Đánh giá hiệu quả của

chế phẩm trong phòng bệnh xuất huyết trên cá tra nuôi ở mô hình pilot.

Số hồ sơ lưu: 21941

88249.10-2023 **Nghiên cứu bệnh trắng đuôi, thối đuôi trên cá tra giống và giải pháp phòng trị/** TS. Nguyễn Ngọc Du, TS. Lê Hồng Phước; PGS.TS. Từ Thanh Dung; ThS. Nguyễn Vy Vân; CN. Phạm Võ Ngọc Ánh; ThS. Lê Thị Bích Thủy; CN. Mã Tú Lan; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Đoàn Văn Cường; CN. Chu Quang Trọng - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2022; 01/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu bổ sung xác định nguyên nhân, tác nhân và các yếu tố khác làm cơ sở cho việc xây dựng thẻ bệnh; Thử nghiệm in vitro và in vivo khả năng phòng và trị bệnh trắng đuôi và thối đuôi của một số thuốc, hoá chất và sản phẩm; Xây dựng mô hình phòng trị bệnh trắng đuôi, thối đuôi trong ao ương cá tra ở hộ nuôi.

Số hồ sơ lưu: 22529

40504. Nuôi trồng thủy sản

87904.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở phân tử đáp ứng miễn dịch của tôm sú (*Penaeus monodon*) khi bị nhiễm virus hội chứng đốm trắng/** GS. TS. Phan Tuấn Nghĩa, TS. Nguyễn Thị Hồng Loan; PGS.TS. Nguyễn Đình Thắng; PGS.TS. Đặng Thị Lụa; TS. Đinh Nho Thái; ThS. Ngô Thị Trang; ThS. Nguyễn Thị Lê Na - Hà Nội - Trường Đại học Khoa

học Tự nhiên, 2023; 12/2018 - 05/2024. (Đề tài cấp Quốc gia)

Góp phần làm sáng tỏ cơ sở phân tử các đáp ứng miễn dịch (ở mức độ gen và protein) của tôm sú được cho ăn/tiêm chế phẩm protein VP28 kết hợp với melanin khi bị nhiễm virus đốm trắng (WSSV). Đề tài đã thiết lập được quy trình thu nhận chế phẩm VP28 tái tổ hợp và sản xuất được 28,7 mg protein VP28 tinh sạch từ chủng E. coli BL21 (DE3) RIL mang vector tái tổ hợp pET28a-VP28. Đề tài đã tạo được các chế phẩm thức ăn công nghiệp (TACN) trộn với protein VP28 phối hợp và melanin để dùng làm thức ăn cho tôm theo 5 công thức khác nhau (TACN, TACN chứa VP28, TACN chứa melanin, TACN chứa cả VP28 và melanin). Các chế phẩm này không gây độc ở giới hạn liều thử nghiệm đối với tôm.

Số hồ sơ lưu: 22331

87962.10-2023 **Nghiên cứu phát triển công nghệ nuôi cá biển/** TS. Trần Thế Mưu, Phan Minh Quý; Đỗ Xuân Hải; Nguyễn Đức Tuấn; Phạm Văn Thìn; Cao Văn Hạnh; Lê Văn Khôi; Đỗ Văn Thịnh; Nguyễn Hữu Thanh; Trương Hà Phương - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2022; 01/2017 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở khoa học và quy trình công nghệ phát triển nuôi thương phẩm một số loài cá biển có giá trị kinh tế trong ao và lồng sử dụng thức ăn công nghiệp. Xây dựng tiêu chí quy hoạch, thiết kế vùng nuôi cá biển dựa trên đánh giá sức

tải môi trường; Xây dựng và hoàn thiện được 3 công thức thức ăn công nghiệp thay thế cá tạp trong nuôi thương phẩm 3 đối tượng cá biển kinh tế (cá giò, cá nhụ và cá song chấm nâu) được đăng ký, chứng nhận ứng dụng vào sản xuất; Nghiên cứu đánh giá sức tải môi trường vùng nuôi cá biển. Nghiên cứu hoàn thiện 3 công thức thức ăn công nghiệp nuôi thương phẩm thay thế cá tạp cho 3 đối tượng cá biển (cá giò, cá nhụ, cá song chấm nâu). Xây dựng và triển khai 6 mô hình nuôi thương phẩm cá song chấm nâu, cá nhụ trong ao và 3 mô hình nuôi thương phẩm cá giò trong lồng ở 3 vùng nuôi tập trung (Bắc, Trung, Nam), sử dụng thức ăn công nghiệp do đề tài sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 22138

88276.10-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá chình hoa (*Anguilla marmorata*) đạt năng suất và hiệu quả cao tại tỉnh Ninh Thuận/** ThS. Dương Ngọc Tân, KS. Nguyễn Thái Sơn; KS. Nguyễn Thị Như Nguyệt; CN. Phạm Đình Hà, CN. Huỳnh Lê Hạ Uyên; KS. Phạm Hồng Thơ; CN. Nguyễn Thị Bích Phượng; CN. Trần Thị Vân Bằng - Ninh Thuận - Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, 2023; 03/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và làm chủ các quy trình công nghệ: Quy trình công nghệ ương giống cá chình hoa từ giai đoạn giống cấp I (5g/con) lên giống cấp II (50 g/con); Quy trình nuôi

thương phẩm cá chình hoa trong bể xi măng; Quy trình nuôi thương phẩm cá chình hoa trong ao đất. Xây dựng các mô hình ương giống cá chình hoa từ giai đoạn giống cấp I (5g/ con) lên giống cấp II (50g/con); mô hình nuôi thương phẩm cá chình hoa trong ao; mô hình nuôi thương phẩm cá chình hoa trong bể xi măng.

Số hồ sơ lưu: 22545

88962.10-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá Vược (*Lates calcarifer*) trong ao nước ngọt tại tỉnh Nam Định/** ThS. Lê Văn Thắng, KS. Trần Văn Nhưỡng; KS. Nguyễn Văn Tình; KS. Nguyễn Xuân Thủy; KS. Phạm Văn Đàng - Nam Định - Công ty TNHH Thương mại Liêm Sơn, 2023; 04/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Trình bày công tác tổ chức, quản lý điều hành việc triển khai thực hiện dự án. Chuyển giao và tiếp nhận quy trình công nghệ ương giống, nuôi thương phẩm cá vược trong ao nước ngọt bao gồm 04 QTCN: 3.2. Xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá Vược trong ao nước ngọt. Đào tạo kỹ thuật viên, tập huấn kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 22019

89001.10-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ quản lý ổn định môi trường nước trong ao nuôi tôm siêu thâm canh ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi./** TS. Nguyễn Nhất, CN. Phạm Vương Kim Phượng Hoàng; CN. Phạm Thị

Thu Hiền; CN. Trần Trọng Hoàng; Văn Nam; CN. Nguyễn Văn Tài; CN. Thái Thanh Phong - TP.HCM - Công ty TNHH Khoa học nuôi trồng thủy sản và Môi trường SAEN., 2023; 07/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lập phiếu và điều tra ở 2 cấp độ sơ cấp và thứ cấp về thông tin hiện trạng kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng và tôm sú ở huyện Mộ Đức; lựa chọn công nghệ phù hợp, thiết kế và lắp đặt hệ thống nuôi tôm siêu thâm canh áp dụng công nghệ quản lý ổn định môi trường nước tại huyện Mộ Đức; đã tiến hành nuôi thử nghiệm tôm thẻ chân trắng và tôm sú, mỗi loại 02 đợt thí nghiệm trên 02 module, mỗi module 700m², đối với tôm thẻ chân trắng khoảng 110 ngày/vụ, kích cỡ đạt 33-35 con/kg và 170 ngày/vụ cho tôm sú, kích cỡ 18-30 con/kg; 02 tài liệu hướng dẫn kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng và tôm sú thương phẩm siêu thâm canh áp dụng công nghệ ổn định môi trường nước; tổ chức tập huấn và hội thảo cho cán bộ kỹ thuật và người dân liên quan đến nghề nuôi tôm tại Quảng Ngãi. Xây dựng thành công 02 mô hình nuôi tôm bằng công nghệ ổn định môi trường nước qui mô sản xuất, với mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh đạt năng suất cao 31 tấn/ha, kích cỡ thu hoạch trung bình 29,3g/con (dao động 33-35 con/kg); mô hình nuôi tôm sú thâm canh đạt năng suất 15 tấn/ha/vụ nuôi, kích cỡ thu hoạch trung bình 42g/con (dao động 18-30 con/kg).

Số hồ sơ lưu: QNI-2023-009

40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác

88369.10-2023 Nghiên cứu thử nghiệm nuôi cá hồng mỹ (*Sciaenops ocellatus* Linnaeus, 1766) thương phẩm bằng thức ăn công nghiệp tại tỉnh Bến Tre/ ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo, ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Xuân Toàn; ThS. Nguyễn Thị Kim Vân; KS. Nguyễn Phước Triệu; KS. Trần Bảo Chương; KS. Võ Pháp Chánh; KS. Lê Văn Lực; KS. Nguyễn Thị Hiếu; ThS. Nguyễn Văn Tạo; Lương Thị Chung; Võ Ngọc Bé - Bà Rịa-Vũng Tàu - Phân Viện Nghiên cứu Hải sản phía Nam., 2022; 11/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phát triển nuôi cá biển trong ao, tận dụng được ao nuôi tôm không hiệu quả để nuôi đối tượng mới, nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nuôi cá biển đến nông ngư dân, đẩy mạnh phong trào nuôi biển trong ao, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế nông hộ, kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch bệnh và góp phần phát triển nghề nuôi trồng thủy sản ở tỉnh Bến Tre theo hướng bền vững.

Số hồ sơ lưu: BTE-192-2023

88374.10-2023 Nghiên cứu đề xuất các giải pháp kỹ thuật để nâng cao hiệu quả trong nuôi tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii* De Man, 1879) toàn đực tại tỉnh Bến Tre/ TS. Huỳnh Kim Hường, TS. Huỳnh Kim Hường; ThS. Phan Thị Thanh Trúc; ThS. Diệp Thành Toàn; ThS. Lai Phước Sơn; ThS. Phạm

Văn Đầy; ThS. Phan Chí Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhi; ThS. Phạm Thị Bình Nguyên; Ks. Hồ Khánh Nam; KS. Đoàn Văn Đảnh; TS. Nguyễn Minh Tuấn - Trà Vinh - Trường Đại học Trà Vinh, 2023; 08/2020 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá hiện trạng nuôi tôm càng xanh toàn đực, từ đó đề xuất các giải pháp kỹ thuật để nâng cao hiệu quả tại tỉnh Bến Tre.

Số hồ sơ lưu: BTE-194-2023

88905.10-2023 Nghiên cứu phòng bệnh nhiễm khuẩn trên ếch lai (*Rana sp.*) bằng synbiotics tại Đồng Tháp./ ThS. Huỳnh Chí Thanh, ThS. Huỳnh Chí Thanh; ThS. Nguyễn Kim Kha; ThS. Trịnh Thị Thanh Hòa; ThS. Lê Thị Mai Anh; ThS. Dương Thiên Kiều - Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp - Trường cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp, 2020 - 10/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát mật độ vi khuẩn và độ chua Thorne trên môi trường nước chua tàu hủ, sữa đậu nành và bổ sung dịch chiết cà chua. Kết quả trên môi trường nước chua tàu hủ và dịch chiết cà chua tương đồng về mật độ vi khuẩn và độ chua. Thử nghiệm lên men ở quy mô 5L với nước chua tàu hủ + 10% rỉ đường cho kết quả độ chua 8,2g và mật số vi khuẩn lactic là $8,5 \times 10^8$ CFU/mL. Tạo ra sản phẩm synbiotic với mật độ vi khuẩn là $8,5 \times 10^{10}$ CFU và mật số vi sinh vật giảm nhanh sau 40 ngày bảo quản cả dạng nước và dạng khô. Tiến hành thí nghiệm bổ sung synbiotic

trong ương và nuôi ếch thịt. Kết quả tạo ra được ếch giống với tỷ lệ sống cao hơn đối chứng và thời gian biến thái ngắn hơn. Trong nuôi ếch thịt cho FCR thấp hơn đối chứng (1,6; 1,19), tốc độ tăng trưởng nhanh hơn và tỷ lệ sống cao hơn đối chứng.

Thử nghiệm tiêm vi khuẩn gây bệnh vào ếch thí nghiệm bổ sung synbiotic cho kết quả tỷ lệ chết giảm hơn so với nghiệm thức đối chứng. Thử nghiệm thực tế tại các hộ nuôi cũng cho kết quả khả quan. Tỷ lệ sống và tốc độ tăng trưởng được cải thiện trong ương và nuôi ếch thịt. Bệnh trên ếch cũng được quan sát với tần suất xuất hiện thấp hơn đối chứng.

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-008

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

88129.10-2023 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vi sinh vật trồng trọt/** TS. Nguyễn Thu Hà, ThS. Cao Thị Thanh Tâm; CN. Đàm Thị Thanh Hà; ThS. Trần Quang Minh; ThS. Trương Thị Duyên - Hà Nội - Viện Thổ nhưỡng Nông hoá, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo tồn và lưu giữ được nguồn gen vi sinh vật trồng trọt: 704 nguồn gen vi sinh vật trồng trọt (VSVTT) được bảo tồn, lưu giữ bằng các phương pháp bảo quản khác nhau. Các chủng VSVTT được lưu giữ, bảo quản dài hạn: 92 chủng được bảo quản đông khô (trong đó bảo quản thêm: 30 chủng), 704 chủng được bảo quản lạnh sâu, 73 chủng

được bảo quản trong nitor lỏng; Các chủng VSV được lưu giữ, bảo quản ngắn hạn: 235 chủng trên thạch nghiêng; 22 chủng trong thạch bán lỏng. 235 chủng VSV trên thạch nghiêng; 22 chủng bảo quản trong thạch bán lỏng được cấy truyền định kỳ... Bảo tồn nguồn gen vi sinh vật nhằm bảo tồn đa dạng sinh học kết hợp với phát triển nông nghiệp bền vững; cung cấp nguồn nguyên liệu cho nghiên cứu, giảng dạy và khai thác sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 21824

88237.10-2023 Nghiên cứu tạo giống đậu tương chuyển gen kìm hãm già hóa bộ lá và tăng kích thước hạt/ PGS. TS. Trần Văn Điền, PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng; GS.TS. Trần Ngọc Ngoan; TS. Nguyễn Văn Duy; TS. Nguyễn Xuân Vũ; TS. Bùi Tri Thức; ThS. Nguyễn Thị Tình; TS. Lã Văn Hiền - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2022; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo dòng đậu tương chuyển gen kìm hãm sự già hóa bộ lá và tăng kích thước hạt nhằm tăng năng suất đậu tương cho các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam; Thiết kế 02 vector chuyển gen mang gen kìm hãm già hóa ore1 và tăng kích thước hạt BS1; Chuyển gen thành công vào một số giống đậu tương khu vực miền núi phía Bắc; Tạo ra 15 cây đậu tương T1 hoặc T2 mang gen ore1; 15 cây đậu tương T1 hoặc T2 mang gen BS1

Số hồ sơ lưu: 22524

88290.10-2023 Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen thực vật nông nghiệp/ PGS. TS. Lã Tuấn Nghĩa , TS. Vũ Đăng Toàn; TS. Vũ Linh Chi; TS. Phạm Hùng Cường ; TS. Trần Thị Thu Hoài ; TS. Dương Thị Hồng Mai ; TS. Hoàng Thị Huệ ; ThS. Phí Đình Nam ; TS. Ngô Đức Thế; ThS. Đinh Thị Ngân ; ThS. Vũ Văn Tùng - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo tồn an toàn, lâu dài nguồn tài nguyên di truyền thực vật vì mục tiêu phát triển nông nghiệp và an ninh lương thực thực phẩm ở Việt Nam. Cụ thể: Lưu giữ an toàn trên 36.000 mẫu nguồn gen thực vật tại các ngân hàng gen, trong đó; Ngân hàng gen hạt giống trên 28.900 mẫu nguồn gen; ngân hàng gen đồng ruộng trên 6.600 mẫu nguồn gen và ngân hàng gen invitro trên 900 mẫu; Duy trì và phát triển các điểm bảo tồn tại chỗ ở một số vùng sinh thái miền Bắc Việt Nam; Nhân trẻ hóa 700 mẫu nguồn gen nhằm đảm bảo về số lượng và tiêu chuẩn chất lượng nguồn gen đối với công tác bảo tồn; Mô tả, đánh giá khoảng 400 lượt nguồn gen; Cập nhật trên 20.000 trường dữ liệu của tập đoàn rau, đậu,...; Tư vấn sử dụng, cấp phát nguồn gen cho các tổ chức và cá nhân: 300 nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 22542

88292.10-2023 Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen thực vật nông nghiệp/ PGS. TS. Lã Tuấn Nghĩa , TS. Vũ Đăng Toàn ; TS. Trần Thị Thu Hoài ; TS. Dương Thị Hồng

Mai; TS. Hoàng Thị Huệ ; ThS. Vũ Văn Tùng ; ThS. Phí Đình Nam ; TS. Hà Minh Loan ; TS. Ngô Đức Thê ; ThS. Hồ Thị Minh - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu giữ nguồn gen: Lưu giữ ex-situ nguồn gen cây trồng; Lưu giữ nguồn gen trên ngân hàng gen đồng ruộng và lưu giữ nguồn gen trong ngân hàng gen in-vitro. Nhân trẻ hóa nguồn gen : Nhân trẻ hóa mẫu giống cây hòa thảo các loại ; Nhân trẻ hóa mẫu giống cây họ đậu các loại ; Nhân trẻ hóa nguồn gen cây rau và rau gia vị. Đánh giá nguồn gen. Tư liệu hóa, thông tin và cung cấp nguồn gen. Lưu giữ in-situ nguồn gen duy trì và phát triển một số điểm bảo tồn on-farm (trên đồng ruộng) nguồn gen cây trồng bản địa.

Số hồ sơ lưu: 22552

88316.10-2023 **Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen thực vật nông nghiệp/** PGS. TS. Lã Tuấn Nghĩa , TS. Vũ Đăng Toàn ; TS. Trần Thị Thu Hoài ; TS. Dương Thị Hồng Mai; TS. Hoàng Thị Huệ ; ThS. Vũ Văn Tùng ; ThS. Phí Đình Nam ; ThS. Hà Minh Loan ; TS. Ngô Đức Thê - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu giữ an toàn trên 23.000 mẫu nguồn gen thực vật tại các ngân hàng gen: hạt giống, đồng ruộng và in-vitro; Nhân giống khoảng 810 lượt nguồn gen nhằm đảm bảo về số lượng và tiêu chuẩn chất lượng hạt giống đối với công tác bảo tồn; Mô tả, đánh giá và tư liệu hóa hơn 1000

lượt nguồn gen; Xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin nguồn gen; Tiếp tục duy trì và phát triển các điểm bảo tồn on-farm (nguồn gen trong vườn gia đình, nguồn gen bụi, nguồn gen nhân tại một số tỉnh Nam Định, Hòa Bình, Ninh Bình, Hà Nội); Xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin nguồn gen; Tư vấn sử dụng, cấp phát nguồn gen cho các tổ chức và cá nhân.

Số hồ sơ lưu: 22565

40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp

87820.10-2023 **Nghiên cứu giải pháp quản lý và công nghệ xử lý phụ phẩm nông nghiệp bằng chế phẩm sinh học nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí vùng ven đô/** TS. Nguyễn Văn Thiết, TS. Lương Hữu Thành; TS. Trần Văn Thê; PGS.TS. Mai Văn Trinh; TS. Vũ Thuý Nga; ThS. Phạm Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; ThS. Đàm Trọng Anh; ThS. Lục Thị Thanh Thêm; ThS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Vũ Ngọc Tĩnh - Hà Nội - Viện Môi trường Nông nghiệp, 2022; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định hạn chế của chính sách và rào cản về kỹ thuật trong quản lý phụ phẩm nông nghiệp. Xây dựng mô hình xử lý rơm rạ tại chỗ bằng chế phẩm sinh học làm phân bón tại khu vực sản xuất nông nghiệp ven đô thành phố Hà Nội. Xây dựng được các mô hình quản lý tổng hợp rơm rạ tại khu vực sản xuất nông nghiệp ven đô thành phố Hà Nội. Xây dựng dự thảo đề án quản lý tổng hợp phụ phẩm nông nghiệp quy mô toàn quốc.

Số hồ sơ lưu: 22336

87925.10-2023 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vi sinh vật bảo vệ thực vật/** TS. Mai Văn Quân, ThS. Ngô Quang Huy; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Hà Thị Thu Thủy; TS. Trần Văn Huy - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo quản dài hạn các nguồn gen vi sinh vật: phương pháp đông khô: 38 chủng vi khuẩn; phương pháp bào tử vi sinh vật: 640 chủng nấm; phương pháp thể vùi: 02 chủng vi rút NPV. Bảo quản ngắn hạn phục vụ nghiên cứu: Phương pháp bảo quản trên giấy: 640 chủng nấm; bảo quản glycerol: 38 chủng vi khuẩn; Dung dịch tế bào sâu: 02 chủng vi rút NPV. Cây truyền định kỳ các nguồn gen vi sinh vật. Số lượng: 60 chủng.

Số hồ sơ lưu: 22365

5. Khoa học xã hội

87468.10-2023 **Xây dựng thương hiệu tỉnh Vĩnh Long/** TS. Nguyễn Văn Hiến, TS. Nguyễn Văn Hiến; TS. Bảo Trung; TS. Ao Thu Hoài; TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt; ThS. Lưu Thanh Thủy; ThS. Lâm Ngọc Thùy; ThS. Nguyễn Phương Mai - Vĩnh Long - Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2022; 04/2018 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng xây dựng thương hiệu Tỉnh Vĩnh Long. Xác định các giá trị cốt lõi của Tỉnh Vĩnh Long và các yếu tố hình thành giá trị thương hiệu Tỉnh Vĩnh Long, trên cơ sở đó đề xuất định vị thương hiệu và

xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, đồng thời đưa ra giải pháp quản lý, khai thác và phát triển thương hiệu Tỉnh Vĩnh Long.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI036.2018-0000216

87634.10-2023 **Giải pháp nâng cao năng lực nghề nghiệp của người lao động tỉnh Vĩnh Long đáp ứng nhu cầu cách mạng công nghiệp 4.0/** TS. Trương Minh Huy Vũ, TS. Trương Minh Huy Vũ; PGS, TS. Nguyễn Đức Lộc; TS. Nguyễn Thị Tuyết Thanh; TS. Nguyễn Khánh Diệp; TS. Bùi Anh Thư; ThS. Nguyễn Hoàng Mỹ Lan; ThS. Phạm Thị Hồng Phúc; ThS. Trương Hữu Hậu; ThS. Nguyễn Văn San; CN. Võ Thị Thúy An; CN. Nguyễn Xuân Trường - Vĩnh Long - Viện nghiên cứu Đời sống Xã hội, 2022; 05/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mục tiêu chính yếu của đề tài là đưa ra các giải pháp nâng cao năng lực nghề nghiệp của người lao động tỉnh Vĩnh Long nhằm đáp ứng nhu cầu Cách mạng công nghiệp 4.0.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI050.2021-0000253

88709.10-2023 **Quản lý nhà nước về công tác dân tộc thiểu số ở tỉnh Bình Dương/** TS. Trần Minh Đức, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phân tích thực trạng và đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động QLNN về DTTS trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-003

88719.10-2023 **Giảng dạy thanh nhạc cho sinh viên ngành âm nhạc Trường Đại học Thủ Dầu Một/** ThS. Lê Thụy Khanh, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 12/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phân tích những cơ sở lý luận của việc dạy học môn Thanh nhạc tại trường đại học; Phân tích thực trạng dạy học môn Thanh nhạc tại Trường trường đại học Thủ Dầu Một; Đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Thanh nhạc cho sinh viên ngành Âm nhạc trường đại học Thủ Dầu Một.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-007

89024.10-2023 **Tác động đầu tư trực tiếp nước ngoài lên tăng trưởng kinh tế Đông Nam Bộ/** ThS. Dương Thị Thu Lý, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2022; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá mối quan hệ đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế, xác định được thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế của khu vực Đông Nam Bộ. Đề xuất giải pháp, khuyến nghị để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế các tỉnh khu vực Đông Nam Bộ. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng nguồn vốn nước ngoài để phát triển kinh tế khu vực Đông Nam Bộ là cần thiết. Kết quả phân tích cho thấy FDI có tác động

thuận chiều đối với tăng trưởng kinh tế khu vực Đông Nam Bộ trong giai đoạn 2005-2020. Tất cả 5 biến ban đầu: Vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, Dân số, Lực lượng trong độ tuổi lao động, tỷ lệ đô thị hóa, chi ngân sách đều phù hợp và có tác động đến tăng trưởng kinh tế khu vực Đông Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-022

50102. Tâm lý học chuyên ngành

88695.10-2023 **Hiếu thảo và cảm nhận hạnh phúc gia đình trong bối cảnh Việt Nam hiện nay/** PGS. TS. Lê Văn Hảo, TS. Vũ Quỳnh Châu; TS. Lê Minh Thiện; TS. Mai Văn Hải; ThS. Lê Thị Thu Hiền - Hà Nội - Viện Tâm lý học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu kỳ vọng và thực hành hiếu thảo của con trưởng thành đối với cha mẹ và cảm nhận hạnh phúc của họ trong bối cảnh hiện nay, nhằm đưa ra một số kiến nghị như các hàm ý khoa học, hướng đến việc cải thiện mối quan hệ, hạnh phúc, sự khỏe mạnh tâm lý trong gia đình vốn có liên quan đến hệ thống bảo hiểm xã hội (về mặt tài chính và tâm lý-xã hội) trong thực tiễn. Tìm hiểu bản phận, kỳ vọng về hiếu thảo ở người lớn trưởng thành (những người ở độ tuổi từ 30-50, đã có gia đình riêng và con nhỏ, đồng thời cũng có cha mẹ đang về già, cần chăm sóc; họ chăm sóc cả hai thế hệ là con cái còn phụ thuộc và cha mẹ cao tuổi). Tìm hiểu biểu hiện về hiếu thảo ở người lớn với cha mẹ mình (theo hai chiều cạnh). Tìm hiểu cảm

nhận hạnh phúc, chất lượng mối quan hệ liên thế hệ và sự hài lòng với cuộc sống của khách thể nghiên cứu và mối liên hệ có thể tồn tại giữa hiểu thảo và cảm nhận hạnh phúc.

Số hồ sơ lưu: 22170

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

87957.10-2023 **Nghiên cứu tác động của kinh tế vùng biên giới đến cộng đồng các dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc/** TS. Vũ Vân Anh, TS. Trương Bảo Thanh; ThS. Mai Bích Huệ; TS. Đậu Tuấn Nam; PGS.TS. Hoàng Minh Hiếu; PGS.TS. Đỗ Anh Tài; PGS.TS. Dương Quỳnh Phương; ThS. Nguyễn Quang Hải; TS. Dương Thị Tình; TS. Phạm Anh Tuấn - Thái Nguyên - Viện nghiên cứu xã hội và nhân văn miền núi, 2022; 02/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được cơ sở lý luận về tác động của kinh tế vùng biên giới đến cộng đồng các dân tộc thiểu số (DTTS); làm rõ bài học kinh nghiệm về chính sách phát triển kinh tế vùng biên giới của một số quốc gia có thể áp dụng cho Việt Nam. Đánh giá, làm rõ được thực trạng kinh tế vùng biên giới khu vực miền núi phía Bắc (xét đến cả mối quan hệ giữa Việt Nam và quốc gia láng giềng) đánh giá tác động tích cực/ không tích cực đến cộng đồng các DTTS khu vực miền núi phía Bắc. Hệ thống hóa và đánh giá được thực trạng các chính sách của Đảng và Nhà nước (Trung ương và địa phương) Việt Nam và các chính sách của quốc gia láng

giềng liên quan đến phát triển kinh tế vùng biên giới khu vực miền núi phía Bắc. Xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế vùng biên giới khu vực miền núi phía Bắc. Đề xuất được các giải pháp, cơ chế, chính sách khả thi để phát huy tác động tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của kinh tế vùng biên giới tới phát triển bền vững cộng đồng các DTTS trong khu vực biên giới miền núi phía Bắc trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22136

88016.10-2023 **Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả nghề nghiệp, ý định rời bỏ tổ chức và ý định quay trở lại nước ngoài sinh sống của những người đã từng học tập hoặc làm việc ở nước ngoài/** TS. Hồ Thị Thuý Nga, PGS.TS. Hoàng Trọng Hùng; ThS. Dương Đắc Quang Hào; TS. Trương Thị Hương Xuân; ThS. Trần Thị Trà My - Thừa Thiên Huế - Trường Đại học Kinh tế, 2023; 03/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tác động của các yếu tố thuộc bản sắc (gồm có bản sắc hướng tới gia đình, bản sắc hướng tới nghề nghiệp và bản sắc hướng tới xã hội) đến ý định quay trở lại nước ngoài sinh sống của những phụ nữ sau trở về; Sự thay đổi bản sắc văn hoá và cú sốc văn hoá ngược đối với ý định quay trở lại nước ngoài sinh sống của những người trở về; Tác động của các yếu tố thuộc về tổ chức bao gồm: chính sách nhân sự hướng tới nâng cao kết quả hoạt động của tổ chức và môi trường làm việc của tổ chức đến sự tái thích nghi công

việc và ý định rời bỏ tổ chức của các giảng viên sau khi đi du học trở về; Tác động của sự gắn kết công việc và sự tái thích nghi công việc đến sự hài lòng công việc của những người trở về làm trong lĩnh vực kế toán.

Số hồ sơ lưu: 22517

88046.10-2023 **Tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam/** TS. Trần Thị Kim Oanh, PGS.TS. Hồ Thủy Tiên; TS. Nguyễn Việt Hồng Anh; TS. Nguyễn Tấn Hưng; TS. Nguyễn Trần Xuân Linh; TS. Nguyễn Văn Bôn; ThS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc; TS. Phạm Thị Hà An; ThS. Nguyễn Văn Điệp - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2023; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng tăng trưởng kinh tế tại các tỉnh/thành của Việt Nam. Đánh giá thực trạng phân cấp tài khóa tại các tỉnh/thành của Việt Nam. Đánh giá tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Nghiên cứu thực nghiệm tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế khi xem xét mối tương quan không gian giữa các tỉnh/thành của Việt Nam. Đề xuất cơ chế và gợi ý chính sách nâng cao hiệu quả phân cấp tài khóa nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại các tỉnh/thành của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22049

88196.10-2023 **Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và đề xuất quy định kỹ thuật đối với trung tâm logistics tại Việt Nam/** TS. Nguyễn

Văn Hội, ThS. Ngô Thị Thanh Hương; ThS. Tường Thị Thanh Vinh; PGS. TS. Nguyễn Văn Lịch; PGS. TS. Lê Trịnh Minh Châu; TS. Phạm Hữu Thìn; TS. Nguyễn Văn Long; CN. Bùi Thị Thanh Thủy; CN. Giáp Toàn Thắng; CN. Hoàng Minh Hải - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về quy định kỹ thuật đối với trung tâm logistics. Đánh giá hiện trạng xây dựng và áp dụng các quy định kỹ thuật liên quan đến trung tâm logistics tại Việt Nam. Nghiên cứu các quy định kỹ thuật của một số nước trên thế giới. Hoàn thiện cơ chế quản lý Nhà nước về phát triển trung tâm logistics tại Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đề xuất xây dựng cơ sở khoa học cho bộ tiêu chí quy định kỹ thuật đối với trung tâm logistics tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21976

88235.10-2023 **Phát triển tài chính, tiêu thụ năng lượng và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và các nước mới nổi/** GS. TS. Nguyễn Minh Hà, TS. Bùi Hoàng Ngọc; TS. Võ Hồng Đức; ThS. Vũ Bích Ngọc; CN. Công Chung Thủy - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 03/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích tác động của phát triển tài chính đến tăng trưởng kinh tế; Mối quan hệ giữa tiêu thụ năng lượng và tăng trưởng kinh tế; Phân tích tác động, mối quan hệ của phát

triển tài chính, tiêu thụ năng lượng đến tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 22533

88248.10-2023 Nghiên cứu mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế sử dụng phương pháp phân tích đa biến/ TS. Hoàng Khắc Lịch, PGS.TS. Phí Mạnh Hồng; TS. Bùi Đại Dũng; ThS. Nguyễn Anh Dương; ThS. Nguyễn Thị Hoa Hạnh - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế, 2023; 02/2019 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hoá các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm về mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế; Tổng hợp các cách phân loại mức độ phát triển của các quốc gia trên thế giới; Lựa chọn tiêu chí phân loại và vận dụng kỹ thuật phân tích cụm để phân loại các nước trên thế giới; xác định đặc điểm của các nhóm quốc gia theo cách phân loại mới; Vận dụng kỹ thuật kiểm định phi tham số, kỹ thuật thống kê mô tả để so sánh và mô tả kỹ hơn về cấu trúc kinh tế và chi tiêu công giữa các nhóm nước; Xác định mối quan hệ giữa chi tiêu công, tăng trưởng kinh tế và các yếu tố có ảnh hưởng quan trọng; Phân tích tình hình chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp hữu ích.

Số hồ sơ lưu: 22537

88271.10-2023 Phát triển kinh tế số ở Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay và hàm ý chính

sách cho Việt Nam/ TS. Hà Thị Hồng Vân, ThS. Lê Thanh Thủy; TS. Nguyễn Mai Phương; ThS. Nguyễn Thị Hạ; ThS. Nguyễn Thị Hà Phương; ThS. Nguyễn Thanh Giang; ThS. Nguyễn Đăng Lan Anh; TS. Phí Hồng Minh; TS. Nguyễn Bình Giang; TS. Nguyễn Cao Đức; CN. Trần Thị Thúy Lan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá về sự phát triển của kinh tế số Trung Quốc; Phân tích các chính sách Trung Quốc trong thúc đẩy phát triển và quản lý kinh tế số; Đánh giá những thực trạng phát triển của kinh tế số Trung Quốc từ năm 2015 đến 2020; Vai trò của kinh tế số Trung Quốc đối với kinh tế Trung Quốc; Triển vọng phát triển kinh tế số Trung Quốc; Tác động của sự phát triển kinh tế số với một số nước trong đó có Việt Nam; Hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22539

88285.10-2023 Nghiên cứu, đề xuất giải pháp quản lý, đầu tư, khai thác hiệu quả các kho, bãi hàng tại các ga đường sắt trên hành lang vận tải Bắc - Nam/ ThS. Lê Thị Trâm, KS. Nguyễn Thu Hương; TS. Dương Văn Chung; ThS. Phạm Ngọc Sơn; ThS. Nguyễn Vĩnh Phong; Phạm Thị Hiền; Trần Đức Sa; Trần Thị Thu - Hà Nội - Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông vận tải, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý, đầu tư, khai thác các kho, bãi hàng tại các ga đường sắt, trong đó làm nổi bật kết quả đạt được, các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, nghiên cứu các giải pháp quản lý, đầu tư khai thác các kho, bãi hàng đường sắt trên hành lang vận tải Bắc - Nam. Từ đó, với các định hướng phát triển đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề tài đề xuất các giải pháp quản lý, đầu tư, khai thác hiệu quả các kho, bãi hàng tại các ga trên hành lang vận tải Bắc - Nam nhằm mục tiêu tăng cường phát triển vận tải đường sắt, giảm chi phí vận tải, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Số hồ sơ lưu: 22554

88288.10-2023 Nghiên cứu phát triển kinh tế đô thị Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045/ TS. Trần Thị Lan Anh, TS. Trần Quốc Thái; PGS.TS. Hoàng Vĩnh Hưng; ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; TS. Đào Thị Như; ThS. Nguyễn Lý Hồng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Ngọc Trung; ThS. Nguyễn Đỗ Ánh; ThS. Nguyễn Văn Bình - Hà Nội - Cục Phát triển đô thị, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thực trạng về vai trò, chủ trương, chính sách thúc đẩy kinh tế đô thị tại Việt Nam từ sau Đổi mới; Cơ sở khoa học để phát triển kinh tế đô thị Việt Nam giai đoạn đến 2030 và tầm nhìn đến 2045; Đề xuất mục tiêu, quan điểm, phương hướng và giải pháp thúc đẩy phát

triển kinh tế đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Số hồ sơ lưu: 22553

88299.10-2023 Sự đắm chìm và sự hiện diện là trải nghiệm marketing quan trọng trong kỷ nguyên phát triển công nghệ hiện nay/ TS. Lê Nhật Hạnh, ThS. Hồ Xuân Hương; GS.TS. Nguyễn Đông Phong; PGS.TS. Phạm Xuân Lan; ThS. Nguyễn Hữu Khôi; ThS. Võ Kim Nhạn - Hà Nội - Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 06/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ chế thông qua đó, các đặc điểm của khách hàng và đặc điểm của thiết bị thiết lập mối quan hệ với cảm xúc, giá trị cảm nhận và ảnh hưởng của khách hàng trong bối cảnh áp dụng các công nghệ tiên tiến (ví dụ: ứng dụng di động, VR, AR), trong đó khác hàng trải nghiệm cảm nhận đắm chìm và cảm giác hiện diện bên trong môi trường ảo; Phát triển mô hình liên quan đến các đặc điểm khách hàng/ thiết bị - trải nghiệm - phản hồi nhằm thể hiện vai trò trung gian của sự đắm chìm và sự hiện diện trong các mối quan hệ giữa các đặc điểm của khách hàng/đặc điểm của thiết bị và cảm xúc, giá trị cảm nhận cũng như hành vi của khách hàng; Xem xét vai trò điều tiết của các đặc điểm khác nhau liên quan đến tiến bộ công nghệ (ví dụ: ứng dụng di động, VR, AR) trong bối cảnh nghiên cứu; Kiểm định mô hình đề xuất thông qua thiết kế thử nghiệm và dữ liệu khảo sát thu thập được dựa trên kỹ thuật CIT từ các

tương tác giữa người dùng và công nghệ ảo trong lĩnh vực marketing ở Việt Nam; Đề xuất các giải pháp để mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng dựa trên các khía cạnh tiến bộ công nghệ, từ đó gia tăng cảm xúc tích cực, giá trị cảm nhận và hành vi phản hồi của khách hàng.

Số hồ sơ lưu: 22563

88304.10-2023 **Nghiên cứu và đề xuất ứng dụng mô hình Cobb-Douglas trong dự báo tăng trưởng GDP tiềm năng của Việt Nam/** ThS. Phạm Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Khương Duy; KS. Đỗ Thị Ngát; TS. Phạm Đăng Quyết; ThS. Vũ Trọng Nghĩa; ThS. Trần Hoài Nam; ThS. Nguyễn Văn Chiến; ThS. Nguyễn Thị Bằng Giang; CN. Nguyễn Văn Nghiệp; CN. Đinh Thị Thu Hương; ThS. Trần Tuấn Tú; ThS. Nguyễn Thu Dung; CN. Hoàng Phương Hoa - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2022; 05/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thử nghiệm ước tính tăng trưởng GDP tiềm năng theo hàm sản xuất Cobb-Douglas: nghiên cứu phương pháp luận và thống kê đo lường các biến đầu vào, bao gồm đo lường vốn và khấu hao của nền kinh tế, ước tính tỷ trọng thu nhập của lao động, tăng trưởng của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) và ước tính GDP tiềm năng theo hàm sản xuất Cobb-Douglas. Dự báo tăng trưởng GDP tiềm năng của Việt Nam giai đoạn 2022 – 2025 theo hàm sản xuất Cobb-Douglas: đưa ra quy trình và phương pháp dự báo tăng trưởng GDP tiềm năng theo hàm sản xuất

Cobb-Douglas, dự báo các biến đầu vào bao gồm dự báo tăng trưởng của vốn, tăng trưởng của lao động, tăng trưởng năng suất các nhân tố tổng hợp TFP và dự báo tăng trưởng GDP tiềm năng của Việt Nam giai đoạn 2022 – 2025 theo hàm sản xuất Cobb-Douglas; đánh giá và hiệu chỉnh các tham số.

Số hồ sơ lưu: 22562

88325.10-2023 **Trách nhiệm xã hội, ích lợi nhân viên và hiệu quả doanh nghiệp ở Việt Nam: Bằng chứng mới từ phân tích kinh tế lượng vi mô với dữ liệu mảng/** PGS. TS. Vũ Văn Hương, TS. Nguyễn Hoàng Tuấn; TS. Trần Quang Tuyền; TS. Nguyễn Minh Thành; ThS. Nguyễn Thị Thúy Nga; ThS. Nguyễn Ngọc Thụy; ThS. Đỗ Thị Minh Huệ - Hà Nội - Trung tâm dữ liệu và phân tích Kinh tế-xã hội, 2023; 06/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích hiện trạng Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility- CSR) của các doanh nghiệp tại Việt Nam; Đánh giá tác động của Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến các khía cạnh hiệu quả khác nhau của doanh nghiệp tại Việt Nam; Tác động của Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến tiền lương và ích lợi khác của người lao động đối với doanh nghiệp tại Việt Nam; Tác động của Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến các khoản đóng góp của doanh nghiệp đối với ngân sách nhà nước; Đề xuất một số chính sách góp phân nâng cao thực

hành Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và hiệu quả kinh doanh tại các doanh nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22571

88515.10-2023 **Quá trình phát triển kinh tế tư nhân vùng Tây Nguyên từ năm 2011 đến năm 2020/** TS. Nguyễn Duy Thụy, CN. Bùi Thị Huyền; TS. Trần Thị Hoàng Mai; TS. Phan Ngọc Sơn; ThS. Nguyễn Thành Vương; ThS. Vũ Tiến Đức; ThS. Phạm Thị Xuân Nga; TS. Trương Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Tất Thịnh; ThS. Lê Thị Hồng Gái; ThS. Trần Văn Phúc - Đắc Lắc - Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích , làm rõ chủ trương , chính sách của Đảng , Nhà nước và sự chỉ đạo thực hiện của chính quyền địa phương về phát triển kinh tế tư nhân (KTTN) vùng Tây Nguyên . Tìm hiểu thực trạng quá trình phát triển KTTN vùng Tây Nguyên . Phân tích những thành tựu , hạn chế, nguyên nhân hạn chế trong quá trình phát triển KTTN vùng Tây Nguyên. Rút ra những nhận xét, đánh giá quá trình phát triển KTTN vùng Tây Nguyên và bài học thực tiễn. Đề xuất những giải pháp và kiến nghị làm cơ sở khoa học giúp cho việc hoạch định chính sách phát triển KTTN vùng Tây Nguyên theo hướng bền vững.

Số hồ sơ lưu: 22135

88672.10-2023 **Phân tích định lượng hiệu quả các dự án FDI theo định hướng phát triển bền vững nền kinh tế Việt Nam/** PGS.TS.

Nguyễn Hoàng Việt, ThS. Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt; TS. Trần Thị Hoàng Hà; GS.TS. Nguyễn Bách Khoa; TS. Phan Thanh Tú; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Phan Đình Quyết; ThS. Đào Lê Đức; ThS. Nguyễn Hoàng Nam; ThS. Nguyễn Thị Hiền - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa được cơ sở lý thuyết về phân tích định lượng hiệu quả đầu tư FDI theo định hướng phát triển bền vững; Xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá định lượng hiệu quả dự án FDI theo định hướng phát triển bền vững; Định lượng được thực trạng hiệu quả của các dự án FDI theo định hướng phát triển bền vững nền kinh tế Việt Nam; Định lượng được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của các dự án FDI tại Việt Nam theo định hướng phát triển bền vững; Đề xuất được các giải pháp, kiến nghị nâng cao hiệu quả của các dự án FDI tại Việt Nam theo định hướng phát triển bền vững nền kinh tế Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22077

88874.10-2023 **Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa vùng Nam Trung Bộ trong bối cảnh mới hiện nay/** TS. Hoàng Hồng Hiệp, ThS. Châu Ngọc Hoà; ThS. Hoàng Thị Thu Hương; ThS. Phạm Thái Hà; TS. Lương Tình; ThS. Hồ Thị Kim Thủy; ThS. Phạm Quốc Trí; ThS. Đào Vũ Phương Linh; CN. Nguyễn Hoàng Yên - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các vấn đề về phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cơ sở lý luận về phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực trạng phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa vùng Nam Trung Bộ giai đoạn 2010-2020. Định hướng, giải pháp phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa vùng Nam Trung Bộ trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 21927

88880.10-2023 nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển công nghiệp vật liệu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045/ TS. Bùi Tiến Dũng, TS. Chu Tiến Đạt; CN. Đoàn Thị Minh Thủy; ThS. Nguyễn Ngọc Trung; TS. Nguyễn Ngọc Thành; TS. Đào Trọng Cường; KS. Vũ Lê Việt; GS. TS. Nguyễn Quang Liêm; PGS. TS. Nguyễn Đức Chiến - Hà Nội - Vụ Công nghiệp, 2023; 11/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan vấn đề chung và cơ sở lý luận phát triển công nghiệp vật liệu. Nghiên cứu thực trạng công nghiệp vật liệu Việt Nam trong thời gian qua và nhận định các cơ hội phát triển trong thời gian tới. Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng chính sách phát triển công nghiệp vật liệu. Đề xuất quan điểm, mục tiêu, định hướng và các giải pháp, chính sách phát triển công nghiệp vật liệu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Số hồ sơ lưu: 21938

88920.10-2023 Nghiên cứu, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cơ bản tác động đến sự biến động của thị trường bất động

sản làm cơ sở nâng cao công tác dự báo và điều hành, quản lý thị trường bất động sản ở Việt Nam/ ThS. Lê Hồng Vân, Trần Ngọc Sơn; Dương Thanh Thúy; Nguyễn Hồng Phú; Viễn Ái Huy; Đinh Hữu Minh; Phan Đăng Việt; Phạm Diễm Lê; Trần Ngọc Hải; Trần Thị Thu Hoài - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 04/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Đặc điểm của thị trường bất động sản, chu kỳ hoạt động của thị trường bất động sản và các quy luật phát triển của thị trường bất động sản. Quá trình hình thành và phát triển thị trường bất động sản Việt Nam và những bất cập trong quá trình phát triển của thị trường bất động sản Việt Nam. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cơ bản tác động đến sự biến động của thị trường bất động sản và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao công tác dự báo và điều hành, quản lý thị trường bất động sản tại Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 21955

88949.10-2023 Tiêu dùng bền vững: nghiên cứu từ góc độ hành vi mua của người tiêu dùng đối với thực phẩm hữu cơ ở Việt Nam./ GS. TS. Nguyễn Bách Khoa, PGS. TS. Nguyễn Hoàng Việt; ThS. Lê Thị Trâm Anh ; TS. Nguyễn Thế Ninh ; ThS. Vũ Phương Anh; TS. Phan Thanh Tú ; TS. Phạm Minh Đạt ; TS. Nguyễn Hoàng Giang ; ThS. Bùi Lan Phương ; ThS. Nguyễn Hoàng Nam - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu về tiêu dùng bền vững và hành vi tiêu dùng thực phẩm hữu cơ. Cơ sở lý luận về tiêu dùng bền vững và hành vi mua thực phẩm hữu cơ. Nghiên cứu về hành vi mua thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng Việt Nam. Một số kiến nghị đối với doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm hữu cơ, các doanh nghiệp nuôi trồng hữu cơ và các cơ quan quản lý Nhà nước.

Số hồ sơ lưu: 21991

88952.10-2023 **Giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử/ TS. Trần Việt Thảo, ThS. Vũ Thị Thanh Huyền; ThS. Đào Thế Sơn; PGS. TS. Phan Thế Công; ThS. Vũ Ngọc Tú; ThS. Bùi Lan Phương; ThS. Vũ Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Hoàng Anh Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng quan nghiên cứu về thúc đẩy doanh nghiệp phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử và thúc đẩy doanh nghiệp phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử. Phân tích thực trạng các doanh nghiệp Việt Nam phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử tại Việt Nam. Đề xuất giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22001

88967.10-2023 **Giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA và IPA/ TS. Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt, TS. Lưu Thị Thuỳ Dương; TS. Trần Thị Hoàng Hà; TS. Lê Thị Việt Nga; TS. Đặng Thu Hương; PGS. TS. Nguyễn Đức Nhuận; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Phùng Mạnh Hùng; ThS. Bùi Thị Thuý Anh; ThS. Tạ Thị Tuyết Mai - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Cơ sở lý luận và thực tiễn thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp trong bối cảnh thương mại tự do Thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA và IPA. Phân tích định lượng các yếu tố có ảnh hưởng đến lựa chọn hình thức đầu tư FDI vào lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam. Nghiên cứu chính và giải pháp thu hút FDI vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA và IPA.

Số hồ sơ lưu: 22026

88973.10-2023 **Chống gian lận trong thanh toán trực tuyến: Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo đối với các doanh nghiệp Việt Nam/ TS. Nguyễn Thị Thu Thủy, Nghiêm Thị Lịch; PGS. TS. Nguyễn Thu Thủy; TS. Phùng Việt Hà; TS. Nguyễn Chí Trung; ThS. Nguyễn Hưng Long; ThS. Nguyễn Thị Vân Trang; ThS. Hoàng Ngọc Cảnh; ThS. Trần Lê Kim Danh; ThS. Phạm**

Nhung Anh - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về gian lận và chống gian lận trong thanh toán trực tuyến. Cơ sở lý luận kỹ thuật học máy và trí tuệ nhân tạo, ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong thanh toán trực tuyến. Thực trạng gian lận và chống gian lận trong thanh toán trực tuyến tại Việt Nam. Đề xuất xây dựng mô hình hệ thống thông tin chống gian lận trong thanh toán trực tuyến (bao gồm gian lận thẻ tín dụng và cảnh báo gian lận bồi hoàn thẻ tín dụng) sử dụng kỹ thuật học máy và trí tuệ nhân tạo.

Số hồ sơ lưu: 22032

50202. Kinh doanh và quản lý

87807.10-2023 Đề xuất hoàn thiện chính sách và tổ chức thực hiện bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam/ CN. Ông Đào Duy Hiện, ThS. Lê Hải Anh; ThS. Phạm Ngọc Sơn; ThS. Lục Thanh Phương; CN. Nguyễn Thành Long; ThS. Lê Thị Thanh Duyên; ThS. Nguyễn Thị Thu Hạnh; CN. Nguyễn Việt Anh; ThS. Trương Trung Kiên - Hà Nội - Ban Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, 2023; 09/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, hệ thống hóa cơ sở khoa học về BHTN; Phân tích, đánh giá thực trạng tình hình thực hiện chính sách BHTN theo quy định của Luật Việc, ưu điểm, hạn chế của chính sách và tổ chức thực hiện chính sách BHTN, tìm ra nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó;

Hoàn thiện chính sách và giải pháp tổ chức thực hiện để tăng số người tham gia, người lao động dễ dàng thực hiện các thủ tục để thụ hưởng chế độ TCTN; đáp ứng nhu cầu về tư vấn giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề để sớm đưa người lao động quay trở lại thị trường lao động; người sử dụng lao động dễ dàng tiếp cận được với chế độ để duy trì việc làm cho người lao động, chủ động phòng ngừa thất nghiệp cho người lao động.

Số hồ sơ lưu: 22371

87816.10-2023 Nghiên cứu, xây dựng bảng lương theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo đối với viên chức ngành Bảo hiểm xã hội gắn với kết quả hoạt động trên nguyên tắc tự chủ về tài chính, độc lập với ngân sách nhà nước/ TS. Lê Hùng Sơn, ThS. Nguyễn Hữu Thành; ThS. Trần Mạnh Toàn; CN. Nguyễn Văn Tùng; CN. Trần Thái Hoan; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Mai; ThS. Đào Thị Hải Nguyệt; ThS. Bùi Thị Lan Hương; ThS. Lương Tuấn Anh; CN. Trần Quốc Thắng - Hà Nội - Vụ Tổ chức Cán bộ, 2022; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về chế độ tiền lương đối với CCVC; Hệ thống lại các VTVL, chức danh, chức vụ lãnh đạo đối với CCVC trong toàn hệ thống; Phân tích, đánh giá thực trạng về mức lương, phụ cấp chức vụ đối với VTVL, các chức vụ lãnh đạo đối với CCVC ngành BHXH Việt Nam. Phân tích làm rõ đặc thù của BHXH

Việt Nam, tính tương quan, đồng bộ so với các cơ quan có tính tương đồng; Đánh giá thực trạng nguồn tiền lương của ngành BHXH Việt Nam, dự kiến quỹ tiền lương, nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiền lương mới và đề xuất cơ chế tiền lương của ngành BHXH Việt Nam gắn với cải cách chính sách tiền lương; Xây dựng Bảng tiêu chí đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân theo năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động trong hệ thống BHXH Việt Nam; Đề xuất bảng lương theo VTVL, chức danh và chức vụ lãnh đạo đối với CCVC ngành BHXH Việt Nam gắn với kết quả hoạt động trên nguyên tắc tự chủ về tài chính, độc lập với NSNN.

Số hồ sơ lưu: 22334

87938.10-2023 **Tuân thủ thuế trong nền kinh tế số ở Việt Nam hiện nay/** ThS. Đinh Công Hiếu, ThS. Bạch Thu Hiền; ThS. Nguyễn Chiến Thắng; ThS. Vũ Thị Thu Thủy; ThS. Vũ Thị Mai Anh; ThS. Vũ Thúy Quỳnh; ThS. Nguyễn Hoàng Đạo; ThS. Nguyễn Thị Phương Loan; ThS. Đặng Thị Thúy Hằng; ThS. Huỳnh Văn Thích - Hà Nội - Tổng cục Thuế, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp, hệ thống và bổ sung cơ sở lý luận về tuân thủ thuế: Khái niệm, đặc điểm, nội dung tuân thủ thuế, phạm vi và các nhân tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế của người nộp thuế (NNT); Tổng hợp, khái quát cơ sở lý luận về nền kinh tế số, những đặc trưng cơ bản, mô hình

kinh doanh trong hoạt động kinh tế số; Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về quản lý tuân thủ thuế trong hoạt động kinh tế số qua đó rút ra những bài học có thể vận dụng vào thực tiễn Việt Nam; Đánh giá thực trạng tuân thủ thuế, các nhân tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế của NNT trong nền kinh tế số ở Việt Nam; Đề xuất hoàn thiện các giải pháp tăng cường tuân thủ thuế trong nền kinh tế số ở Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22161

87949.10-2023 **Phát triển thị trường cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/** Bà. Dương Thị Nga, Nguyễn Văn Hải; Nguyễn Thị Lan Anh; Đỗ Đình Dũng; Phùng Thị Hồng Hà; Nguyễn Thị Kiều Nga; Lương Ngọc Anh; Chung Thị Thu Viên; Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; Trinh Thị Thu Trang; Lê Thị Hải Yến; Trần Thị Hương; Dương Thị Thanh Vân; Lê Thị Hằng - Hà Nội - Báo Công Thương, 2022; 10/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Với thế mạnh là cơ quan truyền thông lớn, hoạt động theo mô hình tòa soạn hội tụ, có thế mạnh tổ chức nhiều sự kiện mang tính quốc gia và quốc tế, có độc giả là các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, các tập đoàn, tổng công ty, các doanh nghiệp lớn, nhỏ và vừa tại Việt Nam và đồng thời có nhiều hoạt động tích cực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST. Phát huy thế mạnh của mình, Báo Công Thương sẽ tập trung vào việc tổ chức các hoạt động nhằm Phát triển thị trường cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST và nâng cao cơ hội tiếp cận các nhà đầu

toạ trong nước, quốc tế với 2 mục tiêu chính: Kết nối doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST với người mua tiềm năng là các tập đoàn, hiệp hội doanh nghiệp/doanh nhân, chính quyền, tổ chức chính trị, xã hội – nghề nghiệp. Thu hút đầu tư, phát triển thị trường cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST.

Số hồ sơ lưu: 22363

87958.10-2023 Nghiên cứu xây dựng cơ chế đánh giá chi phí tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay/ TS. Trần Thị Quang Hồng, ThS. Lưu Thị Phấn; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Chu Thị Hoa; TS. Bùi Thị Thanh Hằng; TS. Phan Đức Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Trần Anh Huy; ThS. Bế Hoài Anh; ThS. Lê Thị Hoàng Thanh; ThS. Phạm Hùng Ngọc Dũng; ThS. Đinh Quỳnh Mỹ; ThS. Đỗ Thị Thúy Hằng; ThS. Lê Thị Thúy Nga; ThS. Hoàng Thị Kim Nhung; ThS. Lê Hồng Thái - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2021; 05/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đề xuất việc xây dựng cơ chế đánh giá chi phí tuân thủ pháp luật (CPTTPL) của doanh nghiệp nhằm thúc đẩy việc đánh giá đồng bộ và thường xuyên các chi phí mà doanh nghiệp phải chi trả để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, hướng tới thực hiện mục tiêu giảm CPTTPL của doanh nghiệp. Cần hoàn thiện pháp luật để thực hiện hiệu quả việc đánh giá CPTTPL nhằm tạo cơ sở cho việc đề ra các biện pháp giảm thiểu CPTTPL, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của

Việt Nam. Phân tích các dữ liệu dựa trên lý thuyết về kinh tế học pháp luật, xem xét CPTTPL dưới góc độ mối quan hệ giữa lợi ích và chi phí. Lý thuyết kinh tế học chỉ ra rằng các quy tắc chỉ nên đặt ra khi mà lợi ích mang lại từ việc thực thi chúng lớn hơn chi phí để thực thi chúng. Đây là nguyên lý căn bản cho việc thực hiện đánh giá CPTTPL, và để đặt làm cơ sở cải thiện CPTTPL.

Số hồ sơ lưu: 22159

87963.10-2023 Nghiên cứu hoàn thiện chi phí quản lý trong dự toán chi phí tư vấn đầu tư xây dựng/ ThS. Hoàng Xuân Hiệp, TS. Ngô Thế Vinh; ThS. Phạm Xuân Hoàn; ThS. Dương Thùy Nga; ThS. Lê Văn Thành; ThS. Phạm Xuân Trường; ThS. Lê Hồng Vân; ThS. Nghiêm Xuân Duy; ThS. Đinh Thị Thu Hiền; ThS. Phan Đăng Việt; ThS. Nguyễn Bắc Thủy - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng kết cơ sở lý luận liên quan đến hoạt động tư vấn xây dựng, chi phí tư vấn xây dựng và chi phí quản lý trong dự toán chi phí tư vấn xây dựng; Tổng kết, đánh giá thực trạng về chi phí tư vấn xây dựng, chi phí quản lý trong dự toán chi phí tư vấn xây dựng. Đề xuất hoàn thiện chi phí quản lý trong dự toán chi phí tư vấn xây dựng để báo cáo Bộ Xây dựng hoàn thiện hướng dẫn lập dự toán chi phí tư vấn xây dựng phù hợp với các quy định mới có liên quan và điều kiện thực tế tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22148

87970.10-2023 **Hoàn thiện công tác kế toán nợ nước ngoài của Chính phủ ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Vân, ThS. Vũ Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Huệ Minh; ThS. Mai Huyền Trang; ThS. Hoàng Phương Hà; CN. Nguyễn Mai Anh; TS. Nguyễn Thị Phương Dung; TS. Trần Thị Tuyết; ThS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Hồ Thị Vinh - Hà Nội - Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng kế toán nợ nước ngoài của chính phủ Việt Nam so với nguyên tắc chung về kế toán công quốc tế, đánh giá các kết quả đạt được, các tồn tại hạn chế, nguyên nhân và các bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp hoàn thiện kế toán nợ nước ngoài của Chính phủ để cung cấp thông tin kế toán một cách đầy đủ, kịp thời, phục vụ cho công tác quản lý, điều hành, tổng hợp và cung cấp các báo cáo tình hình vay, trả nợ nước ngoài, báo cáo quản trị theo yêu cầu quản lý. Đánh giá các tồn tại trong thực trạng kế toán nợ nước ngoài của Chính phủ nhằm đề xuất các giải pháp để hoàn thiện hệ thống kế toán nợ nước ngoài của Việt Nam nhằm tăng cường vai trò, quản lý giám sát của Nhà nước về quản lý nợ nước ngoài; cung cấp thông tin nợ nước ngoài của Việt Nam công khai, minh bạch đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu thông tin của người cho vay và những tổ chức, cá nhân có quan tâm.

Số hồ sơ lưu: 22108

88048.10-2023 **Xây dựng chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội giai đoạn 2021 - 2030/** ThS. Nguyễn Thị Vân Hà, Cử nhân. Đinh Bảo Dũng ThS. Nguyễn Duy Linh; TS. Lê Anh Tuấn; ThS. Ngô Thị Lan Phương; ThS. Trần Thị Thương Hiền; CN. Nguyễn Thị Hồng Vân; ThS. Trần Thọ Hải; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Lê Minh Trang - Hà Nội - Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, 2023; 12/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về xây dựng chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách Xã hội. Đánh giá tình hình thực hiện chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách Xã hội giai đoạn 2011-2020. Xây dựng chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách Xã hội giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 22054

88050.10-2023 **Xây dựng mô hình tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong bối cảnh mới/** ThS. Nguyễn Duy Linh, ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân; TS. Lê Anh Tuấn; ThS. Ngô Thị Lan Phương; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; TS. Lã Thị Lâm; CN. Bùi Tuấn Anh; ThS. Lê Minh Trang - Hà Nội - Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, 2023; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về mô hình tổ chức và hoạt động của các ngân hàng phát triển. Đánh giá thực trạng mô hình tổ chức và hoạt động

của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Đề xuất giải pháp xây dựng mô hình tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 22053

88097.10-2023 **Vai trò của công đoàn trong nâng cao năng suất lao động tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay/** TS. Dương Thị Thanh Xuân, PGS.TS. Hoàng Thanh Xuân; TS. Phùng Thị Cẩm Châu; TS. Phùng Thế Hùng; TS. Trần Thế Lữ; TS. Vũ Thị Nga; TS. Nguyễn Thành Công; ThS. Nguyễn Chu Du; ThS. Bùi Dương Hưng; ThS. Đỗ Đức Toàn; ThS. Trần Thị Minh Quế; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Mai; ThS. Lê Thị Phương Thảo; CN. Mai Thành Phương; CN. Nguyễn Văn Quyết; CN. Nguyễn Thị Thu Nhi - Hà Nội - Trường Đại học Công đoàn, 2023; 12/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về vai trò của công đoàn trong nâng cao NSLĐ tại các doanh nghiệp. Nêu kinh nghiệm vai trò công đoàn của một số quốc gia trong nâng cao NSLĐ tại các doanh nghiệp và bài học rút ra đối với Việt Nam. Phân tích, đánh giá thực trạng vai trò của công đoàn trong nâng cao NSLĐ tại các doanh nghiệp. Đề xuất các giải pháp nâng cao vai trò của công đoàn trong nâng cao NSLĐ tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới. Đề xuất, khuyến nghị đối với các cơ quan, ban ngành đoàn thể nhằm nâng cao

vai trò của công đoàn trong nâng cao NSLĐ tại các doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 21917

88102.10-2023 **Hoàn thiện chính sách thuế giá trị gia tăng/** TS. Nguyễn Thành Hưng, ThS. Trần Thị Nguyệt Tú; ThS. Nguyễn Thị Lê Na; ThS. Tô Thanh Tùng; CN. Nguyễn Thanh Thủy; CN. Nguyễn Tiến Công; ThS. Trần Thị Thanh Loan; ThS. Phan Tiến Hòa; CN. Kiều Thái Anh; CN. Nguyễn Thành Trung - Hà Nội - Vụ Chính sách thuế, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ được những vấn đề chung về cơ sở lý luận về chính sách thuế GTGT (khái niệm, đặc điểm, vai trò, mục tiêu của thuế GTGT; xây dựng khung lý thuyết về đánh giá nội dung chính sách thuế GTGT, chỉ ra các nhân tố quan trọng tác động đến hoàn thiện chính sách thuế GTGT). Tổng hợp, phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc hoàn thiện chính sách thuế GTGT (xu hướng điều chỉnh chính sách thuế GTGT của các nước và kinh nghiệm điều chỉnh của một số nước), trên cơ sở đó rút ra các bài học kinh nghiệm, hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21896

88110.10-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp tạo thuận lợi cho phân phối mặt hàng thực phẩm thiết yếu nhằm bình ổn thị trường/** CN. Lê Thị Hồng, CN. Trần Huyền Trang; CN. Nguyễn Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Hồng Anh; CN. Trịnh

Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Thị Hồng Nhung; CN. Trần Thu Hà; CN. Nguyễn Thị Quế; CN. Nguyễn Thị Trà My - Hà Nội - Vụ Thị trường trong nước, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hệ thống phân phối mặt hàng thực phẩm thiết yếu nhằm mục tiêu bình ổn thị trường trong đó giới hạn phạm vi. Nghiên cứu giải pháp tạo thuận lợi cho phân phối mặt hàng thực phẩm thiết yếu tại Việt Nam trong đó tập trung vào nghiên cứu hoạt động phân phối mặt hàng thịt lợn và thịt gia cầm. Đề xuất giải pháp góp phần tạo thuận lợi cho phân phối mặt hàng thực phẩm thiết yếu nhằm mục tiêu bình ổn thị trường theo đúng chỉ đạo của Chính phủ.

Số hồ sơ lưu: 21912

88228.10-2023 **Nghiên cứu đánh giá hiệu quả cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh trong một số lĩnh vực của ngành công thương và định hướng cải cách trong thời gian tới/** ThS. Phạm Thành Trung, Lê Thị Nhàn; Lô Phương Thảo; Kiều Xuân Việt; Văn Huy Vương; Trịnh Văn Thảo; Nguyễn Ngọc Quang; Nguyễn Văn Khánh; Nguyễn Thị Phương; Đặng Quốc Khánh - Hà Nội - Vụ Pháp chế, 2023; 06/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích các hình thức của các điều kiện đầu tư kinh doanh trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Quan điểm, định hướng, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ đối với nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư

kinh doanh. Tình hình thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh của các Bộ và tình hình thực hiện và những khó khăn vướng mắc trong việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh của Bộ Công Thương. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới trong việc quản lý nhà nước thông qua việc quy định điều kiện đầu tư kinh doanh. Hiện trạng điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực hóa chất, kinh doanh khí. Đánh giá hiệu quả của việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hóa chất và lĩnh vực kinh doanh khí. Định hướng đối với Chính phủ và các Bộ ngành trong việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh và định hướng đối với Bộ Công Thương trong việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh. Xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Số hồ sơ lưu: 21936

88508.10-2023 **Nghiên cứu biên soạn Sổ tay hướng dẫn lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng/** ThS. Vũ Quyết Thắng, CN. Bùi Thị Ngọc Anh; TS. Lê Văn Cư; ThS. Nguyễn Đình Hiếu; CN. Phạm Ngọc Thủy; KS. Tô Minh Thu; ThS. Hoàng Kim Ngọc - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2019; 01/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Giới thiệu và giúp cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt

động lựa chọn nhà thầu và các tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu nắm được những việc cần làm, nâng cao kiến thức về lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng. Đề tài cung cấp thêm một công cụ phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. Mặt khác, kết quả của đề tài phục vụ cho các tổ chức, cá nhân tham khảo, vận dụng khi lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22149

88517.10-2023 **Ảnh hưởng của môi trường thông tin và cơ chế quản trị bên ngoài đến các quyết định tài chính và thu tóm công ty/ PGS. TS. Đặng Hữu Mẫn, TS. Hoàng Dương Việt Anh; PGS.TS. Trần Đình Khôi Nguyên; TS. Phạm Việt Hùng; PGS.TS. Đặng Tùng Lâm - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế, 2020 - 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Hoàn thiện khung lý thuyết về vai trò của môi trường thông tin trên thị trường sáp nhập và mua lại ở những quốc gia có môi trường thể chế và mức độ minh bạch thông tin khác nhau. Đánh giá tác động của môi trường thông tin và cơ chế quản trị bên ngoài công ty đến quyết định cấu trúc vốn của công ty, và xem xét có hay không mối tương quan tiềm năng này thay đổi theo đặc điểm môi trường thể chế của quốc gia. Cung cấp những phát hiện nhằm bổ sung những kiến thức mới về quan hệ giữa môi trường thông tin, cơ chế quản trị bên ngoài công ty và quyết định đầu tư của công ty, đặc biệt làm rõ vai trò của môi trường thể chế quốc gia đối với mối tương quan

này. Hoàn thiện khung lý thuyết về ảnh hưởng của môi trường thông tin, cơ chế quản trị bên ngoài công ty đến thị trường tài chính, đặc biệt trong điều kiện các quốc gia có trình độ phát triển và môi trường thể chế khác nhau, và đề xuất một số kiến nghị, gợi ý, hàm ý chính sách liên quan.

Số hồ sơ lưu: 22131

88519.10-2023 **Thương mại quốc tế: Thực trạng, xu hướng và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam/ TS. Lại Lâm Anh, ThS. Trần Thị Cẩm Trang; PGS.TS. Phạm Thái Quốc; PGS.TS. Bùi Thành Nam; TS. Nguyễn Hồng Thu; PGS.TS. Phạm Thị Thanh Bình; TS. Phạm Mạnh Hùng; ThS. Võ Hải Minh; Trần Thị Thu Thủy; Nguyễn Thị Thúy - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu thực trạng của thương mại quốc tế từ sau khủng hoảng kinh tế thế giới 2008 đến nay (2020). Chỉ ra xu hướng của thương mại quốc tế trong 10 tới (2021-2030). Chỉ ra những vấn đề đặt ra cho Việt Nam trong 10 năm tới và đưa ra một số gợi ý chính sách. Nghiên cứu hoạt động thương mại quốc tế trên toàn thế giới nhưng trọng tâm vào thương mại hàng hóa và chính sách thương mại quốc tế của các cường quốc, các thể chế thương mại quốc tế, các chuỗi cung ứng.

Số hồ sơ lưu: 22125

88666.10-2023 **Nghiên cứu kế toán trách nhiệm xã hội tại các**

doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/ TS. Nguyễn Thành Hưng, PGS.TS. Đỗ Minh Thành; PGS.TS. Trần Thị Hồng Mai; PGS.TS. Vũ Mạnh Chiên; ThS. Vũ Quang Trọng; ThS. Nguyễn Đức Minh; TS. Đinh Thị Hương; ThS. Hoàng Tiến Linh; ThS. Mai Văn Dục; CN. Võ Thị Hồng Diệp - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích được cơ sở lý luận về kế toán trách nhiệm xã hội (TNXH) theo các nội dung: khái niệm, nội dung, phạm vi của kế toán TNXH; đồng thời đã làm rõ việc xác định giá trị; ghi nhận; trình bày, công bố thông tin và sử dụng thông tin về TNXH trong DN. Phân tích được kinh nghiệm về kế toán TNXH tại các doanh nghiệp niêm yết ở một số quốc gia trên thế giới và bài học rút ra cho Việt Nam. Đánh giá được thực trạng kế toán TNXH tại một số DN niêm yết tại Việt Nam liên quan đến các nội dung về kế toán TNXH gồm xác định giá trị, ghi nhận, trình bày, công bố thông tin và sử dụng thông tin cho các mục tiêu khác nhau. Đề xuất được các khuyến nghị và điều kiện cho việc nghiên cứu, xây dựng để ban hành làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kế toán TNXH tại các DN Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22070

88669.10-2023 **Nghiên cứu chiến lược kinh doanh xuất khẩu định hướng thân thiện môi trường của các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam trên một số thị trường**

trọng điểm/ TS. Đỗ Thị Bình, ThS. Nguyễn Thị Vân; PGS.TS. Bùi Hữu Đức; TS. Nguyễn Thị Uyên; TS. Lê Thị Việt Nga; ThS. Lưu Thị Thủy Dương; ThS. Nguyễn Phương Linh; ThS. Phan Đình Quyết; ThS. Đào Lê Đức - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và làm rõ được cơ sở lý luận liên quan tới chiến lược kinh doanh xuất khẩu thân thiện môi trường (CLKD XK TTMT) định hướng thân thiện với môi trường như các khái niệm và lý thuyết có liên quan; lý thuyết về mức độ chủ động trong CLKDXKTTMT. Xây dựng mô hình nghiên cứu tích hợp các yếu tố thúc đẩy các DN thông qua CLKDXKTTMT; những lợi thế cạnh tranh có thể đạt được và hiệu suất CLKDXKTTMT của các DN thủy sản Việt Nam trên một số thị trường XK trọng điểm. Nghiên cứu thực trạng CLKDXTTMT của các DN thủy sản Việt Nam qua nghiên cứu các quy định liên quan tới hàng rào kỹ thuật và nhân sinh thái đối với thủy sản trên một số thị trường trọng điểm; nghiên cứu thực trạng mức độ chủ động trong CLKDXKTTMT của các DN thủy sản Việt Nam. Đề xuất một số hàm ý giải pháp cho Nhà nước và các giải pháp cho DN sản xuất – XK thủy sản... nhằm thúc đẩy việc áp dụng CLKDXKTTMT, nâng cao năng lực cạnh tranh XK cho các DN thủy sản Việt Nam trên các thị trường trọng điểm.

Số hồ sơ lưu: 22074

88673.10-2023 **Nghiên cứu ảnh hưởng của truyền thông tới quyết định mua hàng ở chuỗi các cửa hàng bán lẻ Việt Nam/ PGS. TS. Cao Tuấn Khanh, ThS. Nguyễn Hiền Anh; PGS.TS. Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng; TS. Nguyễn Thế Ninh; ThS. Đinh Thủy Bích; ThS. Đặng Phương Linh; ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh; ThS. Nguyễn Thị Thu Vân; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Tập trung vào việc xác định và kiểm định mô hình các yếu tố của truyền thông marketing ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của người tiêu dùng ở một số chuỗi các CHBL điển hình. Trên cơ sở nghiên cứu, đề xuất các giải pháp chủ yếu về truyền thông nhằm phát triển chuỗi các CHBL Việt Nam trong thời gian tới. Xác định tổng quan về truyền thông marketing liên quan đến xác định các thành tố ảnh hưởng đến quyết định mua của người tiêu dùng ở chuỗi các CHBL. Nghiên cứu kiểm định mức độ tác động của các yếu tố cấu thành truyền thông marketing ảnh hưởng đến quyết định mua của người tiêu dùng ở chuỗi các CHBL. Phân tích thực trạng ảnh hưởng của truyền thông (marketing) tới quyết định mua hàng ở chuỗi các cửa hàng bán lẻ Việt Nam. Đề xuất quan điểm và giải pháp về truyền thông nhằm phát triển chuỗi các CHBL Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22078

88674.10-2023 **Nghiên cứu kế toán môi trường trong các doanh**

ng nghiệp sản xuất ở Việt Nam đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững/ PGS. TS. Nguyễn Phú Giang, ThS. Lưu Thị Duyên; TS. Trần Nguyễn Bích Hiền; TS. Lại Thị Thu Thủy; ThS. Lương Thị Hồng Ngân; ThS. Đào Ngọc Hà; ThS. Cao Hồng Loan; TS. Vũ Thị Thu Huyền; TS. Nguyễn Thị Hồng Lam; ThS. Hoàng Thị Tâm - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích các qui định của Chuẩn mực kế toán Quốc tế, kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về kế toán môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đánh giá thực trạng kế toán môi trường đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam hiện nay, tìm ra những bất cập, những vấn đề cần giải quyết. Đề xuất các giải pháp xây dựng và hoàn thiện kế toán môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và chính sách của Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22079

88676.10-2023 **Thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ/ PGS. TS. Nguyễn Xuân Trung, ThS. Nguyễn Lê Thy Thương; TS. Đặng Thái Bình; TS. Đặng Thu Thủy; ThS. Nguyễn Thị Hiền; CN. Nguyễn Đức Trung; ThS. Trần Ngọc Diễm; ThS. Nguyễn Thu Trang; ThS. Đồng Thị Thùy Linh; ThS. Lê Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Ấn Độ và**

Tây Nam Á, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm kiếm các cơ chế, chính sách, công cụ, biện pháp để thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ. Đánh giá thực trạng xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ; Đánh giá tiềm năng xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam sang Ấn Độ; Phân tích các cơ hội, thách thức, rào cản xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ; Đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ.

Số hồ sơ lưu: 22084

88750.10-2023 Nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế biển khu vực ven bờ tỉnh Quảng Ninh và phụ cận/ TS. Trần Trung Vũ, TS. Phan Thị Huệ (Chủ trì đề tài nhánh); TS. Vũ Văn Viện; ThS. Vũ Công Tâm; TS. Đặng Toàn Vinh; TS. Lê Duy Khương; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Khánh; GS.TS. Nguyễn Khanh Vân; TS. Nguyễn Thu Nhung (Chủ trì đề tài nhánh); TS. Trần Văn Trường; TS. Lê Xuân Sinh; TS. Hoàng Danh Sơn; ThS. Nguyễn Đức Tùng; PGS.TS. Phạm Quý Giang; ThS. Bùi Thu Thủy; ThS. Vũ Thị Thu Hương - Quảng Ninh - Trường Đại học Hạ Long, 2022; 03/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập luận cứ khoa học và thực tiễn cho mô hình phát triển kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh khu vực ven bờ tỉnh Quảng Ninh và phụ cận. Xác lập bộ tiêu chí cho mô hình phát triển kinh tế biển theo

hướng tăng trưởng xanh. Xây dựng mô hình phát triển kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh khu vực ven bờ Quảng Ninh và phụ cận. Xây dựng mô hình thử nghiệm phát triển kinh tế biển theo hướng TTX. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi mô hình.

Số hồ sơ lưu: 21814

88804.10-2023 Hộ kinh doanh ở Thành phố Hồ Chí Minh trong định hướng "Chính thức hóa" hiện nay/ TS. Hoàng Thị Thu Huyền, ThS. Phan Tuấn Anh; ThS. Lê Diễm Thu; ThS. Nguyễn Thị Vân; TS. Nguyễn Lan Hương; ThS. Lê Văn Gia Nhỏ; ThS. Hà Thúc Dũng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyệt; ThS. Từ Thị Phi Diệp; CN. Trần Thị Hiền - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

So sánh hộ kinh doanh với doanh nghiệp trên khía cạnh bản chất pháp lý, hoạt động, quản lý và chỉ ra lợi thế/hạn chế của các hình thức kinh doanh này. Phân tích thực trạng hoạt động của hộ kinh doanh ở TP.HCM từ năm 2012-2021 và trong việc đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế do đại dịch Covid-19, Phân tích thực trạng việc chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp ở TP.HCM thời gian qua. Đánh giá chính sách đối với hộ kinh doanh và trong định hướng "Chính thức hóa" hộ kinh doanh. Khuyến nghị chính sách đối với hộ kinh doanh và "Chính thức hóa" hộ kinh doanh và đề xuất giải pháp cho TP.HCM

Số hồ sơ lưu: 21821

88808.10-2023 **Tình hình chính trị, đối ngoại, kinh tế, xã hội của CHDCND Lào giai đoạn 2011-2021 và hàm ý chính sách cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Ngọc Lan, TS. Trương Duy Hòa; ThS. Phạm Thị Mùi; TS. Lê Thị Hòa; ThS. Trần Thị Minh Giang; CN. Vũ Thị Bích Thảo - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện các yếu tố tác động đến tình hình chính trị, đối ngoại, kinh tế, xã hội của Lào giai đoạn 2011-2021; Nghiên cứu thực trạng chính trị, kinh tế, xã hội của Lào giai đoạn 2011-2021; Đánh giá thành tựu và hạn chế của Lào; Chỉ ra những tác động đến Việt Nam và gợi ý giải pháp nhằm ứng phó với các tác động tiêu cực đến lợi ích quốc gia của Việt Nam cũng như nâng cao quan hệ Việt Nam – Lào.

Số hồ sơ lưu: 21831

88809.10-2023 **Chính sách phân phối thu nhập của Thái Lan và hàm ý cho Việt Nam/** TS. Lê Phương Hòa, TS. Nguyễn Hà Phương; TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Lam; ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; ThS. Nguyễn Xuân Tùng; Vũ Thị Bích Thảo - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở hình thành chính sách phân phối thu nhập của Thái Lan. Nghiên cứu một số chính sách phân phối thu nhập được triển

khai tại Thái Lan. Đánh giá các chính sách phân phối thu nhập cụ thể của Thái Lan. Nhận diện một số chính sách phân phối thu nhập chính của Thái Lan từ đó đưa ra một số hàm ý cho Việt Nam trong quá trình hội nhập và phát triển

Số hồ sơ lưu: 21832

88813.10-2023 **Quản trị doanh nghiệp nhà nước Việt Nam: Thực trạng và giải pháp/** TS. Đậu Hương Nam, Thạc sỹ.Lê Thạch Anh; Phó giáo sư. Tiến sỹ.Bùi Văn Huyền; Thạc sỹ.Đình Trung Sơn; Tiến sỹ.Nguyễn Trí Tùng; Thạc sỹ.Đậu Anh Tuấn; Tiến sỹ.Đỗ Tất Cường; Tiến sỹ.Diêm Thị Thanh Hải; Tiến sỹ.Lê Quang Minh; Thạc sỹ.Trần Thị NThS. Lê Thạch Anh; PGS.TS. Bùi Văn Huyền; ThS. Đình Trung Sơn; TS. Nguyễn Trí Tùng; ThS. Đậu Anh Tuấn; TS. Đỗ Tất Cường; TS. Diêm Thị Thanh Hải; TS. Lê Quang Minh; ThS. Trần Thị Nhuận - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2022; 08/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về quản trị doanh nghiệp nhà nước: khái niệm, đặc điểm, vai trò, mô hình và mối quan hệ với hiệu quả hoạt động; Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về quản trị doanh nghiệp nhà nước để rút ra bài học tham khảo cho Việt Nam; Phân tích, đánh giá thực trạng quản trị doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam trên cơ sở khung lý luận đã xây dựng; từ đó rút ra những ưu điểm, những hạn chế và nguyên nhân. Đề xuất các quan điểm, giải pháp thích

hợp nhằm nâng cao chất lượng quản trị, góp phần hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21837

88815.10-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện mô hình thanh tra xây dựng tại các đô thị phù hợp với thực tiễn/** ThS. Chu Hồng Uy, ThS. Hoàng Thanh Long ; ThS. Nguyễn Huy Hoàng; ThS. Nguyễn Hải Thắng; ThS. Đinh Quang Tuấn; ThS. Vũ Chí Cương; ThS. Đỗ Đức Thắng; ThS. Bùi Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Hồng Châu; CN. Đỗ Thị Mai Hương - Hà Nội - Thanh tra Bộ Xây dựng, 2022; 07/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, rà soát, tổng hợp các quy định của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành xây dựng. Nêu thực trạng về tổ chức và hoạt động của thanh tra xây dựng Chương III. Mô hình thí điểm Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị tại thành phố Hà Nội. Kiến nghị về yêu cầu đổi mới pháp luật và mô hình về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành xây dựng

Số hồ sơ lưu: 21839

88819.10-2023 **Phát triển bền vững các khu kinh tế ven biển Việt Nam trong bối cảnh mới/** TS. Lê Văn Hùng, ThS. Trần Thị Mỹ Anh; ThS. Nguyễn Việt Anh; TS. Trần Thị Hà; TS. Trần Thị Vân Anh; ThS. Trần Đình Nuôi; ThS. Đồng Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Phương Thảo; PGS.TS. Nguyễn Xuân Dũng; ThS. Đoàn Thị Thu Hương; ThS. Tạ Phúc Đường - Hà Nội - Văn phòng - Viện

Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2023; 06/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững KKT ven biển. Đánh giá thực trạng phát triển bền vững các KKT ven biển ở Việt Nam nhằm chỉ ra những mặt tích cực, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế. Từ đó đưa ra các khuyến nghị giải pháp phát triển bền vững các KKT ven biển ở Việt Nam giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: 21844

88825.10-2023 **Quản lý thương mại điện tử ở Việt Nam trong bối cảnh mới/** TS. Vũ Hoàng Linh, TS. Phạm Bích Ngọc; ThS. Trần Thị Mai Thành; ThS. Bùi Thị Hồng Ngọc; ThS. Đồng Bích Ngọc; ThS. Lý Thu Hồng - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp lý luận về thương mại điện tử, quản lý thương mại điện tử và kinh nghiệm quản lý thương mại điện tử của một số quốc gia trên thế giới. Phân tích thực trạng phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam. Đánh giá những mặt tích cực và hạn chế. Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý thương mại điện tử tại Việt Nam trong bối cảnh mới, tập trung vào hệ thống chính sách quản lý của nhà nước hiện tại đối với thương mại điện tử. Đánh giá những mặt thành công và hạn chế. Đề xuất các định hướng, giải pháp chính sách quản lý thương mại điện tử tại Việt Nam trong bối cảnh mới

Số hồ sơ lưu: 21849

88826.10-2023 **Phát triển thị trường cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/** Trần Tuyết Nhung, ThS. Lê Thị Khánh Vân; KS. Nguyễn Thị Dư; CN. Lê Thị Hoàng Cúc; ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền; CN. Nguyễn Thị Hôi - Hà Nội - Trung tâm Ứng dụng Khoa học công nghệ và Khởi nghiệp, 2023; 07/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hỗ trợ các nhà khoa học nữ quảng bá, giới thiệu các sản phẩm KH&CN, thúc đẩy chuyển giao các kết quả nghiên cứu KH&CN vào sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước. Lựa chọn một số công nghệ/kết quả nghiên cứu/SPKH&CN có giá trị kinh tế và thực tiễn để thúc đẩy lưu thông, thương mại hóa trong thị trường KH&CN; Hỗ trợ tìm kiếm các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thể thương mại hóa công nghệ/kết quả nghiên cứu/sản phẩm KH&CN của các nhà khoa học nữ;

Số hồ sơ lưu: 21850

88888.10-2023 **Nghiên cứu, phân tích các nội dung chủ yếu về điều kiện chung và riêng hợp đồng chìa khóa trao tay trong đầu tư xây dựng tại Việt Nam/** Nguyễn Thị Duyên, TS. Hoàng Ứng Huyền; TS. Nguyễn Dư Tiên; TS. Từ Đức Hòa; ThS. Hoàng Ngọc Quỳnh; KS. Lê Thanh Minh; ThS. Đặng Hải Triều; KS. Vũ Quốc Trọng; KS. Đàm Thị Quý; ThS. Phạm Thị Thu Hằng - Hà Nội - Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hệ thống văn bản quy định về hợp đồng Chìa khóa trao tay trong hoạt động đầu tư xây dựng. Khảo sát thực tế và đánh giá thực trạng việc áp dụng mẫu hợp đồng Chìa khóa trao tay tại Việt Nam. Phân tích các quy định về áp dụng mẫu hợp đồng FIDIC tại các dự án do WB tài trợ vốn và một số nội dung quy định chính trong Điều kiện riêng hợp đồng Chìa khóa trao tay của WB. Nghiên cứu nội dung các điều khoản chính của mẫu hợp đồng chìa khóa trao tay của fidic xuất bản 2017, so sánh với quy định của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21950

88966.10-2023 **Nghiên cứu thiết kế hành trình trải nghiệm khách hàng trong môi trường số và ứng dụng tại Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel/** ThS. Cao Cẩm Linh, ThS. Trần Trung Hưng; CN. Phan Huyền Trang; CN. Trần Tuấn Dũng; ThS. Nguyễn Minh Hiền; ThS. Phạm Hồng Nhung; CN. Lê Võ Tuấn Việt - Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel, 2023; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về trải nghiệm khách hàng, các tiêu chí đánh giá và quản trị trải nghiệm khách hàng trong tổ chức, doanh nghiệp. Phân tích, đánh giá thực trạng trải nghiệm khách hàng và xác định nhu cầu nâng cao trải nghiệm khách hàng trong môi trường số tại Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel. Thiết kế hành trình trải nghiệm khách hàng, đề xuất giải

pháp ứng dụng nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng trong môi trường số tại Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel.

Số hồ sơ lưu: 22025

88969.10-2023 Nâng cao năng lực quản trị cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam nhằm vượt qua hàng rào kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế trong xuất khẩu nông sản/ TS. Lê Tiến Đạt, ThS. Nguyễn Nguyệt Nga; ThS. Đinh Phương Anh; ThS. Nguyễn Đắc Thành; TS. Phạm Thị Minh Uyên; ThS. Lê Thị Thu; CN. Vũ Trọng Nghĩa; ThS. Vũ Thị Thuỳ Linh; ThS. Lê Trâm Anh; CN. Nguyễn Thị Tươi - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề lý luận về nâng cao năng lực quản trị cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm vượt qua hàng rào kỹ thuật trong xuất khẩu nông sản. Phân tích và đánh giá thực trạng năng lực quản trị của các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm vượt qua hàng rào kỹ thuật trong xuất khẩu nông sản. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nâng cao năng lực quản trị của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam nhằm vượt qua hàng rào kỹ thuật trong xuất khẩu nông sản.

Số hồ sơ lưu: 22028

88970.10-2023 Nghiên cứu các lợi ích kinh tế- xã hội của triển khai tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam/ TS. Đặng Thị Minh Nguyệt, ThS. Nguyễn Thị Liên Hương ; TS.

Nguyễn Thanh Phương ; ThS. Ngô Thị Ngọc; ThS. Đinh Thị Hà ; ThS. Bùi Thanh Tùng ; ThS. Đào Thế Sơn ; TS. Nguyễn Thanh Hải ; ThS. Phạm Xuân Hòe ; ThS. Phạm Thành Trung - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở luận và thực tiễn về tín dụng xanh và lợi ích kinh tế - xã hội của triển khai tín dụng xanh tại ngân hàng thương mại. Thực trạng triển khai tín dụng xanh và lợi ích kinh tế - xã hội của triển khai tín dụng xanh tại ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao lợi ích kinh tế - xã hội của triển khai tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22029

88971.10-2023 Nghiên cứu mô hình ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data) về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ công tác dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam/ ThS. Cù Nguyên Giáp, TS. Lê Mai Trang; ThS. Đinh Thị Hà; PGS. TS. Đỗ Văn Thành; ThS. Nghiêm Thị Lịch; ThS. Đỗ Thị Thu Hiền; ThS. Đặng Thị Thanh Bình; TS. Trần Việt Thảo; TS. Đặng Ngọc Tú; ThS. Vũ Thị Lan Anh - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống cơ sở lý luận về ứng dụng dữ liệu lớn về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để hỗ trợ công tác dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam. Đề xuất mô hình và ứng dụng thí điểm dữ liệu về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ

công tác dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam. Đề xuất các giải pháp triển khai ứng dụng dữ liệu lớn về số liệu tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để hỗ trợ công tác dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22030

88974.10-2023 **Nghiên cứu nhận diện và các giải pháp xử lý thực trạng doanh nghiệp “xác sống” (công ty Zombie) tại Việt Nam/** TS. Tạ Quang Bình, TS. Vũ Thị Thu Hương; TS. Trần Nguyễn Bích Hiền; PGS. TS. Nguyễn Phú Giang; PGS. TS. Phan Thế Công; TS. Phạm Thị Minh Uyên; TS. Nguyễn Thị Thuận; ThS. Lương Thị Hồng Ngân; ThS. Hồ Thị Mai Sương; ThS. Trịnh Mai Anh - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày khái niệm về doanh nghiệp “xác sống”, các đặc điểm của doanh nghiệp “xác sống”, các yếu tố giúp nhận diện doanh nghiệp “xác sống” và tác động của doanh nghiệp “xác sống” đến nền kinh tế. Thống kê và phân tích thực trạng của các doanh nghiệp “xác sống” hiện nay trên thị trường, cũng như nhận định các nhóm giải pháp nhằm giải quyết thực trạng của các doanh nghiệp “xác sống” mà một số công ty đưa ra.

Số hồ sơ lưu: 22033

88977.10-2023 **Ứng dụng kinh tế chia sẻ trong phát triển kết nối chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả Việt Nam dưới tác động của cách**

mạng công nghiệp lần thứ 4/ TS. Nguyễn Bích Thủy, ThS. Đào Thế Sơn; ThS. Lê Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Nguyệt Nga; ThS. Trần Kim Anh; ThS. Cù Nguyên Giáp; TS. Lê Tiến Đạt; TS. Lê Thu Giang; ThS. Lê Quốc Cường; ThS. Nguyễn Thị Tố Ngân - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả và tính liên kết giữa các chủ thể trong chuỗi bao gồm: doanh nghiệp cung cấp cây giống, nông dân, nhà sản xuất chế biến, doanh nghiệp vận chuyển, bảo quản, doanh nghiệp xuất khẩu, các nhà cung cấp dịch vụ kết nối chuỗi cung ứng. Ứng dụng kinh tế chia sẻ trong phát triển kết nối các chủ thể và trung gian của chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Nghiên cứu điển hình đối với quả thanh long là mặt hàng được nước nhập khẩu ưa chuộng nhất, xuất khẩu chiếm 50% tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây) và rau hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22039

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác

88366.10-2023 Ứng dụng công nghệ 4.0 trong phát triển du lịch thông minh tỉnh Bến Tre/ ThS. Cao Xuân Đoàn, ThS. Cao Xuân Đoàn; ThS. Phạm Tấn Tài; CN. Nguyễn Văn Mến; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Dung; ThS. Nguyễn Quang Thanh; CN. Nguyễn Văn Sang; CN. Phan Tấn Hồng; ThS. Nguyễn Hoàng

Minh; ThS. Huỳnh Thị Ngọc Hiền; CN. Trần Thị Thức; CN. Cao Minh Triết; CN. Nguyễn Cao Hạnh Chi; ThS. Nguyễn Lê Hữu Duy - Bến Tre - Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bến Tre, 2021; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông xây dựng hệ sinh thái các sản phẩm du lịch của tỉnh Bến Tre nhằm nâng cao chất lượng phục vụ du khách, thúc đẩy, đóng góp vào việc phát triển kinh tế xã hội bền vững, tạo lợi ích tương hỗ giữa 3 đối tượng: du khách, chính quyền và doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: BTE-191-2023

88113.10-2023 **Nghiên cứu, hoàn thiện cơ sở lý luận về kinh tế tập thể, hợp tác xã vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và điều kiện Việt Nam hội nhập quốc tế/** TS. Nguyễn Mạnh Cường, ThS. Thân Thị Thúy Mai; ThS. Phạm Quốc Trí; ThS. Nguyễn Thị Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Ngọc; ThS. Đỗ Mai Phương; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Hoàng Văn Long; TS. Chu Tiến Đạt; ThS. Nguyễn Minh Tuấn - Hà Nội - Viện Phát triển kinh tế hợp tác, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống cơ sở lý luận về kinh tế tập thể và các loại hình tổ chức kinh tế tập thể ở nước ta vận hành trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và điều kiện Việt Nam hội nhập quốc tế. Đánh giá được tổng quan tình hình kinh tế tập thể, hợp tác xã ở

Việt Nam giai đoạn 2002-2022. Đề xuất được khái niệm, cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành và nguyên tắc hoạt động của từng loại hình tổ chức kinh tế tập thể vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và điều kiện Việt Nam hội nhập quốc tế trong giai đoạn 2022-2030. Làm rõ những tác động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và Việt Nam hội nhập quốc tế đối với kinh tế tập thể, HTX trong giai đoạn 2022-2030. Đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững các loại hình kinh tế tập thể trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và điều kiện Việt Nam hội nhập quốc tế trong giai đoạn 2022-2030.

Số hồ sơ lưu: 21921

88117.10-2023 **Báo cáo thường niên tình hình phát triển kinh tế vùng kinh tế trọng điểm miền Trung năm 2021/** TS. Lương Tình, CN. Nguyễn Hoàng Yên; ThS. Đinh Thế Toàn; ThS. Vũ Thị Ngọc; ThS. Hồ Thị Kim Thùy; ThS. Phạm Quốc Trí - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2023; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích tình hình phát triển kinh tế vùng kinh tế trọng điểm miền Trung năm 2021. Phân tích môi trường kinh doanh và tình hình phát triển doanh nghiệp ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trước tác động của đại dịch Covid -19. Đề xuất một số giải pháp nhằm phục hồi và phát triển kinh tế cho những năm tiếp theo

Số hồ sơ lưu: 21862

88124.10-2023 **Một số mô hình thực hiện công bằng xã hội trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/** TS. Đoàn Thị Quý, Giáo sư. Tiến sỹ.Hồ Sĩ Quý; Tiến sỹ.Trương Thị Thu Trang; Tiến sỹ.Phan Thị Thu Hằng; Tiến sỹ.Phan Hải Vân; Thạc sỹ.Nguyễn Thị Lê; Thạc sỹ.Trần Thị Thanh; Thạc sỹ.Nguyễn Văn Mão - Hà Nội - Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đề tài đề ra các mục tiêu/nhiệm vụ cụ thể để giải quyết như sau: Thông tin khoa học các vấn đề lý thuyết về mô hình thực hiện công bằng xã hội Thông tin về quá trình, thực trạng thực hiện công bằng xã hội của mô hình hiệu suất – trường hợp Trung Quốc. Thông tin về quá trình, thực trạng thực hiện công bằng xã hội của mô hình nhà nước phúc lợi phổ quát – trường hợp Thụy Điển. Thông tin về quá trình, thực trạng thực hiện công bằng xã hội của mô hình nhà nước phúc lợi tự do Anglo – Saxon – trường hợp Mỹ. Đánh giá các mô hình thực hiện công bằng xã hội nói trên, chỉ ra ưu điểm, thành công và hạn chế của các mô hình đó. Rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21867

88133.10-2023 **Nghiên cứu và đề xuất giải pháp hoàn thiện khung khổ pháp lý về thương mại giữa Việt Nam với các thị trường khu vực Tây Á - châu Phi/** TS. Lê Hoàng Oanh, ThS. Đỗ Đức Tâm; CN. Vũ Quốc Trung; CN. Nguyễn

Thái Sơn; ThS. Nguyễn Hữu Thái; CN. Trịnh Quang Minh; ThS. Cao Minh Tú; ThS. Phạm Xuân Trang; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Yến; ThS. Đặng Xuân Tâm - Hà Nội - Vụ Thị trường châu Á - châu Phi, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tập trung nghiên cứu những vấn đề chung liên quan đến khung khổ pháp lý về thương mại, đồng thời dựa trên thực trạng về tình hình đàm phán, ký kết, triển khai các khung khổ pháp lý về thương mại giữa Việt Nam với các nước Tây Á - châu Phi từ trước đến nay để đề xuất giải pháp hoàn thiện và khai thác hiệu quả khung khổ pháp lý về thương mại giữa Việt Nam với các nước Tây Á - châu Phi trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 21859

88137.10-2023 **Hội tụ thu nhập theo lãnh thổ tại Việt Nam: Phân tích với dữ liệu cấp tỉnh/** Phó giáo sư. Tiến sỹ.Lê Thanh Tùng, PGS.TS. Jan Bentzen; TS. Lê Kiên Cường; ThS. Lê Tuấn Anh - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 12/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xem xét sự hội tụ thu nhập cấp tỉnh trên quy mô toàn lãnh thổ Việt Nam. Phân tích bất bình đẳng trong phân phối thu nhập giữa các tỉnh, thành phố bằng việc tính toán hệ số Gini. Nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng thu nhập và bất bình đẳng trong thu nhập cấp tỉnh trên địa bàn cả nước. Đề xuất hàm ý chính sách nhằm tăng hội tụ thu nhập và giảm bất bình đẳng trong phân phối

thu nhập của các tỉnh, thành phố tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21848

88159.10-2023 **Nghiên cứu, đánh giá tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đến thị trường lao động và an sinh xã hội của Việt Nam, định hướng chiến lược, chính sách và các giải pháp phát triển thị trường lao động đến năm 2030/** TS. Đào Quang Vinh, ThS. Phạm Minh Thu; TS. Bùi Tôn Hiến; TS. Nguyễn Thắng; TS. Nguyễn Quang Việt; TS. Nguyễn Việt Cường; ThS. Lư Quang Tuấn; TS. Bùi Thái Quyên; TS. Chử Thị Lân; TS. Trịnh Thu Nga; TS. Phạm Ngọc Toàn; PGS.TS. Nguyễn Bá Ngọc; TS. Hoàng Mạnh Cầm - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2022; 03/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về tác động của CMCN lần thứ 4 đến TTLĐ và ASXH. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phương pháp đánh giá, dự báo tác động của CMCN 4.0 đến TTLĐ và ASXH. Tổng quan kinh nghiệm quốc tế về chính sách TTLĐ và ASXH thích ứng với CMCN 4.0. Đánh giá thực trạng và dự báo tác động của CMCN 4.0 đến việc làm và QHLD ở Việt Nam. Đánh giá thực trạng và dự báo tác động của CMCN 4.0 đến đào tạo và đào tạo lại NNL Việt Nam. Đánh giá thực trạng quản trị TTLĐ trong bối cảnh CMCN 4.0 ở Việt Nam. Đánh giá tình hình đảm bảo ASXH trong bối cảnh CMCN 4.0 ở Việt Nam. Đề xuất định hướng chiến lược, chính sách và các giải

pháp phát triển TTLĐ và ASXH đến năm 2030 nhằm phát huy tác động tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực của CMCN 4.0.

Số hồ sơ lưu: 21841

88236.10-2023 **Vai trò của trí tuệ cảm xúc trong quá trình sáng tạo tại các tổ chức ở Việt Nam/** PGS. TS. Nhâm Phong Tuấn, TS. Trần Huy Phương; TS. Nguyễn Như Ngọc; TS. Lê Ba Phong; ThS. Nguyễn Thị Thuý Hằng - Hà Nội - Viện nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, 2023; 06/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu định tính về trí tuệ cảm xúc trong những phạm vi sau: những trường phái định nghĩa, các cách đo lường với những ưu, khuyết điểm, vai trò của trí tuệ cảm xúc trong môi trường làm việc kinh doanh và giáo dục ở các cấp độ từ cá nhân, nhóm lên đến tổ chức. Nghiên cứu định lượng mối quan hệ giữa sự đa dạng giá trị con người và sự sáng tạo nhóm. Phân tích tác động điều chỉnh của trí tuệ cảm xúc của nhóm lên mối quan hệ trên; Nghiên cứu định lượng tác động của trí tuệ cảm xúc của lãnh đạo lên văn hoá hợp tác trong doanh nghiệp thông qua tác động của sự cảm nhận về công bằng của nhân viên về sự chia sẻ tri thức/che giấu tri thức; Nghiên cứu meta mối quan hệ giữa trí tuệ cảm xúc và các loại kiêu ngạo đồng thời tìm hiểu những yếu tố tác động lên mối quan hệ này.

Số hồ sơ lưu: 22528

88297.10-2023 **Nghiên cứu hướng dẫn phân loại vật liệu và thiết bị xây dựng phục vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình/** ThS. Phạm Huy Cường, ThS. Vũ Ngọc Phương; ThS. Vũ Huy Hùng; KS. Nguyễn Thị Thanh Hương; KS. Lương Hoàng Điệp; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Ngọc Linh; KS. Hoàng Mạnh Cường; ThS. Nguyễn Thị Mai Lan - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2021; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các thực trạng, các cơ sở pháp lý quy định về hướng dẫn phương pháp phân loại vật tư, vật liệu, thiết bị trong lập dự toán xây dựng công trình; Đánh giá, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc phân loại vật liệu, thiết bị trong lập dự toán xây dựng; Nghiên cứu đề xuất các nguyên tắc, tiêu chí hướng dẫn phân loại vật liệu, thiết bị trong lập dự toán xây dựng nhằm nâng cao chất lượng quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Đề xuất các nguyên tắc cơ bản nhất về phương pháp mã hóa các danh mục vật liệu phù hợp với hệ thống định mức đầu tư xây dựng phục vụ công tác quản lý chi phí.

Số hồ sơ lưu: 22561

88313.10-2023 **Ảnh hưởng của chất lượng thể chế tới phổ cập tài chính: Bằng chứng phân tích dữ liệu mảng tại các nước châu Á – Thái Bình Dương và Việt Nam/** TS. Đinh Thị Thanh Vân, TS. Nguyễn Thế Kiên; PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê; TS. Trần Thị Phương Diệu; TS. Nguyễn Mai Hương; ThS. Lê

Thị Thúy Sen; ThS. Lê Việt Hương - Hà Nội - Trung tâm dữ liệu và phân tích Kinh tế - Xã hội, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu về mối liên hệ giữa chất lượng thể chế và phổ cập tài chính ở các quốc gia khác và Việt Nam; Phân tích tình hình hiện tại về chất lượng thể chế và phổ cập tài chính ở các quốc gia ở Châu Á - Thái Bình Dương và tại Việt Nam; Tính toán và so sánh các chỉ số phổ cập tài chính tổng hợp cho các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương và Việt Nam; Xây dựng khung lý thuyết về mối liên hệ giữa chất lượng thể chế và phổ cập tài chính; Đánh giá các tác động của chất lượng thể chế về trách nhiệm, sự ổn định chính trị, hiệu quả của chính phủ, tuân thủ pháp luật, kiểm soát tham nhũng và chất lượng luật pháp tới phổ cập tài chính. Phân tích so sánh ở cấp độ quốc gia và ở cấp độ cá nhân; Tiến hành các nghiên cứu định tính về tác động của chất lượng thể chế đến phổ cập tài chính; Dựa trên những phát hiện thực nghiệm, nghiên cứu sẽ đề xuất các hàm ý chính sách về các lĩnh vực ưu tiên nhằm cải thiện chất lượng thể chế để đẩy mạnh phổ cập tài chính ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22564

88324.10-2023 **Sản xuất nông nghiệp hàng hóa: Hiệu quả sản xuất, nhận thức và chiến lược quản lý rủi ro của nông hộ sản xuất nhỏ khu vực miền núi phía Tây Bắc Việt Nam/** TS. Hồ Văn Bắc, TS. Hà Minh Tuân; TS. Đỗ

Xuân Luận; TS. Hà Quang Trung; TS. Nguyễn Văn Tâm - Hà Nội - Trường Đại học Nông Lâm, 2023; 03/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích hiệu quả sản xuất và các nhân tố ảnh hưởng sản xuất nông nghiệp hàng hóa của hộ nông dân; Phân tích thực trạng thuận lợi, khó khăn và tham gia thị trường của nông hộ trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa; Xác định các nguồn rủi ro, lựa chọn quản lý và các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức rủi ro và quản lý rủi ro của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 22574

88743.10-2023 **Phát triển thị trường bảo hiểm vi mô tại Việt Nam/** TS. Bùi Thu Trang, TS. Đào Thị Hoàng Mai; ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; ThS. Trần Thị Mai Thành; ThS. Trần Đình Nuôi; ThS. Bùi Hồng Ngọc; ThS. Dương Hồ Điệp - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và xây dựng cơ sở lý luận về phát triển thị trường bảo hiểm vi mô, Nghiên cứu phân tích, đánh giá thực trạng triển khai thí điểm bảo hiểm vi mô hiện nay tại Việt Nam để nhận biết những cơ hội và thách thức của việc phát triển thị trường bảo hiểm vi mô chính thức. Nghiên cứu phân tích, đánh giá chính sách và khung pháp lý hiện hành đồng thời tham khảo những bài học kinh nghiệm về phát triển thị trường bảo hiểm vi mô từ một số các quốc gia thành công trong lĩnh vực

này Nghiên cứu xem xét những yếu tố ảnh hưởng từ cả hai phía cung và cầu và mối quan hệ giữa các yếu tố đó tới hoạt động bảo hiểm vi mô; xác định lý do vì sao những người có thu nhập thấp tại Việt nam chưa hào hứng đối với việc mua các hợp đồng bảo hiểm vi mô, và những nguyên nhân chính cản trở sự phát triển của các tổ chức được phép cung cấp loại hình dịch vụ bảo hiểm vi mô này. Đề xuất các gợi ý, giải pháp nhằm phát triển thị trường bảo hiểm vi mô tại Việt nam

Số hồ sơ lưu: 21803

88748.10-2023 **Cơ sở xác định ngành công nghiệp ưu tiên phát triển ở Việt Nam/** TS. Lê Văn Hùng, ThS. Vũ Ngọc Quyên; ThS. Tạ Phúc Đường; ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; ThS. Trần Đình Nuôi; ThS. Nguyễn Việt Anh; CN. Nguyễn Phương Thảo - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận xác định ngành ưu tiên phát triển trong lĩnh vực công nghiệp, Xác định ngành ưu tiên phát triển trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam. Đề xuất chính sách thúc đẩy phát triển ngành ưu tiên phát triển trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21810

88805.10-2023 **Giải pháp quy hoạch xây dựng và quản lý quy hoạch nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực phát triển khu kinh tế ven biển/** TS. Nguyễn Trung

Dũng, TS. Nguyễn Trung Dũng; ThS. Vũ Tuấn Vinh; ThS. Nguyễn Thành Hưng; TS. Lưu Đức Minh; KTS. Bùi Văn Phương; ThS. Cao Sỹ Niêm; KTS. Lê Anh Dũng ; ThS. Nguyễn Việt Dũng; CN. Phan Thanh Bích; ThS. Nguyễn Thị Hồng Diệp; ThS. Ibis María Menéndez- Cuesta González - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2022; 08/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng công tác quy hoạch xây dựng, và hiệu quả khai thác các nguồn lực tại các khu kinh tế ven biển Việt Nam; Tổng hợp các cơ sở thực tiễn, khoa học, pháp lý và cơ chế chính sách quy hoạch xây dựng và phát triển các khu kinh tế ven biển; Đề xuất các giải pháp quy hoạch xây dựng khu kinh tế ven biển nhằm tăng cường hiệu quả khai thác các nguồn lực phát triển; Đề xuất các cơ chế chính sách quy hoạch phát triển khu kinh tế ven biển; Hợp tác chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp triển khai thực hiện thí điểm tại một khu kinh tế ven biển ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21822

88806.10-2023 **Xây dựng bộ chỉ số đánh giá phát triển nhanh và bền vững địa phương ở Việt Nam/** TS. Đặng Xuân Thanh, TS. Nguyễn Cao Đức; PGS.TS. Phí Mạnh Hồng; ThS. Phạm Thu Thủy; TS. Phí Hồng Minh; ThS. Nguyễn Đắc Tùng; ThS. Lương Hồng Hạnh; CN. Trần Thị Thuý Lan - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa

học Xã hội Việt Nam, 2021; 09/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và khung phân tích về phát triển nhanh và bền vững địa phương từ góc độ khoa học xã hội và nhân văn. Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn quốc tế về xây dựng bộ chỉ số phát triển nhanh và bền vững địa phương từ góc độ khoa học xã hội và nhân văn. Xây dựng bộ chỉ số đo lường phát triển nhanh và bền vững địa phương ở 3 tỉnh/thành phố dưới góc nhìn từ lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam. Tính toán thử nghiệm bộ chỉ số đo lường phát triển nhanh và bền vững địa phương ở 3 tỉnh/thành phố từ góc nhìn của lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam. Kiến nghị chính sách nhằm hoàn thiện và áp dụng có hiệu quả bộ chỉ số đánh giá phát triển nhanh và bền vững địa phương ở Việt Nam đến năm 2030 nhìn từ góc độ khoa học xã hội và nhân văn.

Số hồ sơ lưu: 21826

88810.10-2023 **Kinh tế và chính trị thế giới năm 2022 và triển vọng năm 2023/** TS. Nghiêm Tuấn Hùng, TS. Đặng Hoàng Hà; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; TS. Vũ Văn Anh; TS. Chu Phương Quỳnh; ThS. Nguyễn Trần Minh Trí; CN. Trần Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2023; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình kinh tế và chính trị thế giới trong năm 2022; Đi sâu vào phân tích những sự kiện, vấn đề nổi bật nhất của kinh tế và chính trị thế giới trong năm 2022; Dự báo

triển vọng kinh tế và chính trị thế giới năm 2023; Đưa ra các đánh giá về tác động của tình hình kinh tế và chính trị thế giới đến Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất các hàm ý chính sách.

Số hồ sơ lưu: 21833

88811.10-2023 50 năm quan hệ Việt Nam - Australia/ TS. Võ Xuân Vinh, TS. Nguyễn Tuấn Anh; PGS.TS. Văn Ngọc Thành; TS. Trương Quang Hoàn; TS. Nguyễn Hà Phương; TS. Trần Ngọc Dũng; CN. Vũ Thị Bích Thảo - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở chỉ ra các nhân tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Australia, nghiên cứu làm rõ quan hệ hai nước trên các lĩnh vực an ninh - chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và hợp tác phát triển trong 50 năm qua ba giai đoạn (1973 - 1991, 1991-2009 và 2009 - 2023), rút ra một số điểm nổi bật của quan hệ hai nước, làm rõ triển vọng quan hệ hai nước trong thời gian tới, từ đó có những gợi ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Australia.

Số hồ sơ lưu: 21834

88814.10-2023 Tình hình Campuchia giai đoạn 2013 - 2023 và những tác động đến Việt Nam/ PGS. TS. Nguyễn Huy Hoàng, TS. Trương Quang Hoàn; ThS. Vũ Thị Hải Hà; ThS. Cao Thị Mai Hoa; TS. Nguyễn Tuấn Anh; CN. Vũ Thị Bích Thảo - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu

Đông Nam Á, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện, phân tích những nhân tố tác động đến tình hình chính trị, đối ngoại, kinh tế, xã hội Campuchia. Phân tích, đánh giá những vấn đề chính trị, đối ngoại, kinh tế, xã hội Campuchia giai đoạn 2013 - 2022 và dự báo triển vọng trong thời gian tới. Đánh giá tác động của tình hình chính trị, đối ngoại, kinh tế, xã hội Campuchia đối với Việt Nam, qua đó đưa ra một số đề xuất giải pháp nhằm bao đảm các lợi ích quốc gia của Việt Nam, và thúc đẩy quan hệ bền vững Việt Nam - Campuchia.

Số hồ sơ lưu: 21838

88816.10-2023 Quản trị nhà nước trong nền kinh tế số ở một số quốc gia châu Âu và hàm ý cho Việt Nam/ PGS. TS. Đặng Minh Đức, ThS. Chử Thị Nhuận; TS. Đào Bảo Ngọc; TS. Trần Đình Hưng; ThS. Hồ Thị Thu Huyền; ThS. Trịnh Thị Hiền; ThS. Nguyễn Thanh Lan; TS. Nguyễn Bích Thuận; TS. Hồ Thị Duyên; TS. Nguyễn Văn Quân; CN. Nguyễn Thị Thắm; CN. Nguyễn Hồng Lâm - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2022; 01/2021 - 01/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá lý luận và khung phân tích về quản trị nhà nước và nền kinh tế số; Làm rõ thực trạng quản trị nhà nước (cơ hội, khó khăn, thách thức) trong nền kinh tế số ở một số quốc gia Châu Âu (Pháp và Estonia, Ba Lan) như khung pháp lý, cơ chế tham gia giữa các chủ thể (nhà nước, doanh nghiệp và người

dân) trong phát triển nền kinh tế số ở các quốc gia này; Đánh giá tính phổ quát, đặc thù về quản trị nhà nước trong nền kinh tế số của một số quốc gia Châu Âu (Pháp và Estonia, Ba Lan) và hàm ý cho Việt Nam;

Số hồ sơ lưu: 21840

88823.10-2023 **Phát triển du lịch cộng đồng tạo sinh kế bền vững ở các tỉnh vùng Tây Bắc Việt Nam/** TS. Tạ Thị Đoàn, TS. Nguyễn Đức Chính; TS. Hoàng Ngọc Hải; TS. Đỗ Đức Quân; TS. Ngô Quang Trung; TS. Nguyễn Thị Thanh Tâm; TS. Trương Bảo Thanh; ThS. Nguyễn Phương Lê; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung; ThS. Hoàng Khánh Lam; ThS. Đỗ Thị Nga; ThS. Nguyễn Thị Mai Phương; ThS. Mai Bích Huệ; CN. Nguyễn Hoài Phương; CN. Nguyễn Việt Vịnh - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch cộng đồng và mối quan hệ của việc phát triển này với tạo bổ sung hỗ trợ, gia tăng sinh kế bền vững; Khảo cứu kinh nghiệm thực tiễn quốc tế về phát triển du lịch, DLCĐ và một số vùng địa phương trong nước về phát triển du lịch cộng đồng tạo sinh kế bền vững; rút ra bài học tham khảo cho các tỉnh vùng Tây Bắc Việt Nam; Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển DLCĐ tạo sinh kế bền vững ở các tỉnh vùng Tây Bắc Việt Nam thời gian qua - thành tựu đạt được, hạn chế và nguyên nhân; Xây dựng quan điểm và định

hướng (các điều kiện cần thiết) để phát triển du lịch cộng đồng tạo sinh kế bền vững ở các tỉnh vùng Tây Bắc; Đề xuất các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm phát triển DLCĐ tạo sinh kế bền vững ở các tỉnh vùng Tây Bắc nước ta trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 21846

88832.10-2023 **Quan hệ kinh tế Việt Nam – EU trong bối cảnh thực thi EVFTA/** PGS. TS. Nguyễn Chiến Thắng, ThS. Trần Thị Thu Huyền; TS. Hoàng Xuân Trung; TS. Trần Đình Hưng; ThS. Trần Văn Hoàng; TS. Bùi Việt Hưng; TS. Hoa Hữu Cường; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; CN. Nguyễn Hồng Lâm - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở khoa học về quan hệ kinh tế (thương mại và đầu tư) giữa Việt Nam và EU trong bối cảnh thực thi Hiệp định FTA thế hệ mới. Tổng quan cam kết của hai bên Việt Nam và EU trong Hiệp định EVFTA. Tổng quan chính sách ban hành sau khi ký Hiệp định và thực trạng quan hệ kinh tế giữa Việt Nam – EU trong quá trình thực thi Hiệp định EVFTA; Đánh giá chính sách của Việt Nam đã tận dụng được cơ hội và ứng phó như thế nào trước những thách thức khi thực thi cam kết Hiệp định EVFTA? Đề xuất các giải pháp chính sách giúp Việt Nam tối đa hóa lợi ích trong quan hệ kinh tế với EU trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA.

Số hồ sơ lưu: 21855

88839.10-2023 **Sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc: hiện trạng, xu thế và tác động đến Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Hải Yến, ThS. Trần Mạnh Tùng; TS. Phạm Cao Cường; TS. Lê Thị Thu; TS. Bùi Thị Phương Lan; ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh; ThS. Phạm Ngọc Lam Giang; ThS. Lê Thị Thu Trang; CN. Nguyễn Thị Hương; CN. Ngô Thị Nguyệt - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng khung lý thuyết về phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế trong quan hệ quốc tế và áp dụng lý thuyết này vào nghiên cứu quan hệ Trung – Mỹ từ sau khi Trung Quốc gia nhập WTO (2001) đến nay; Phân tích sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế Mỹ - Trung Quốc về thương mại, chuỗi cung ứng, tài chính, đầu tư và tác động tới các lĩnh vực khác trong quan hệ song phương Mỹ - Trung; Nghiên cứu xu hướng diễn biến của sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế Mỹ - Trung Quốc sau khi Trung Quốc gia nhập WTO (2001) đến nay, trong đó tập trung vào thời kỳ sau khi Tập Cận Bình lên nắm quyền; Phân tích ảnh hưởng tới Việt Nam và các hàm ý chính sách.

Số hồ sơ lưu: 21866

88842.10-2023 **Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế đặc thù hỗ trợ khởi nghiệp thí điểm tại các địa phương có nhu cầu và tiềm lực phát triển hoạt động khởi nghiệp sáng tạo/** PGS. TSKH. Phạm Đức Chính, TS. Trần Thị Hồng Liên; TS.

Phùng Thanh Bình; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Mai Thị Cẩm Tú; ThS. Đỗ Đức Khả; ThS. Ma Thị Ngân; ThS. Trần Hoài Phương; TS. Lê Thị Ánh Tuyết; ThS. Nguyễn Phan Phương Tần; ThS. Nguyễn Minh Châu; ThS. Nguyễn Hồng Uyên; ThS. Nguyễn Thị Yến; ThS. Vũ Thị Hồng Ngọc; ThS. Cung Thục Linh; ThS. Ngô Thị Dung; ThS. Lê Thị Hà My; ThS. Nguyễn Thị Phương Linh; ThS. Chung Từ Bảo Như; ThS. Trương Trọng Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Lâm Nghi - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế-Luật, 2022; 10/2018 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Một khởi nghiệp sáng tạo được hiểu là một doanh nghiệp mới thành lập, mục đích của nó là để phát triển sản phẩm mới, có hàm lượng tri thức cao, gắn với sự sáng tạo trong hoàn cảnh không chắc chắn. Nếu sản phẩm đáp ứng nhu cầu mới, phân phối trên diện rộng, thậm chí toàn cầu, công ty khởi nghiệp sẽ có cơ hội phát triển. Các khởi nghiệp có vai trò quan trọng do khởi nguồn sáng tạo, tạo việc làm và tạo ra môi trường kinh doanh cạnh tranh minh bạch trong một phương thức kinh doanh khác với những giá trị truyền thống. Một trong những điểm nổi bật của những công ty khởi nghiệp sáng tạo là trước tiên chúng kiểm định các mô hình kinh doanh khác nhau nhằm tìm ra mô hình tốt nhất và do vậy chúng cần một hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp,

Số hồ sơ lưu: 21870

88843.10-2023 **Hỗ trợ phát triển chính thức của UAE và khả năng hợp tác với Việt Nam/** TS. Đỗ Đức Hiệp, TS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Vũ Thị Thanh; ThS. Lê Bích Ngọc; CN. Phạm Phú Đạt; ThS. Nguyễn Thanh Huyền; ThS. Trần Hữu Đồng; ThS. Vũ Li Na - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về xu hướng hỗ trợ và tiếp nhận ODA trên thế giới trong bối cảnh toàn cầu hoá, khu vực hoá, tự do hoá và mở rộng hợp tác phát triển hội nhập quốc tế hiện nay. Phân tích chính sách cũng như việc thực thi chính sách cung cấp, tiếp nhận ODA của UAE bao gồm: xu hướng, mục đích, lĩnh vực, loại hình và cách thức chủ yếu ODA của UAE trong thời gian vừa qua. Phân tích, đánh giá những kết quả, những nhân tố chi phối tiến trình thực thi chính sách ODA của UAE, trong đó có những yếu tố dẫn tới thành công và hạn chế trong việc thực thi chính sách ODA của UAE. Nghiên cứu một số nước tiếp nhận ODA nhiều nhất và điển hình của UAE, kể cả nước theo đạo Hồi và nước không theo đạo Hồi; xem xét sự phản hồi của các nước tiếp nhận ODA từ UAE; So sánh và đánh giá tính hiệu quả và lợi ích mà các nước tiếp nhận ODA của UAE thu được, cũng như những cái giá mà họ phải trả khi tiếp nhận nguồn viện trợ này. Phân tích và dự báo triển vọng ODA của UAE đến năm 2030, cụ thể xu thế ODA của UAE sẽ thay đổi như thế nào? Lĩnh vực, loại hình và khu

vực hay quốc gia tiếp nhận ODA nào sẽ được UAE ưu tiên trong thời gian tới? Từ đó, nghiên cứu khả năng sử dụng, phương thức tiếp cận và tận dụng nguồn ODA của UAE trong thời gian tới để Việt Nam thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và đồng thời góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và UAE.

Số hồ sơ lưu: 21871

88844.10-2023 **30 năm quan hệ ASEAN - Trung Quốc: Những vấn đề đặt ra và triển vọng/** TS. Đàm Huy Hoàng, TS. Hoàng Thị Mỹ Nhị; TS. Trương Quang Hoàn; ThS. Lê Hoàng Anh; TS. Trần Lê Minh Trang; CN. Vũ Thị Bích Thảo - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2022; 02/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu dựng lại quá trình phát triển của quan hệ ASEAN - Trung Quốc trong từ 1991 đến 2021; Phân tích những thành tựu, hạn chế của quan hệ ASEAN - Trung Quốc sau 3 thập niên phát triển; Chỉ ra đặc điểm của quan hệ ASEAN - Trung Quốc qua mỗi giai đoạn; Làm rõ tác động của quan hệ ASEAN - Trung Quốc tới một số chủ thể liên quan; Nhận diện một số vấn đề đã, đang và sẽ kiểm chế sự phát triển của quan hệ ASEAN Trung Quốc trong những năm vừa qua và dự báo triển vọng của mối quan hệ này trong những năm sắp tới. Đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần phát huy các thành tựu và khắc phục các vấn đề đang

đặt ra trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc, trong quan hệ Việt - Trung.

Số hồ sơ lưu: 21872

88863.10-2023 **Các dòng chảy lâm sản của một số tộc người ở vùng biên giới huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai/** TS. Nguyễn Công Thảo, TS. Phạm Thị Cẩm Vân; ThS. Đoàn Việt; CN. Tạ Hữu Dực; ThS. Lý Cẩm Tú - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu các chính sách liên quan đến việc khai thác, sản xuất và buôn bán lâm sản ở vùng biên giới Việt- Trung, đặc biệt là tại điểm nghiên cứu; Nhận diện các loại lâm sản chính được một số tộc người khai thác, sản xuất, buôn bán tại địa bàn nghiên cứu; Tìm hiểu cách thức người dân địa phương tham gia vào quá trình khai thác, sản xuất vận chuyển và mua bán lâm sản; Đánh giá tác động của quá trình khai thác, sản xuất và buôn bán lâm sản đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội; điều kiện môi trường, an ninh trật tự của các tộc người thiểu số; Đưa ra những đề xuất, khuyến nghị cụ thể nhằm khắc phục những điểm bất hợp lý trong công tác quản lý, bảo vệ việc khai thác, sản xuất, thu mua lâm sản hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21902

88865.10-2023 **Sự tham gia của cộng đồng tộc người vào quá trình xây dựng nông thôn mới ở vùng biên giới tỉnh Tây Ninh/** TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt, ThS. Hán Thị Thanh Lan; PGS.TS. Đỗ Hương

Giang; ThS. Nguyễn Ngọc Toại; ThS. Trương Quang Đạt; CN. Phan Thanh Lôi; ThS. Lê Thị Hồng Nhung; ThS. Lê Thế Vững; CN. Bùi Thị Hồng Lam - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho nghiên cứu sự tham gia của các cộng đồng tộc người trong XDNTM ở vùng biên giới tỉnh Tây Ninh; Đánh giá thực trạng phương thức tham gia của các cộng đồng tộc người (người Kinh, người Chăm và người Khmer) trong thực hiện 5 nhóm tiêu chí XDNTM ở vùng biên giới tỉnh Tây Ninh; Phân tích các yếu tố tác động đến sự tham gia của các cộng đồng tộc người, những yếu tố đặc thù ở các cộng đồng tộc người thiểu số (người Chăm và người Khmer), trong XDNTM ở vùng biên giới tỉnh Tây Ninh; Đề xuất các giải pháp tăng cường và phát huy sự tham gia của các cộng đồng tộc người, chú ý giải pháp đặc thù ở các cộng đồng tộc người thiểu số (người Chăm và người Khmer), trong XDNTM ở vùng biên giới tỉnh Tây Ninh.

Số hồ sơ lưu: 21905

88866.10-2023 **Chính sách phát triển vùng của một số quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu và hàm ý cho Việt Nam/** TS. Hoàng Xuân Trung, TS. Đỗ Tá Khánh; ThS. Nguyễn Thị Phương Dung; TS. Trần Đình Hưng; TS. Nguyễn Bích Thuận; ThS. Trịnh Thành Vinh; ThS. Nguyễn Thị Hòa Mai; TS. Bùi

Việt Hưng; ThS. Đỗ Hồng Huyền; TS. Phan Thị Thanh Huyền; Nguyễn Hồng Lâm - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích cơ sở lý luận về chính sách phát triển vùng; Phân tích các các chính sách phát triển vùng ở Pháp, Bồ Đào Nha và Ba Lan, đồng thời chỉ ra thành công và hạn chế trong việc thực hiện chính sách phát triển vùng ở những nước này; Từ việc tổng kết sự thực hiện chính sách phát triển vùng ở Pháp, Bồ Đào Nha và Ba Lan, đề tài hướng đến đóng góp vào việc xây dựng chính sách phát triển vùng nói riêng và phát triển bền vững nói chung ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21906

88869.10-2023 **Di cư lao động sang Trung Quốc của người Tày, Nùng và tác động đến phát triển vùng biên giới tỉnh Lạng Sơn/** ThS. Vũ Đình Mười, ThS. Trương Văn Cường; ThS. Tạ Thị Tâm; CN. Đặng Minh Ngọc; CN. Nguyễn Thị Thu - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích làm rõ các hình thức di, thực trạng, xu hướng và nguyên nhân của của hoạt động di cư lao động sang Trung Quốc của người Tày, Nùng ở tỉnh này; Đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của hoạt động di cư sinh kế nêu trên đến đời sống kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xã hội và văn hóa và an ninh chính trị vùng biên giới tỉnh Lạng Sơn; Xác định các vấn đề đặt ra,

khuyến nghị và giải pháp cho phát triển vùng biên giới tỉnh Lạng Sơn.

Số hồ sơ lưu: 21914

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

87812.10-2023 **Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng cấu trúc chương trình đào tạo lĩnh vực môi trường tại các trường đại học trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường/** TS. Vũ Văn Doanh, TS. Nguyễn Thị Linh Giang; PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; TS. Lê Thanh Huyền; TS. Vũ Thị Mai; TS. Hoàng Thị Huê; TS. Lê Anh Trung; TS. Nguyễn Mai Lan; TS. Huỳnh Anh Hoàng; TS. Huỳnh Thị Ngọc Hân - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2023; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được các vấn đề trọng tâm của chương trình đào tạo (đại học/sau đại học) các ngành công nghệ kỹ thuật môi trường, quản lý tài nguyên và môi trường của các trường trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng được cấu trúc nội dung chương trình đào tạo (đại học/sau đại học) các ngành công nghệ kỹ thuật trường, quản lý tài nguyên và môi trường tại các trường trực thuộc Bộ; Xác lập các luận cứ khoa học cho việc xây dựng bộ giáo trình sử dụng cho các chương trình đào tạo lĩnh vực môi trường phù hợp với yêu cầu thực tế và hội nhập quốc tế

Số hồ sơ lưu: 22374

87973.10-2023 **Nghiên cứu mô hình giáo dục tiểu học Nhật Bản và đề xuất vận dụng cho giáo dục tiểu học ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục/** TS. Nguyễn Vinh Hiền, GS.TS. Đỗ Việt Hùng; PGS.TS. Đào Thái Lai; TS. Nguyễn Thị Cẩm Hương; TS. Phạm Thanh Tâm; TS. Đặng Thị Kim Nga; PGS.TS. Nguyễn Thị Thán; GS.TS. Phạm Hồng Quang; TS. Nguyễn Thị Hồng Vân; GS.TS. Đào Xuân Học - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021; 12/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Trên cơ sở nghiên cứu mô hình giáo dục tiểu học ở Nhật Bản, so sánh với mô hình giáo dục tiểu học ở Việt Nam, đề xuất vận dụng mô hình giáo dục tiểu học ở Nhật Bản cho giáo dục tiểu học ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục. Mô tả về mô hình giáo dục tiểu học ở Nhật Bản và thực tiễn áp dụng mô hình giáo dục của Nhật Bản tại một số trường tiểu học ở Việt Nam. So sánh mô hình giáo dục tiểu học ở Nhật Bản và Việt Nam; chỉ ra những yếu tố tích cực có thể áp dụng từ mô hình giáo dục tiểu học Nhật Bản cho Việt Nam. Đề xuất đổi mới mô hình giáo dục tiểu học Việt Nam, trong đó có chú trọng đến mô hình nhà trường tiểu học; đề xuất các định hướng vận dụng các yếu tố của mô hình giáo dục tiểu học ở Nhật Bản vào trường tiểu học ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: 22160

88027.10-2023 **Nghiên cứu phát triển chuyên môn cho giáo viên tại cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu năng lực nghề nghiệp trong điều kiện đổi mới giáo dục hiện nay/** PGS. TS. Phạm Thị Thanh Hải, TS. Nguyễn Thị Kim Dung; TS. Lê Thị Kim Anh; TS. Nguyễn Quốc Tri; TS. Nguyễn Đắc Thanh; ThS. Nguyễn Hoàng Đoàn Huy; ThS. Nguyễn Thị Kim Nhân; TS. Hà Thị Lan Hương; TS. Đoàn Nguyệt Linh - Hà Nội - Trường Đại học Giáo dục, 2023; 06/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển chuyên môn cho giáo viên tại cơ sở giáo dục phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu năng lực nghề nghiệp hiện nay; Cơ sở thực tiễn về phát triển chuyên môn cho giáo viên tại nhà trường phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực nghề nghiệp trong đổi mới giáo dục hiện nay; Đề xuất biện pháp phát triển chuyên môn cho giáo viên tại cơ sở giáo dục phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực nghề nghiệp trong đổi mới giáo dục hiện nay

Số hồ sơ lưu: 22526

88294.10-2023 **Nâng cao năng lực và hỗ trợ hoạt động của huấn luyện viên/cố vấn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (coaches/mentors)/** Hoàng Kim Toàn, CN. Nguyễn Văn Huân; CN. Lê Minh Nhật; CN. Lê Thị Sương; CN. Nguyễn Phước Vinh; ThS. Trần Vinh Phương - Thừa Thiên Huế - Đại học Huế, 2022; 03/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Triển khai các chương trình huấn luyện bồi dưỡng kiến thức về cố vấn khởi nghiệp cho cán bộ, giảng viên, lãnh đạo các doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Thông qua các khóa huấn luyện và thực hành nhằm trang bị các kiến thức, kỹ năng về cố vấn khởi nghiệp, xây dựng mạng lưới cố vấn tại địa phương các tỉnh, bổ sung thành viên cho mạng lưới cố vấn khởi nghiệp Quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 22558

88295.10-2023 Nâng cao năng lực cho đội ngũ xây dựng hệ sinh thái địa phương (Ecosystem Builder) theo mô hình đào tạo, huấn luyện tập trung (Bootcamp)/ Hoàng Kim Toàn, CN. Nguyễn Văn Huân; ThS. Trần Vinh Phương; CN. Hoàng Thị Thúy Hằng; CN. Lê Thị Minh Lý; Trần Phan Hoài Linh; CN. Nguyễn Thị Thu Thủy - Thừa Thiên Huế - Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, 2022; 07/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hình thành đội ngũ hạt nhân xây dựng hệ sinh thái địa phương là những người được giao quản lý/ra quyết định/tổ chức thực hiện hoặc người tham mưu được cho lãnh đạo đơn vị/địa phương trong việc xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Lãnh đạo địa phương, các cán bộ tham gia chương trình bootcamp, các chuyên gia, doanh nghiệp khởi nghiệp và khách mời khác nhằm nâng cao năng lực hỗ trợ hệ sinh thái địa phương.

Số hồ sơ lưu: 22557

88296.10-2023 Huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức chính trị - xã hội/ Trương Quý Tùng, TS. Hoàng Kim Toàn; ThS. Phạm Thế Sơn; CN. Nguyễn Văn Huân; ThS. Trần Vinh Phương; CN. Lê Thị Sương; CN. Nguyễn Phước Vinh; CN. Nguyễn Thị Thu Thủy - Thừa Thiên Huế - Đại học Huế, 2022; 03/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Triển khai các chương trình huấn luyện bồi dưỡng kiến thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên đã, đang thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học ở các trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu tại các cụm tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế; Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa; Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum. Thông qua các khóa huấn luyện nhằm trang bị các kiến thức, công cụ để hỗ trợ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên đang học tập, nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng có cơ hội phát triển sản phẩm, tiến hành thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu và tổ chức kết nối đầu tư cho các sản phẩm nghiên cứu tiềm năng.

Số hồ sơ lưu: 22559

88464.10-2023 Tăng cường hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp nhằm thúc đẩy khả năng lưu chuyển của giảng viên và sinh viên trong bối

cảnh hội nhập/ TS. Hoàng Thị Hòa, ThS. Lê Thị Huyền; TS. Chu Thị Mai Phương; ThS. Phạm Xuân Trường; ThS. Phạm Thị Thu Giang; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Tăng Văn Cường; TS. Cao Đình Kiên; PGS.TS. Hoàng Xuân Bình; TS. Lý Hoàng Phú - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2022; 05/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và tổng hợp cơ sở lý luận về lưu chuyển giảng viên và sinh viên. Hệ thống hóa các mô hình hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp liên quan đến hoạt động lưu chuyển giảng viên và sinh viên. Nghiên cứu kinh nghiệm từ các mô hình hợp tác điển hình giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp liên quan đến lưu chuyển giảng viên và sinh viên trên thế giới trong bối cảnh hội nhập. Đánh giá được thực trạng hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp liên quan đến lưu chuyển giảng viên và sinh viên tại Việt Nam, những thành tựu, hạn chế, thuận lợi và thách thức đối với các hoạt động này tại các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam từ 2010 đến nay. Đề xuất mô hình hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trong việc lưu chuyển giảng viên và sinh viên, chỉ ra những điều kiện và nhân tố quan trọng trong việc thực hiện thành công mô hình. Đề xuất hệ thống giải pháp, kiến nghị nhằm tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trong việc lưu chuyển của giảng viên và sinh viên tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

Số hồ sơ lưu: 22344

88534.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động thể dục thể thao ở Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Văn Phúc, TS. Mai Thị Bích Ngọc; TS. Lê Trí Trường; PGS.TS. Đinh Quang Ngọc; PGS.TS. Ngô Trang Hưng; Phạm Ngọc Viễn; Võ Quốc Thắng; TS. Nguyễn Thị Thu Quyết; TS. Đinh Hùng Trường; TS. Võ Tường Kha - Bắc Ninh - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích và hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn về rủi ro trong hoạt động thể dục thể thao (TDTT) ở Việt Nam, trong đó phân loại các rủi ro thường gặp trong hoạt động TDTT thành 9 loại thuộc 2 nhóm: Các rủi ro bên trong hoạt động TDTT và các rủi ro bên ngoài hoạt động TDTT. Đánh giá được thực trạng rủi ro và quản trị rủi ro trong hoạt động TDTT tại Việt Nam, đồng thời so sánh việc quản trị rủi ro trong hoạt động TDTT ở Việt Nam với khung lý thuyết đã xây dựng. Kết quả cho thấy, trên thực tế, thực trạng quản trị rủi ro trong hoạt động TDTT tại Việt Nam chưa được quan tâm đúng mức. Xây dựng tài liệu hướng dẫn phòng, chống rủi ro thương tích trong tập luyện thể thao và tài liệu hướng dẫn phòng, chống rủi ro trong tổ chức sự kiện thể thao.

Số hồ sơ lưu: 22150

88671.10-2023 **Ứng dụng marketing 4.0 trong tuyển sinh hệ**

đào tạo chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam/ TS. Nguyễn Ngọc Đạt, ThS. Đào Trung Kiên; ThS. Nguyễn Thị Như Quỳnh; ThS. Bùi Tuấn Trung; CN. Phạm Hoàng Giang; ThS. Nguyễn Văn Duy; ThS. Trần Đắc Lộc; ThS. Ngô Thanh Hiền; ThS. Đoàn Hiếu; TS. Bùi Quang Tuyến - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng ứng dụng marketing 4.0, đưa ra các nhân tố chính ảnh hưởng tới khả năng thành công của việc ứng dụng Marketing 4.0 trong tuyển sinh hệ đào tạo chính quy ở các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. Hệ thống và tổng hợp các khái niệm và giả thiết từ việc tích hợp, mở rộng lý thuyết IAM và Dual process theory cho bối cảnh của các trường đại học. Thông qua khảo sát thực nghiệm và phân tích định lượng, nghiên cứu đã xác định được những nhân tố có tác động trực tiếp, gián tiếp tới quyết định lựa chọn cơ sở GDDH của sinh viên Việt Nam. Nghiên cứu làm rõ sự tác động những biến kiểm soát nhân khẩu học và đặc điểm của việc sử dụng kênh TTTT tới nhận thức về tính hữu ích thông tin và quyết định lựa chọn.

Số hồ sơ lưu: 22076

88675.10-2023 Nghiên cứu mô hình tính giá dịch vụ đào tạo tại các trường Đại học công lập tự chủ/ TS. Hoàng Thị Bích Ngọc, PGS.TS. Phạm Thị Thu Thủy; PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Phương; TS. Nguyễn Thị Minh Giang; TS. Nguyễn Thành Hưng;

TS. Nguyễn Quỳnh Trang; TS. Nguyễn Thị Thúy - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về mô hình tính giá dịch vụ đào tạo tại các trường đại học công lập chủ tại Việt Nam. Khảo sát và đánh giá thực trạng tính giá dịch vụ đào tạo tại các trường Đại học công lập tự chủ tại Việt Nam (các trường đại học công lập tự chủ có đào tạo khối ngành kinh tế). Khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng phương pháp tính giá thành dịch vụ đào tạo tại các trường Đại học công lập tự chủ. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện mô hình tính giá dịch vụ đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 22080

88856.10-2023 Năng lực của giáo viên làm công tác tham vấn tâm lý cho học sinh trung học cơ sở: Thực trạng và giải pháp/ PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Lan, TS. Vũ Thu Trang; TS. Nguyễn Thị Thanh Nga; TS. Nguyễn Xuân Long; TS. Nông Thị Nhung; TS. Nguyễn Thị Hoa Mai; ThS. Phạm Thị Bích Thủy; TS. Nguyễn Nhân Ái; TS. Trần Thị Xuân; ThS. Hoàng Thu Trang - Hà Nội - Học viện Khoa học xã hội, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận về năng lực của giáo viên làm công tác tham vấn tâm lý cho học sinh trường trung học cơ sở. Chỉ ra thực trạng năng lực của giáo viên làm công tác tham vấn tâm lý cho học sinh tại trường THCS

và các yếu tố liên quan tới năng lực tham vấn này ở giáo viên làm công tác tham vấn tâm lý cho học sinh THCS. Đề xuất một số giải pháp có giá trị trong việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên làm công tác tham vấn tâm lý thực hiện hiệu quả nhiệm vụ tham vấn tâm lý cho học sinh tại trường trung học cơ sở hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21892

88958.10-2023 Áp dụng mô hình Đào tạo trong công nghiệp (TWI) đối với doanh nghiệp ngành công nghiệp/ KS. Đặng Minh Tuấn, KS. Lê Thị Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Thị Vân; ThS. Nguyễn Thị Phương Nhung; ThS. Nguyễn Thanh Hải; ThS. Lưu Nhân Khải; KS. Nguyễn Hồng Diệp; CN. Hoàng Việt Anh; Nguyễn Hà Lê; CN. Nguyễn Thị Thu - Hà Nội - Công ty TNHH GIC Việt Nam, 2023; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổ chức hội thảo tập huấn, hướng dẫn áp dụng mô hình Đào tạo trong công nghiệp (TWI - Training within Industry) cho các doanh nghiệp ngành công nghiệp. Áp dụng điểm tại 30 doanh nghiệp làm cơ sở hoàn thiện phương pháp và đề xuất phương án triển khai nhân rộng trong ngành công nghiệp. Phổ biến mô hình, chia sẻ các kết quả và kinh nghiệm thúc đẩy cải thiện, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm cho các doanh nghiệp ngành công nghiệp nói chung.

Số hồ sơ lưu: 22013

88985.10-2023 Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất của giáo dục đại học ở Việt Nam/ PGS. TS. Trịnh Thanh Hải, PGS. TS. Trịnh Thanh Hải; TS. Nguyễn Thu Trang; GS. TS. Trần Trung; PGS. TS. Phạm Văn Thuận; TS. Tạ Thị Thu Hiền; TS. Nghiêm Thị Thanh; TS. Phạm Anh Giang; TS. Lã Phương Thúy; TS. Nguyễn Văn Dũng; Ts. Hoàng Ngọc Anh - Hà Nội - Học viện Dân tộc, 2023; 03/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan nghiên cứu về hiệu suất giáo dục đại học và các nhân tố tác động đến hiệu suất hoạt động. Xây dựng nội dung, tổ chức thu thập thông tin phỏng vấn. Phân tích thực trạng hiệu suất hoạt động của các trường đại học ở Việt Nam. Xác định tác động của các yếu tố lên hiệu suất hoạt động của trường đại học. Phân giải chỉ số hiệu suất và định lượng tác động của hiệu suất lên năng suất lao động, hiệu suất và thành phần kiến tạo. Đề xuất chính sách nhằm nâng cao hiệu suất và định hướng tác động của hiệu suất lên năng suất đào tạo đại học tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22051

50302. Giáo dục chuyên biệt

88312.10-2023 Ứng dụng một số phương pháp tác động trên bình diện tâm thức chữa trị các triệu chứng rối loạn phổ tự kỷ ở trẻ em/ CN. Võ Hoà Bình, TS. Nguyễn Thị Hồng Nga; Nguyễn Thị Thanh Triều; CN. Bùi Văn Vuông; CN. Ngô Thị Thanh; BS. Trần Thị

Tuấn Nga; ThS. Nguyễn Văn Hoà; ThS. Phạm Kim Oanh; TS. Hà Việt Sơn - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu tiềm năng của con người, 2022; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Điểm qua các mô hình giáo dục đối với trẻ ở Việt Nam hiện nay và phân tích mô hình can thiệp giáo dục rèn luyện phổ tự kỷ tại 3 cơ sở: Trường Ngôi Sao, Cần Thơ, Trung tâm An Phúc Thành, Hà Nội, Trung tâm Ban Mai, Hà Nội. Áp dụng công nghệ thông tin vào quy trình xử lý kết quả đánh giá rèn luyện phổ tự kỷ; Đánh giá khả năng sử dụng phương pháp tác động qua tâm thức để tác động các trẻ em bị rèn luyện phổ tự kỷ nhằm giảm các triệu chứng rèn luyện phổ tự kỷ; Đánh giá hiệu quả của phương pháp tác động qua tâm thức đối với trẻ rèn luyện phổ tự kỷ; Đề xuất mô hình kết hợp phương pháp tác động qua tâm thức vào chương trình can thiệp giáo dục rèn luyện phổ tự kỷ tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt.

Số hồ sơ lưu: 22567

88961.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng chương trình bồi dưỡng về quản trị đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp có hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Hữu Xuyên, Nguyễn Quốc Hùng; PGS. TS. Đỗ Thị Hải Hà; TS. Phùng Minh Thu Thủy; ThS. Trần Lan Hương; ThS. Trần Vũ Tuấn Phan; Nguyễn Thanh Hùng; ThS. Nguyễn Xuân Hòa; ThS. Nguyễn Trà My; Nguyễn Sỹ Pháp - Hà Nội - Trung tâm Dịch vụ khoa

học và công nghệ, 2023; 06/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về xây dựng chương trình bồi dưỡng quản trị đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp có hoạt động khoa học và công nghệ. Khảo sát, đánh giá hiện trạng triển khai chương trình bồi dưỡng quản trị đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp tại các cơ sở đào tạo của Việt Nam. Xây dựng chương trình bồi dưỡng về quản trị đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp có hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam. Đề xuất phương án tổ chức triển thí điểm, đánh giá và nhân rộng.

Số hồ sơ lưu: 22016

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác

88371.10-2023 Xây dựng mô hình hỗ trợ đời sống văn hóa, giáo dục và nghề nghiệp cho người LGBT ở tỉnh Bến Tre/ TS. Nguyễn Thị Quốc Minh, TS. Huỳnh Văn Chấn; ThS. Nguyễn Văn Bàn; TS. Võ Văn Luyện; ThS. Nguyễn Trúc Sơn; TS. Đỗ Thị Nga; TS. Tạ Thị Thanh Thủy; CN. Đỗ Quang Thông; TS. Nguyễn Văn Tường; TS. Phạm Văn Luân; TS. Lê Hồng Mai; TS. Nguyễn Minh Khoa - TP Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 03/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng đời sống văn hóa, giáo dục, nghề nghiệp của người LGBT ở tỉnh Bến Tre, từ đó xây dựng mô hình hỗ

trợ đời sống văn hóa, giáo dục, nghề nghiệp cho người LGBT.

Số hồ sơ lưu: BTE-193-2023

88850.10-2023 **Chất lượng cuộc sống nghề nghiệp của giáo viên phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục/** ThS. Lâm Thanh Bình, ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; PGS.TS. Phan Thị Mai Hương; ThS. Đặng Thị Thu Trang; TS. Đinh Thị Hồng Vân; CN. Phạm Phương Thảo; ThS. Phạm Thị Đào - Hà Nội - Viện Tâm lý học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Mô tả thực trạng chất lượng cuộc sống nghề nghiệp của giáo viên phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Tìm hiểu các yếu tố có liên quan đến chất lượng cuộc sống nghề nghiệp của giáo viên phổ thông. Đề xuất một số khuyến nghị đối với các nhà quản lý giáo dục các cấp nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống nghề nghiệp của giáo viên phổ thông hiện nay

Số hồ sơ lưu: 21884

88870.10-2023 **Đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trong việc hình thành các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo/** TS. Nguyễn Thị Thanh An, PGS.TS. Nguyễn Thu Thủy; TS. Nguyễn Lệ Hằng; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Đinh Thị Ngọc Quỳnh; ThS. Hoàng Thị Thu Phương; ThS. Hoàng Hải Yến; TS. Lương Thị Ngọc Oanh; TS. Cao Đình Kiên; TS. Nguyễn Hoài Nam - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại

thương, 2022; 06/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý luận chung về mối quan hệ giữa cơ sở GDĐH và DN; kinh nghiệm quốc tế trong việc hình thành các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam. Tiến hành điều tra, khảo sát các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo trong hệ thống các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam tập trung vào giai đoạn từ năm 2010 đến nay. Phân tích thực trạng hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trong việc hình thành các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam. Đề xuất các giải pháp, chính sách hỗ trợ và các điều kiện cần thiết để đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở GDĐH Việt Nam và doanh nghiệp trong việc hình thành các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo.

Số hồ sơ lưu: 21919

50401. Xã hội học nói chung

87924.10-2023 **Một số vấn đề xã hội ở cộng đồng dân cư ven biển Việt Nam hiện nay (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Quảng Ninh)/** ThS. Nông Bằng Nguyên, ThS. Nguyễn Phương Liên; TS. Hoàng Văn Thảo; TS. Nguyễn Mai Phương; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Phạm Thị Thu Hà; ThS. Lê Thị Thoa; ThS. Chử Bích Thu; ThS. Vũ Thị Lê - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2023; 06/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng vấn đề xã hội ở các cộng đồng dân cư ven biển

qua các khía cạnh nghèo đa chiều, việc làm và ô nhiễm môi trường ở tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam; Phân tích những nguyên nhân dẫn đến một số vấn đề xã hội nêu trên tại ở các cộng đồng dân cư ven biển thuộc tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam; Đánh giá và phân tích tác động của các vấn đề xã hội nêu trên đối với sự phát triển bền vững kinh tế-xã hội tại các cộng đồng dân cư ven biển thuộc tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam; Đề xuất những giải pháp về mặt chính sách dựa trên các bằng chứng khoa học nhằm giảm thiểu tính tiêu cực, hạn chế của các vấn đề xã hội đã được đề cập ở trên tại các cộng đồng dân cư ven biển ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22345

88087.10-2023 **Nghiên cứu đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh và sử dụng Dinitơ monoxit (N_2O) và đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp/** TS. Đỗ Thanh Hà, TS. Nguyễn Chí Thanh; ThS. Nguyễn Thanh Loan; ThS. Đặng Văn Thực; ThS. Bùi Thế Cường; ThS. Phạm Lê Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Thêu; KS. Nguyễn Đắc Khánh; KS. Nguyễn Hưng Thuận; ThS. Trần Nguyên Hanh - Hà Nội - Cục Hóa chất, 2023; 10/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về hóa chất Nitơ monoxit (N_2O). Đánh giá thực trạng sản xuất, kinh doanh và sử dụng Dinitơ monoxit (N_2O) tại Việt Nam. Nghiên cứu tình hình quản lý Dinitơ monoxit (N_2O) hiện nay của một số nước trên thế giới và Việt Nam. Đề xuất các giải pháp

quản lý Dinitơ monoxit (N_2O) và lộ trình áp dụng. Tổ chức hội thảo lấy ý kiến về giải pháp quản lý Dinitơ monoxit (N_2O) và lộ trình áp dụng.

Số hồ sơ lưu: 21933

88697.10-2023 **Biến đổi của xã hội tiêu dùng Mỹ từ thập niên 1990 đến nay/** TS. Lê Thị Thu Hằng, TS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Lê Thị Thu; TS. Phạm Sỹ An; TS. Nguyễn Kim Anh; ThS. Ngô Lan Anh; ThS. Vũ Thị Hưng; CN. Ngô Thị Nguyệt; CN. Nguyễn Thị Hương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, 2023; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những biến đổi của xã hội tiêu dùng Mỹ từ thập niên 1990 đến nay. Trên cơ sở đó, đề tài phân tích một số tác động của xã hội tiêu dùng đối với nước Mỹ và đưa ra một số luận giải về xã hội tiêu dùng này. Hệ thống một số cơ sở lý thuyết và thực tiễn về xã hội tiêu dùng Mỹ. Phân tích những thay đổi của xã hội tiêu dùng Mỹ từ thập niên 1990 đến nay. Phân tích một số tác động của xã hội tiêu dùng đối với nước Mỹ. Đưa ra một số luận giải về xã hội tiêu dùng Mỹ.

Số hồ sơ lưu: 22172

88705.10-2023 **Chuyển đổi từ già hóa thụ động đến già hóa tích cực của người cao tuổi Việt Nam/** TS. Đặng Thị Việt Phương, TS. Nguyễn Thanh Thủy; GS.TS. Bùi Thế Cường; TS. Đoàn Kim Thắng; TS. Bé Quỳnh Nga; TS. Phạm Ngọc Tân - Hà Nội - Viện Xã hội học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện thực trạng đời sống của người cao tuổi (NCT) sau hơn hai thập niên, từ 1999 đến 2021; Làm rõ những đặc trưng của quá trình chuyển từ già hóa thụ động sang già hóa tích cực của người cao tuổi trong hai thập niên qua; Nhận diện những nhân tố tác động đến sự chuyển đổi từ già hóa thụ động sang già hóa tích cực của NCT trong hai thập niên qua; Đề xuất các giải pháp đảm bảo an sinh xã hội cho NCT Việt Nam nhằm thích ứng với giai đoạn già hóa dân số nhanh.

Số hồ sơ lưu: 22176

88707.10-2023 Trách nhiệm của tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường tại Việt Nam hiện nay/ PGS. TS. Nguyễn Thị Lan Hương, ThS. Phạm Văn Hưng; PGS.TS. Phạm Thị Ngọc Trâm; TS. Trần Tuấn Phong; TS. Vũ Thị Thu Hằng; ThS. Phạm Văn Dương; ThS. Phạm Thị Hương; ThS. Trịnh Thị Thủy - Hà Nội - Viện Triết học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về trách nhiệm của tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Phân tích, đánh giá hiện trạng thực hiện trách nhiệm của tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường tại Việt Nam từ 1993 đến nay (tính từ khi Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam ra đời). Đề xuất phương hướng, quan điểm, giải pháp nhằm tăng cường trách nhiệm của tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững của Việt Nam trong giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: 22177

88884.10-2023 Nghiên cứu xây dựng Bộ chỉ tiêu đánh giá chất lượng dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư tại Việt Nam/ ThS. Đinh Hữu Minh, Viễn Ái Huy; Lê Hồng Vân; Nguyễn Hồng Phú; Phan Đăng Việt; Dương Thanh Thúy; Phạm Diễm Lê; Nghiêm Xuân Duy; Đinh Thị Thu Hiền; Trần Ngọc Hải; Trần Thị Thu Hoài - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 10/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nhà chung cư và quản lý vận hành nhà chung cư. Lý luận chung về đánh giá chất lượng dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư. Đánh giá số lượng, sự chuyên nghiệp của đơn vị quản lý vận hành và chất lượng dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư. Thực trạng công tác quản lý, đánh giá chất lượng dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư. Nguyên tắc, quan điểm xây dựng Bộ chỉ tiêu và nội dung đánh giá chất lượng dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư. Đề xuất phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư. Xây dựng Bộ chỉ tiêu đánh giá chất lượng dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư.

Số hồ sơ lưu: 21945

50404. Dân tộc học

87959.10-2023 Nghiên cứu đề xuất mô hình sinh kế bền vững cho các dân tộc thiểu số khu vực tây Thanh Hóa – Nghệ An/ PGS.TS. Mai Thị Hồng Hải, TS. Nguyễn Thị Duyên; PGS.TS. Mai Văn Tùng; PGS.TS. Nguyễn Bá Thông; TS. Lê Văn Cường; TS. Vũ Thị Thắng; ThS. Ngô Xuân Sao; TS. Tống Văn

Giang; TS. Lê Thị Hiếu; TS. Nguyễn Hải Núi - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2022; 02/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu được cơ sở lý luận, lý thuyết nghiên cứu về mô hình sinh kế bền vững cho các dân tộc thiểu số (DTTS); nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước và địa phương trong nước về chính sách hỗ trợ xây dựng sinh kế bền vững cho người DTTS có thể vận dụng cho khu vực Tây Thanh Hóa - Nghệ An; Phân tích, đánh giá thực trạng sinh kế, các mô hình sinh kế hiện nay của các DTTS khu vực Tây Thanh Hóa - Nghệ An; Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến các mô hình sinh kế hiện nay của các DTTS khu vực Tây Thanh Hoá - Nghệ An; Đề xuất cơ sở khoa học cho việc xây dựng mô hình sinh kế bền vững và giải pháp, chính sách nhằm phát triển các mô hình sinh kế bền vững phù hợp với dân tộc thiểu số khu vực Tây Thanh Hóa - Nghệ An.

Số hồ sơ lưu: 22128

88091.10-2023 **Giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Bao Cường, ThS. Tống Thị Mai Hồng; TS. Trần Thị Hồng Liên; CN. Cao Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Kim Hoa; TS. Quách Thị Quế; ThS. Nguyễn Thành Tuấn; ThS. Nguyễn Khắc Tuấn; ThS. Hoàng Thu Hằng; ThS. Hoàng Thị Thu Hải - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Các khái niệm, định nghĩa, tiêu chí xác định, thống kê lao động trẻ em, xây dựng luật pháp, chính sách và các triển khai các chương trình, hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em. Đánh giá, phân tích thực trạng và diễn biến tình hình lao động trẻ em trong giai đoạn từ 2012 – 2020 dựa trên kết quả 2 cuộc điều tra quốc gia về lao động trẻ em năm 2012 và năm 2018 và tình hình triển khai, kết quả thực hiện hoạt động phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em thuộc phạm vi chương trình quốc gia về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 -2020; chương trình bảo vệ trẻ em 2016 – 2020; chương trình hành động quốc gia vì trẻ em 2016 -2020. Đề xuất các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2022 – 2025 theo các mục tiêu SDG 8.7 và các cam kết quốc tế có liên quan đến lao động trẻ em.

Số hồ sơ lưu: 21943

88831.10-2023 **Vai trò văn hoá người Java đối với sự phát triển của Indonesia/** TS. Phạm Thanh Tịnh, TS. Hà Thị Đan; TS. Hoàng Thị Mỹ Nhị; ThS. Vũ Thị Duyên; ThS. Nguyễn Hồng Hạnh; Vũ Thị Bích Thảo - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát văn hóa truyền thống của người Java ở Indonesia. Làm rõ vai trò của văn hóa Java trong sự phát triển trên mọi lĩnh vực của đời

sống xã hội ở Indonesia (chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội) cũng như những chính sách trong việc giữ gìn, phát huy và phát triển văn hóa ở Indonesia nói chung. Đánh giá, rút ra những nhận xét về vai trò văn hóa người Java đối với sự phát triển của Indonesia; nêu lên những bài học kinh nghiệm và gợi mở cho Việt Nam đối việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập khu vực, quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 21854

88848.10-2023 **Gia đình của người Hà Nhì và người Giáy ở vùng biên giới huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay/** TS. Hoàng Phương Mai, TS. Bùi Thị Bích Lan; TS. Trần Minh Hằng; TS. Nguyễn Thắm Thu Hà; ThS. Phạm Thị Thu Hà; ThS. Phạm Thị Hà Xuyên - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích thực trạng về các khía cạnh của gia đình (quy mô, cấu trúc của gia đình; các loại hình gia đình; các chức năng cơ bản của gia đình; mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và quan hệ dân tộc liên/xuyên biên giới), ở hai dân tộc được lựa chọn nghiên cứu là người Hà Nhì và người Giáy sinh sống tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Đánh giá các xu hướng phát triển của gia đình và các yếu tố tác động đến gia đình, trên cơ sở đó nêu lên các vấn đề đặt ra và đề xuất những khuyến nghị, giải pháp phù

hợp nhằm góp phần phát triển gia đình vùng biên giới tại địa bàn nghiên cứu nói riêng và biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói chung.

Số hồ sơ lưu: 21876

88862.10-2023 **Ý thức quốc gia – dân tộc của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc tại tỉnh Hà Giang/** TS. Nguyễn Thị Thanh Bình, PGS.TS. Vương Xuân Tình; TS. Lê Thị Mùi; ThS. Hoàng Thị Lê Thảo; CN. Bùi Duy Thành - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu ý thức quốc gia - dân tộc của của một số TNTS vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Hà Giang; Xác định mối quan hệ của ý thức đó với điều kiện lịch sử; với đặc điểm và quan hệ tộc người; với bối cảnh chính trị, kinh tế - xã hội ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc; và với nhiệm vụ xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc; Đánh giá vai trò của ý thức quốc gia - dân tộc trong phát triển bền vững vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc; Trên cơ sở nghiên cứu, đề xuất kiến nghị, giải pháp nhằm tăng cường ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người gắn với phát triển bền vững vùng biên giới hiện nay và trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 21901

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

87825.10-2023 **Cơ sở lý luận và thực tiễn đổi mới một số chính sách xã hội ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030/** Tiến sỹ. Bùi Tôn Hiến, ThS. Lưu Quang Tuấn; ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền; ThS. Đặng Kim Chung; ThS. Nguyễn Thị Vĩnh Hà; TS. Bùi Sỹ Tuấn; TS. Chử Thị Lâm; ThS. Phạm Thị Bảo Hà; ThS. Nguyễn Thị Yên; ThS. Triệu Thị Phương - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2021; 07/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về chính sách xã hội và đổi mới chính sách xã hội. Tổng kết thực tiễn, đánh giá thực trạng một số chính sách xã hội tiêu biểu trong giai đoạn 2011-2020; chỉ rõ những thành công, hạn chế của mỗi nhóm chính sách được lựa chọn đánh giá. Phân tích bối cảnh và luận chứng những vấn đề xã hội đặt ra; dự báo xu hướng và một số chỉ tiêu xã hội đến năm 2030. Đề xuất định hướng đổi mới một số chính sách xã hội giai đoạn 2021- 2030 và kiến nghị các giải pháp thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 22377

88022.10-2023 **Sinh kế của cư dân ven biển Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu/** TS. Hà Thị Hồng Vân, TS. Trần Thị Hải Yên; TS. Đặng Thái Bình; PGS.TS. Nguyễn Đức Chiện; ThS. Vũ Thị Phương Dung; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Hạ; TS. Lý Hoàng Mai; TS. Kiều Thanh Nga;

ThS. Cao Thị Thanh Nga; ThS. Nông Bằng Nguyên; ThS. Nguyễn Thị Hà Phương; ThS. Lê Thị Thoa; TS. Lê Thị Thu; ThS. Lê Thanh Thủy; TS. Nguyễn Thị Thuận - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2022; 06/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá các hoạt động sinh kế của cư dân ven biển Việt Nam trong bối cảnh của biến đổi khí hậu (BĐKH): hoạt động sinh kế, khả năng tổn thương và năng lực thích ứng của sinh kế cư dân ven biển Việt Nam. Nghiên cứu trường hợp 3 tỉnh Quảng Ninh, Quảng Nam và Cà Mau: đánh giá thực trạng nguồn vốn sinh kế, khả năng tổn thương và năng lực thích ứng của sinh kế của cư dân ven biển; Xây dựng chỉ số tổn thương sinh kế ở ba tỉnh đã nghiên cứu; Đề xuất những giải pháp, kiến nghị hỗ trợ sinh kế của cư dân ven biển Việt Nam thích ứng với BĐKH trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22512

88023.10-2023 **Vấn đề lao động, việc làm vùng Tây Nguyên năm 2022 dưới tác động của đại dịch COVID-19/** TS. Nguyễn Duy Thụy, ThS. Vũ Tiến Đức; ThS. Trần Thị Thanh Thủy; ThS. Bùi Thị Huyền; ThS. Lê Thị Hồng Gái; ThS. Lê Hùng; KS. Khuất Văn Sơn - Đắk Lắk - Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát vấn đề lao động, việc làm vùng Tây Nguyên giai đoạn trước và trong thời điểm đại dịch COVID-19 bùng nổ; Phân tích thực

trạng các vấn đề lao động, việc làm của vùng Tây Nguyên năm 2022 đặt trong bối cảnh tác động của đại dịch COVID-19; Đánh giá việc thực hiện chính sách của các cấp chính quyền nhằm giải quyết các vấn đề lao động, việc làm của vùng Tây Nguyên phát sinh do tác động của đại dịch COVID-19; Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết các vấn đề lao động, việc làm của vùng Tây Nguyên trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

Số hồ sơ lưu: 22516

88742.10-2023 **Hành vi chia sẻ trên mạng xã hội của thanh niên hiện nay/** TS. Nguyễn Thị Phương Hoa, ThS. Phạm Minh Thu; PGS.TS. Lã Thị Thu Thủy; ThS. Lê Thị Ngọc Thúy; TS. Rơ Đăm Thị Bích Ngọc - Hà Nội - Viện Tâm lý học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lí luận về hành vi chia sẻ trên mạng xã hội của thanh niên; Tìm hiểu thực trạng hành vi chia sẻ trên mạng xã hội của thanh niên hiện nay; Đưa ra các khuyến nghị nhằm định hướng và điều chỉnh hành vi chia sẻ trên mạng xã hội của thanh niên.

Số hồ sơ lưu: 21800

88752.10-2023 **Xã hội hóa đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trong xu thế hội nhập của Việt Nam/** PGS. TS. Lê Anh Tuấn, PGS.TS. Phạm Phương Hoa; GS.TS. Ngô Văn Thành; PGS.TS. Nguyễn Phúc Linh; PGS. Vũ Chí Nguyên; TS. Hồ Thị Hồng Dung; PGS.TS. Nguyễn

Huy Phương; ThS. Nguyễn Huy Hoàng; ThS. Nguyễn Thu Thủy - Hà Nội - Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng xã hội hóa đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp và xã hội hóa đào tạo âm nhạc phổ cập ở Việt Nam được đánh giá đầy đủ thông qua điều tra xã hội học. Xây dựng mô hình xã hội hóa đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp là trọng tâm của đề tài nghiên cứu. Mô hình xã hội hóa đào tạo âm nhạc được chia làm ba nhánh chính đó là: mô hình đào tạo âm nhạc tư thực, mô hình liên kết công-tư và mô hình liên kết quốc tế. Đề tài cũng đưa ra ba nhóm giải pháp chính đó là nhóm giải pháp về tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước trong xã hội hóa đào tạo âm nhạc, nhóm giải pháp về nguồn nhân lực, nhóm giải pháp về nguồn lực tài chính và các giải pháp khác nhằm có thể tiến hành xã hội hóa đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp một cách có hiệu quả cũng như quản lý, nâng cao chất lượng dạy và học đối với các cơ sở đào tạo âm nhạc ngoài công lập.

Số hồ sơ lưu: 21817

88754.10-2023 **Công nghiệp văn hóa ở một số quốc gia châu Âu và kinh nghiệm cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Ngọc, ThS. Hồ Thị Thu Huyền; PGS.TS. Trần Viết Nghĩa; ThS. Vũ Thanh Hà; ThS. Lê Thị Kim Oanh; ThS. Trần Thị Thu Huyền; NCS. Hồ Thanh Hương; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; Nguyễn Hồng Lâm - Hà Nội - Viện Nghiên cứu

Châu Âu, 2022; 01/2021 - 12/2022.
(Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các vấn đề lý luận về phát triển công nghiệp văn hoá và mối quan hệ của nhóm ngành này đối với phát triển kinh tế và khoa học – công nghệ. Phân tích thực trạng các ngành công nghiệp văn hoá tại Anh, Pháp, Ý. Phân tích thực trạng triển khai hoạt động phát triển công nghiệp văn hoá ở Anh, Pháp, Ý. Đánh giá những thành công và các vấn đề còn tồn tại trong quá trình phát triển công nghiệp văn hoá ở Anh, Pháp, Ý. Rút ra những bài học kinh nghiệm gợi mở cho Việt Nam trong việc xây dựng và thực hiện chính sách phát triển công nghiệp văn hoá giai đoạn 2021 – 2026 và tầm nhìn 2030.

Số hồ sơ lưu: 21818

88838.10-2023 Truyền thông và vấn đề ý thức quốc gia của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Lào Cai/ TS. Trần Hồng Thu, TS. Bùi Thị Bích Lan; ThS. Lê Thị Thỏ; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh; TS. Phạm Quang Linh; ThS. Lê Ngọc Huynh - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu thực trạng chính sách và các hoạt động, cách thức và nội dung truyền thông (chính thức và không chính thức) đang được thực hiện ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói chung, ở tỉnh Lào Cai nói riêng, đánh giá những kết quả đạt được, các hạn chế, những nguyên nhân và xu hướng phát triển

của truyền thông vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Tìm hiểu thực trạng ý thức quốc gia của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc qua các tiêu chí đánh giá: nhận thức về quốc gia và quyền công dân, hiểu biết và sử dụng ngôn ngữ quốc gia, tình cảm đối với, sự tham gia và phản biện các chính sách kinh tế-xã hội ở địa phương. Đề tài cũng tìm hiểu những mối quan hệ đồng tộc, thân tộc và các mối quan hệ xã hội khác của các tộc người vùng biên giới. Từ đó, đưa ra những đánh giá xu hướng về ý thức quốc gia - dân tộc của một số tộc người vùng biên giới. Đánh giá những tác động, vai trò của truyền thông (cả tác động tích cực và các tác động không mong muốn) đến ý thức quốc gia, ý thức tộc người, ý thức tộc người xuyên quốc gia của các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự ảnh hưởng của truyền thông từ Trung Quốc và các nước khác. Đề xuất các kiến nghị về chính sách truyền thông để củng cố, tăng cường ý thức quốc gia ở các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Số hồ sơ lưu: 21863

88845.10-2023 Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại Viện Thông tin khoa học/ TS. Nguyễn Mạnh Hải, ThS. Trần Văn Anh; ThS. Phùng Thị Thanh Hà; TS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Phùng Thị Việt Hà; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân; ThS. Bùi Thị Hồng Hà; ThS.

Nguyễn Thị Lệ Thủy; ThS. Lưu Quang Đà; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; CN. Đỗ Thành Chung; ThS. Lê Thị Thanh Ngân; ThS. Lê Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Văn Thắng; CN. Nguyễn Thanh Hải; CN. Trần Thị Phương Hà; CN. Hồ Thị Loan; ThS. Vũ Thị Na; ThS. Nguyễn Trung Vệ - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận về hiệu quả sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học; đặc điểm, vai trò của kết quả nghiên cứu khoa học và yêu cầu sử dụng cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Khảo sát, đánh giá thực trạng khai thác, hiệu quả sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh từ năm 2018 đến nay. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại Viện Thông tin khoa học.

Số hồ sơ lưu: 21873

88881.10-2023 **Phát triển mô hình sinh kế các dân tộc thiểu số vùng biên giới tỉnh Kon Tum/** TS. Dương Thị Ngọc Bích, ThS. Trần Thị Thanh Thủy, PGS.TS. Hà Đình Thành, ThS. Nguyễn Thanh Thanh; ThS. Vũ Tiến Đức, ThS. Trần Văn Phúc, ThSV ã Thị Tuyết Lan, ThS. Thái Hữu Hùng, CN. Lê Ngọc Anh, CN. Phạm Văn Duệ - Đắk Lắk - Viện Khoa học xã hội vùng Tây

Nguyên, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa các khái niệm, lý thuyết liên quan đến cơ sở lý luận, cũng như cơ sở thực tiễn liên quan đến phát triển mô hình sinh kế đối với các dân tộc thiểu số vùng biên giới tỉnh Kon Tum như sinh kế, mô hình sinh kế, phát triển sinh kế bền vững, lý thuyết vùng văn hóa, sinh thái chính trị, xung đột tài nguyên và suy thoái môi trường. Khảo sát và phân tích thực trạng phát triển mô hình sinh kế của các dân tộc thiểu số vùng biên giới tỉnh Kon Tum. Nhận xét nguyên nhân và kết quả các mặt đạt được cũng như hạn chế của mô hình sinh kế trên quan điểm phát triển bền vững. Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị về việc phát triển các mô hình sinh kế có tính thực tế và khả thi với chính quyền địa phương và dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum nói riêng và vùng Tây Nguyên nói chung.

Số hồ sơ lưu: 21939

88925.10-2023 **Nông thôn đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2006 đến năm 2016/** PGS. TS. Đinh Quang Hải, ThS. Hoàng Thị Hà; TS. Trương Thùy Dung; TS. Lương Thị Hồng; ThS. Lê Văn Phong - Hà Nội - Viện Sử học, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát về nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long trước năm 2006. Chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ về phát triển nông nghiệp, nông thôn, quá trình phát triển kinh tế nông thôn và sự vận dụng của các tỉnh vùng đồng bằng

sông Cửu Long. Chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ và sự vận dụng của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long về phát triển văn hóa, xã hội ở khu vực nông thôn. Đánh giá thực trạng văn hóa, xã hội nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất một số giải pháp góp phần xây dựng và phát triển nông thôn đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 21959

88978.10-2023 **Nghiên cứu tác động của chính sách giáo dục đối với thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn Việt Nam/ TS. Vũ Văn Hùng, TS. Hồ Kim Hương; TS. Trần Quang Tuyền; TS. Trần Việt Thảo; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Nguyễn Ngọc Diệp; ThS. Đỗ Mạnh Tiến; Ths. Đoàn Ngọc Phước; ThS. Mai Hải An; CN. Lê Đại Hải - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Cơ sở lý luận và thực tiễn về tác động của chính sách giáo dục đối với thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn. Thực trạng về ban hành các chính sách phổ cập giáo dục, chính sách miễn giảm học phí, về ban hành chính sách hỗ trợ dạy nghề, đào tạo nghề, về chính sách tín dụng học sinh, sinh viên và về chính sách đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng cho giáo dục. Phân tích thực trạng tác động của chính sách giáo dục đối với thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn Việt Nam. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách giáo dục đối với thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22040

89116.10-2023 **Nghiên cứu về tổ chức phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài, hướng tới xây dựng phương thức tập hợp, kết nối phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài của Hội LHPN Việt Nam/ ThS. Nguyễn Thị Hoài Linh, ThS. Trần Thị Anh Thu; ThS. Vũ Thị Minh Hằng; ThS. Trần Thị Minh Hương; ThS. Nguyễn Thị Lê Hằng; ThS. Phạm Thị Thanh Dung; ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân; Nguyễn Thị Việt Hòa; Đỗ Vân Trang; Nguyễn Thị Hoàng Bích. - Hà Nội - Ban Quốc tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2022; 05/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Đề xuất phương thức tăng cường tập hợp phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài và kết nối giữa tổ chức phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong thời gian tới; đề xuất chính sách liên quan đến công tác phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài. Đề tài đã thực hiện khảo sát các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam, tiến hành phỏng vấn phiếu đối với phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức hội thảo tham vấn về các nội dung nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã cung cấp bức tranh về phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài, từ đó, đề xuất một số phương thức thu hút, tập hợp phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài, cũng như mở rộng các loại hình mạng lưới xã hội ở các cấp độ trong công tác thu hút, tập hợp phụ nữ.

Số hồ sơ lưu: 06/HPN.COSO.01/22

89126.10-2023 **Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của phụ nữ nông dân ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Minh Hương, TS. Phùng Thị Quỳnh Trang; ThS. Đặng Hương Giang; TS. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Thị Minh Hương; ThS. Đinh Thị Ánh Đào; ThS. Vũ Thị Ngọc Loan; ThS. Nguyễn Thị Hải Bình; ThS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Bảo Nga; ThS. Phạm Thị Bạch Huệ - Hà Nội - Ban Tuyên Giáo, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2021; 04/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu năng lực đổi mới sáng tạo của phụ nữ nông dân Việt Nam sẽ góp phần nâng cao đổi mới hiệu quả hoạt động của phụ nữ, giảm chi phí và gia tăng tính linh hoạt, tạo ra các giá trị bền vững. Nghiên cứu năng lực đổi mới sáng tạo của phụ nữ nông dân ở Việt Nam từ đó khuyến nghị chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo hết sức quan trọng. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng, Chính phủ cũng như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Kết quả nghiên cứu đề tài không chỉ cung cấp luận cứ khoa học cho Hội trong việc xác định rõ vai trò của mình trong việc hỗ trợ phụ nữ đổi mới sáng tạo mà còn cung cấp các căn cứ, luận điểm cho Lãnh đạo Hội phát biểu vận động chính sách tại diễn đàn của Quốc hội, Chính phủ, góp ý xây dựng văn bản của Đảng, Chính phủ như Văn kiện Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII nhiệm kỳ 2022-2027

Số hồ sơ lưu: 04/HPN.BO.04/21

89127.10-2023 **Tác động của việc thực hiện đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị đối với đội ngũ cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ ở cơ sở hiện nay/** ThS. Bùi Thị Hồng, Nguyễn Thị Kiều Oanh; Lương Thị Thủy; Nguyễn Vũ Ngọc Tú; Nguyễn Thị Bình Minh; Nguyễn Hồng Ly; Nguyễn Thị Hằng; Phạm Thị Thanh Dung; Phạm Thanh Huyền; Lê Thúy Oanh - Hà Nội - Ban Tổ chức, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2021; 02/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ tác động của chính sách mới và việc thực hiện đổi mới sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị đối với đội ngũ cán bộ Hội cấp cơ sở. Đề xuất một số giải pháp cụ thể về nâng cao nhận thức; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở; hướng các hoạt động về cơ sở; cải tiến công tác thi đua – khen thưởng và chủ động tham mưu, đề xuất chính sách cho cán bộ Hội cơ sở. Ngoài ra, nghiên cứu dựa trên đặc điểm, tính chất công việc của từng vị trí chức danh còn đưa ra những giải pháp cụ thể đối với chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Chi hội trưởng trước tác động của sự đổi mới tổ chức bộ máy. Đây là cơ sở quan trọng có ý nghĩa định hướng công tác chỉ đạo, điều hành và thiết kế các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở của các cấp Hội cho nhiệm kỳ 2021-2026, góp phần thực hiện Chiến lược Phát triển tổ chức Hội LHPN Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035.

Số hồ sơ lưu: 05/HPN.BO.05/21

89149.10-2023 **Nghiên cứu đề xuất xây dựng và phát triển phong trào dân vũ trong hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam/ TS. Nguyễn Hoàng Anh, CN. Nguyễn Thị Hải Bình; ThS. Đặng Thị Hương Giang; ThS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Vũ Thị Ngọc Loan; CN. Hoàng Thị Hương Nhung; CN. Đặng Xuân Thúy; CN. Phan Thị Ngọc Ni; ThS. Đỗ Minh Thúy; CN. Đỗ Vân Trang - Hà Nội - Ban Tuyên Giáo, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2021; 04/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã tổ chức các hoạt động tập thể thao, hình thành nhiều CLB như đánh cầu lông, bóng đá, nhảy dân vũ... Tại các địa phương, thời gian qua, phong trào dân vũ đã thu hút rất nhiều hội viên, phụ nữ tham gia. Bên cạnh đó, việc xây dựng phong trào dân vũ đã góp phần đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng tại các địa phương, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh đồng thời đa dạng hóa các hình thức thu hút, tập hợp hội viên tham gia sinh hoạt với tổ chức Hội. Để tiếp tục đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng, lấy phong trào dân vũ trong tổ chức Hội làm nòng cốt, các cấp Hội cần có những biện pháp, loại hình đa dạng và phong phú để triển khai và nhân rộng. Đề xuất các giải pháp và định hướng phát triển phong trào dân vũ trong hệ thống Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thời gian tới, góp phần xây dựng người phụ nữ thời đại mới phát triển toàn diện

Số hồ sơ lưu: 05/HPN.COSO.05/21

50499. Xã hội học khác

88852.10-2023 **Thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho người cao tuổi miền núi phía Bắc/ TS. Lê Ngọc Lân, ThS. Nguyễn Hà Đông; TS. Trần Thị Hồng; TS. Trịnh Thái Quang; TS. Trần Quý Long; ThS. Lỗ Việt Phương; ThS. Nguyễn Đức Tuyền; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu gia đình và giới, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Đánh giá thực trạng đời sống kinh tế của người cao tuổi các dân tộc tại địa bàn nghiên cứu và việc thụ hưởng chính sách trợ giúp về kinh tế (thường xuyên và không thường xuyên); Đánh giá thực trạng việc tham gia bảo hiểm y tế và thụ hưởng các trợ giúp trong sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của NCT miền núi tại các cơ sở y tế. Đánh giá việc thụ hưởng một số chính sách hỗ trợ xã hội không thường xuyên (về nhà ở, các dịch vụ xã hội) cho NCT miền núi phía Bắc hiện nay. Từ đó, đề xuất các giải pháp về chính sách nhằm hoàn thiện các chính sách trợ giúp xã hội nói chung, trợ giúp xã hội cho NCT vùng dân tộc, miền núi nói riêng.

Số hồ sơ lưu: 21886

50501. Luật học

88069.10-2023 **Báo cáo tổng kết Chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ 2017-2021 "Những vấn đề pháp lý mới phát sinh trong tư pháp quốc tế và trong khuôn khổ**

hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế"/ TS. Nguyễn Văn Cương, ThS. Cao Xuân Phong; ThS. Phạm Hồ Hương; ThS. Hà Tú Cầu; ThS. Lê Xuân Tùng; ThS. Trần Thị Lan Phương; ThS. Đào Bá Minh; ThS. Hoàng Ngọc Bích; CN. Nguyễn Thị Thanh Xuân; CN. Bùi Thị Phương Anh - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2023; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề pháp lý mới phát sinh trong tư pháp quốc tế gắn liền với Việt Nam. Đánh giá kết quả nghiên cứu về việc gia nhập một số Điều ước quốc tế cụ thể của Hội nghị La Hay và của Liên Hợp Quốc. Những giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về tư pháp quốc tế gắn liền các định hướng về phát triển tư pháp quốc tế tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21996

88070.10-2023 Công ước Liên hợp quốc về thỏa thuận giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải: nội dung và khả năng gia nhập của Việt Nam/ ThS. Bạch Quốc An, CN. Lê Hoài Anh; ThS. Phạm Hồ Hương; PGS. TS. Nguyễn Minh Hằng; ThS. Phan Thị Thu Hà; ThS. Dương Quốc Thành; ThS. Nguyễn Trung Nam; ThS. Đoàn Thanh Huyền; ThS. Cao Xuân Phong; CN. Phùng Thị Hoàn; CN. Trần Thị Minh Hà; ThS. Dương Thị Bích Đào; ThS. Hoàng Ngọc Bích; ThS. Lê Xuân Tùng; CN. Đào Bá Minh; ThS. Bùi Thị Vân Anh - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2023; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề lý luận về công nhận và thi hành thỏa thuận hòa giải thương mại quốc tế và công ước Liên Hợp quốc về thỏa thuận giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế thông qua hòa giải. Kinh nghiệm quốc tế về công nhận và thi hành thỏa thuận giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế thông qua hòa giải và kinh nghiệm về gia nhập, thực thi công ước Liên Hợp quốc về thỏa thuận giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế thông qua hòa giải. Quy định pháp luật và thực tiễn của Việt Nam về hòa giải thương mại quốc tế, công nhận và thi hành thỏa thuận hòa giải thương mại quốc tế. Đánh giá về khả năng gia nhập công ước Liên Hợp quốc về thỏa thuận giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế thông qua hòa giải của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22044

88071.10-2023 Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư/ ThS. Đinh Công Tuấn, ThS. Nguyễn Hoàng Chi Mai; GS.TS. Nguyễn Minh Đức; PGS.TS. Trần Văn Độ; PGS.TS. Cao Thị Oanh; PGS.TS. Trịnh Tiến Việt; TS. Hoàng Thị Quỳnh Chi; TS. Lê Thị Vân Anh; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Nguyễn Minh Khuê; TS. Chu Thị Hoa; ThS. Nguyễn Ngọc Sơn; ThS. Kiều Thị Hào; ThS. Ngô Thanh Xuyên; ThS. Doãn Nhật Linh - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2023; 03/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về tội phạm và hình phạt dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đánh giá thực trạng pháp luật hình sự Việt Nam về phòng, chống tội phạm và xử lý vấn đề mới phát sinh trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đánh giá kinh nghiệm quốc tế về hoàn thiện pháp luật hình sự trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từ đó rút ra những bài học có thể tham khảo cho Việt Nam trong việc hoàn thiện pháp luật hình sự đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp có hiệu quả nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Số hồ sơ lưu: 21995

88074.10-2023 **Công ước La Hay về quyền tài phán, luật áp dụng, công nhận, thi hành và hợp tác liên quan đến trách nhiệm của cha mẹ và các biện pháp bảo vệ trẻ em năm 1996: nội dung và khả năng gia nhập/** TS. Nguyễn Minh Khuê, ThS. Lê Xuân Tùng; TS. Nguyễn Hữu Huyền; ThS. Phạm Hồ Hương; ThS. Hà Đình Bốn; ThS. Cao Xuân Phong; TS. Ngô Thị Ngọc Vân; TS. Phạm Thị Thanh Nga; ThS. Phạm Liên; ThS. Đào Bá Minh; ThS. Ngô Thanh Xuyên; ThS. Nguyễn Thị Hằng Như; CN. Bùi Phương Anh; CN. Nguyễn Hữu Thắng; CN. Trần Thị Minh Hà; ThS. Hoàng Thị Ngọc Bích - Hà Nội -

Viện Khoa học pháp lý, 2023; 05/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Những nội dung cơ bản về công ước La Hay 1996 và kinh nghiệm gia nhập công ước La Hay của một số nước thành viên, bài học cho Việt Nam. Pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng liên quan đến nội dung công ước. bối cảnh và nhu cầu thực tiễn ở Việt Nam về liên quan đến phạm vi điều chỉnh của công ước. Đánh giá tác động, thuận lợi và thách thức, khó khăn đối với Việt Nam khi gia nhập công ước. Đề xuất một số kiến nghị có liên quan đến việc gia nhập công ước của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21999

88076.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất trình tự, thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Hoàng Mai, ThS. Hoàng Bích Hồng; ThS. Nguyễn Quang Hồng; ThS. Hoàng Minh Sơn; ThS. Nguyễn Hồng Hạnh; ThS. Dương Xuân Điệp; CN. Nguyễn Mạnh Đông; ThS. Khuất Thị Thu Hạnh; ThS. Hoàng Thị Lan Phương; ThS. Phạm Thị Minh - Hà Nội - Viện Khoa học Môi trường, 2023; 10/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về bồi thường thiệt hại và trình tự, thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường. Kinh nghiệm một số nước trên thế giới về bồi thường thiệt hại và trình tự, thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường. Đánh giá thực trạng bồi thường thiệt

hại về môi trường tại Việt Nam. Đề xuất trình tự, thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường dựa trên Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi và áp dụng thử nghiệm trình tự, thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường trên một vụ việc cụ thể. Xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường dựa trên Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi.

Số hồ sơ lưu: 21953

88078.10-2023 **Khung pháp luật theo mô hình EU: những vấn đề lý luận và thực tiễn/** GS. TS. Lê Hồng Hạnh, ThS. Đào Bá Minh; TS. Đoàn Trung Kiên; PGS.TS. Vũ Thu Hạnh; PGS.TS. Nguyễn Hiền Phương; PGS.TS. Trần Thăng Long; PGS.TS. Bành Quốc Tuấn; TS. Đào Lê Thu; TS. Nguyễn Thị Hồng Yên; TS. Nguyễn Toàn Thắng; ThS. Cao Xuân Phong; ThS. Lê Xuân Tùng; ThS. Trịnh Tuấn Anh - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2021; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ được những vấn đề lý luận về khung pháp luật và vai trò của khung pháp luật trong quá trình hài hòa hóa, nhất thể hóa pháp luật tại EU. Nghiên cứu thực trạng của khung pháp luật của EU trong một số lĩnh vực ở khía cạnh của tư pháp quốc tế và đánh giá tác động của khung pháp luật đến quá trình hài hòa hóa, nhất thể hóa tại các quốc gia thành viên EU. Nghiên cứu về khung pháp luật của ASEAN tại một số lĩnh vực dưới góc độ của tư pháp quốc tế và đánh giá quá trình hài hòa

hóa các khung pháp luật này tại Cộng đồng. Đưa ra các khuyến nghị về nâng cao vai trò của Việt Nam trong quá trình xây dựng khung pháp luật và hài hòa hóa pháp luật tại ASEAN.

Số hồ sơ lưu: 22111

88081.10-2023 **Hoàn thiện pháp luật về dân chủ trực tiếp theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIII của Đảng/** TS. Lê Thị Thiều Hoa, ThS. Hòa Thị Thủy; PGS.TS. Vũ Công Giao; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Nguyễn Hải Long; TS. Nguyễn Quang Anh; TS. Trương Hồng Quang; ThS. Nguyễn Thị Hằng Như; ThS. Hoàng Diệu My; PGS.TS. Phạm Hữu Nghị - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2023; 03/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, củng cố được hệ thống lý luận về dân chủ trực tiếp và pháp luật về dân chủ trực tiếp. Nhận diện yêu cầu hoàn thiện pháp luật về dân chủ trực tiếp theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Đánh giá hệ thống pháp luật với yêu cầu thể chế hóa quan điểm của Đại hội XIII về dân chủ trực tiếp ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật về dân chủ trực tiếp theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Số hồ sơ lưu: 21998

88082.10-2023 **Hoàn thiện Luật Phí và lệ phí/** ThS. Trịnh Quang Hưng, ThS. Nguyễn Tuấn Cường; CN. Phạm Hà Linh; CN. Lê Hương Chi; ThS. Lê Hà Thu; ThS. Trương Huỳnh Thắng; ThS. Nguyễn

Lê Phương Anh; ThS. Nguyễn Phong Vũ; ThS. Nguyễn Huy Quang; ThS. Tạ Hồng Sơn - Hà Nội - Vụ Chính sách thuế, Bộ Tài chính, 2023; 01/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý luận về phí, lệ phí và đánh giá tổng quan tình hình thực tiễn triển khai thực hiện chính sách phí và lệ phí theo quy định tại Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13. Đề xuất giải pháp điều chỉnh chính sách phí, lệ phí trong thời gian tới nhằm góp phần hoàn thiện chính sách tài chính, đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước. Nghiên cứu việc tăng cường công tác quản lý nhà nước, khuyến khích thu hút nguồn lực xã hội tham gia cung cấp dịch vụ công, nâng cao ý thức người dân về bảo vệ môi trường, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng kinh tế - xã hội.

Số hồ sơ lưu: 21981

88108.10-2023 **Giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài bằng trọng tài và hòa giải trực tuyến - Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam/** ThS. Cao Xuân Phong, ThS. Đào Bá Minh; TS. Chu Thị Hoa; ThS. Lê Xuân Tùng; ThS. Trần Thị Lan Phương; ThS. Vũ Thu Hằng; ThS. Nguyễn Hưng Quang; ThS. Hà Tú Cầu; TS. Nguyễn Ngọc Hà; TS. Hà Công Anh Bảo; ThS. Nguyễn Thị Hằng Như; Trần Anh Huy; CN. Nguyễn Hữu Thắng; CN. Bùi Thị Phương Anh - Hà Nội - Viện Khoa

học pháp lý, 2023; 05/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề lý luận về tranh chấp và giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài bằng hòa giải và trọng tài trực tuyến. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển trọng tài và hòa giải trực tuyến. Thực trạng nhận thức của các đối tượng liên quan về hòa giải và trọng tài trực tuyến. Thực tiễn phát triển hòa giải và trọng tài trực tuyến trong giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay và một số thách thức khi áp dụng mô hình trọng tài, hòa giải trực tuyến tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21997

88251.10-2023 **Hoàn thiện khung khổ pháp luật tài chính đối với sở hữu trí tuệ ở Việt Nam/** CN. Đào Vũ, ThS. Đoàn Thị Huyền; ThS. Nguyễn Ngọc Ánh; ThS. Tạ Thị Lan; ThS. Hoàng Thị Thanh; ThS. Vũ Thị Thảo; ThS. Nguyễn Trường Giang; CN. Nguyễn Ngọc Ninh; ThS. Trần Thu Giang; ThS. Lê Thanh Phương - Hà Nội - Vụ Pháp chế, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các nội dung tổng quan về sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu trí tuệ, khung khổ pháp luật tài chính đối với sở hữu trí tuệ; kinh nghiệm quốc tế về tài chính đối với sở hữu trí tuệ và bài học cho Việt Nam. Phân tích thực trạng khung khổ pháp luật tài chính đối với sở hữu trí tuệ (như: pháp luật thuế, phí lệ phí; hải quan; ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng, khai thác tài sản trí tuệ hình

thành từ ngân sách nhà nước; pháp luật về định giá đối với sở hữu trí tuệ). Đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế. Đề xuất các giải pháp, lộ trình hoàn thiện khung khổ pháp luật về tài chính đối với sở hữu trí tuệ phù hợp với chủ trương định hướng chung của Đảng và Nhà nước, các cam kết của Việt Nam khi tham gia các Điều ước quốc tế gắn với các nội dung của Luật sở hữu trí tuệ (sửa đổi) năm 2022.

Số hồ sơ lưu: 22538

88803.10-2023 **Nghiên cứu, đề xuất một số cơ sở lý luận định hướng sửa đổi Luật bưu chính/** ThS. Lê Văn Chung, CN. Trần Thị Thu Hà; CN. Hoàng Bảo Ngọc; CN. Khổng Thị Hương; ThS. Tăng Văn Tuấn; CN. Hoàng Thị Hằng; CN. Lương Thị Thanh Mai - Hà Nội - Vụ Bưu chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá sơ bộ hiện trạng thực thi Luật Bưu chính 2010 và các quy định pháp luật liên quan. Khảo sát kinh nghiệm quốc tế liên quan đến việc phát triển lĩnh vực bưu chính ở một số quốc gia có điều kiện tương đồng với Việt Nam. Đề xuất một số cơ sở lý luận định hướng sửa đổi Luật Bưu chính 2010 phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21820

88981.10-2023 **Xử lý người có hành vi tham nhũng/** TS. Nguyễn Văn Tuấn, CN. Nguyễn Đình Bình;

TS. Nguyễn Văn Kim; ThS. Nguyễn Văn Tùng; ThS. Trương Khánh Hải; ThS. Nguyễn Hồng Thắm; ThS. Văn Tiến Mai; ThS. Nguyễn Thế Anh; ThS. Phạm Thị Phượng; ThS. Hoàng Quốc Tráng; ThS. Nguyễn Thị Hải Yên; ThS. Nguyễn Thị Bích Hương; CN. Nguyễn Lê Thu Phương; CN. Hoàng Thị Thủy - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2023; 04/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan những vấn đề lý luận về xử lý người có hành vi tham nhũng. Chính sách, pháp luật về xử lý người có hành vi tham nhũng. Thực trạng xử lý người có hành vi tham nhũng. Đề xuất quan điểm, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xử lý người có hành vi tham nhũng.

Số hồ sơ lưu: 22043

50601. Khoa học chính trị

88258.10-2023 **Chi tiêu quốc phòng của Mỹ và tác động của nó tới cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc - Nga/** PGS. TS. Cù Chí Lợi, TS. Lê Thị Vân Nga; TS. Nguyễn Lan Hương; TS. Hoàng Thế Anh; TS. Nguyễn Khánh Vân; TS. Nguyễn Ngọc Mạnh; TS. Nguyễn Thị Hải Yên; ThS. Vũ Thị Thuý Nga; CN. Ngô Thị Nguyệt; CN. Nguyễn Thị Hương - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Châu Mỹ, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích cạnh tranh chiến lược, chi tiêu quốc phòng của Mỹ dưới tác động của các nhân tố trong và ngoài nước và so sánh chi tiêu quốc phòng của Mỹ với Nga và Trung Quốc;

Đánh giá tác động của biến đổi chỉ tiêu quốc phòng của Mỹ tới năng lực quốc phòng và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc - Nga và xu thế cạnh tranh chiến lược của ba siêu cường hiện tại và trong tương lai; Phân tích tác động của thay đổi chỉ tiêu quốc phòng và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc - Nga tới môi trường phát triển của Việt Nam và đưa ra các khuyến nghị về chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22470

88459.10-2023 Nghiên cứu mô hình hoạt động của cơ quan điều phối chính sách đối mới sáng tạo ở một số quốc gia và gợi suy cho Việt Nam/ ThS. Đinh Tuấn Minh, PGS.TS. Hoàng Minh; ThS. Nguyễn Võ Hưng; TS. Đinh Thị Thanh Bình; ThS. Trần Sơn Tùng; CN. Phạm Thị Thắm; ThS. Nguyễn Thùy Liên; CN. Hoàng Văn Trung; CN. Phạm Thị Linh; ThS. Nguyễn Thanh Tùng - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2022; 06/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá sự cần thiết của cơ quan điều phối chính sách ĐMST từ kinh nghiệm của một số quốc gia; Tìm hiểu các mô hình cơ quan điều phối chính sách ĐMST trên thế giới; Rà soát hiện trạng các cơ quan điều phối chính sách liên ngành ở Việt Nam; Đánh giá hiện trạng quản lý, điều phối chính sách ĐMST ở Việt Nam; Đề xuất mô hình điều phối chính sách ĐMST2 phù hợp trong điều kiện của Việt Nam hiện nay

Số hồ sơ lưu: 22370

88683.10-2023 Cạnh tranh chiến lược Ấn - Trung tại khu vực Nam Á giai đoạn 2000 - 2020 và dự báo đến 2030/ TS. Trần Hoàng Long, ThS. Nguyễn Thị Oanh; ThS. Nguyễn Lê Thy Thương; ThS. Nguyễn Thị Hiên; TS. Huỳnh Thanh Loan; ThS. Nguyễn Thị Doan; ThS. Nguyễn Trung Đức; TS. Huỳnh Trọng Hiền; ThS. Nguyễn Đắc Tùng; ThS. Lê Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ khái niệm và phân biệt sự khác nhau nội hàm cạnh tranh, cạnh tranh chiến lược, chỉ ra các phương thức của cạnh tranh chiến lược. Phân tích cơ sở hình thành sự cạnh tranh chiến lược Ấn Độ và Trung Quốc tại khu vực Nam Á. Phân tích thực trạng sự cạnh tranh chiến lược Ấn- Trung trên các lĩnh vực; chính trị - ngoại giao, an ninh, kinh tế, khoa học- công nghệ. Đánh giá đặc điểm, tác động sự cạnh tranh này đối với Ấn Độ và Trung Quốc và khu vực Nam Á, đưa ra những kịch bản dự báo về sự cạnh tranh này đến năm 2030. Đưa ra những hàm ý chính sách của Việt Nam đối với Ấn Độ và Trung Quốc cũng như bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong việc tận dụng những cơ hội thuận lợi, giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực từ sự cạnh tranh giữa các nước lớn và trong khu vực.

Số hồ sơ lưu: 22090

88854.10-2023 Chính sách của Mỹ đối với khu vực Trung Đông Mở rộng nhìn từ Thỏa thuận Hoà

bình Mỹ - Taliban/ TS. Nguyễn Khánh Vân, TS. Lê Thị Thu Hằng; TS. Nguyễn Kim Anh; ThS. Vũ Thị Hưng; ThS. Nguyễn Thuý Quỳnh; ThS. Phạm Ngọc Lam Giang; ThS. Ngô Lan Anh; CN. Nguyễn Vũ Ngọc Huyền; CN. Ngô Thị Nguyệt; CN. Nguyễn Thị Hương - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Châu Mỹ, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích làm rõ bối cảnh ra đời, các nội dung và sự điều chỉnh trong chính sách Trung Đông Mở rộng của Mỹ. Phân tích làm rõ bối cảnh, nội dung và tác động của Thỏa thuận hòa bình Mỹ - Taliban. Đưa ra dự báo về những điều chỉnh và tác động trong chính sách của Mỹ đối với khu vực Trung Đông Mở rộng trên khía cạnh an ninh - quân sự và đối ngoại - quan hệ quốc tế từ sau Thỏa thuận Hoà bình Mỹ - Taliban. Đưa ra một số hàm ý cho Việt Nam trong hoạt động quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ với Mỹ nói riêng.

Số hồ sơ lưu: 21889

88867.10-2023 Sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc hiện nay: Tác động đến kinh tế thế giới và hàm ý chính sách cho Việt Nam/ ThS. Nguyễn Hồng Bắc, TS. Đặng Hoàng Hà; TS. TS. Phạm Mạnh Hùng; ThS. ThS. Nguyễn Đình Ngân; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Nhàn; TS. Phạm Quỳnh Hương; CN. Trần Thị Thu Thủy; Nguyễn Hải Quân - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá đối tượng chủ nghĩa dân tộc một cách đa chiều, với cách tiếp cận học thuật của hệ tư tưởng, tâm lý hành vi đối với lãnh tụ hay thành viên phong trào, cũng như cách phân tích chính sách đối với chủ nghĩa dân tộc như một công cụ kinh tế . Làm rõ cơ sở lý luận, lý thuyết về chủ nghĩa dân tộc. Phân tích sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc và tác động của chủ nghĩa dân tộc đến kinh tế thế giới trong ba thập kỷ đầu trong thế kỷ 21. Đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21908

88868.10-2023 Chính sách của một số quốc gia Đông Nam Á đối với vấn đề Biển Đông và hàm ý cho Việt Nam/ PGS. TS. Dương Văn Huy, TS. Hoàng Thị Giang; ThS. Trịnh Hải Tuyền; TS. Trương Quang Hoàn; TS. Nguyễn Tuấn Anh; CN. Vũ Thị Bích Thảo - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ quan điểm lập trường và chính sách của một số quốc gia Đông Nam Á đối với vấn đề Biển Đông, bao gồm nhóm các quốc gia có yêu sách chủ quyền như: Philippines, Malaysia và Brunei, và nhóm các quốc gia không có yêu sách chủ quyền như: Indonesia, Singapore, Thái Lan, Campuchia, Myanmar và Lào. Làm rõ thực tế thể hiện quan điểm, lập trường và triển khai chính sách của các quốc gia Đông Nam Á đối với vấn đề Biển Đông từ năm 2009 đến nay. Làm rõ tác động của những yếu tố trên đối

với Việt Nam. Từ đó, đưa ra các giải pháp cho Việt Nam nhằm bảo vệ chủ quyền ở Biển Đông, cũng như hợp tác giữa Việt Nam và Đông Nam Á liên quan đến giải quyết vấn đề Biển Đông.

Số hồ sơ lưu: 21913

88875.10-2023 **Biến động chính trị, kinh tế, xã hội, đối ngoại của Thái Lan từ năm 2014 đến nay và tác động tới ASEAN/** TS. Nguyễn Hồng Quang, TS. Hà Lê Huyền; ThS. Nguyễn Quế Thương; ThS. Đàm Thị Đào; TS. Trương Quang Hoàn; Vũ Thị Bích Thảo - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình chính trị Thái Lan và những nguyên nhân chính dẫn đến biến động chính trị, kinh tế, xã hội, đối ngoại của Thái Lan. Đánh giá thực trạng biến động về chính trị, kinh tế, xã hội, đối ngoại của Thái Lan trong giai đoạn từ sau cuộc đảo chính 2014 đến nay và rút ra những nhận định đánh giá chung giai đoạn này. Đánh giá những tác động về chính trị, kinh tế, xã hội, đối ngoại tại Thái Lan tới ASEAN, tới Việt Nam và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21929

88877.10-2023 **Con đường tơ lụa kỹ thuật số của Trung Quốc và đối sách của Việt Nam/** TS. Chu Phương Quỳnh, ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; ThS. Nguyễn Đình Ngân; PGS. TS. Phạm Thái Quốc; PGS. TS. Chu Đức Dũng; TS.

Nghiêm Tuấn Hùng; TS. Phạm Sỹ Thành; Nguyễn Trần Minh Trí; Ngô Thị Phương Lan; Nguyễn Thị Thúy - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích sự hình thành và phát triển của Con đường tơ lụa kỹ thuật số của Trung Quốc. Đánh giá tác động và phản ứng của một số quốc gia đối với Con đường tơ lụa kỹ thuật số của Trung Quốc. Đánh giá triển vọng của Con đường tơ lụa kỹ thuật số của Trung Quốc và đề xuất hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21931

88954.10-2023 **Thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nay/** TS. Đinh Thị Hương Giang, ThS. Mai Thị Thanh Tâm; TS. Lê Đình Mùi; PGS. TS. Nguyễn Thị Báo; PGS. TS. Trương Hồ Hải; TS. Dương Thị Tươi; ThS. Nguyễn Thị Bích Lan; PGS. TS. Vũ Công Giao; ThS. Trần Danh Tuấn; ThS. Trần Phụng Vương; ThS. Nguyễn Văn Thơ; ThS. Âu Thị Tâm Minh; TS. Trần Văn Long; ThS. Nguyễn Thị Yến; CN. Sầm Linh Chi - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về thu hồi tài sản tham nhũng. Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về thu hồi tài sản tham nhũng và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Thực trạng pháp luật và kết quả tổ chức thực hiện pháp luật về thu hồi tài sản tham nhũng. Quan điểm và giải pháp

bảo đảm thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22004

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

88047.10-2023 **Cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh COVID-19/** PGS. TS. Hồ Thủy Tiên, TS. Trần Thị Kim Oanh; TS. Nguyễn Tấn Hưng; ThS. Hoàng Thái Hưng; TS. Lê Đình Hạc; TS. Nguyễn Việt Hồng Anh; ThS. Phạm Thanh Truyền; ThS. Vũ Bảo Tú Uyên; Hồ Quốc Công; Nguyễn Bình Minh - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài chính - Marketing, 2023; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng quản lý ngân sách nhà nước của Việt Nam trong bối cảnh Covid-19. Đánh giá thực trạng an ninh tài chính của Việt Nam trong bối cảnh Covid-19. Đánh giá thực trạng sự ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong bối cảnh Covid-19. Nghiên cứu thực nghiệm tác động của ngân sách nhà nước đến an ninh tài chính và ổn định kinh tế vĩ mô tại Việt Nam. Đề xuất cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh Covid-19.

Số hồ sơ lưu: 22048

88054.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc lá thuốc lá tại vùng nguyên liệu thuốc lá Việt Nam/** KS.

Nguyễn Công Trí, Nguyễn Ngọc Kiên; Nguyễn Trần Nghĩa ; Nguyễn Quốc Tuấn; Đào Nam Cao; Nguyễn Đức Phương; Phạm Tiến Lập; Đỗ Công Thành ; Phan Thị Xuân Quỳnh ; Trịnh Anh Tuấn; Trần Thắng ; Cao Thị Thúy; Khổng Thị Minh Huệ; Nguyễn Thị Tuyết Mai; Nguyễn Hữu Lâm; Lê Minh Đạt; Nguyễn Quốc Hiền; Nguyễn Thế Hùng; Phan Cảnh Bình - Hà Nội - Công ty Cổ phần Công nghệ Xác Thực Số, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hiện trạng về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa nói chung và chất lượng lá thuốc lá tại vùng nguyên liệu thuốc lá Việt Nam. Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa và truy xuất nguồn gốc. Nghiên cứu thực địa hiện trạng quy trình tổ chức vận hành, quản lý chất lượng sản phẩm lá thuốc lá tại các vùng nguyên liệu tại Cao Bằng và Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam. Tiến hành thử nghiệm thí điểm ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho một mùa vụ thuốc lá hoàn chỉnh tại vùng nguyên liệu tại Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá chi nhánh Cao Bằng, với sự tham gia của cán bộ quản lý khu vực của doanh nghiệp, các cán bộ của tổ thu mua của doanh nghiệp, tập thể nông hộ/ nhóm nông hộ.

Số hồ sơ lưu: 22009

88056.10-2023 **Hoàn thiện chính sách tài chính hỗ trợ ngành nông nghiệp ở Việt Nam thích ứng biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030/** PGS.TS. Nguyễn Bá Minh,

ThS. Lê Vũ Thanh Tâm; TS. Nguyễn Đức Độ; ThS. Tạ Văn Thắng; CN. Phạm Minh Thụy; ThS. Vũ Thị Đào; ThS. Cao Tiến Hạnh; ThS. Nguyễn Hữu Đại; ThS. Nguyễn Bá Linh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền - Hà Nội - Học viện tài chính, 2023; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về tác động biến đổi khí hậu đến ngành nông nghiệp. Kinh nghiệm các nước trên thế giới về chính sách tài chính hỗ trợ ngành nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu. Lý luận về chính sách tài chính hỗ trợ ngành nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu. Thực trạng chính sách tài chính hỗ trợ ngành nông nghiệp ở Việt Nam thích ứng biến đổi khí hậu giai đoạn 2011-2021. Giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính hỗ trợ ngành nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu ở Việt Nam từ nay đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 22008

88068.10-2023 **Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ngành Bảo hiểm xã hội theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015/** ThS. Chu Mạnh Sinh, ThS. Nguyễn Thị Hường; CN. Nguyễn Văn Tĩnh; ThS. Nguyễn Hòa Bình; ThS. Ngô Thị Bích Hạnh; ThS. Ngô Thanh Thương; Nguyễn Trung Quý; ThS. Hoàng Thị Huệ; CN. Vũ Quốc Huy; ThS. Hà Thị Hiền; ThS. Bùi Ngọc Thắng; CN. Phạm Thúy Nga; CN. Đào Thị Hồng; ThS. Lê Bá Thành - Hà Nội - Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Thực trạng triển khai, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam giai đoạn 2013-2020. Giải pháp thực hiện chuyển đổi việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21952

88073.10-2023 **Phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp giai đoạn từ nay đến năm 2030/** TS. Chu Thị Hoa, ThS. Trần Thu Trang; ThS. Phan Thị Hồng Hà; TS. Vũ Hoài Nam; TS. Nguyễn Quỳnh Liên; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Nguyễn Thị Kim Liên; ThS. Dương Bạch Long; TS. Trương Hồng Quang; ThS. Đinh Công Tuấn; Ths. Dương Thu Hương; ThS. Đào Bá Minh; ThS. Lê Xuân Tùng; CN. Ngô Xuân Kỳ; Bùi Thị Phương Anh - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2023; 03/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề lý luận cơ bản về phân quyền, phân cấp trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp. Đánh giá thực trạng phân quyền, phân cấp trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp. Bối cảnh và những tác động

đến phân quyền, phân cấp trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp giai đoạn từ nay đến năm 2030. Một số giải pháp cụ thể hoàn thiện việc phân quyền, phân cấp trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp giai đoạn từ nay đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 22038

88077.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí, quy trình đánh giá trình độ và năng lực công nghệ một số dịch vụ công ngành tài nguyên và môi trường/** ThS. Vũ Đăng Tiếp, ThS. Phan Thị Thu Hương; TS. Mai Thanh Dung; TS. Nguyễn Tùng Lâm; ThS. Đoàn Thế Hùng; TS. Dương Văn Khánh; ThS. Nguyễn Xuân Đạo; TS. Nguyễn Thị Thùy Hương; ThS. Phạm Thị Thùy; ThS. Nguyễn Duy Dũng - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên Và Môi Trường, 2023; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế về xây dựng bộ tiêu chí, quy trình đánh giá trình độ và năng lực công nghệ đối với dịch vụ công ngành tài nguyên môi trường. Đánh giá thực trạng trình độ và năng lực công nghệ của một số đơn vị cung ứng dịch vụ công về điều tra cơ bản và quan trắc, dự báo thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Xây dựng bộ tiêu chí, quy trình đánh giá trình độ và năng lực công nghệ đối với dịch vụ công về điều tra cơ bản và quan trắc, dự báo tài nguyên môi trường. Thử nghiệm bộ tiêu chí, quy trình đánh giá trình

độ và năng lực công nghệ đối với dịch vụ công về điều tra cơ bản và quan trắc, dự báo tài nguyên môi trường.

Số hồ sơ lưu: 21961

88098.10-2023 **Nghiên cứu triển khai mở rộng Hệ thống Tiếp nhận và xử lý kiến nghị trực tuyến ngành Thông tin và Truyền thông tới đối tượng công dân/** ThS. Đồng Hải Hà, ThS. Hoàng Thị Phương Lựu; CN. Lê Thị Thu Hiền; ThS. Hồ Thị Thanh; KS. Nguyễn Thị Thanh Hòa; CN. Ngô Tùng Lâm; CN. Lưu Văn Điệp; CN. Đỗ Thúy Nga; ThS. Nguyễn Tuấn Linh; ThS. Nguyễn Văn Thuật - Hà Nội - Văn phòng Bộ Thông tin và Truyền thông, 2023; 05/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá tổng quan quy định pháp luật về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của công dân và hiện trạng tiếp nhận, xử lý kiến nghị của công dân tại Bộ Thông tin và Truyền thông. Kinh nghiệm triển khai, tiếp nhận và xử lý kiến nghị của công dân tại một số nước trên thế giới bằng hình thức trực tuyến. Phương thức triển khai tiếp nhận và xử lý kiến nghị của công dân trên hệ thống trực tuyến của cơ quan quản lý nhà nước tại Việt Nam. Đề xuất phương án triển khai mở rộng hệ thống tiếp nhận và xử lý kiến nghị trực tuyến ngành thông tin và truyền thông tới đối tượng công dân.

Số hồ sơ lưu: 21967

88099.10-2023 **Chính sách thúc đẩy đầu tư các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện chiến lược bảo vệ**

môi trường quốc gia của Việt Nam/ TS. Nguyễn Trọng Nghĩa, TS. Đào Văn Tú; TS. Đỗ Tiến Tới; TS. Đỗ Thị Minh Nhâm; TS. Trương Thị Đức Giang; TS. Lê Minh Thu; TS. Nguyễn Quang Hiệp; ThS. Vũ Văn Hoàng; ThS. Đỗ Minh Ngọc - Hưng Yên - Trường đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh, 2023; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước, cùng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến bảo vệ môi trường. Cơ sở khoa học về các chính sách thúc đẩy đầu tư các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia của Việt Nam. Thực trạng các chính sách thúc đẩy đầu tư các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia của Việt Nam. Đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện các chính sách thúc đẩy đầu tư các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21973

88116.10-2023 Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng thông tin báo chí của ngành BHXH/ ThS. Nguyễn Hải Hồng, ThS. Nguyễn Thị Việt; CN. Bùi Đình Cự; ThS. Hà Thị Bích Thủy; CN. Phạm Văn Mẫn; CN. Đỗ Trần Mai Thương; CN. Nguyễn Tiến Khải; CN. Nguyễn Thanh Huyền; CN. Nguyễn Thanh Hằng; CN. Vũ Thị Thu - Hà Nội - Tạp chí Bảo hiểm xã hội, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về thông tin báo chí và thông tin báo chí của ngành BHXH. Phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng thông tin báo chí của ngành BHXH giai đoạn 2017-2020. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng thông tin báo chí của ngành BHXH.

Số hồ sơ lưu: 21883

88140.10-2023 Hoàn thiện chính sách thuế đối với chương trình hưu trí tự nguyện tại Việt Nam/ ThS. Cao Thị Thanh Lan, CN. Phạm Thị Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh; ThS. Tống Ngọc Giáp; ThS. Nguyễn Hữu Tuấn; ThS. Nguyễn Thu Trang; CN. Đặng Thị Phương Hoa; CN. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Phan Thị Hồng Gám - Hà Nội - Vụ Chính sách thuế, 2023; 11/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Lý luận chung về chương trình hưu trí tự nguyện và chính sách thuế đối với chương trình hưu trí tự nguyện. Kinh nghiệm quốc tế trong việc áp dụng chính sách thuế phát triển chương trình hưu trí tự nguyện và bài học cho Việt Nam. Thực trạng hệ thống hưu trí tự nguyện ở Việt Nam hiện nay và chính sách thuế đối với chương trình hưu trí tự nguyện. Nghiên cứu giải pháp hoàn thiện chính sách thuế đối với chương trình hưu trí tự nguyện

Số hồ sơ lưu: 21925

88522.10-2023 Xây dựng các bài học điển hình có khả năng nhân rộng trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương, ngành, lĩnh vực/ Nguyễn

Quốc Anh, Trần Thị Thu Hằng; Nguyễn Quỳnh Phương; Nguyễn Quang Tuấn; Lê Thế Vinh; Hoàng Nghĩa Nam; Nguyễn Mai Hương; Chu Thùy Trang - Hà Nội - Báo Tri thức và Cuộc sống, 2023; 07/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sản xuất các ấn phẩm truyền thông các điển hình nhằm ghi nhận những đóng góp nỗ lực của các tổ chức, cá nhân, địa phương, ngành, lĩnh vực trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đồng thời đúc kết trong bài học thực tiễn có khả năng nhân rộng, truyền tải thông tin và mang lại những góc nhìn đa chiều cho cộng đồng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam. Xây dựng các ấn phẩm truyền thông về các điển hình và truyền thông; Kết nối mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Tổ chức hội nghị, hội thảo công bố truyền thông về các điển hình; Tổng hợp, đo lường và đánh giá hiệu quả dự án.

Số hồ sơ lưu: 22119

88531.10-2023 **Nghiên cứu, đề xuất phương pháp xác định và một số giải pháp quản lý chi phí quản lý vận hành nhà ở do nhà nước quản lý/** ThS. Đinh Hữu Minh, Viễn Ái Huy; Lê Hồng Vân; Nguyễn Hồng Phú; Phạm Diễm Lê; Phan Đăng Việt; Nghiêm Xuân Duy; Dương Thanh Thúy; Đinh Thị Thu Hiền; Nguyễn Hoàng Dũng; Lý Thị Thanh Hoa - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2020 - 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng phương pháp xác định và đề xuất một số giải

pháp quản lý chi phí Quản lý vận hành (QLVH) nhà ở do nhà nước quản lý được thực hiện với mục tiêu tạo lập công cụ phục vụ việc xác định chi phí QLVH nhà ở do nhà nước quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý chi phí này. Nghiên cứu, đề xuất của đề tài làm cơ sở cho việc nghiên cứu, xây dựng và ban hành văn bản mang tính pháp quy đề hướng dẫn về phương pháp xác định chi phí QLVH nhà ở do nhà nước quản lý; hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, hệ thống công cụ về nhà ở nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực nhà ở.

Số hồ sơ lưu: 22134

88667.10-2023 **Quản lý sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Đắk Nông từ năm 2004 đến năm 2020/** TS. Trương Thị Hạnh, ThS. Nguyễn Thị Lạng; PGS.TS. Phan An; PGS.TS. Ngô Minh Oanh; TS. Duong Thị Ngọc Bích; ThS. Vũ Tiến Đức; ThS. Nguyễn Tất Thịnh; ThS. Nông Thị Loan; ThS. Phan Quang Trung; ThS. Trần Văn Phúc; CN. Bùi Thị Huyền; Phạm Văn Duệ - Đắk Lắk - Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về quản lý sử dụng đất nói chung, đất nông nghiệp nói riêng; Phân tích một số yếu tố tác động đến quản lý sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và đánh giá quản lý sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm 2004 đến năm 2020; Đề xuất

một số giải pháp, kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22072

88858.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để nâng cao năng lực thanh tra ngành khoa học và công nghệ đến năm 2025/** CN. Nguyễn Văn Thành, TS. Nguyễn Như Quỳnh; TS. Đỗ Thị Minh Thủy; ThS. Lê Thị Mây; ThS. Mai Văn Cương; ThS. Trần Tiến Đạt; ThS. Đoàn Duy Hiệp; ThS. Lưu Anh Tuấn; CN. Hà Thị Giang; CN. Nguyễn Lê Đức Minh - Hà Nội - Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; 08/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra ngành KH&CN. Nghiên cứu yếu tố đặc thù trong tổ chức và hoạt động của hệ thống thanh tra ngành KH&CN. Nghiên cứu thực trạng nguồn nhân lực hệ thống thanh tra ngành KH&CN. Nghiên cứu thực trạng cơ sở vật chất của hệ thống thanh tra ngành KH&CN. Nghiên cứu thực trạng phối hợp hợp tác của các cơ quan thanh tra ngành KH&CN. Nghiên cứu việc thực hiện đề án nâng cao năng lực thanh tra tại một số bộ, ngành. Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để nâng cao năng lực thanh tra ngành KH&CN.

Số hồ sơ lưu: 21897

88878.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá, lựa chọn nhà đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo hình thức đối**

tác công tư (PPP)/ TS. Lê Văn Long, CN. Phạm Ngọc Thủy; KS. Tô Minh Thu; CN. Hoàng Kim Ngọc ; ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai ; ThS. Vũ Quyết Thắng; CN. Bùi Thị Ngọc Anh; TS .Lê Văn Cư - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 04/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng tiêu chí đánh giá, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo hình thức đối tác công tư (PPP). Thực trạng cơ chế, chính sách và thực tế về xác định tiêu chí đánh giá, phương pháp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nghĩa trang và cơ sở hỏa táng theo hình thức đối tác công tư. Đề xuất xác định tiêu chí đánh giá, phương pháp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nghĩa trang và cơ sở hỏa táng theo hình thức đối tác công tư.

Số hồ sơ lưu: 21935

88885.10-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp, cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng các tạp chí khoa học Việt Nam hướng tới chuẩn mực quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ hiện nay/** ThS. Nguyễn Thị Hải Hằng, CN. Vũ Văn Hưng; TS. Nguyễn Thị Hương Giang; CN. Phạm Thị Minh Nguyệt; CN. Lương Ngọc Quang Hưng; CN. Chu Anh Trà; TS. Phạm Gia Chương; ThS. Phí Công Thường; CN. Ninh Văn Diên; KS. Tăng Xuân Bình; CN. Hoàng Hải Yên; KS. Đoàn Đức Khải; CN. Lê Thị Bắc; CN. Khổng Thị Thanh Thảo; CN.

Đinh Thị Luận; ThS. Lưu Hoàng Linh; ThS. Đinh Phương Hoàn; ThS. Mai Hà; CN. Mai Văn Thủy - Hà Nội - Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2023; 06/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về các tiêu chí của tạp chí khoa học đạt chuẩn quốc tế. Nghiên cứu mô hình tổ chức, cơ chế vận hành, quản lý đối với một số tạp chí khoa học đạt tiêu chuẩn quốc tế ở trong và ngoài nước. Đánh giá thực trạng chất lượng, hình thức tổ chức, vận hành, quản lý của các tạp chí khoa học ở Việt Nam. Phân tích chính sách và cơ chế quản lý đối với các tạp chí khoa học ở Việt Nam. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng khoa học, mô hình tổ chức, cơ chế vận hành đối với các tạp chí khoa học Việt Nam theo chuẩn quốc tế và đề xuất hoàn thiện công tác quản lý nhà nước đối với các tạp chí khoa học Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21946

88921.10-2023 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng quy trình thực hiện và định mức kinh tế kỹ thuật cho dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước "Thông báo và Hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại"/ ThS. Nguyễn Trọng Nhân, ThS. Tôn Nữ Thục Uyên; ThS. Nguyễn Thị Mai Phương; ThS. Dương Văn Anh; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hòa; ThS. Trần Thanh Tùng - Hà Nội - Văn phòng TBT Việt Nam, 2023; 05/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá về thực trạng hoạt động trong lĩnh vực về hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Xây dựng quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động triển khai và thực thi nghĩa vụ về hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Xây dựng thông tư ban hành ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động thông báo và hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

Số hồ sơ lưu: 21956

88936.10-2023 Nghiên cứu xây dựng một số định mức dự toán dịch vụ quản lý vận hành quỹ nhà ở do nhà nước sở hữu, quản lý/ ThS. Đinh Hữu Minh, Viễn Ái Huy; Lê Hồng Vân; Nguyễn Hồng Phú; Phạm Diễm Lê; Phan Đăng Việt; Nghiêm Xuân Duy; Nguyễn Phạm Quang Tú; Trần Ngọc Sơn; Dương Thanh Thúy; Trần Ngọc Hải; Lý Thị Thanh Hoa - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan những vấn đề chung về nhà ở và quản lý, sử dụng nhà ở. Nghiên cứu thực trạng các quỹ nhà ở thuộc trách nhiệm quản lý của nhà nước hiện nay, công tác quản lý và những khó khăn trong việc xác định và quản lý chi phí quản lý vận hành đối với các quỹ nhà này. Thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập số liệu và thực hiện việc tính toán, xác định định mức dự toán đối với một số công tác quản lý vận hành nhà ở thuộc trách nhiệm quản lý của nhà nước.

Số hồ sơ lưu: 21972

88940.10-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nhà ở hiện trường của công nhân tại các công trình xây dựng/** ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan, ThS. Nguyễn Phương Anh; TS. Lê Văn Cư; ThS. Trần Thu Hoài; CN. Đỗ Khắc Quý; CN. Lê Thị Thúy; CN. Nguyễn Trọng Khánh; CN. Nguyễn Thị Chung; ThS. Đinh Hữu Minh; CN. Nghiêm Xuân Duy; CN. Nguyễn Thu Hoa; TS. Nguyễn Lương Hải - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về quản lý xây dựng nhà tạm, quản lý chi phí nhà tạm. Đánh giá thực trạng điều kiện ở công nhân xây dựng tại một số công trình. Đánh giá mối quan hệ giữa chi phí xây dựng và chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công nhằm xem xét tính phù hợp quy định về chi phí cho nhà tạm, đảm bảo việc tính toán chi phí đầu vào hợp lý và tương thích với đầu ra là chỗ ở có chất lượng tốt hơn cho công nhân. Tham khảo quy định của tổ chức nước ngoài về vấn đề nhà ở tại hiện trường cho công nhân. Đề xuất cơ chế, chính sách nhằm nâng cao điều kiện ở cho công nhân tham gia thi công xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 21975

88943.10-2023 **Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển KHCN ngành xây dựng giai đoạn 2021-2030/** TS. Nguyễn Hồng Hải, TS. Đinh Quốc Dân; TS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Nguyễn Đại Minh; TS.

Cao Duy Khôi; TS. Hoàng Mạnh; TS. Hoàng Minh Đức; TS. Lê Minh Long; TS. Trần Toàn Thắng; ThS. Nguyễn Sơn Lâm - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2016 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tình hình thực hiện chiến lược khoa học và công nghệ ngành xây dựng giai đoạn 2013-2020. Trình bày kết quả, thành tựu, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, bài học đối với sự phát triển khoa học và công nghệ ngành xây dựng. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển khoa học và công nghệ ngành xây dựng, từ đó đưa ra kinh nghiệm, bài học từ một số nước trên thế giới về chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành xây dựng. Dự thảo chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành xây dựng giai đoạn 2021 - 2030, nêu cơ sở xây dựng chiến lược; quan điểm, mục tiêu và dự thảo các nội dung của chiến lược.

Số hồ sơ lưu: 21982

88945.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn chức danh chuyên gia tư vấn trong hoạt động đầu tư xây dựng làm cơ sở xác định và quản lý chi phí tư vấn đáp ứng yêu cầu hội nhập/** ThS. Hoàng Xuân Hiệp, ThS. Phạm Xuân Hoàn; TS. Lê Văn Cư; TS. Ngô Thế Vinh; ThS. Phạm Xuân Trường; ThS. Lê Văn Thành; Đường Công Hoan; KS. Dương Thùy Nga - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về tiêu chuẩn chức danh chuyên gia tư vấn trong hoạt động xây dựng. Thực trạng các quy

định về tiêu chuẩn chức danh chuyên gia tư vấn xây dựng, xác định và quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng. Đề xuất tiêu chuẩn chức danh chuyên gia tư vấn trong hoạt động đầu tư xây dựng làm cơ sở xác định và quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 21986

88953.10-2023 **Nghiên cứu Nhà nước kiến tạo nhằm gỡ bỏ các rào cản phát triển doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam/** PGS. TS. Phan Thế Công, TS. Phạm Thị Minh Uyên; TS. Lê Mai Trang; ThS. Hồ Thị Mai Sương; ThS. Lương Nguyệt Ánh; ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền; ThS. Đặng Thanh Bình; TS. Trần Việt Thảo; TS. Tạ Quang Bình; ThS. Nguyễn Tân Cương - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về Nhà nước kiến tạo, chính phủ liên chính và xác định một số mô hình về Nhà nước kiến tạo. Xác định và phân tích các rào cản chủ yếu của nhà nước đối với các doanh nghiệp tư nhân. Nghiên cứu kinh nghiệm một số quốc gia thành công trong xây dựng Nhà nước kiến tạo và bài học cho Việt Nam. Thực trạng Nhà nước kiến tạo đối với việc hạn chế các rào cản phát triển doanh nghiệp tư nhân và đánh giá của doanh nghiệp tư nhân về Nhà nước kiến tạo Việt Nam. Đánh giá thời cơ, thách thức xây dựng nhà nước kiến tạo trong tạo lập hành lang pháp lý, quy trình quản lý trong triển khai thực hiện các thủ tục hành chính, việc triển khai thực hiện

các chính sách vĩ mô nhằm xoá bỏ rào cản đối với doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam. Đề xuất giải pháp cải tiến Nhà nước kiến tạo trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật, trong cải cách thủ tục hành chính, triển khai các chính sách phát triển vĩ mô và vĩ mô cũng như hoạt động đầu tư công nhằm hạn chế các rào cản phát triển doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22002

88983.10-2023 **Kiểm soát nội bộ doanh nghiệp nhà nước nhằm phòng, chống tham nhũng/** TS. Phạm Thị Huệ, ThS. Vũ Đức Hoan; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; Bùi Thị Mỹ Quỳnh; ThS. Hồ Thu An; CN. Trần Thị Thu Hà; CN. Trần Thị Hà; ThS. Phạm Thị Phượng; ThS. Đào Thị Thu Hà; CN. Trần Thế Hưng; CN. Vũ Thị Diễm Huyền - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2023; 04/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về doanh nghiệp nhà nước và kiểm soát nội bộ doanh nghiệp nhà nước. Mối liên hệ giữa kiểm soát nội bộ doanh nghiệp nhà nước và phòng chống tham nhũng. Thực trạng cơ sở chính trị - pháp lý và thực tiễn kiểm soát nội bộ doanh nghiệp nhà nước nhằm phòng chống tham nhũng. Đánh giá kết quả, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế và tác động của thực tiễn đối với công tác phòng chống tham nhũng trong doanh nghiệp nhà nước. Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị hoàn thiện pháp luật, chính sách nhằm thúc đẩy

doanh nghiệp nhà nước nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ nhằm phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22046

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

88093.10-2023 **Giải pháp xây dựng cán bộ công đoàn chủ chốt trong các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hiện nay/** TS. Nguyễn Thị Thanh Quý, TS. Vũ Thị Hà; TS. Lê Cao Thắng; TS. Hà Văn Sỹ; TS. Nguyễn Mạnh Thắng; TS. Cù Thị Thanh Thúy; ThS. Vũ Quỳnh Vân; ThS. Nguyễn Thị Hương Mai; TS. Phạm Thị Kim Xuyên; ThS. Bùi Mạnh Hòa; ThS. Nguyễn Ngọc Trường; TS. Phạm Phương Lan; TS. Nguyễn Việt Chiến; ThS. Nguyễn Ngọc Thọ - Hà Nội - Trường Đại học Công đoàn, 2023; 09/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng cán bộ công đoàn chủ chốt trong các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ. Phân tích thực trạng xây dựng cán bộ công đoàn chủ chốt trong các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ hiện nay. Phân tích tồn tại, hạn chế và nguyên nhân về xây dựng cán bộ công đoàn chủ chốt trong các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ hiện nay. Quan điểm, định hướng và giải pháp xây dựng cán bộ công đoàn chủ chốt trong các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hiện nay. Đề xuất, kiến nghị đối với các cấp công đoàn bổ sung và hoàn thiện các chủ

trương và các quy định của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam để xây dựng cán bộ công đoàn chủ chốt đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21993

88507.10-2023 **Nâng cao chất lượng Chuyên san "Những vấn đề lý luận" (Phục vụ lãnh đạo)/** TS. Phạm Thị Thành, ThS. Nguyễn Huyền Trang; TS. Phạm Thị Thu Huyền; TS. Tống Đức Thảo; ThS. Phùng Thị Việt Hà; ThS. Nguyễn Ngọc Lam; ThS. Chu Thị Hằng Nga; ThS. Nguyễn Thị Lệ Thủy; ThS. Hà Đỗ Quyên; ThS. Nguyễn Kim Anh; ThS. Đỗ Thị Diệp; ThS. Nguyễn Như Mai; ThS. Nguyễn Thạc Ngọc; ThS. Nguyễn Mai Phương; CN. Lê Hải Nam - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa một số vấn đề về cơ sở lý luận của việc nâng cao chất lượng Chuyên san “Những vấn đề lý luận” (Phục vụ lãnh đạo). Khảo sát thực trạng hoạt động của Chuyên san “Những vấn đề lý luận” (Phục vụ lãnh đạo); từ đó đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những điểm còn tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những thành công, hạn chế. Đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng Chuyên san “Những vấn đề lý luận” (Phục vụ lãnh đạo) đáp ứng yêu cầu mới.

Số hồ sơ lưu: 22151

88833.10-2023 **“Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Trung Quốc hiện nay và một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”/** TS. Vũ Kiều Oanh, TS. Đinh Thế Hưng;

TS. Trương Thị Thu Trang; TS. Bùi Thị Thu Hiền; ThS. Vũ Hoàng Dương; ThS. Nguyễn Thị Hồ Điệp; ThS. Trần Nguyễn Mỹ Linh; ThS. Nguyễn Thị Hà Phương; ThS. Trần Thị Kiều Nga; TS. Bùi Đức Hiền - Hà Nội - Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan một số vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát quyền lực nhà nước; Tổng quan quy định pháp luật, quy chế pháp lý về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Trung Quốc hiện nay, gắn với một số thông tin thực tiễn tìm kiếm được. Từ việc tổng quan và tìm ra những ưu việt và hạn chế của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Trung Quốc, chỉ ra cơ sở của việc áp dụng các quy định đó, đề xuất kinh nghiệm cho việc hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21856

50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội

88064.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất chính sách kiểm soát ô nhiễm vi nhựa tại Việt Nam.**/ CN. Lê Thị Nhung, ThS. Trần Thị Thu Anh; PGS. TS. Phạm Văn Lợi; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga; ThS. Phùng Đức Hòa; ThS. Hoàng Thanh Hương; ThS. Hoàng Minh Sơn; TS. Nguyễn Anh Tuấn; CN. Vũ Thị Hiền - Hà Nội - Viện Khoa học Môi trường, 2023; 10/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về ô nhiễm vi nhựa và cơ sở lý luận về chính sách kiểm soát ô nhiễm vi nhựa ở Việt Nam. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về chính sách kiểm soát ô nhiễm vi nhựa và bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam. Thực trạng ô nhiễm vi nhựa và kiểm soát ô nhiễm vi nhựa thời gian qua tại Việt Nam. Đề xuất chính sách kiểm soát ô nhiễm vi nhựa tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21964

88930.10-2023 **Đánh giá dịch vụ hệ sinh thái rừng ngập mặn tỉnh Bến Tre và Nam Định, đề xuất các giải pháp quản lý và sử dụng bền vững/** TS. Hoàng Văn Thắng, TS. Hà Thị Thu Huế; PGS. TS. Lưu Thế Anh; ThS. Bùi Thị Hà Ly; TS. Nghiêm Thị Phương Tuyền; TS. Đào Minh Trường; TS. Nguyễn Việt Lương; CN. Hoàng Hải Dương; ThS. Đỗ Văn Huỳnh; CN. Phan Hồng Anh - Hà Nội - Viện Tài nguyên và Môi trường, 2023; 10/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về các dịch vụ hệ sinh thái tại 2 điểm nghiên cứu, làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu tiếp theo. Đánh giá các dịch vụ của hệ sinh thái rừng ngập mặn tỉnh Bến Tre (Khu Bảo tồn thiên nhiên Thạnh Phú) và Nam Định (Vườn quốc gia Xuân Thủy). Đề xuất giải pháp tổng thể quản lý, sử dụng bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn tỉnh Bến Tre và Nam Định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Số hồ sơ lưu: 21969

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

88463.10-2023 **Một số vấn đề nổi bật trong phát triển kinh tế thành phố Hồ Chí Minh năm 2022/** TS. Nguyễn Lan Hương, ThS. Nguyễn Thị Vân; TS. Đỗ Lý Hoài Tân; ThS. Phan Tuấn Anh; ThS. Lê Diễm Thu - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích bối cảnh trong và ngoài nước tác động đến tình hình kinh tế thành phố Hồ Chí Minh năm 2022; Phân tích thực trạng phát triển kinh tế thành phố Hồ Chí Minh năm 2022; Phân tích và đánh giá một số vấn đề nổi bật trong quá trình phát triển kinh tế của thành phố; Đề xuất một số giải pháp và khuyến nghị giúp kinh tế thành phố phát triển mạnh và bền vững

Số hồ sơ lưu: 22349

88830.10-2023 **Phát triển du lịch sinh thái gắn sinh kế bền vững trên địa bàn phá Hạc Hải thuộc hai huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình./** ThS. Phan Nữ Ý Anh., Phan Nữ Ý Anh; Nguyễn Văn Chung; Lê Thế Lực; Trần Xuân Quang; Trần Quốc Lợi; Nguyễn Mạnh Tuấn; Nguyễn Thị Thanh Hương - Trường Đại học Quảng Bình - Trường Đại học Quảng Bình., 2023; 08/2021 - 07/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, khảo sát, xây dựng thuyết minh, dự toán kinh phí thực hiện đề tài. Tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu tài liệu tại một số cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên

quan đến đề tài. Điều tra về thực trạng DLST gắn với sinh kế tại địa bàn hai huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển du lịch sinh thái gắn với sinh kế của người dân khu vực này. Trên cơ sở các nguồn thông tin để tổng hợp, nghiên cứu, xử lý, đánh giá hình thành đề cương.

Số hồ sơ lưu: 13/2023-QLKHCN

88855.10-2023 **Ảnh hưởng văn hóa của một số tộc người ở Trung Quốc đến người Nùng và người Hmông ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng/** TS. Trần Thị Mai Lan, TS. Trần Văn Hà; ThS. Sa Thị Thanh Nga; ThS. Lục Mạnh Hùng; ThS. Lê Thị Hương; TS. Nguyễn Thị Tám - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu thực trạng văn hóa truyền thống của người Nùng và người Hmông tại các điểm được chọn nghiên cứu ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng; Tìm hiểu những chính sách có liên quan đối với vùng biên giới trong thời kỳ cải cách mở cửa của Trung Quốc và chính sách dân tộc ở vùng biên giới của Việt Nam. Nhận diện các yếu tố văn hóa của một số tộc người ở Trung Quốc đang hiện diện và xu hướng phát triển trong đời sống văn hóa tinh thần và văn hóa vật chất của các dân tộc được nghiên cứu ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng. Nhìn nhận các yếu tố thúc đẩy sự du nhập văn hóa Trung Quốc và những ảnh hưởng của nó đến đời sống kinh tế, xã hội các dân tộc thiểu số được nghiên cứu

ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng và những vấn đề đặt ra. Khuyến nghị, đề xuất chính sách bảo tồn, phát triển bền vững văn hóa của các tộc người vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc và ứng phó với ảnh hưởng của văn hóa từ Trung Quốc trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 21891

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị

87966.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất giải pháp quy hoạch, quản lý phát triển đô thị vệ tinh/** TS. Nguyễn Trung Dũng, CN. Nguyễn Thị Minh Đức; ThS. Lê Hoàng Phương; ThS. Hoàng Đình Giáp; ThS. Nguyễn Xuân Anh; ThS. Vũ Tuấn Vinh; CN. Phạm Hoàng Tú; ThS. Nguyễn Thị Hồng Diệp; CN. Phan Thanh Bích - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2020 - 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng triển khai và đề xuất mô hình, giải pháp quy hoạch và quản lý phát triển đô thị vệ tinh phù hợp với bối cảnh thực tiễn nhằm phát triển bền vững các vùng đô thị tại Việt Nam. Rà soát đánh giá việc quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch các đô thị vệ tinh tại nước ta; Đề xuất mô hình và các giải pháp quy hoạch đô thị vệ tinh phù hợp với điều kiện phát triển đô thị tại Việt Nam; Đề xuất các giải pháp quản lý phát triển đô thị vệ tinh.

Số hồ sơ lưu: 22120

87993.10-2023 **Nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trong khu vực chịu ảnh hưởng của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất - Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc./** PGS. TS. Lưu Đức Cường, ThS. Nguyễn Huy Dũng; TS. Lưu Đức Minh; ThS. Nguyễn Việt Dũng; ThS. Vũ Tuấn Vinh; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Bảo Ngọc; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Trịnh Thị Phin; ThS. Bùi Văn Phương - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2020 - 10/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng tác động, ảnh hưởng của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đối với các đô thị, điểm dân cư nông thôn vùng Trung du và Miền núi phía Bắc. Rà soát công tác quy hoạch đô thị, điểm dân cư nông thôn trong vùng chịu ảnh hưởng của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất. Đề xuất các giải pháp quy hoạch đô thị, điểm dân cư nông thôn trong khu vực chịu ảnh hưởng của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại vùng Trung du và miền núi phía Bắc nhằm phòng tránh, giảm nhẹ tác động của thiên tai, nâng cao năng lực ứng phó với tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu. Biên soạn hướng dẫn quy hoạch đô thị, điểm dân cư nông thôn trong vùng chịu ảnh hưởng của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất - Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, nhằm nâng cao vai trò, hiệu quả của quy hoạch đô thị, điểm dân cư nông thôn trong công tác phòng, chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

Số hồ sơ lưu: 22505

87999.10-2023 **Nghiên cứu, xây dựng các tiêu chí đánh giá đô thị thông minh tại Việt Nam/** PGS. TS. Lưu Đức Cường, ThS. Nguyễn Huy Dũng; ThS. Nguyễn Việt Dũng; ThS. Nguyễn Tiến Trung; ThS. Phạm Trung Quân; KS. Phạm Văn Quang; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Lê Thị Thuý Hà; ThS. Nguyễn Bảo Ngọc; ThS. Trịnh Thị Phin - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2022; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng hệ thống các tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá Đô thị thông minh và Khu đô thị mới thông minh áp dụng cho Việt Nam giai đoạn trước mắt (đến 2025), nhằm định hướng tích hợp các giải pháp phát triển đô thị thông minh trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị; Nghiên cứu, đề xuất mô hình, cơ chế, hình thức đánh giá, công nhận đô thị thông minh, làm cơ sở để tổ chức đánh giá, công bố, biểu dương khen thưởng các tổ chức cá nhân có thành tích tiêu biểu, các đô thị đã đạt được hiệu quả tích cực trong triển khai xây dựng phát triển đô thị thông minh.

Số hồ sơ lưu: 22506

88000.10-2023 **Xây dựng và cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050/** TS. Lưu Đức Minh, ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Việt Dũng; ThS. Nguyễn Huy Dũng; CN. Nguyễn Thị Hạnh; CN. Vũ Việt Hà; ThS. Phan Thị Hằng; KS. Vương Thu Hoà; ThS. Nguyễn Tiến Hùng;

ThS. Đỗ Thị Ngọc Mai; ThS. Phạm Trung Quân; ThS. Nguyễn Tiến Trung - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2021; 08/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Rà soát, đánh giá các nhiệm vụ đã được triển khai theo Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) giai đoạn 2016 – 2020. Xác định các thách thức và cơ hội của BĐKH đối với quá trình phát triển của ngành Xây dựng; cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH ngành xây dựng cho các giai đoạn tiếp 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; xây dựng các nhiệm vụ, lộ trình triển khai và nguồn lực để thực hiện kế hoạch.

Số hồ sơ lưu: 22507

88002.10-2023 **Nghiên cứu điều chỉnh hướng dẫn và xây dựng sổ tay đánh giá môi trường chiến lược cho đề án quy hoạch xây dựng./** TS. Lưu Đức Minh, ThS. Nguyễn Huy Dũng; ThS. Nguyễn Việt Dũng; ThS. Nguyễn Tiến Trung; ThS. Phạm Trung Quân; ThS. Phan Thị Hằng; ThS. Bùi Thị Hồng Hiếu; KS. Đặng Quang Huy; CN. Nguyễn Thị Hạnh; CN. Vương Thu Ho - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2020 - 10/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tình hình thực hiện, nghiên cứu điều chỉnh hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) và bảo vệ môi trường trong công tác quy hoạch xây dựng, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong công tác quy hoạch xây dựng; Đề

xuất, kiến nghị những nội dung sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật quy định, hướng dẫn ĐMC và yêu cầu bảo vệ môi trường trong công tác quy hoạch xây dựng phù hợp, đồng bộ, thống nhất; Xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện ĐMC và bảo vệ môi trường trong công tác quy hoạch xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22504

88259.10-2023 **Nghiên cứu mô hình quản lý đầu tư phát triển khu đô thị có quy mô lớn/** ThS. Lê Hoàng Trung, KTS. Bùi Minh Anh; ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; TS. Trần Ngọc Linh; ThS. Phạm Văn Thành; KS. Nguyễn Ngọc Đức; ThS. Cao Thị Thanh Phúc; ThS. Nguyễn Lan Hương; CN. Phan Thùy Linh; ThS. Trịnh Tuấn Anh - Hà Nội - Cục Phát triển đô thị, 2022; 04/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu mô hình quản lý phát triển khu đô thị có quy mô lớn để từng bước hoàn thiện hệ thống hành lang pháp lý về công tác quản lý đầu tư phát triển đô thị, cụ thể bao gồm các công tác về chủ trương đầu tư, giải phóng mặt bằng, triển khai xây dựng và bàn giao sử dụng, quản lý hành chính; Đề xuất mô hình khung chính sách và giải pháp thông minh hóa công tác quản lý phát triển đô thị nói chung và các khu đô thị có quy mô lớn nói riêng để hướng tới việc đảm bảo tính đồng bộ trong quá trình đầu tư phát triển đô thị; Đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung ban hành cơ chế chính sách nhằm hướng đến hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành đối với công tác quản lý

phát triển khu đô thị có quy mô lớn tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22541

88284.10-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế xác định và quản lý chi phí duy trì các dịch vụ công ích trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị/** TS. Lê Văn Cư, CN. Bùi Thị Ngọc Anh; ThS. Vũ Quyết Thắng; TS. Lê Văn Long; ThS. Nguyễn Đình Hiếu; KS. Tô Minh Thu; ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai; CN. Hoàng Kim Ngọc; CN. Phạm Ngọc Thủy; KS. Nguyễn Thị Thanh Hiền; ThS. Đỗ Bích Hoa - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2021; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về dịch vụ công ích đô thị và cơ chế xác định, quản lý chi phí duy trì các dịch vụ công ích trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thực trạng cơ chế xác định và quản lý chi phí duy trì dịch vụ công ích trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị; Đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế xác định và quản lý chi phí duy trì dịch vụ công ích trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Số hồ sơ lưu: 22555

88287.10-2023 **Nghiên cứu nguồn lực tài chính phát triển đô thị - trọng tâm là cơ sở hạ tầng và nhà ở/** ThS. Phạm Thị Huệ Linh, TS. Phó Đức Tùng KTS. Phạm Thị Nhâm; CN. Nguyễn Thị Tú Anh; KTS. Hà Khánh Linh; KTS. Lê Thị Thu Thương; CN. Vũ Văn Trung; CN. Lê Thúy Nga; ThS. Liêu Quang Hải; KTS. Phạm Hương Thảo; KTS. Bùi Trà My; KTS. Vũ Thị Trang;

KTS. Nguyễn Thùy Linh; KTS. Nguyễn Cảnh Toàn; KTS. Đặng Phương Thanh; PGS.TS. Vũ Cương; PGS.TS. Hoàng Thúy Nguyệt; TS. Nguyễn Thị Lan Phương; TS. Phó Đức Tùng - Hà Nội - Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia - Bộ Xây dựng, 2022; 05/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu nguồn lực tài chính cho phát triển đô thị, tập trung vào các nguồn lực tài chính để phát triển nhà ở và cơ sở hạ tầng. Đề xuất điều chỉnh cơ chế chính sách và các giải pháp về quản lý tài chính, quy hoạch và quản lý đô thị nhằm tạo nguồn lực tài chính phát triển đô thị, trọng tâm là cơ sở hạ tầng và nhà ở đô thị.

Số hồ sơ lưu: 22556

88298.10-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp thiết kế kiến trúc cảnh quan hai bên trục đường ven biển tại các đô thị du lịch vùng Nam Trung Bộ nhằm quản lý và phát triển bền vững/** ThS. Nguyễn Thị Hồng Diệp, ThS. Hoàng Thị Hương Giang; ThS. Vũ Trọng Dũng; KS. Lê Hữu Phúc; ThS. Phan Thị Vân Anh; KS. Lê Thị Linh; KTS. Nguyễn Đức Linh - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2020 - 06/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu giải pháp thiết kế cảnh quan cho tuyến cảnh quan ven biển nhằm đáp ứng khả năng khai thác về kinh tế- xã hội, phát triển du lịch cũng như gìn giữ về bản sắc văn hóa địa phương, đảm bảo hình ảnh đô thị văn minh, hiện đại; Gìn giữ, khai thác hiệu quả và phát huy các

thế mạnh của tuyến đường ven biển trong hệ thống du lịch biển của khu vực Nam Trung Bộ, nhằm đem lại lợi ích thiết thực về phát triển kinh tế để nâng cao đời sống của cư dân địa phương, nâng cao giá trị thẩm mỹ, hình ảnh tuyến cảnh quan ven biển của khu du lịch vùng biển Nam Trung Bộ; Đáp ứng nhu cầu về phát triển đô thị bền vững, công trình công cộng, thương mại, nhu cầu ở mới, tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho khu vực từ khai thác hợp lý quỹ đất hướng tới sự phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 22560

88462.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để cung cấp luận cứ cho việc sửa đổi bổ sung quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị/** ThS. Cao Sỹ Niêm, ThS. Lê Thị Thúy Hà; TS. Nguyễn Trung Dũng; ThS. Bùi Văn Phương; ThS. Phạm Ngọc Hiến; ThS. Mai Đức Thanh; KS. Lê Thị Linh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Diệp; ThS. Nguyễn Thị Song Hà; KTS. Diệp Sơn Tùng; KS. Đỗ Văn Thịnh; KS. Vũ Trọng Hùng; ThS. Phạm Trung Quân; ThS. Đỗ Cao Duy; ThS. Nguyễn Vũ Như Nguyên - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2022; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tổng quan về công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn hiện nay tại Việt Nam. Nghiên cứu, đánh giá kinh nghiệm quốc tế để cung cấp luận cứ cho việc sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật trong lĩnh

vực quy hoạch đô thị và nông thôn. Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Số hồ sơ lưu: 22351

88504.10-2023 **Nghiên cứu đề xuất nội dung quy hoạch không gian ngầm trong quy chuẩn quy hoạch xây dựng/** TS. Vũ Tuấn Vinh, TS. Nguyễn Văn Minh; ThS. Hoàng Thị Hương Giang; ThS. Nguyễn Hồng Vân; ThS. Nguyễn Xuân Anh; KS. Lê Thanh Bình; KS. Trương Công Thành; TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị. Xây dựng cơ sở khoa học về quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị.. Đề xuất nội dung quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị để bổ sung và quy chuẩn quy hoạch xây dựng. Nghiên cứu đề xuất quy trình và nội dung quy hoạch và quản lý không gian ngầm (KGN) đô thị theo đề án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt. Nghiên cứu đề xuất các nội dung về quy hoạch KGN đô thị cần bổ sung vào hệ thống văn bản pháp quy, quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng: Các tiêu chí, chỉ tiêu về sử dụng đất không gian công cộng ngầm; Các tiêu chí, chỉ tiêu về quy hoạch công trình giao thông ngầm đô thị; Các yêu cầu về kiến trúc cảnh quan, môi trường KGN công cộng đô thị; Các yêu cầu về kết

nội KGN và không gian trên mặt đất.

Số hồ sơ lưu: 22165

50801. Báo chí

88677.10-2023 **Nghiên cứu xây dựng Tạp chí Nuclear Science and Technology của ngành năng lượng nguyên tử đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế/** TS. Phạm Kim Long, ThS. Trần Thị Hồng Thái; ThS. Nguyễn Tấn Lực; ThS. Lê Thúy Mai; ThS. Mai Thị Kim Tuyết - Hà Nội - Văn phòng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng Tạp chí Nuclear Science and Technology theo chuẩn quốc tế nhằm từng bước tăng cường chỉ số ảnh hưởng, tiến tới xây dựng tạp chí nằm trong hệ thống các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế. Xây dựng hệ thống xuất bản trực tuyến và hệ thống định danh số (DOI) cho các ấn phẩm khoa học được công bố trên Tạp chí Nuclear Science and Technology theo chuẩn quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 22086

88818.10-2023 **Biên soạn từ điển thuật ngữ báo chí tiếng Việt/** TS. Quách Thị Gấm, TS. Lê Thị Hải Chi; ThS. Trịnh Thị Thu Hiền; ThS. Hà Thị Quế Hương; ThS. Dương Thị Dung; TS. Nguyễn Huy Bình; PGS.TS. Phạm Văn Tình; TS. Phạm Văn Thấu - Hà Nội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đề tài hướng đến biên soạn một công cụ tra cứu toàn diện và hệ thống dưới dạng một cuốn từ điển giải thích các thuật ngữ báo chí, nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu, tìm hiểu về các tri thức trong ngành báo chí của những người hoạt động trong nghề báo và đông đảo độc giả quan tâm về lĩnh vực báo chí. Trong đó, có sự tiếp nhận tri thức nhân loại, đồng thời giới thiệu, tổng kết các tri thức chuyên ngành báo chí được thể hiện thông qua hệ thống khái niệm khoa học báo chí.

Số hồ sơ lưu: 21843

50802. Thông tin học

88873.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất xây dựng quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành/** ThS. Vũ Thùy Trang, KS. Nguyễn Minh Chiến; ThS. Võ Thị Thu Hà; ThS. Phùng Công Định; CN. Nguyễn Thị Thanh Mai; KS. Hoàng Mạnh Tuấn; KS. Trần Mai Lan; ThS. Dương Thị Phương; ThS. Nguyễn Hồng Hạnh - Hà Nội - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2023; 07/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Nội dung quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đặc biệt là Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà

nước. Kinh nghiệm quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu quốc gia và quốc tế về khoa học và công nghệ trên thế giới. Đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 21926

88918.10-2023 **Nghiên cứu, làm chủ công nghệ phần mềm mã nguồn mở Open Journal System để áp dụng xây dựng các tạp chí điện tử/** ThS. Vũ Mạnh Cường , Phạm Thanh Sơn; Trần Đức Phương; Trần Mai Lan ; Ngô Văn Tĩnh ; Vũ Thế Trung; Cao Minh Vũ ; Cao Đức Minh; Dương Thị Bình ; Lê Thị Hoa; Nguyễn Thị Tú Quyên ; Trịnh Chí Công - Hà Nội - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2023; 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động xuất bản mở. Khảo sát thực trạng ứng dụng phần mềm quản lý, xuất bản tạp chí mở tại Việt Nam và thế giới. Nghiên cứu công nghệ nền tảng xây dựng phần mềm mã nguồn mở. Cơ sở khoa học và đề xuất phương án chuyển đổi, nâng cấp Cơ sở dữ liệu cho phần mềm OJS tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Phân tích các yêu cầu về giao diện chạy trên các thiết bị di động cho phần mềm OJS và thiết kế chi tiết hệ thống các module bổ sung cho phần mềm OJS

tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Cơ sở khoa học và đề xuất phương án Việt hóa phần mềm OJS tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Triển khai thí điểm phần mềm OJS nâng cấp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Tạp chí Khoa học và Xã hội Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21951

88922.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất yêu cầu đối với nguồn thông tin đầu vào và cơ chế vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ/** ThS. Phùng Công Định; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng; ThS. Vũ Mạnh Cường; KS. Nguyễn Minh Chiến; KS. Trần Mai Lan; ThS. Nguyễn Hồng Hạnh; KS. Nguyễn Tuấn Hải; ThS. Võ Thị Thu Hà; ThS. Trần Đức Phương; ThS. Vũ Thùy Trang - Hà Nội - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2023; 07/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan và hiện trạng xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia. Cơ sở pháp lý liên quan đến xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Cơ sở pháp lý liên quan đến an toàn an ninh, bảo mật thông tin, dữ liệu. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Xây dựng yêu cầu cho nguồn dữ liệu đầu vào của cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Đề xuất cách thức vận hành hệ thống và trách nhiệm của các đơn vị

liên quan trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Đề xuất các quy định về an toàn, an ninh, sao lưu dự phòng, bảo mật dữ liệu cho cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 21957

599. Khoa học xã hội khác

87727.10-2023 **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát huy vai trò đội ngũ nữ trí thức tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh hiện nay/** TS. Vũ Thị Nghĩa, TS. Nguyễn Thị Thu Lan ThS. Đỗ Thị Thu Phương; ThS. Lê Thị Cát Hoa; TS. Phan Công Khanh; TS. Lê Quang Cần; ThS. Lê Thị Thái; NCS. Nguyễn Thị Hằng; NCS. Nguyễn Hồ Xuân Hương; ThS. Hoàng Thị Lại; ThS. Nguyễn Thị Bạch Mai; ThS. Đặng Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thành Văn; ThS. Tạ Văn Soát; ThS. Đặng Thị Yên; ThS. Vũ Thị Ngọc Liên; ThS. Vũ Thị Hồng; ThS. Ngô Minh Vương; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hiền; ThS. Vũ Thị Chiêu; ThS. Nguyễn Thị Hải Anh Hà; ThS. Tào Thị Thoa; CN. Ma Thị Thêm. - Đồng Nai - Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai, 2023; 11/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở khái quát một số vấn đề lý luận và thực tiễn về vai trò của ĐNNTT, đề tài tập trung nghiên cứu, khảo sát thực trạng vai trò của ĐNNTT tỉnh Đồng Nai, từ đó đề xuất hệ thống các giải pháp phát huy vai trò của ĐNNTT tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh hiện nay. Phân tích quá trình hình thành, đặc điểm, vai trò và các tiêu chí đánh giá vai trò

của ĐNNTT tỉnh Đồng Nai. đánh giá khách quan, toàn diện thực trạng vai trò của ĐNNTT tỉnh Đồng Nai; xác định luận giải các nguyên nhân, các yếu tố tác động đến thực trạng. đề xuất hệ thống các giải pháp để phát huy vai trò của ĐNNTT tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh hiện nay. xây dựng mô hình “Nữ trí thức tham gia tư vấn, phản biện, giám định. xã hội trên các lĩnh vực Kinh tế - Xã hội và giới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”.

Số hồ sơ lưu: DNI-2023-03

6. Khoa học nhân văn

60101. Lịch sử Việt Nam

88886.10-2023 **Thủy nông Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945/** TS. Bùi Thị Hà, ThS. Trương Thị Phương; ThS. Trần Thị Thanh Huyền; ThS. Đỗ Xuân Trường; ThS. Trương Thị Hải; ThS. Nguyễn Văn Biều - Hà Nội - Viện Sử học, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu bối cảnh Việt Nam qua các giai đoạn và phân tích chính sách của thực dân Pháp đối với vấn đề thủy nông, vốn đầu tư, cơ quan quản lý, tổ chức. Phân tích quá trình xây dựng và hoạt động của hệ thống thủy nông Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945 bao gồm mạng lưới thủy nông, nhân lực xây dựng và biện pháp kỹ thuật, hiệu quả của các công trình thủy nông. Đánh giá tác động của thủy nông tới đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945.

Số hồ sơ lưu: 21947

88944.10-2023 **Làng xã Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ đất nước từ thế kỷ X đến thế kỷ XV/** TS. Lê Thuỳ Linh, ThS. Nguyễn Văn Bảo; PGS. TS. Nguyễn Đức Nhuệ; TS. Ngô Vũ Hải Hằng; TS. Lê Quang Chấn; TS. Trịnh Thị Hà; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương - Hà Nội - Viện Sử học, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan địa bàn cư trú của các tộc người ở Việt Nam trong khoảng thời gian từ thế kỷ X đến thế kỷ XV. Làng xã người Việt trong sự nghiệp bảo vệ đất nước trong thời gian từ thế kỷ X đến thế kỷ XV. Trang, sách, động, bản, mừng của các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp bảo vệ đất nước từ thế kỷ X đến thế kỷ XV. Một số căn cứ địa, làng kháng chiến trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm từ thế kỷ X đến thế kỷ XV.

Số hồ sơ lưu: 21985

88947.10-2023 **Nông thôn Nam Kỳ từ năm 1858 đến năm 1945/** TS. Trần Thị Phương Hoa, ThS. Trần Thị Thanh Huyền; TS. Nguyễn Thị Lệ Hà; ThS. Đỗ Xuân Trường; ThS. Trương Thị Hải - Hà Nội - Viện Sử học, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định tổ chức nông thôn qua đại diện là tổ chức làng xã, vai trò của hệ thống quyền lực xã thôn trong quản lý nông thôn Nam Kỳ. Làm rõ các chính sách kinh tế, xã hội và văn hoá đối với khu vực nông thôn Nam Kỳ. Thực tiễn diễn ra ở nông thôn Nam Kỳ trong lĩnh vực kinh tế, chủ yếu đối với việc sở hữu đất đai, hoạt

động nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nghề cá. Nghiên cứu đời sống văn hoá-xã hội ở nông thôn Nam Kỳ qua một số lĩnh vực như giáo dục, y tế, đời sống văn hoá (lễ hội, phong tục tập quán).

Số hồ sơ lưu: 21989

60103. Khảo cổ học và tiền sử

88879.10-2023 **Báo cáo tổng quan kết quả khai quật, nghiên cứu khảo cổ học khu di tích Nền Chùa (xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang) năm 2018 - 2020/** PGS. TS. Bùi Minh Trí, Lại Văn Tới; Lê Đình Ngọc; Ngô Văn Cường; Đỗ Trường Giang; Nguyễn Thị Hồng Lê; Nguyễn Đình Thuyết; Đỗ Thị Hồng Nhung - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2023; 06/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khai quật, nghiên cứu khảo cổ học khu di tích Óc Eo - Ba Thê (An Giang) và Nền Chùa (Kiên Giang) nhằm làm rõ giá trị của văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ. Cung cấp cơ sở khoa học cho việc quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị cũng như công tác xây dựng hồ sơ đề cử UNESCO xem xét công nhận vùng văn hóa Óc Eo - Ba Thê và Nền Chùa là di sản văn hóa thế giới.

Số hồ sơ lưu: 21937

88956.10-2023 **Dự án "Chỉnh lý, nghiên cứu, đánh giá giá trị và lập hồ sơ khoa học khu di tích Hoàng thành Thăng Long, năm 2022"/** PGS. TS. Bùi Minh Trí, Đỗ Trường Giang; PGS. TS. Lại Văn Tới; TS. Ngô Văn Cường; TS.

Nguyễn Doãn Minh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Lê; ThS. Nguyễn Thị Anh Đào; CN. Nguyễn Thanh Hà; CN. Cao Thị Huyền; CN. Lê Đình Ngọc - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Kinh thành, 2023; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phân loại chính lý và lập hồ sơ khoa học về toàn bộ di vật của khu di tích Hoàng thành Thăng Long khai quật được tại 18 Hoàng Diệu (khu ABCD) năm 2002-2004 và khu vực xây dựng Nhà Quốc hội (khu E) năm 2008-2009. Nghiên cứu so sánh thông qua các chương trình điều tra, khai quật khảo cổ học tại các địa phương để thu thập tư liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu về đặc trưng, niên đại, nguồn gốc, tính chất, chức năng của các loại hình di tích, di vật phục vụ cho công tác nghiên cứu xác định niên đại, nguồn gốc, chức năng về di tích, di vật của khu di tích Hoàng thành Thăng Long có cơ sở khoa học, đảm bảo chất lượng và hiệu quả khi phân tích đánh giá giá trị và lập hồ sơ khoa học.

Số hồ sơ lưu: 22006

88980.10-2023 **Nghiên cứu đồ gốm Óc Eo bằng phương pháp huỳnh quang tia X/** PGS. TS. Nguyễn Quang Miên, ThS. Lê Cảnh Lam; PGS. TS. Trình Năng Chung; PGS. TS. Bùi Văn Loát; ThS. Nguyễn Thị Thúy; TS. Lê Hải Đăng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hiếu; CN. Nguyễn Thị Lan - Hà Nội - Viện Khảo cổ học, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về đồ gốm Óc Eo dưới góc độ kỹ thuật học. Tổng quan về phương pháp huỳnh quang tia X xác định hàm lượng các nguyên tố trong mẫu gốm. Xây dựng quy trình thực hành phân tích mẫu gốm bằng phương pháp huỳnh quang tia X tại phòng thí nghiệm. Thành phần vật liệu, nguồn gốc và kỹ thuật sản xuất đồ gốm Óc Eo.

Số hồ sơ lưu: 22042

60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam

88031.10-2023 **Nghiên cứu nghề đan lát truyền thống của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ từ cách tiếp cận Nhân học bảo tàng/** PGS. TS. Trần Hồng Hạnh, ThS. Lê Thị Thanh Thủy; TS. Vũ Hồng Thuật; TS. Hoàng Thị Tố Quyên; TS. Lê Anh Hòa; ThS. Lê Tùng Lâm; CN. Hoàng Đức - Hà Nội - Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu cơ sở hình thành, tồn tại, phát triển và vai trò của nghề đan lát của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ; Tìm hiểu thực trạng nghề đan lát truyền thống ở châu thổ Bắc Bộ thông qua tổng quan tài liệu, nghiên cứu trên thực địa và nghiên cứu các sản phẩm đan lát của người Việt được trưng bày và lưu giữ tại kho của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam; Đề xuất khuyến nghị và giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển nghề đan lát truyền thống ở châu thổ Bắc Bộ; Cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn

cho việc xây dựng một Đề xuất ý tưởng nội dung trưng bày về nghề đan lát truyền thống của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ, nhằm góp phần bảo tồn, tôn vinh, giới thiệu và quảng bá nghề đan lát và những sản phẩm đan lát tiêu biểu, đặc sắc của các cộng đồng cư dân được lựa chọn giới thiệu. Đề xuất này dự kiến được cân nhắc ứng dụng trong trưng bày về nghề đan lát truyền thống của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và/hoặc ở các bảo tàng trong nước/quốc tế (nếu có điều kiện).

Số hồ sơ lưu: 22522

88239.10-2023 **Luận cứ khoa học về xây dựng môi trường văn hóa/** PGS. TS. Bùi Hoài Sơn, GS.TS. Từ Thị Loan; TS. Nguyễn Văn Lưu; ThS. Trần Thị Hiền; ThS. Ninh Thị Thu Hương; TS. Trịnh Ngọc Chung; ThS. Nguyễn Thúy Hiền; CN. Nguyễn Thị Thanh Phương - Hà Nội - Viện văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2023; 01/2021 - 02/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng môi trường văn hóa ở Việt Nam trong các lĩnh vực văn hóa, du lịch và thể thao; Nhận diện mối quan hệ giữa xây dựng môi trường văn hoá với phát triển kinh tế - xã hội, phát triển văn hoá và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Đề xuất bộ tiêu chí chung về xây dựng môi trường văn hóa trong các lĩnh vực văn hóa, du lịch và thể thao và giải pháp xây dựng môi trường văn

hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Số hồ sơ lưu: 22535

88286.10-2023 **Văn hóa nông thôn vùng Đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam giai đoạn 1986-2020/** ThS. Bùi Thị Minh Phượng, ThS. Bùi Thị Hồng; PGS.TS. Phạm Thái Việt; PGS.TS. Phạm Văn Dương; TS. Phạm Thị Chuyền; ThS. Nguyễn Thu Nguyệt; ThS. Lại Thanh Bình; ThS. Lưu Thị Thu Thủy; BTV. Hà Quỳnh Hoa; ThS. Bùi Đức Mậu; Hoàng Thị Thu Hường - Hà Nội - Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số lý luận cơ bản về văn hóa nông thôn; Tổng quan về văn hóa sinh kế vùng nông thôn Đồng bằng Bắc bộ giai đoạn 1986-2020; Nghiên cứu tín ngưỡng, lễ hội vùng nông thôn Đồng bằng Bắc bộ giai đoạn 1986-2020; Phong tục, tập quán vùng Đồng bằng Bắc bộ giai đoạn 1986- 2020; Văn hóa dòng họ vùng đồng bằng Bắc Bộ giai đoạn 1986-2020; Đánh giá về khối lượng thông tin đã khảo sát, chỉ ra được nghiên cứu mới hay khoảng trống trong nghiên cứu về văn hóa nông thôn vùng Đồng bằng Bắc bộ giai đoạn 1986-2020.

Số hồ sơ lưu: 22523

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

88240.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xác định nội dung giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ; xác**

định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; và cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao/ ThS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp, ThS. Bùi Văn Hùng; TS. Nguyễn Sỹ Đăng; ThS. Lương Thị Thu Hương; Đỗ Thanh Tùng; ThS. Ngô Thị Vân; ThS. Đặng Quốc Huy; ThS. Nguyễn Thị Nga; ThS. Nguyễn Ngọc Vinh; CN. Đặng Thùy Linh - Hà Nội - Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đề xuất các nội dung quy định về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ; xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; xem xét, cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao để triển khai thực hiện quy định của Luật Đầu tư năm 2020 và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Số hồ sơ lưu: 22534

88516.10-2023 **Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở một số nước châu Á: Kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Hồng Thu, TS. Nguyễn Thị Hồng Tâm; PGS.TS. Phạm Thị Thanh Bình; ThS. Hoàng Thị Hồng Minh; ThS. Nguyễn Thanh Nhã;

ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; CN. Trần Thị Thu Thủy; Nguyễn Hải Quân - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (HSTKN ĐMST) tạo của một số nước châu Á, qua đó rút ra bài học và đưa ra một số hàm ý chính sách phát triển HSTKN ĐMST cho Việt Nam. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển HSTKN ĐMST. Xem xét thực trạng và các chính sách phát triển HSTKN ĐMST của Singapore, Trung Quốc và Ấn Độ; qua đó so sánh, đánh giá các HSTKN ĐMST của các nước và rút ra bài học kinh nghiệm về phát triển HSTKN ĐMST. Phân tích đánh giá thực trạng phát triển HSTKN ĐMST của Việt Nam và đề xuất một số hàm ý chính sách phát triển HSTKN ĐMST cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22133

88529.10-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng đề án thu hút và phát huy có hiệu quả các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài/** ThS. Ninh Thị Huy Hoàng, ThS. Hà Thị Lâm Hồng; ThS. Lưu Nam Phương; ThS. Tô Mai Trinh; ThS. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Trần Thị Thúy; CN. Đinh Quý Cương; ThS. Phạm Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà; ThS. Nguyễn Đức Minh; ThS. Nguyễn Hương Thu; ThS. Nguyễn Lê Toàn; CN. Trần Văn Hưng; CN. La Thị Mỹ Anh; CN. Đỗ Xuân Anh; CN. Đinh Việt

Dũng - Hà Nội - Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, 2023; 11/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nguồn nhân lực KH&CN của Việt Nam và vai trò của lực lượng trí thức, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài. Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng, tiềm năng, mạng lưới các trí thức, nhà khoa học, chuyên gia là người Việt Nam ở một số nước trên thế giới và khuyến nghị. Tổng quan tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về thu hút, sử dụng nguồn nhân lực KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về chính sách thu hút, sử dụng, khai thác nguồn nhân lực KH&CN ở nước ngoài. Phương hướng thu hút, sử dụng, phát huy có hiệu quả nguồn nhân lực KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài.

Số hồ sơ lưu: 22114

88530.10-2023 **Nghiên cứu và xây dựng đề án thành lập Trung tâm xuất sắc về đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất/** Thạc sỹ.Cao Hoàng Long, ThS. Phan Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Phương Nhung; ThS. Nguyễn Thúy Nga; ThS. Đặng Mai Phương; CN. Nguyễn Phương Mai; CN. Trịnh Quỳnh Trang - Hà Nội - Viện Năng suất Việt Nam, 2020 - 05/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng Đề án thành lập COE về đổi mới sáng tạo (ĐMST) thúc đẩy năng suất quốc gia trình Bộ Khoa học và Công nghệ . Làm rõ cơ sở lý luận , thực tiễn và đề xuất các giải pháp để hình thành tổ chức hạt

nhân thức đẩy nghiên cứu về nâng cao năng suất dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, làm đầu mối kết nối các tổ chức trong mạng lưới APO. Xác định được mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ, cơ chế hoạt động và lộ trình thực hiện,.. để hình thành và phát triển COE về ĐMST thúc đẩy năng suất. Lợi ích của COE ĐMST đóng góp cho thúc đẩy năng suất ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22115

88670.10-2023 **Nghiên cứu hiện trạng hoạt động và xu thế phát triển của một số viện nghiên cứu công ở Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh , ThS. Nguyễn Thị Minh Nga ; TS. Nguyễn Việt Hòa ; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh ; ThS. Cao Thị Thu Anh ; CN. Nguyễn Thị Thùy Linh; ThS. Đặng Thu Minh ; ThS. Nguyễn Hồng Anh; TS. Nguyễn Thúy Hiền - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2022; 06/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Viện nghiên cứu công trong khuôn khổ nhiệm vụ nghiên cứu này được hiểu là tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công lập (NC&PT), có chức năng chính là tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được tổ chức dưới các hình thức viện, trung tâm, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thử nghiệm và hình thức khác. Khảo sát, phân tích được hiện trạng hoạt động của một số viện nghiên cứu công. Dự báo xu thế phát

triển của một số viện nghiên cứu công ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22075

88876.10-2023 **Phân tích đánh giá chỉ tiêu nhân lực tương đương toàn thời phù hợp với chuẩn quy đổi trong nước và quốc tế**/ ThS. Nguyễn Minh Ngọc, CN. Phan Mai Anh; KS. Tào Hương Lan; ThS. Nguyễn Hữu Hương; CN. Thái Thị Hương Lài; ThS. Đỗ Quang Khải; CN. Vũ Thị Ngọc; CN. Vi Thị Thanh Thủy - Hà Nội - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2023; 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phân tích đánh giá chỉ tiêu nhân lực tương đương toàn thời. Đánh giá thực trạng việc thu thập tính toán chỉ tiêu nhân lực tương đương toàn thời gian. Hoàn thiện thu thập thông tin và phương pháp tính FTE để phù hợp với điều kiện hiện nay. Tổ chức thu thập thông tin để xác định quy đổi tương đương toàn thời (FTE) theo từng nhóm đối tượng. Phân tích đánh giá và đề xuất phương pháp tính FTE cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 21930

88882.10-2023 **Quản trị sở hữu trí tuệ của các doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam**/ PGS. TS. Lê Thị Thu Hà, TS. Nguyễn Ngọc Hà; TS. Nguyễn Hoàng Hạnh; TS. Hoàng Ngọc Thuận; ThS. Nguyễn Hữu Thật; ThS. Cù Thị Ái Lê; ThS. Đào Trung Kiên; ThS. Lê Thị Thu Hương; ThS. Hoàng Thị Hải Yến; CN. Lương Thị Đài Trang - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương,

2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về quản trị sở hữu trí tuệ và doanh nghiệp khởi nghiệp. Đánh giá hoạt động quản trị sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp Việt nam theo bốn bước: Nhận thức, đăng ký, khai thác và bảo vệ. Đánh giá hệ thống quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam. Nghiên cứu tình hình quản trị sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam. Đánh giá xu hướng khởi nghiệp trên thế giới, từ đó đề ra những hướng đi mới trong quản trị sở hữu trí tuệ tại Việt Nam. Đề xuất các giải pháp thúc đẩy hoạt động quản trị sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21940

88933.10-2023 **Kinh nghiệm phát triển các ngành công nghệ cao của bang California và hàm ý cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Minh Tuấn, TS. Lê Thị Vân Nga; TS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Đinh Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Thuý Quỳnh; ThS. Trần Mạnh Tùng; ThS. Vũ Thái Hà; CN. Ngô Thị Nguyệt; CN. Nguyễn Thị Hương - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Châu Mỹ, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cấu trúc các ngành công nghệ cao ở California. Tiến trình phát triển các ngành công nghệ cao ở California. Vai trò của chính quyền liên bang và chính quyền California về các ngành công nghệ cao và vai trò của thị trường tới phát triển các ngành công nghệ cao. Một số đánh giá về phát triển các ngành công

nghệ cao và triển vọng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao của California. . Khái quát thực trạng khoa học công nghệ hiện nay và một số hàm ý cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21970

88937.10-2023 **Nghiên cứu, điều tra phân tích nhu cầu ứng dụng công nghệ thông qua khai thác sáng chế trong khai thác và bảo quản hải sản/** ThS. Đỗ Thị Thùy Dương, CN. Đỗ Thị Quỳnh Anh; CN. Nguyễn Thị Thu; ThS. Phùng Minh Hải; ThS. Trương Nguyệt Ánh; ThS. Nguyễn Công Đức; ThS. Hà Diệu Linh; ThS. Nguyễn Ngọc Chiến; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến - Hà Nội - Viện Nghiên cứu sáng chế và khai thác công nghệ, 2023; 06/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về khai thác, phân tích thông tin sáng chế phục vụ ứng dụng công nghệ. xu hướng công nghệ trong lĩnh vực khai thác và bảo quản hải sản trên thế giới và Việt Nam dựa trên phân tích sáng chế. Thực trạng ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực khai thác và bảo quản hải sản ở Việt Nam. Đề xuất một số hoạt động hỗ trợ khai thác sáng chế phục vụ ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực khai thác và bảo quản hải sản.

Số hồ sơ lưu: 21974

89244.10-2023 **Nghiên cứu năng lực công bố quốc tế và đề xuất một số chính sách phát triển khoa học, công nghệ cho các trí thức trẻ tại Việt Nam/** PGS. TS.

Trần Xuân Bách, ThS. Nguyễn Hoàn Long; TS. Nguyễn Minh Triết; ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo; ThS. Kim Ngọc Thanh Nga; BS. Nguyễn Trần Hải Anh; ThS. Đỗ Linh Anh; ThS. Vũ Thu Giang; ThS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Vũ Gia Linh - Hà Nội - Hội Thầy thuốc trẻ Việt Nam, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành nhằm xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn, đánh giá quá trình phát triển nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế theo từng lĩnh vực của các Trường Đại học ở Việt Nam, phân tích một số xu hướng tăng trưởng và đề xuất một số chính sách thúc đẩy NCKH trong các nhà khoa học trẻ. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp đề xuất những giải pháp và can thiệp phù hợp, hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế cho các nhà khoa học trẻ. Đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua số lượng và cơ cấu các công bố quốc tế của các Trường Đại học tại Việt Nam. Phân tích một số xu hướng phát triển nghiên cứu khoa học ở các Trường Đại học Việt Nam. Đề xuất một số chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học cho các giảng viên trẻ ở Việt Nam. Nghiên cứu năng lực công bố quốc tế và đề xuất một số chính sách phát triển khoa học, công nghệ cho các trí thức trẻ tại Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22163

60305. Nghiên cứu tôn giáo

87952.10-2023 **Biến đổi tín ngưỡng truyền thống của Dân tộc Hmông, Dao ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang/** TS. Trịnh Thị Lan, TS. Lý Hành Sơn; TS. Trần Thị Hồng Yến; ThS. Lê Trần Quyên; ThS. Vương Ngọc Thi - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ sự biến đổi tín ngưỡng của hai dân tộc Hmông và Dao ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang góp phần bảo tồn văn hóa truyền thống, đảm bảo sự ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng này. Phân tích thực trạng, nguyên nhân, xu hướng biến đổi và các vấn đề đặt ra của tín ngưỡng truyền thống hai dân tộc Hmông, Dao ở tỉnh Hà Giang; đánh giá tác động của sự biến đổi đến gìn giữ văn hóa truyền thống, đảm bảo ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, đưa ra một số khuyến nghị, giải pháp nhằm phát huy những yếu tố tích cực của tín ngưỡng truyền thống, và quản lý tốt hơn trong lĩnh vực tôn giáo tín ngưỡng tại vùng biên giới tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: 22152

Phụ lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục

Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934-9116; Fax: 024-3934-9127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 024-3934-9119*